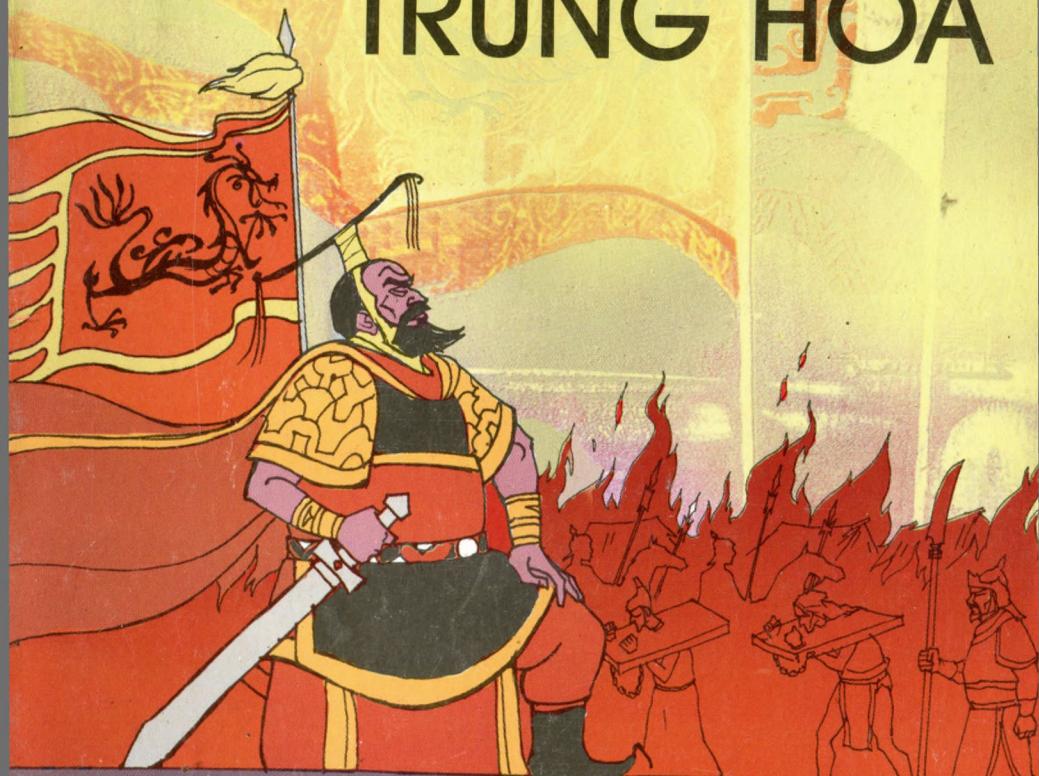


ĐÔNG A SÁNG

Bạo chúa

TRUNG HOA



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

ĐÔNG Á SÁNG
(Dịch và Biên soạn)

Bạo chúa TRUNG HOA

(Tái bản lần thứ nhất)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục

11-2008/CXB/824-2097/GD

Mã số: PNK03b8-TTS

LỜI NÓI ĐẦU

Bạn đọc thân mến !

Gần đây, các sử gia khẳng định : trải qua trên dưới 5000 năm lịch sử, Trung Hoa có đến hàng vạn Đế Vương. Trong số những Đế Vương ấy, minh quân thì nhiều mà bạo chúa cũng lắm. Thói thường, những vị minh quân viết nên những trang sử huy hoàng thì những bạo chúa lại vẽ nên những bức tranh ám đạm, đen tối.

Cuốn sách này giới thiệu đến quý bạn đọc các bạo chúa từ nhà Hạ, nhà Thương đến nhà Minh, nhà Thanh.

Mỗi bạo chúa tuy ở mỗi thời đại khác nhau, tính cách khác nhau, sự tàn bạo cũng khác nhau, nhưng có điểm chung nhất là các bạo chúa đã gây ra biết bao nhiêu tội ác, gieo tang tóc đau thương cho dân tộc họ, cả thân xác cũng như tinh thần, đôi khi còn đem đến sự diệt vong của cả một triều đại.

Lịch sử là một quá trình phát triển của một dân tộc, quá trình ấy đã để lại cho hậu thế những bài học hay hoặc những bài học cay đắng, ngậm ngùi... xét cho cùng đó đều là những bài học quý được kết tụ từ mồ hôi, nước mắt, xương máu của bao đời.

Tuy sách đê cập đến những trang sử đầy bi kịch, đen tối, ảm đạm... nhưng người đọc vẫn thấy những tia sáng, những ước mơ về một đất nước có người cầm quyền sáng suốt, nhân từ, đem an bình, hạnh phúc cho mọi người.

Từ trong đại ngàn sách vở Trung Hoa, chúng tôi cố gắng gop nhặt, dịch thuật, biên soạn cuốn sách này để mang đến bạn đọc một góc nhìn khác về các Đế Vương, về con người và đất nước Trung Hoa.

Sách được viết theo lối văn sử, giàu tính chất văn chương, nhưng tính chính xác, chân thực của sử liệu không vì thế mà bị giảm đi.

Có người cho rằng, miệt mài gop nhặt chuyện của mấy ngàn năm lịch sử vào trong mấy trăm trang sách là một việc dại khờ, như đai cát tìm vàng bên dòng sông thời gian vô tận, đầy sóng gió, phế hưng bất trắc. Nói vậy, cũng để bạn đọc thông cảm cho người viết sách, nếu như sách còn nhiều thiếu sót.

Đông Á Sáng

Chương một

NHÀ HẠ và NHÀ THƯƠNG TỔ TIÊN CỦA NHỮNG BẠO CHÚA

Nhà Hạ

Nhà Hạ do tù trưởng bộ lạc Hạ là Tự Văn Minh, thời Hoàng đế, cùng con trai là Tự Khởi Cộng sáng lập.

Nhà Hạ kéo dài gần 500 năm (2033 – 1562 TCN), tổng cộng có 18 đời. Dòng họ Tự có 13 vị nối ngôi cha, hai vị nối ngôi anh, một vị nối ngôi anh em họ, hai lần bị người ngoài cướp ngôi, cai trị 40 năm.

Có sử gia chỉ tính 16 đời vua nhà Hạ, 40 năm còn lại gọi là không có vua.

Vị vua cuối cùng liên quan đến sự diệt vong của nhà Hạ là Tự Lý Quý nổi tiếng với tên là Vua Kiệt – là thuỷ tổ của các bạo chúa.

Nhà Thương

Nhà Thương do dân tộc Thương, một bộ lạc có lịch sử lâu đời cư trú ở vùng hạ lưu sông Hoàng Hà, thiết lập. Thang Tử Thái Ất, người đánh bại vua Kiệt nhà Hạ, lập nên vương triều nhà Thương (1562 – 1066 TCN), vị vua này có nhiều tên khác như Thành Thang, Vũ Thang, Vũ Vương, Thiên Ất.

Có nhiều sách viết khác nhau về việc tính số năm của vương triều nhà Thương :

Sách *Sử ký* cho rằng, Nhà Thương diệt nhà Hạ truyền nối lên ngôi được 29 đời, trị vì 496 năm.

Sách *Mạnh Tử – Tận tâm hạ* thì cho rằng, từ Thành Thang đến vị vua cuối cùng có hơn 500 năm.

Sách *Tả Truyền – Tuyên công tam niên*, thì cho rằng, vương triều nhà Thương tồn tại 600 năm.

Ngày nay, các nhà sử học cho rằng, nhà Thương trị vì trước sau là 496 năm (*từ 1562 TCN đến 1066 TCN*). Tổng cộng nhà Thương có 29 vị vua : cha truyền ngôi cho con 13 vị, anh truyền ngôi cho em 13 vị, chú truyền ngôi cho cháu 3 vị.

Nhà Thương lấy thiên can làm tên (*Giáp, Ất, Bính, Đinh...*) chẳng hạn : Đại Ất, Ngoại Bính, Trung Nhâm, Thái Giáp...

Trụ Vương bạo chúa cũng là vị vua cuối cùng của nhà Thương. Người đời sau xem ông là tổ tiên của những bạo chúa Trung Hoa.

1

VUA KIỆT – NHÀ HẠ

Mặt Trời ơi ! Sao không tắt đi.
(Sách Thượng thư)

Sử sách Trung Hoa gọi Tự Lý Quý (1614 – 1562 TCN) là Kiệt, (nghĩa là hung bạo) vì ông cao lớn, mạnh khoẻ, tay dài, bắt được cả hùm, gấu.

Vua Kiệt không chăm lo công việc triều chính, thích uống rượu. Vị quan nào biết uống rượu thì được Kiệt trọng dụng.

Ông cho người đi tuyển nhiều gái đẹp trong thiên hạ, đem về hậu cung để hưởng lạc, người nào tìm được mĩ nữ, sẽ được thưởng hậu.

Các nước chư hầu nhỏ yếu, muốn sống yên ổn, khỏi bị chiến tranh, hay người cầm quyền muốn được phong thêm chức tước, phải dâng mĩ nữ cho Kiệt. Việc này lâu dần thành lệ.

Có lần vua Kiệt tiến đánh nước Thi, quân đội của vua Kiệt vây hãm kinh đô nước Thi rất gắt gao. Vị Thừa tướng nước Thi biết vua Kiệt rất háo sắc, bèn tâu với vua nước Thi đem dâng nàng Muội Hỉ, một cô gái đẹp nhất nước, cho vua Kiệt. Vua nước Thi làm theo kế ấy, dâng Muội Hỉ cho vua Kiệt. Vua Kiệt được nàng Muội Hỉ thì hài lòng lắm, liền rút quân về.

Vua Kiệt rất chiêu nàng Muội Hỉ. Thấy nàng thích nghe tiếng xé lụa, vua Kiệt sai cung nữ không ngừng xé lụa.

Có lúc muôn mua vui cho người đẹp, vua Kiệt sai người thả cọp dữ vào chợ, dân chúng thấy cọp la khóc, bỏ chạy tán loạn. Muội Hỉ thấy vậy bật cười, còn vua Kiệt thì vô cùng thích thú.

Để nàng Muội Hỉ có thể đứng cao nhìn ra xa, vua Kiệt lấy tiền bạc trong kho, bắt các thợ giỏi trong nước về xây cung điện. Cung điện tráng lệ được các tay thợ dùng ngọc tráng điêu khắc cột kèo, hành lang dựng bằng ngà voi, thảm trải bằng lụa là gấm vóc. Vua Kiệt gọi cung điện ấy là Giao dài, nhưng vì cung cao quá người ở trên phải nghiêng người mới nhìn thấy phía dưới nên dân chúng gọi là Khuynh cung.

Những trò chơi xa xỉ ấy chơi mãi cũng chán, Muội Hỉ buồn ra mặt. Vua Kiệt thấy vậy liền cho xây *nhục lâm*, *tửu trì* – núi chứa thịt ngon, ao đựng rượu quý – để mĩ nhân được khuây khoả. Sử sách miêu tả *nhục lâm* chứa rất nhiều thịt nướng, ăn mấy cũng không hết, còn *tửu trì* rộng rãi có thể bơi thuyền được. Khi làm xong *nhục lâm* và *tửu trì*, Trụ Vương ra lệnh cho 3.000 cung nữ thoát y nhảy múa và quy định : nghe tiếng trống thứ nhất thì chạy đến *tửu trì*, vừa bò vừa uống rượu ; nghe tiếng trống thứ hai thì chạy đến *nhục lâm* leo lên các cành cây để lấy thịt ăn ; nghe tiếng trống thứ ba thì vừa đi, vừa bò, vừa nambi, vừa ăn thịt ; tiếng trống liên hồi thì nối đuôi nhau chạy vòng vòng. Trụ Vương và Muội Hỉ thấy cảnh tượng ấy thì vui vẻ lắm. Muội Hỉ cười không dứt.

Vua Kiệt còn cho xây một cung gọi là *Dạ cung*. Hàng đêm đèn đuốc sáng trưng, nhà vua cùng Muội Hỉ và những

người thân cận ăn uống vui đùa. Khi quá vui thì nam nữ có thể khoả thân “*gần gũi*” nhau một cách tự nhiên.

Khi vua Kiệt đang vui chơi, dù đại thần lớn cỡ nào muốn vào bẩm báo việc nước, đều bị đuổi ra ngoài.

Thấy vua ham vui, bỏ bê không lo việc triều chính, các trung thần can ngăn nhưng họ đều bị vua đuổi hoặc giết đi.

Thái sử lệnh Chung Cổ vì can vua Kiệt đã bị đày đến vùng đất xa xôi. Đại thần Quan Long Phùng bị vua Kiệt giết. Y Doãn, một vị đại thần tài đức, khuyên vua Kiệt nên theo gương vua Nghiêu, vua Thuấn để trị nước bị cách chức đuổi về đất Hào.

Bên cạnh vua Kiệt chỉ còn có Triệu Lương là người bất tài, vô đức, nhưng khéo nịnh nọt, nên rất được vua Kiệt tin dùng.

Vua Kiệt không hề chăm lo cho dân chúng nhưng lại nói rằng, trời có Mặt Trời, ta có dân, ý nói không sợ mất ngôi, mất nước bởi ngôi vua và nước vĩnh viễn như trời có Mặt Trời vậy.

Vua Kiệt còn cho người sáng chế ra một dụng cụ giết người dã man gọi là *Bào lạc*. *Bào lạc* là một cột đồng rỗng, đốt lửa ở trong cho đỏ rồi trói những kẻ phạm tội vào đó. Ai bị trói vào *Bào lạc*, thân xác cháy từng mảnh, đau đớn vô cùng, muốn chết ngay cũng chẳng được.

Vua Kiệt, hoang dâm, xa xỉ, lại làm nhiều điều bạo ngược, nên dân chúng rất oán hận. Họ chỉ còn biết than thở bóng gió với nhau : *Mặt Trời ơi sao không lặn nhanh đi !*

Trong lúc nhà Hạ đang ngày một suy yếu, thì nhà Thương ngày càng hùng mạnh. Nhà Thương đã trở thành đối thủ uy hiếp trực tiếp đến sự tồn vong của nhà Hạ.

Năm 1562 TCN, Vũ Thang đem quân đánh vua Kiệt. Quân đội của vua Kiệt tan vỡ, vua một mình một ngựa chạy đến Nam Sào. Vũ Thang đem quân truy kích, bắt được vua Kiệt nhưng không giết mà chỉ cầm tù.

Khi bị bắt vua Kiệt nghiến răng nói : “*Tiếc thay, trước đây ta đã không giết Vũ Thang !*”. Nguyên do là Vũ Thang đã có lần bị vua Kiệt bắt giam mà không giết nên Vua Kiệt mới nói như vậy.

Bị bắt giam ba năm thì Kiệt chết.

Theo nhà nghiên cứu Will Durant thì vua Kiệt có số phận khác : *Một hôm đang vui chơi, vua Kiệt và Muội Hỉ nảy ra ý nghĩ bắt 3.000 người cùng nhảy xuống tửu trì, Kiệt và Muội Hỉ chết dưới tửu trì.*

Dẫu số phận của vua Kiệt thế nào đi chăng nữa thì cách sống và trị vì của vua Kiệt đã để lại nỗi kinh hoàng cho thiên cổ.

2

VUA TRỤ – NHÀ THƯƠNG

Nghe giết tên Trụ, không nghe giết vua !
(Mạnh Tử)

Sau gần 500 năm tồn tại, nhà Thương lại xuất hiện một bạo chúa tên là Trụ, còn gọi là Trụ Vương. Trụ Vương là vị vua cuối cùng của vương triều nhà Thương.

Sách *Sử ký* mô tả : Trụ Vương (Tử Tân) là người thính tai, tay dài như tay mãnh thú ; tài trí hơn người, đa tài đa nghệ ; tiếng nói vang rền như sấm, mãnh liệt và giỏi biện bác.

Sử sách Trung Quốc đánh giá, Trụ Vương hoang dâm, xa xỉ và tàn bạo tột cùng. Ngày ngày Trụ Vương mải mê ăn chơi nên bỏ bê việc nước, nhân dân oán hận vô cùng.

1. Tột cùng tàn bạo

Tương truyền thời đó có nàng Đát Kỉ rất đẹp, nhân kiến tắc tâm loạn (*ai thấy cũng mê mẩn tâm hồn*). Trụ Vương chiêu chuộng nàng ta hết mực. Một hôm ăn cơm, Đát Kỉ cho rằng nếu có đưa bằng ngà voi thì ăn sẽ ngon miệng hơn. Thế là Trụ Vương vội vã cho tướng sĩ đi bắt voi, lấy ngà làm đưa cho người đẹp ăn ngon miệng. Việc này đã làm nhiều người bị thiệt mạng.

Mùa đông, Đát Kỉ mặc áo da beo ấm áp, ngồi nhìn ra xa, thấy một người nông phu cởi giày để lội qua khe nước buốt giá. Đát Kỉ ngạc nhiên hỏi vì sao đôi chân người nông

phu ấy có sức chịu rét đến thế ? Để giải quyết thắc mắc của người đẹp, Trụ Vương đã sai người đi bắt người nông dân kia, chặt đôi chân đem về để cho người đẹp “nghiên cứu”.

Có lần, Đát Kỉ mang thai, nàng băn khoăn không biết cái thai trong bụng hình dạng thế nào ? Trụ Vương sai người đi lùng bắt một người phụ nữ đang mang thai, mở bụng để cho Đát Kỉ xem.

2. Xa xỉ hưởng lạc

Để hưởng lạc thú ở đời, Trụ Vương cho xây Lộc đài ròng rã suốt 7 năm hao tiền tốn của. Lộc đài rất mực nguy nga tráng lệ, có quy mô rộng 3 dặm, cao ngàn trượng, chót vót tận mây xanh ; có hơn một trăm cung lớn, 73 cung nhỏ. Trong Lộc đài có *nhục lâm* và *tửu trì*. Tại nơi đây, nhà vua cùng Đát Kỉ, các ninh thần và các cung nữ tha hồ vui hưởng nhục dục. Hằng ngày họ nhảy múa, ca hát ; khi quá vui thì chẳng quan tâm gì đến quy tắc lễ nghĩa, ai nấy khoả thân quay cuồng thác loạn.

Có lần, cuộc vui kéo dài đến 7 ngày 7 đêm, không còn ai biết ngày giờ gì cả, Trụ Vương cho gọi Tử Dư đến để hỏi ngày giờ. Tử Dư nghĩ bụng : “*Làm vua mà không biết ngày giờ, đó là sự lâm nguy của nước. Khi mọi người không biết hôm nay là ngày nào, chỉ mình ta biết thì thật chí nguy cho ta.*”. Nghĩ vậy, Tử Dư giả điên, giả dại. Kết cục, ngón giả dại của Tử Dư cũng bị phát hiện, Trụ Vương tống Tử Dư vào thiêm lao.

3. Hình phạt tàn khốc

Nhăm răn đe, trừng trị những người chống đối, Trụ Vương đặt ra rất nhiều hình phạt. Theo *Lã Thị Xuân Thu*, nhà Thương có gần 300 loại hình phạt, nhưng có 6 hình phạt được đánh giá là tàn khốc nhất gọi là *lục hình*. Trong thiên hạ bất cứ ai nghe biết cũng phải khiếp sợ :

1. *Bào lạc* là một ống đồng bên trong rỗng có đốt lửa : phạm nhân bị trói vào cột, da thịt cháy sém, lúc ngất lúc tỉnh, quằn quại, đau đớn tột cùng.
2. *Phẫu phúc* là mổ bụng các nữ phạm nhân. Phạm nhân đau đớn muốn chết nhưng không chết nhanh được.
3. *Mổ ngực*, mổ ngực lôi tim, phổi của phạm nhân ra.
4. *Làm mắm*, giết phạm nhân, vầm thịt ra như mắm.
5. *Phơi khô*, giết xong phạm nhân, lóc thịt phơi khô.
6. *Nướng*, nướng phạm nhân trên lửa.

4. Giết hại trung thần

Thấy Trụ Vương hoang dâm, hung bạo, xa xỉ, bỏ bê việc nước, các trung thần ra sức can ngăn nhưng Trụ Vương không nghe.

Tỉ Can, một trung thần, khuyên Trụ Vương dùng nhân nghĩa để cai trị đất nước. Trụ Vương không những không nghe mà còn mỉa mai Tỉ Can là thánh nhân. Trụ Vương cho rằng trái tim của thánh nhân phải khác thường, muốn biết Tỉ Can có phải nhiễm dòng máu thánh nhân hay không cần

phải mổ ngực, xem tim. Nói là làm, Trụ Vương cho người mổ tim Tỉ Can để “chiêm ngưỡng” tim gan của thánh nhân.

Có sách chép lại : một hôm Trụ Vương rủ Đát Kỉ lên Lộc đài chơi, Đát Kỉ nói bị bệnh không đi được. Trụ Vương lo lắng, bọn gian thần thấy vậy thì tâu : “*Bệnh của Đát Kỉ chỉ có gan của Tỉ Can mới trị được*”. Trụ Vương hạ liên tiếp 7 chiếu chỉ triệu Tỉ Can vào cung và năn nỉ ông cho gan để cứu Đát Kỉ. Không đợi Tỉ Can có băng lòng hay không, Trụ Vương sai người mổ Tỉ Can lấy gan làm thuốc trị bệnh cho mĩ nhân.

Không chỉ giết Tỉ Can, Trụ Vương còn loại trừ hàng loạt các trung thần khác : giết Vị Tử ; bắt giam giữ một trung thần khác là Cơ Xương (*người nước Chu*) vào ngục Dữu Lí. Cơ Xương phải chạy chọt đút lót khắp nơi mới thoát chết và ra khỏi ngục. Trước khi được thả về đất Chu, Cơ Xương được Trụ Vương đãi một bữa tiệc. Trớ trêu thay, thịt mà Cơ Xương được Trụ Vương đãi trong bữa tiệc lại là thịt của Bá Ấp Khảo, con của Cơ Xương. Cơ Xương uất hận dâng trào nhưng phải kìm nén hòng thoát thân để tính kế lâu dài.

5. Những dấu hiệu nhà Thương diệt vong

Khuong Tử Nha, quân sư của Cơ Xương, có nhận định : “*Trụ Vương đang lâm vào thế người thân xa lánh, bách tính sẵn sàng đứng lên làm phản. Người trong nước gồng gánh nhau bỏ trốn đi nơi khác, vương tôn quý tộc cũng trở mặt rời xa.*”. Những bang quốc gần gũi cũng đua nhau chống lại Thương – Trụ, khiến ông ta phải điều động đại quân đi đàn áp. Đồng ruộng bỏ hoang cỏ mọc đầy.

Trong triều, bọn xu nịnh áp đảo kẻ ngay thẳng. Ở địa phương, bọn quan lại tuỳ tiện giết người, không xem luật pháp ra gì.

Ngày mà Trụ Vương bị diệt vong đã cận kề.

6. Cái chết của Trụ Vương và Đát Kỉ

Vào khoảng năm 1066 TCN, Vũ Vương thống lĩnh các chư hầu tiến đánh nhà Thương. Trụ Vương bại trận, mặc áo mao lén Lộc đài, phóng hoả đốt Lộc đài rồi tự mình nhảy vào. Vũ Vương cho quân bới tìm trong đống tro tàn được thây Trụ Vương, đem chặt đầu treo lên cột cờ.

Có sách ghi Đát Kỉ nghĩ mình đẹp, quân nhà Chu sẽ không giết. Ý nghĩ ấy của Đát Kỉ đã không gặp may vì người dẫn quân vào thành là Khương Tử Nha, một ông lão 80 tuổi nhưng khí phách phi thường. Khương Tử Nha ra lệnh chặt đầu Đát Kỉ. Kẻ thi hành mệnh lệnh thấy Đát Kỉ xinh đẹp quá, xao lòng không nỡ xuống tay. Khương Tử Nha phải ra lệnh : lấy vải trùm kín toàn thân Đát Kỉ rồi cứ thế mà chặt đầu. Đát Kỉ phải chết !

Chương hai

NHÀ TÂN

Theo truyền thuyết, thuỷ tổ nước Tân là Phi Tử, hậu duệ của Hoàng đế Chuyên Húc, cha là Bá Ích được ban họ là Doanh. Vì vậy, các Hoàng đế nhà Tân đều mang họ Doanh. Nước Tân là một nước mạnh trong bảy nước thời Chiến Quốc.

Nước Tân tồn tại 620 năm (841 – 221 TCN), truyền ngôi được 25 đời. Vương triều nhà Tân, được xây dựng trên cơ sở nước Tân, do Tân Thuỷ Hoàng sáng lập chỉ tồn tại trong vòng 14 năm (221 – 207 TCN), có hai vị Hoàng đế là Doanh Chính – Tân Thuỷ Hoàng và Hồ Hợi – Tân Nhị Thế. Đây là hai vị Hoàng đế của đế quốc Tân và cũng là hai bạo chúa.

1

DOANH CHÍNH – TÂN THỦY HOÀNG

*Tính tình thô bỉ, thích gì làm nấy, chẳng tin công thân,
không thân với nhân dân, bỏ vương đạo, lập quyền riêng,
cấm sách vở, hình phạt tàn khốc.
(Sử kí)*

Doanh Chính là con trai của Tân Trung Nhương Vương Doanh Dị Nhân. Sau khi Doanh Dị Nhân chết, Doanh Chính lên nối ngôi, lúc 12 tuổi, Thừa tướng Lã Bất Vi (*Lã Bất Vi, một lái buôn – cha đẻ của Tân Doanh Chính*) làm nhiếp chính. Năm 25 tuổi, Tân Doanh Chính, trực tiếp cầm quyền.

Hình dạng Doanh Chính được sử gia miêu tả, không mấy thiện cảm : Mũi dô, mắt lớn, đầu và ngực như chim ưng, giọng nói như giọng loài lang sói, không có chút từ tâm, lòng dạ như cọp.

Có người cho rằng, cuộc đời của Tân Doanh Chính nhiều sắc màu, công nhiều tội cũng lắm, người ca ngợi thì nhiều, kẻ thù ghét không ít. Người cho ông là vĩ nhân cổ kim, kẻ lên án ông là bạo chúa.

Tân Doanh Chính tự cho rằng, công đức của mình ngang với Tam Hoàng Ngũ Đế nên tự xưng là Hoàng đế, hiệu Thuỷ Hoàng (221 – 210 TCN), nghĩa là vị Hoàng đế đầu tiên và muốn con cháu đời đời nối tiếp, cho đến vạn thế !



Tân Thuỷ Hoàng
(<http://vn.chinabroadcast.cn>)

1. Thống nhất Trung Hoa

Khi trực tiếp cầm quyền, Tần Thuỷ Hoàng lần lượt thôn tính 6 nước chư hầu là : Hàn, Triệu, Ngụy, Sở, Yên, Tề. Bao nhiêu thế kỉ chia rẽ, loạn lạc, đây là lần đầu tiên Trung Hoa được thống nhất.

2. Mở mang bờ cõi

Vừa hoàn thành việc thống nhất Trung Hoa, Tần Thuỷ Hoàng sai tướng Mông Diềm đánh Hung Nô, những dân tộc du mục miền Bắc, dồn họ lên phía Bắc và đắp Trường thành để ngăn họ.

Dẹp xong phương Bắc, Thuỷ Hoàng sai Đồ Thư đánh lấy Bách Việt (*Chiết Giang, Quảng Đông, Quảng Tây...*).

Thời đó, Tần Thuỷ Hoàng đã xây dựng được một đế quốc lớn nhất thế giới. Những người phương Tây, do giao thương buôn bán với Trung Hoa thông qua con đường tơ lụa, biết nhà Tần nên gọi Trung Hoa là *nước Tần*.

3. Tổ chức hành chính

Sau khi thôn tính được sáu nước, Tần Thuỷ Hoàng thực hiện kế sách nhổ cỏ tận gốc, bắt các vương tộc, các đại thần của các nước phải về sống ở Hàm Dương, kinh đô nước Tần. Đất đai của các vương tộc, đại thần được đem ra phát mãi ; một là để kiểm soát họ, không cho họ “*ngóc đầu lén*”, hai là để cho kinh thành thêm đông đúc. Tần Thuỷ Hoàng còn chia Trung Quốc thành 36 quận, mỗi quận có nhiều huyện. Chính quyền mỗi quận có quận thú coi về dân sự, một quận uý coi về quân sự, cao hơn hết là giám ngự sứ chịu trách nhiệm với nhà vua về quận của mình.

4. Ngũ gia và thập gia

Dưới thời Tần Thuỷ Hoàng, con trai con gái khi sinh ra phải có chước tịch, chết mới được xóa đi. Cứ 5 nhà lập thành một ngũ, 10 nhà một thập. Ai muốn đi đâu phải được quan phủ phê chuẩn, gọi là phù mới được đi.

Những người trong một ngũ, một thập phải kiểm soát lẫn nhau. Nếu một nhà phạm tội thì 4 nhà khác cũng bị ghép tội tòng phạm. Ai tố giác kẻ gian thì được thưởng.

Vì thưởng hậu, nên không thiếu người vu oan giá hoạ cho người khác. Không ít người bị kẻ khác vu khống mà chết oan. Chính sách này làm cho láng giềng, cha con, vợ chồng, anh em nghi kị lẫn nhau để phòng lẩn nhau. Quả thật là một cuộc khủng bố tinh thần quy mô chưa từng có !

5. Thống nhất văn tự và đo lường

Tần Thuỷ Hoàng rất tin tưởng Thừa tướng Lý Tư, vì thế Lý Tư cũng đã thực hiện được nhiều việc quan trọng như thống nhất văn tự. Lý Tư đã giản dị hoá chữ đại triện, quy định lối viết khác gọi là tiểu triện. Chữ tiểu triện dần trở nên thông dụng trong toàn cõi Trung Hoa lúc bấy giờ.

Ngoài chữ viết, Lý Tư còn thực hiện thống nhất các đồ cân, lường (cả nông cụ, cày bừa), bánh xe.

6. Thống nhất tư tưởng (*đốt sách, chôn học trò*)

Thừa tướng Lý Tư còn có tham vọng thống nhất cả tư tưởng trong toàn đế quốc. Năm 213 TCN, Lý Tư dâng sớ lên Tần Thuỷ Hoàng, bài sớ có đoạn :

Nay Bệ Hạ đã gồm thiêng hạ, phân biệt cái trăng cái đèn, thế mà có kẻ cậy có cái học riêng cứ chê bai giáo pháp của Bệ Hạ.

Mỗi khi Bệ Hạ ban hiệu lệnh gì xuống, thì họ cứ lấy cái học của họ để nghị luận... thế mà không cấm thì ở trên thế vua kém đi, mà ở dưới đảng phái thành lập.

Vậy xin Bệ Hạ phát lệnh rằng : Sử quan thấy sách gì không phải sách nhà Tân thì phải đốt hết. Sách gì không phải là sách mà quan bác sĩ được phép giữ, các sách Thi, Thư cùng Bách gia ngũ phải đem đến quan Thủ uý đốt hết. Ai dám nói thâm với nhau về sách Thi, Thư thì chém bỏ xác ngoài chợ. Ai đem đời xưa mà chép đời nay thì giết cả họ. Kẻ nào thấy mà không tố giác thì cùng chịu một tội.

Lệnh xuống 30 ngày mà không chịu đốt thì gọt đầu bôi vôi, bắt đi làm phu. Những sách để lại là sách thuốc, sách bói, sách trông cây.

Tân Thuỷ Hoàng nghe theo bài sớ này khiến vô số sách vở trong nhân gian bị đốt. Sau khi Tân Thuỷ Hoàng chết, lệnh cấm được bãi bỏ nhưng hậu quả thì thật ghê gớm. Vì khan hiếm sách, ai còn cất giấu được cuốn sách nào thì trở thành bảo vật. Tình hình ấy đã trở thành cơ hội cho không biết bao nhiêu sách giả (ngụy thư) ra đời.

Ngoài các sách bị đốt còn có 460 nhà nho bị chôn sống. Có khi tội phạm nhiều quá, chôn không xuể, phải dày ra biển hoặc bị đi lao dịch, đi xây Vạn lí trường thành.

Cũng vì chính sách “đốt sách chôn học trò”, suốt mấy ngàn năm sau, các đệ tử nho gia không ngừng nhắc đi nhắc lại với thái độ vô cùng căm phẫn.

7. Giết trọng phụ, giết đại thần và giết em

Để nắm lấy quyền lực, cung cố ngai vàng, Tần Thuỷ Hoàng không ngần ngại ép Lã Bất Vi, người giữ chức trọng phụ (vốn là cha đẻ của mình) phải tự tử.

Ông còn kết án tru di tam tộc Trương Tín Hầu với tội thông dâm với Thái hậu. Cùng với Trương Tín Hầu, trong vụ án này, có 27 vị đại thần cũng bị tru diệt bởi tội can gián.

Ông cũng không ngần ngại dìm hai em cùng cha khác mẹ vào nước cho đến chết.

8. Vạn lí trường thành

Sau khi lên ngôi Hoàng đế, công trình đầu tiên của Tần Thuỷ Hoàng là xây Vạn lí trường thành. Thành được xây cất thêm, nối những bức thành luỹ đã có sẵn ở biên giới phía bắc. Thành này được xây dựng để bảo vệ đế quốc khỏi bị các thế lực phương Bắc xâm lăng.

Vạn lí trường thành dài 2.400 cây số. Cách quãng có các cửa ải, trên thành xây những đồn canh. Trên mặt thành, có đường rộng ngựa chạy được, nối các đồn với nhau. Nhà Tần phải mất 10 năm mới xây xong Vạn lí trường thành.

Những người ủng hộ Tần Thuỷ Hoàng thì ca ngợi công trình lớn nhất của nhân loại này rằng : Trọn một thế hệ

tàn mạt, để cứu các thệ hệ sau. Hoặc công trình tượng trưng cho hùng tâm, dũng trí và sức kiên nhẫn của dân tộc Trung Hoa.

Nhưng để hoàn thành công trình này, Tần Thuỷ Hoàng đã phải huy động 300 ngàn binh sĩ, cùng không biết bao nhiêu phạm nhân, những nho sĩ không tuân lệnh đốt sách... Họ phải làm khổ sai, đối mặt với đói khát, roi vọt, bệnh tật, trong miền rừng thiêng nước độc ; khí hậu khắc nghiệt mùa đông lạnh như cắt, mùa hè nóng như nung.

Vạn lí trường thành là nơi không biết bao nhiêu người đã bỏ mạng, không biết bao nhiêu máu và nước mắt, không biết bao nhiêu lời thở than, nếu có bút mực dài, dày như Vạn lí trường thành cũng không chép hết, tả hết.

Trong dân gian, còn lưu truyền câu chuyện : Nàng Mạnh Khương, có chồng đi xây trường thành. Nàng thương nhớ chồng nên đã đi 10 ngàn dặm để thăm chồng. Khi nàng đến nơi thì chồng nàng đã chết. Chung quanh chỉ có rừng và núi đá, không biết kiểm xác chồng ở đâu, nàng tuyệt vọng, chỉ còn biết khóc, khóc suốt mấy ngày đêm. Nàng khóc đến nỗi cái thành cũng mũi lòng, sạt lở mấy đoạn.

9. Kinh đô Hàm Dương

Trong quá trình thôn tính 6 nước, khi đến kinh đô nước nào, Tần Thuỷ Hoàng sai người vẽ kiểu cung điện của nước đó đem về xây dựng lại y hệt tại thành Hàm Dương. Các công trình này ở ngay bên cung điện của Tần Thuỷ Hoàng thành một dãy dài cả mấy dặm.

Đi đến đâu Tần Thuỷ Hoàng cũng cho thu gom tất cả đồ đồng trong thiên hạ đem về để đúc tượng, có bức nặng tới 24.000 cân. Những tượng này được trưng bày trong cung đình.

Các sử gia Trung Quốc miêu tả : những con đường từ kinh đô Hàm Dương đi bốn phương đều rộng, thẳng băng. Có 3 lối cho xe chạy, trồng cây hai bên lề rộng 75 mét. Để xây dựng được như vậy phải tốn rất nhiều sức người sức của mới có thể san núi, lấp sông.

Đường lớn ở giữa dành cho Hoàng đế và các quan đại thần đi, còn dân chúng thì phải đi đường nhỏ ở hai bên.

Tần Thuỷ Hoàng đã cưỡng bức 120.000 gia đình giàu có, quyền thế nhất trong nước, đến ở Hàm Dương. Việc này Tần Thuỷ Hoàng nhắm vào hai mục đích : một là để kinh đô thêm lộng lẫy sầm uất, hai là để kiểm soát những người giàu có, quyền thế.

10. Cung A Phòng

Ngoài việc xây dựng kinh đô Hàm Dương, Tần Thuỷ Hoàng còn cho xây cung A Phòng bên bờ sông Vị, để nghỉ mát trong những ngày hè. Cung A phòng có cả thảy 700 cung thất. Để xây cung A Phòng, nhân công phải chở đá từ các núi phương Bắc xuống, chở gỗ ở các rừng phương Nam lên. Riêng việc chuyên chở vật liệu phục vụ xây dựng đã phải sử dụng 700.000 dân phu và tù nhân.

Bên cạnh những công trình đồ sộ trên, chung quanh kinh đô, bán kính khoảng 100 cây số, Tần Thuỷ Hoàng còn cho xây 270 cung điện khác nữa.

Trong quá trình thôn tính 6 nước, Tần Thuỷ Hoàng đã thu thập tất cả của cải quý giá, người đẹp đem về Hàm Dương. Hoàng đế thiết lập Tam cung lục viện với trên 1 vạn mĩ nữ.

11. Lăng Li Sơn

Là chủ một quốc gia có các công trình vĩ đại, đời sống của Tần Thuỷ Hoàng rất mực xa hoa, ông chuẩn bị cho mình nơi an nghỉ cũng rất mực xa hoa. Sách sử miêu tả, lăng Li Sơn có trần cất theo hình vòm trời với đủ các tinh tú ; sàn lát bằng đồng đỏ, khắc địa đồ đế quốc, địa đồ 100 con sông. Trên đó có sông Hoàng Hà, sông Dương Tử và biển Đông đều bằng thuỷ ngân. Trong hầm mộ có vô số đồ dùng quý giá và ngọc ngà châu báu.

Lúc Thuỷ Hoàng chết, quan tài được hạ xuống huyệt người ta nấu đồng để gắn hầm mộ và đặt một cái máy. Sau này hễ có kẻ nào lén bén bảng đến thì ngay lập tức bị những mũi tên từ nhiều phía bắn ra.

Theo sử sách, có 700.000 người xây cất lăng Li Sơn trong nhiều năm. Hiện nay, người ta cũng chưa khám phá hết những bí mật của Lăng này.

12. Hình phạt tàn khốc

Theo sử sách, nhà Tần là triều đại mà phe *Pháp tri* thắng thế. Vì thế, nhiều hình phạt tàn khốc như tử hình, nhục hình, lưu hình, tấu hình... được đem ra áp dụng. Tên các loại hình, khó mà nhớ hết, sau đây là những ví dụ :

Chôn sống : Tần Thuỷ Hoàng đã chôn sống các nhà Nho.

Chặt lưng : chặt ngang lưng phạm nhân.

Cạo đầu : cạo sạch tóc trên đầu phạm nhân.

Cung hình : cắt bỏ sinh thực khí của nam phạm nhân.

Chặt đầu : chặt đầu phạm nhân treo ở nơi đông người để thị chúng.

Bêu đầu giữa chợ : phạm nhân bị chặt đầu bêu ngoài chợ.

Tộc hình : đây là hình phạt tru diệt phạm nhân đến 7 họ. Hình phạt này nhà Tần đã dùng để giết Kinh Kha, người ám sát hụt Thuỷ Hoàng ; giết ba họ Trương Tín Hầu.

13. Tha hồ sinh sát

Năm quyền lực trong tay, Tần Thuỷ Hoàng tự cho mình có quyền sinh sát bất cứ lúc nào, bất cứ ai.

Năm 219 TCN, trên đường tuần du đến Tương Sơn (*gần Động Đinh Hồ*), Tần Thuỷ Hoàng đang vui vẻ, đột nhiên có một trận cuồng phong thổi đến ào ào, khiến Hoàng đế mất nhã hứng. Bực mình, Tần Thuỷ Hoàng hạ lệnh bắt trên 3.000 dân chúng quanh vùng bỏ tù và cho quân chặt sạch mọi cây cối trên núi Tương Sơn.

Một lần khác, cũng tuần du, quân hầu báo cáo phía trước có phiến đá ghi dòng chữ : *Tần Thuỷ Hoàng chết tại đây !* Tần Thuỷ Hoàng nổi giận lôi đình, ra lệnh giết hết tất cả nông phu quanh vùng.

14. Lao dịch

Để thôn tính 6 nước, mở mang bờ cõi và xây dựng các công trình, nhà Tần đề ra luật bắt buộc trai tráng (*từ 60*

tuổi trớ xuống) vào lính một năm, tuân thú một năm. Có sách nói, tráng đinh phải đi lính cho tới già.

Mỗi năm, một người phải lao dịch 1 tháng. Người lao dịch phải tự lo liệu lương thực, công cụ lao động. Người nào trễ nải, bị trường phạt, nặng có thể bị chặt đầu.

Đó là theo luật, nhưng trên thực tế thì việc bắt lính, lao dịch liên miên. Người đi lính thú, kẻ lao dịch thường 10 phần chết 6 – 7 phần. Nhà Tần đã vơ vét sức người sức của cho các cuộc chiến và xây dựng các công trình. Sự thống khổ của dân được các sử gia nhận xét : *nam cày ruộng không đủ ăn, nữ dệt vải không đủ mặc.*

15. Cầu trường sinh bất tử

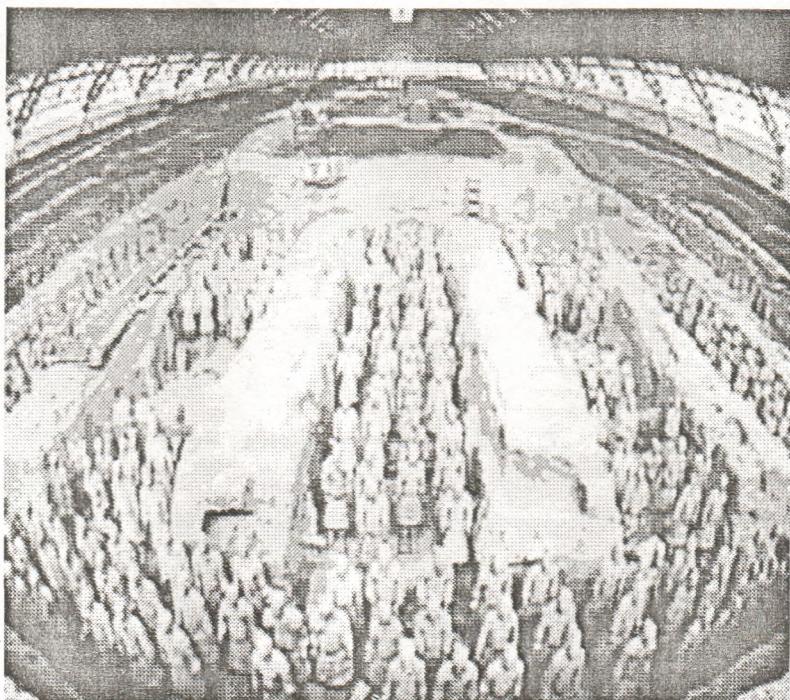
Vì ở trên đỉnh cao quyền lực và sự xa hoa, Tần Thuỷ Hoàng muốn sống lâu, nên cầu mong được trường sinh bất tử.

Năm 210 TCN Tần Thuỷ Hoàng sai Từ Phúc đem 3.000 đồng nam đồng nữ, dùng thuyền vượt biển đi tìm thuốc. Nhưng Từ Phúc đi biệt không về. Tương truyền, Từ Phúc đã tìm một hoang đảo và lập nghiệp ở đó. Có truyền thuyết lại cho rằng đảo hoang đó ngày nay là nước Nhật Bản.

16. Cái chết của Tần Thuỷ Hoàng

Năm 210, Tần Thuỷ Hoàng tuần du, bị bệnh và chết ở dọc đường. Do khí hậu khắc nghiệt, xác bốc mùi hôi thối, các tuỳ tùng phải lén lút chở xác về Hàm Dương cùng với những xe cá.

Tần Thuỷ Hoàng mất, con trai là Hồ Hợi đã chôn sống mấy trăm cung nữ trẻ để hầu hạ và bầu bạn với Tần Thuỷ Hoàng dưới suối vàng. Những người đưa quan tài vào huyệt cũng bị chôn sống. Hầm mộ ngày đêm đều thấp đèn bằng dầu cá đặc biệt. Ngọn đèn này biểu trưng cho mong muốn có thể chiếu sáng vĩnh viễn những chiến công, những hành động của Tần Thuỷ Hoàng khi còn sống.



Tượng đất nung trong Lăng Tần Thuỷ Hoàng
(<http://vn.chinabroadcast.cn>)

2

HỒ HỢI – TẦN NHỊ THẾ

Có cha nhưng không biết đó là cợp.

Có anh nhưng không biết đó là sói.

(Sử kí)

1. Làm giả di chiếu

Như đã nói, Tần Thuỷ Hoàng tuần du đến Sa Khâu, bệnh tình trở nên nặng, lệnh cho Triệu Cao viết di chiếu uỷ thác cho Thừa tướng Lý Tư giao cho Thái tử Phù Tô lo liệu đám tang và lên kế vị ngai vàng. Lúc ấy Thái tử Phù Tô đang làm giám quân ở Thượng Quận với tướng Mông Quát.

Khi Tần Thuỷ Hoàng tắt thở chỉ có 3 người bên cạnh là Công tử Hồ Hợi, Lý Tư và hoạn quan Triệu Cao.

Nguyên Mông Quát và Mông Nghị là hai anh em, đã từng luận tội và xử Triệu Cao tội chết. Triệu Cao suy nghĩ nếu Thái tử Phù Tô lên làm Hoàng đế, sẽ trọng dụng Mông Quát, Mông Nghị. Như thế sẽ rất bất lợi cho Triệu Cao. Triệu Cao bèn bàn riêng với Hồ Hợi giả chiếu thư và lập Hồ Hợi lên làm Hoàng đế.

Hồ Hợi mừng lẩm nhưng do dự vì không biết làm cách nào ; Triệu Cao hứa với Hồ Hợi sẽ làm việc này một cách khéo léo và chu toàn.

Triệu Cao đến gặp Lý Tư để thương lượng. Triệu Cao ca ngợi Hồ Hợi là người nhân từ, trung hậu. Theo như Triệu

Cao phân tích nếu Thái tử Phù Tô lên làm Hoàng đế sẽ trọng dụng tướng Mông Quát. Phù Tô và Mông Quát vốn đã hiềm khích với Lý Tư chắc chắn sẽ không để yên cho Lý Tư. Ban đầu, Lý Tư lạnh toát mồ hôi khi nghe Triệu Cao có ý định làm giả di chiếu, lập Hồ Hợi lên làm Hoàng đế. Sau đó Lý Tư cũng không còn cách nào khác, đành phải nghe theo Triệu Cao.

Thuyết phục được Lý Tư rồi, Triệu Cao không vội phát tang, mà viết chiếu chỉ giả, cho người thân tín đưa thư cho Thái tử Phù Tô và Mông Quát, bắt hai người phải tự sát vì tội bất trung.

Triệu Cao cho tử thi của Tân Thuỷ Hoàng lên một chiếc xe lớn, thường dùng để nầm, kéo cờ gióng trống như khi Hoàng đế còn sống. Triệu Cao ra lệnh mọi người, kẻ nào không có phận sự không được đến gần, ai trái lệnh sẽ bị chém đầu. Nghe lệnh, ai cũng lấy làm lạ nhưng không một ai dám hé răng. Các quan địa phương ra kiến giá cũng không một ai biết Tân Thuỷ Hoàng đã chết.

Gặp lúc trời chuyển mùa sang thu, khí trời oi bức, xác Tân Thuỷ Hoàng bốc mùi hôi thối, ai đến cũng không thể chịu được. Triệu Cao cho xe chở Tân Thuỷ Hoàng đi theo các xe chở cá vào thành. Lại thêm một việc lạ, nhưng cũng chẳng ai dám hỏi.

Về đến kinh thành, quân hối báo cho biết Thái tử Phù Tô đã tự sát, và đã bắt được tướng Mông Quát giam vào ngục, Triệu Cao cho công bố di chiếu của Tân Thuỷ Hoàng, lập Hồ Hợi lên làm Hoàng đế, gọi là Nhị Thế Hoàng đế hoặc Tân Nhị Thế (210–207 TCN).

Hồ Hợi lên làm Hoàng đế không phong thưởng cho Lý Tư nhưng lại phong Triệu Cao làm Trung lang lệnh, nhờ đó quyền hành của Triệu Cao ngày một lớn.

2. Kế sách của Triệu Cao

Triệu Cao dâng kế sách với Hồ Hợi : *Pháp phải nghiêm, hình phải khắc, làm cho kẻ có tội phải sợ, diệt các đại thần, xa rời cốt nhục, người ngay thành kẻ gian. Loại bỏ hết quan thần cũ của Tiên đế, bố trí thuộc hạ là những người thân tín. Làm như vậy, ân đức sẽ quy về Bệ Hạ, hại thì bỏ, gian mưu thì ngăn lại, quân thần được an dù, Bệ Hạ cứ thả sức gối cao mà tuỳ ý hưởng lạc.*

Vốn là người thích hưởng lạc, nghe Triệu Cao thuyết cứ gối cao mà tuỳ ý hưởng lạc, Hồ Hợi như mở cờ trong bụng, nghe theo lời Triệu Cao và thực hiện kế sách ấy.

3. Những cuộc tàn sát quy mô

Tuy Thái tử Phù Tô đã chết nhưng Hồ Hợi vẫn không yên tâm khi ngồi trên ngai vàng. Hồ Hợi tìm mọi cách để giết hết anh chị em. Cuộc tàn sát của Hồ Hợi được chia làm 2 lần : lần thứ nhất, giết 20 anh em ở giữa chợ Hàm Dương ; lần thứ hai, giết 16 chị em ở cửa Đông thành Hàm Dương.

Riêng Công tử Cao, nhờ quan thượng thư tâu xin, Hồ Hợi cho đi coi việc xây lăng mộ Trần Thuỷ Hoàng, nên thoát chết trong hai lần tàn sát ấy. Với chính sách đã được thực hiện lại được Triệu Cao giám sát, Công tử Cao cũng không thoát chết.

Để tạ ơn Tân Thuỷ Hoàng đã để lại cho mình ngai vàng, Hồ Hợi hai lần bày tỏ lòng hiếu thảo khá độc đáo :

Lần thứ nhất : tuẫn táng một vạn cung nữ của Tân Thuỷ Hoàng.

Lần thứ hai : tuẫn táng 1.000 thợ thủ công xây lăng mộ Tân Thuỷ Hoàng.

4. Cách cai trị của Tân Nhị Thế

Giống vua cha, Hồ Hợi hay tuần du và cũng đã từng chém nhiều quan huyện không lo tiếp giá tươm tất. Việc làm này khiến các quan huyện địa phương đứng ngồi không yên.

Tân Nhị Thế thực hiện chế độ sưu cao thuế nặng và lao dịch đối với dân chúng. Trên một nửa thanh niên trai tráng trong nước phải nhập ngũ phục vụ cho việc chống Hung Nô, trấn áp các cuộc nổi dậy. Tân Nhị Thế tiếp tục xây Trường thành, cung A Phòng và xây dựng các lăng mộ.

Những chính sách của nhà Tân thi hành được miêu tả lại : Ở đồng ruộng, nam không đủ cày một mẫu ruộng, nữ không đủ dệt một đoạn vải dùng để tang ; người bị bệnh tật không ai nuôi, kẻ chết không có người chôn.

5. Triệu Cao thao túng triều chính

Để thâu tóm quyền lực, Triệu Cao dùng kế li gián để cách li Tân Nhị Thế khỏi quần thần rồi thao túng triều chính. Triệu Cao mượn tay Tân Nhị Thế tìm cách giết những kẻ có thù oán. Trong khi Triệu Cao đang thực hiện

dã tâm của hắn thì Trần Nhị Thế mải mê trong những cuộc truy hoan ở chốn thâm cung. Công việc triều chính, quần thần có việc gì lớn nhỏ đều qua tay Triệu Cao xử lí.

6. Triệu Cao mưu hại Lý Tư

Trong số những người mà Triệu Cao e dè nhất chính là Thừa tướng Lý Tư. Đối với Triệu Cao, ngày nào Lý Tư còn sống thì bước đường tiến thân, thâu tóm quyền lực của Triệu Cao còn gập ghẽnh. Triệu Cao luôn lo sợ chuyện giả di chiếu sẽ bị tiết lộ nên ngầm ngầm tìm cách tiêu diệt Lý Tư.

Một hôm, Triệu Cao than phiền với Lý Tư rằng : Hoàng thượng quá mê túc sắc bỏ bê việc nước, không ai có thể can ngăn được, ngoại trừ Thừa tướng. Lý Tư nghe vậy không ngờ đó là kế độc của Triệu Cao nên hứa với Triệu Cao sẽ gặp nhà vua để can ngăn.

Lý Tư đến thăm cung ba lần nhưng cả ba lần đều bị tay chân Triệu Cao mời về. Lý Tư nói, nếu chưa gặp được Hoàng thượng thì còn đến nữa.

Trong khi đó Triệu Cao lại mật tâu với Trần Nhị Thế rằng : Lý Tư năm lần bảy lượt muốn gặp Bệ Hạ là có ý không tốt hoặc có ý phản loạn, nên phải tìm cách loại trừ. Triệu Cao còn nói, Lý Tư đang tư thông với Trần Thắng và Ngô Quang. Trần Nhị Thế tin lời, lập tức xuống chiếu, cho người điều tra Lý Tư.

Lý Tư viết tấu đưa lên Nhị Thế để phân trần. Các quan trong triều ai nấy đều sợ hãi, tướng Phùng Khí Tật và tướng Phùng Kiếp cũng dâng tấu can ngăn.

Tần Nhị Thế xem qua các bản tấu chương, nghe những lời can gián của các quan thì càng bức bối bèn hạ chiếu tống giam luôn cả Lý Tư, Phùng Khí Tật và Phùng Kiếp.

Những người đi điều tra, là tay chân của Triệu Cao, về báo cáo rằng : *cả cha con Lý Tư đều có âm mưu làm phản*. Như lửa đổ thêm dầu, Tần Nhị Thế càng thêm tức giận. Xuống chiếu hành tội ngũ hình đối với Lý Tư. Ngũ hình mà Lý Tư phải chịu là : thích chữ, xéo mũi, chặt hai chân, chặt đầu (*có sách chép là chặt lung chia thân thể ra làm 2 đoạn*) sau cùng là vằm để làm mắm. Người nhà Lý Tư cũng chịu liên lụy với ông án tru di ba họ, còn Phùng Khí Tật và tướng Phùng Kiếp đều bị chặt chân, xéo mũi cho đến chết.

Diệt xong Lý Tư, Phùng Khí Tật và Phùng Kiếp, Triệu Cao được phong làm Thừa tướng, nắm hết quyền sinh sát. Triệu Cao biết, Tần Nhị Thế mất hết quyền hành sẽ sinh ra e sợ, có thể tìm cách diệt mình, liền nghĩ kế giết gà răn khỉ.

7. Triệu Cao chỉ ngựa nói hươu

Một hôm, Triệu Cao cho thuộc hạ của mình dẫn một con ngựa vào cung mời Tần Nhị Thế và các quan xem. Triệu Cao dặn trước với tay chân của mình nói là con hươu.

Khi Triệu Cao hỏi con này là con gì, tay chân Triệu Cao đều gọi là con hươu, mọi người tranh cãi lẫn nhau không dứt. Triệu Cao nói : “Ai nói con vật này là ngựa thì đứng ra một bên, ai nói là hươu thì đứng ra bên kia.”.

Mọi người đứng vào hàng lối xong, Triệu Cao sai lính lôi những người nói ngựa ra ngoài giết hết, rồi lại thưởng

những người nói là hươu. Tần Nhị Thế sợ xanh mặt ! Các quan từ trên xuống dưới run sợ như cá nầm trên thớt vậy.

8. Ngày tàn của nhà Tần

Năm 207 TCN, quân Hạng Vũ, Lưu Bang tiến đánh, quân nhà Tần thất bại. Triệu Cao sợ Tần Nhị Thế nhân dịp này sẽ bắt tội, liền âm mưu giết chết Tần Nhị Thế rồi lập con của Phù Tô là Tử Anh lên thay. Có sách ghi là Triệu Cao buộc Tần Nhị Thế tự sát.

Sau khi giết Tần Nhị Thế, Triệu Cao bắt Tử Anh trai giới 5 ngày trước khi lên ngôi, mặt khác sai người đến đàm phán với Lưu Bang. Biết được âm mưu của Triệu Cao, Tử Anh đã ra tay trước giết chết Triệu Cao.

Tháng 10 năm 207 TCN, thấy không thể chống lại Lưu Bang, Tử Anh xin đầu hàng. Lưu Bang bắt giam Tử Anh ở Hàm Dương ; hai tháng sau Hạng Vũ tiến quân vào thành Hàm Dương và giết chết Tử Anh.

Cũng theo các sử gia, nhà Tần trước sau 14 năm, từ vua đến đại thần không người nào là không bị chết bức tử. Thế mới biết ở đời ác giả ác báo quả chẳng sai !

Chương ba

NHÀ HÁN – MƯU SÂU KẾ ĐỘC

Theo các sử gia, sự thành công của Lưu Bang, người sáng lập nhà Hán, không phải ở chỗ lật đổ nhà Tần mà do thắng Sở Bá Vương Hạng Vũ.

Nhà Hán được thành lập từ 206 trước công nguyên kéo dài đến năm 220. Nhà Hán trị vì nước Trung Quốc bị gián đoạn 17 năm (từ năm thứ 8 đến năm 25) bởi nhà Tần. Thời gian từ 206 đến năm thứ 8 nhà Hán đóng đô ở Hàm Dương (*kinh đô nước Tần*) thuộc lãnh thổ phía Tây Trung Quốc nên cũng được gọi là Tây Hán hay Tiền Hán. Còn thời gian trị vì sau của nhà Hán (*từ năm 25 đến năm 220*) được gọi là Hậu Hán. Vì kinh đô nhà Hậu Hán đóng tại Lạc Dương, phía Đông nước Trung Quốc nên cũng được gọi là nhà Đông Hán.

Có nhiều thuyết nói về các Hoàng đế nhà Hán :

Thuyết thứ nhất, nhà Hán có truyền ngôi 24 đời, Tây Hán 12 đời, Đông Hán 12 đời. Không tính các đời Hoàng đế do Lữ Hậu lập nên.

Thuyết thứ hai, nhà Hán có 27 đời, Tây Hán 13 đời, Đông Hán 14 đời. Thuyết này tính Lữ Hậu là một đời, không tính 2 đời do Lữ Hậu lập nên. Ngoài ra, Lưu Anh, Lưu Ý, Lưu Biện, không được tính thuộc nhà Hán.

Thuyết thứ ba, nhà Hán có 29 đời, Tây Hán 15 đời, Đông Hán 14 đời. Thuyết này tính luôn những vị không

được gọi là Hoàng đế. Riêng Lữ Hậu và mấy vị Hoàng Thái hậu không công khai xưng đế nên không tính. Ngày nay, các sử gia thường theo thuyết này.

Những bạo chúa dưới thời nhà Hán là Lưu Bang – Hán Cao Tổ ; Vương Bôn – Tân Đế và Lưu Triệt – Hán Vũ Đế.

1

LƯU BANG – HÁN CAO TỔ

Thỏ tinh khôn mà chết, thì chó săn bị luộc ;

*Dám chim bay hết, thì cung xếp xó
Nước địch mà phá xong, thì mưu thần chết...*

(Sử kí)

1. Lưu Bang chém rắn khởi nghiệp



Lưu Bang – Hán Cao Tổ
(<http://vn.chinabroadcast.cn>)

Lưu Bang sinh năm 256 TCN, mất năm 195 TCN lên ngôi Hoàng đế năm 206 TCN. Tương truyền, đã dùng 3 thước kiếm chém rắn trăng, dấy nghiệp chống Tần, ở đất Bái, nên gọi là Bái Công. Lưu Bang vốn là một nông dân, làm đình trưởng đất Tứ Thuỷ, không được học nhiều chữ nghĩa, ít đọc sách vở nhưng có tính hào phong. Lưu Bang đem

gia săn bán hết để chiêu nạp bạn bè chuẩn bị cho nghiệp lớn. Trong vùng, Lưu Bang có rất nhiều người tin và đi theo.

Có lần, Tần Thuỷ Hoàng tuần du ngang qua Tứ Thuỷ, tiền hô hậu ủng, uy phong lâm liệt. Lưu Bang đứng ngắm Tần Thuỷ Hoàng rồi khen rằng :

– Ôi ! Đại trượng phu phải như thế chứ !

2. Hạng Vũ, đối thủ của Lưu Bang

Cùng thời với Lưu Bang có Hạng Tịch, người huyện Hạ Tương, tự là Vũ nên được gọi là Hạng Vũ. Hạng Vũ khởi nghiệp năm 209 TCN, lúc ấy Hạng Vũ mới 24 tuổi.

Họ Hạng đời đời làm tướng nước Sở, được phong ở đất Hạng, cho nên mới lấy họ Hạng. Chú ruột Hạng Vũ là Hạng Lương, Cha Hạng Lương là Hạng Yên, một vị tướng quân nước Sở đã bị tướng Tần là Vương Tiên giết.

Hạng Lương giết người nên cùng Hạng Vũ lánh sang đất Ngô Trung. Hạng Vũ lúc nhỏ học chữ không thành, đi học kiếm cũng không xong. Chú của Hạng Vũ biết việc này thì giận lắm. Bị chú khiển trách, Hạng Vũ nói : “*Học chữ, bất quá cũng chỉ dùng để ghi tên họ mà thôi, còn học kiếm chỉ đích được một người. Những thứ đó đều không đáng học. Học thì phải học cái thuật địch muôn người kia.*”.

Nghe vậy, Hạng Lương bèn dạy cho Hạng Vũ học binh pháp. Hạng Vũ vui lắm nhưng chỉ học qua loa không đến nơi đến chốn.

Hạng Vũ người cao hơn tám thước, sức nhắc nổi vạc đồng, tài trí hơn người. Bọn trai tráng đất Ngô Trung đều rất nể sợ. Có lần, Tần Thuỷ Hoàng tuần du đến núi Cối Kê,

qua sông Chiết Giang. Hạng Lương và Hạng Vũ cùng đứng xem, Tịch nói : “*Bắt quách hắn mà lên thay thế được đấy !*”.

Hạng Lương bịt miệng bảo Hạng Vũ : “*Chớ nói bậy mà chết cả họ !*”.

Vì câu nói đó mà Hạng Lương rất coi trọng Hạng Vũ. Hạng Lương khởi nghiệp bằng việc âm mưu giết quận thú đất Cối Kê là Ân Thông. Hạng Lương lên làm quận thú, Hạng Vũ làm tì tướng.

3. Lưu Bang muốn làm vua nước Tần

Lưu Bang cùng Hạng Vũ phụng mệnh Hoài Vương đánh Tần.

Lưu Bang và Hạng Vũ cùng hẹn nhau đánh vào kinh đô nhà Tần. Lưu Bang đến Hàm Dương trước, thấy nhà cửa lâu dài, nguy nga tráng lệ, vàng ngọc đầy dãy, mĩ nữ đông đúc nên rất thèm muốn ở lại Hàm Dương. Phàn Khoái khuyên mãi không nghe, Trương Lương nói phải trái mãi Lưu Bang mới chịu rút quân ra đóng ở Báu Thượng, dem theo rất nhiều ngọc quý.

Lưu Bang muốn làm vua nước Tần, nên nghe lời Giải tiên sinh đóng cửa Hàm Cốc không cho quân các nước chư hầu và Hạng Vũ đi qua.

4. Hồng Môn đại yến, Hạng Vũ thả hổ về rừng

Hạng Vũ nghe Lưu Bang đến Hàm Dương trước đã bức mình, lại nghe Lưu Bang đóng cửa Hàm Cốc càng thêm tức giận. Hạng Vũ thúc quân vượt Hàm Cốc và đóng quân ở Hồng Môn tìm cách dạy cho Lưu Bang một bài học. Hạng Vũ bàn tính với các tì tướng kế diệt Lưu Bang.

Hạng Vũ cho bày yến tiệc tại Hồng Môn, có bố trí đao phủ mai phục sẵn, khi có hiệu lệnh thì giết Lưu Bang. Chuẩn bị xong Hạng Vũ cho mời Lưu Bang đến.

Hạng Bá, chú ruột của Hạng Vũ, vốn là chỗ tâm giao với Trương Lương, liền báo cho Trương Lương biết. Trương Lương báo lại cho Lưu Bang biết kế độc của Hạng Vũ. Lưu Bang cùng các tì tướng biết chuyện nhưng ngặt một nỗi : lúc ấy quân Hạng Vũ có đến 40 vạn, quân của Lưu Bang chỉ có 10 vạn, nếu đánh nhau khác nào đem trứng chọi đá. Lưu Bang tỏ ra rất lúng túng, nếu đến thì khác nào chui đầu vào hang hùm miệng sói, mà không đến thì sẽ bị Hạng Vũ trừng trị. Thật là tiến thoái lưỡng nan. Lúc ấy Trương Lương đưa ý kiến : Lưu Bang sẽ đích thân đến Hồng Môn tạ tội với Hạng Vũ rồi tùy cơ ứng biến. Lưu Bang chẳng còn lựa chọn nào khác đành thuận theo kế sách ấy.

Ở đại yến Hồng Môn, Hạng Vũ do dự không muốn giết Lưu Bang. Lưu Bang mượn cớ đi vệ sinh cùng Phàn Khoái, Hạ Hầu Anh và Kỷ Tín, chạy tháo thân về chỗ đóng quân.

Do sự do dự mà Hạng Vũ đã không giết được Lưu Bang. Lưu Bang thoát khỏi Hạng Vũ như cọp về rừng, như rồng về biển, từ đó xảy ra cuộc tranh hùng long trời lở đất, các nhà viết sử gọi là *HÁN – SỞ TRANH HÙNG*, khiến thiên hạ rối bời suốt 5 năm trời.

5. Lưu Bang đẩy con xuống xe mà chạy

Mùa xuân, năm thứ hai (205 TCN) dời Hán, Lưu Bang dẫn quân 5 nước, khoảng trên 60 vạn tiến sang phía Đông đánh Sở. Được tin, Hạng Vũ lúc ấy là Sở Vương giao việc

dánh Tề cho các tướng tá, còn tự mình đem 3 vạn tinh binh xuống phía Nam, qua đất Lỗ, vòng sang đất Hồ Lăng.

Tháng Tư, quân Hán đã vào được Bành Thành, thu hết châu báu, mĩ nữ và mở hội khao quân thiết đãi tiệc rượu.

Sở Vương từ Hồ Lăng theo hướng Tây tiến đến đất Tiêu đánh quân Hán từ sáng sớm, rồi vòng sang phía Đông đến Bành Thành. Đúng trưa, quân Hán bị cắt làm đôi, một cánh chạy lên phía Bắc nhảy xuống hai con sông Cốc và Tu Thuỷ, bị chết đến hơn 10 vạn ; một cánh chạy xuống phía Nam, để rút lên núi.

Quân Sở truy kích đến sông Tu Thuỷ, quân Hán tháo lui, một số lớn bị quân Sở đuổi kịp giết chết, còn thì nhảy cả xuống sông Tu Thuỷ, chết đến hơn 10 vạn nữa. Xác người nghẽn cả dòng chảy của sông.

Lưu Bang (Hán Cao Tổ) bị kẹt giữa vòng vây. Lúc đó, lại có cơn dông từ phía Tây Bắc kéo tới, cây cối đổ gãy, nhà cửa tan tác, cát bụi bay mù mịt, giữa ban ngày mà trời tối mù như ban đêm vậy. Bị luồng gió dữ chấn động, quân Sở rối loạn. Nhờ vậy, Lưu Bang mới thoát chết cùng với vài chục kị binh. Lưu Bang sang đất Báu, thu xếp đón gia quyến chạy về miền Tây.

Hạng Vũ sai người đuổi theo đến đất Báu. Trong lúc loạn lạc, gia quyến Lưu Bang đã bỏ trốn khỏi đất Báu vì thế mà không gặp được Lưu Bang.

Giữa đường, Lưu Bang gặp con trai là Doanh và Lỗ Nguyên đang chạy loạn. Lưu Bang cho hai người lên xe cùng đi. Quân Sở đuổi gấp, Lưu Bang vội dây Doanh và Lỗ Nguyên xuống xe để xe nhẹ hẫu có thể chạy thoát. Thấy thế

Đặng Công nhảy xuống xe đỡ hai người lên. Sự việc lặp lại cả thảy 3 lần. Đặng Công nói : “*Gấp thì gấp, đẩy họ xuống cung chạy nhanh hơn được bao nhiêu, bỏ họ sao đành !*”.

Lưu Bang im lặng.

6. Lưu Bang xin nước xáo

Lần khác, Lưu Bang đóng quân ở núi Quảng Vũ chống nhau với Hạng Vũ, hai bên tranh giành nhau suốt mấy tháng mà không bên nào tìm được cách vượt bên kia. Bành Việt, tướng của Lưu Bang, cắt đứt đường tiếp tế của quân Sở. Hạng Vũ lấy làm lo sợ, đặt Thái công (*cha của Lưu Bang*) lên một cái bàn lớn, doạ rằng : “*Nếu không rút quân xuống núi cho mau thì ta sẽ lược Thái công.*”.

Lưu Bang trả lời : “*Tôi và Hạng Vũ cùng là bầy tôi thụ mệnh Hoài Vương, chúng ta vẫn thường nói kết nghĩa với nhau làm anh em. Vậy cha tôi tức là cha của Hạng Vũ. Nếu như ông giết cha ông thật thì xin cho tôi một bát nước xáo !*”.

Hạng Vũ nổi giận toan giết Thái công, thấy vậy Hạng Bá can : “*Việc thiên hạ cũng chưa thể biết được. Vả chăng những người mưu đồ thiên hạ chẳng hề nghĩ đến gia đình, dù có giết gia đình họ cũng vô ích, chỉ thêm gây họa mà thôi.*”.

Hạng Vũ nghe ra.

7. Cái chết của Hạng Vũ

Năm thứ 5 đời Hán (202 TCN), Lưu Bang đuổi Hạng Vũ đến phía Nam Dương Giã, hợp lực với Hàn Tín, Bành Việt, Kinh Bố, Lưu Giả cùng tiến đánh.

Hạng Vũ đóng ở Cai Hạ lương thực thì hết lại bị vây mây vòng. Hạng Vũ đem theo 800 người mở con đường máu, phá vòng vây mà trốn thoát. Khi chạy đến Ô Giang, Hạng Vũ tự đâm vào cổ mà chết.

Tướng Hán là Vương Ê chặt lấy đầu Hạng Vũ, còn các tướng sĩ khác thì tranh nhau cướp xác Hạng Vũ, họ giày xéo lên nhau chết bẹp cả mấy chục người. Quân Hán kẻ cướp được cẳng tay, người cướp được cẳng chân, năm tướng ghép lại mới thành xác xác Hạng Vũ.

8. Mưu sâu kế độc của Lưu Bang

Giết Đinh Công : Đinh Công làm tướng quân nước Sở, đã từng vì Hạng Vũ mà truy kích rất gấp ở phía Tây Bành Thành. Trong lúc nguy cấp giáp lá cà, Lưu Bang nói với Đinh Công : “*Hai tay hảo hán, há làm khốn nhau !*”.

Đinh Công rút quân về và Lưu Bang thoát nạn.

Đến khi Hạng Vũ bị diệt, Đinh Công đến yết kiến, Lưu Bang dẫn Đinh Công đi các doanh trại, tuyên bố : “*Đinh Công thờ Hạng Vũ mà bất trung, hắn là kẻ làm cho Sở Vương mất thiên hạ.*”. Nói rồi bèn ra lệnh chém Đinh Công.

Cao Tổ còn nói thêm : “*Để làm gương cho quân thân đời sau, chờ có bắt chước Đinh Công.*”.

Bắt Hàn Tín : Năm thứ tư đời Hán (203 TCN), Hán Cao Tổ đang bị quân Sở vây gắt ở Vinh Dương, sứ giả của Hàn Tín lại đến dâng thư xin phong làm Tề Vương.

Hán Cao Tổ nổi giận đùng đùng, thấy vậy Trần Bình vội can ngăn, Hán Cao Tổ bất đắc dĩ sai Trương Lương đi lập Hàn Tín làm Tề Vương, trưng dụng quân của Hàn Tín để đánh Sở.

Hạng Vũ sợ quân Hán mạnh lên, sai Vũ Thiệp đến thuyết Hàn Tín phản Lưu Bang. Hàn Tín không nghe, còn nói : “*Người ta hết lòng tin cậy mình mà mình lại phản bội người ta như thế là không hay. Dù chết tôi cũng không hè đổi dạ thay lòng.*”.

Vũ Thiệp đi rồi, Khoái Thông, người nước Tề, đến gặp Hàn Tín, phân tích lợi hại, thuyết Hàn Tín cùng Hạng Vũ, Lưu Bang chia ba thiên hạ.

Hàn Tín do dự không nỡ phản Hán, lại cho rằng mình có nhiều công trạng, thì chắc không thể nào Lưu Bang cướp đất Tề của mình. Khoái Thông nói không dắt lời, bèn giả điên, làm đồng cốt.

Nguyên, Chung Li Mạt vốn là tướng của Sở Vương, rất tương đắc với Hàn Tín. Khi Sở Vương mất, Chung Li Mạt trốn về ở với Hàn Tín.

Lưu Bang vẫn căm hận Chung Li Mạt, nghe tin Mạt ở với Hàn Tín thì đòi Hàn Tín phải bắt nộp Chung Li Mạt. Hàn Tín không nghe. Lúc mới tới Sở, Hàn Tín đi tuần sát các huyện, các ấp bao giờ cũng đem theo quân đội bố phòng rất nghiêm ngặt. Chính vì thế mà Lưu Bang rất lo lắng.

Năm thứ sáu đời Hán (201 TCN), có kẻ dâng thư tố cáo Hàn Tín làm phản. Hán Cao Tổ muốn đem quân đi đánh Hàn Tín nhưng Trần Bình can ngăn, vì xét thực lực và tài cầm quân của Hán Cao Tổ không bằng Hàn Tín.

Hán Cao Tổ dùng kế của Trần Bình lấy cớ đi tuần thú và họp chư hầu ở đầm Vân Mộng, sai sứ báo cho các chư hầu : *Trâm đi chơi Vân Mộng, sẽ hội chư hầu ở đất Trần.*

Kì thực là Hán Cao Tổ có ý định xuất quân bất ngờ đánh úp Hàn Tín.

Hán Cao Tổ tới gần địa phận Sở Vương, Hàn Tín đã toan xuất quân làm phản, sau lại tự xét mình vô tội, muốn yết kiến nhưng lại sợ bị bắt. Có người nói với Hàn Tín : “*Cứ chém phăng đầu Chung Li Mạt yết kiến Hoàng đế, tất ngài sẽ vui mà tha cho thì không lo gì nữa !*”.

Hàn Tín đến gặp Chung Li Mạt, bàn việc đó. Chung Li Mạt nói : “*Lưu Bang sở dĩ không đánh lấy đất của ông là vì có Mạt này giúp ông. Nếu muốn bắt tôi để lấy lòng Hán Đế (Hán Cao Tổ) thì cứ làm, tôi mà chết đi thì ông cũng không còn.*”.

Nói xong, Chung Li Mạt mắng Hàn Tín rằng : “*Ông không phải là bậc trưởng giả !*”. Rồi tự đâm vào cổ mà chết.

Hàn Tín chặt đầu Chung Li Mạt đem đến yết kiến Hán Cao Tổ. Đang khi tiếp kiến Hàn Tín, Hán Cao Tổ sai võ sĩ trói Hàn Tín lại, bỏ lên xe chở đi.

Hàn Tín nói : “*Quả đúng như người ta nói : thô tinh khôn mà chết, thì con chó săn bị luộc, đám chim bay hết thì cung xếp xó ; nước địch mà phá xong, thì mưu thần chết. Thiên hạ bình định rồi, tôi bị luộc là điều cố nhiên !*”.

Hán Cao Tổ nói : “*Người ta tố cáo mi làm phản.*”.

Nói rồi ra lệnh chở Hàn Tín đi. Đến Lạc Dương, Hán Cao Tổ xá tội cho Hàn Tín, gia phong cho làm Hoài Âm Hầu.

Từ đó, Hàn Tín đâm ra thất vọng, đêm ngày đem lòng oán hờn, thường nhật sâu muộn, lấy làm xấu hổ phải ngang hàng với bọn Giáng Hầu, Chu Bột, Dĩnh Âm Hầu, Quán Anh, Phàn Khoái... Hàn Tín biết Hán Cao Tổ ghét tài mình, cho nên thường cáo bệnh không dự triều hội.

Chém Hàn Tín : Một hôm, Hàn Tín than thở với Trần Hi, nói bóng gió muốn cùng với Trần Hi làm phản, nhưng không thấy Trần Hi phản ứng gì. Năm 11 đời Hán (196 TCN), Trần Hi làm phản thật. Hán Cao Tổ tự cầm quân đi dẹp. Hàn Tín cáo bệnh không đi theo. Hàn Tín ngầm sai người đến bảo Trần Hi : “*Miễn sao ông khởi sự được trót lọt là tôi thừa cơ giúp ông.*”.

Hàn Tín bàn mưu với gia thần, thừa lúc đêm tối, xuống chiếu giả, phóng thích tù nhân bị thu dụng làm nô lệ trong các nhà quan, để đánh úp Lữ Hậu và Thái tử. Mọi việc đều xếp đặt đâu đấy, chỉ đợi tin tức của Trần Hi báo về.

Một tên xá nhân có lỗi bị Hàn Tín bỏ tù định giết ; em tên này đến trình báo với Lữ Hậu mưu mô làm phản của Hàn Tín.

Lữ Hậu muốn triệu Hàn Tín vào chầu nhưng sợ vây cánh của Hàn Tín, nên mới lập mưu với Thừa tướng Tiêu Hà. Lữ Hậu và Tiêu Hà sai một người giả làm sứ giả từ chiến trường về báo tin rằng đã dập tắt quân phản loạn của Trần Hi và xuống lệnh cho liệt hầu và quần thần đều phải vào triều chúc mừng.

Tiêu Hà nói với Hàn Tín rằng : “*Dù có đau cũng cố mà vào !*”.

Hàn Tín vừa vào châu thì Lữ Hậu sai võ sĩ trói Hàn Tín lại rồi đem chém trong căn nhà treo chuông ở cung Trường Lạc. Khi sắp bị chém, Hàn Tín than rằng : “*Ta tiếc đã không nghe lời Khoái Thông, để đến nỗi bị đàn bà, con trai lừa gạt, há chẳng phải việc trời sao ?*”.

Lữ hậu bèn giết sạch 3 họ nhà Hàn Tín. Khi Hán Cao Tổ dẹp Trần Hi về, biết Hàn Tín chết vừa vui lại vừa thương.

Làm mắm Bành Việt : Sau khi giết xong Hàn Tín, Lưu Bang nhấm vào Lương Vương Bành Việt, ghép Bành Việt vào tội mưu phản, muốn dày đi đất Thục. Bành Việt một mặt kêu oan, một mặt cầu cứu Lữ Hậu.

Lữ Hậu nói với Lưu Bang nên đưa Bành Việt về Lạc Dương. Sau, Lữ Hậu lại nói với Lưu Bang, nếu dày Bành Việt vào Thục khác nào nuôi hổ, hoạ về sau nên tìm cách giết đi.

Lưu Bang nghe theo, ra lệnh giết Bành Việt, vầm làm mắm.

9. Vinh quang của Đế Vương

Như đã nói, Lưu Bang xuất thân là một nông dân, tính tình thô kệch, ít học lại thành công khá sớm, nên rất ghét thậm chí không tin dùng Nho sĩ. Có lần Lưu Bang mắng Lục Giả : “*Ta ngồi trên mình ngựa mà được thiên hạ, đâu cần phải suốt ngày học Thi, Thư.*”.

Bấy giờ, thiên hạ đã thu về một mối, Lưu Bang được tôn làm Hoàng đế. Hoàng đế mở tiệc lớn, quần thần uống rượu vào thì tranh giành nhau công lao, có người do quá

chén la hét om sòm, người khác thì tuốt gươm chém bừa vào cột. Lưu Bang thấy thế thì lo lắng lắm.

Biết Lưu Bang lo sợ, Thúc Tôn Thông bèn tâu : “*Bọn Nho sinh không giúp Bệ Hạ lập nên sự nghiệp nhưng giúp Bệ Hạ giữ được sự nghiệp. Thần xin trưng cầu bọn Nho sinh nước Lỗ và các học trò của thần để cùng chế định triều nghi.*”.

Lưu Bang còn nghi ngờ nhưng nghĩ bụng cứ thử để Thúc Tôn Thông làm xem sao.

Nhân vừa xây xong cung Trường Lạc, chư hầu và quần thần đến chầu mừng. Do đã được Thúc Tôn Thông tập luyện, nên từ lúc bắt đầu đến khi hết lễ, vua chư hầu và quần thần, không ai dám to tiếng lộn xộn, đứng quỳ phải phép.

Lưu Bang – Hán Cao Tổ thấy thế vui mừng lắm bèn nói : “*Bây giờ ta mới biết cái vinh quang, cái tôn quý của một bậc Đế Vương.*”.

Quần thần ai nấy đều hoan hỉ.

Xong việc, Thúc Tôn Thông được ban 500 cân vàng, các Nho sinh và học trò được cho làm quan lang. Thúc Tôn Thông đem vàng chia hết cho mọi người. Bọn đệ tử và các Nho sinh thích quá, nói rằng : “*Thúc Tôn Thông là một vị thánh nhân. Ông thấy rõ nhu cầu khẩn cấp của thời đại.*”.

10. Cái tài của Lưu Bang

Các nhà viết sử cho rằng, nguyên nhân Lưu Bang thăng Hạng Vũ vì đã biết lấy Quan Trung làm căn cứ địa ;

biết dùng vàng bạc để chia rẽ kẻ thân tín tay chân của Hạng Vũ ; biết dùng những người tài giỏi như Trương Lương, Tiêu Hà, Hàn Tín, Kinh Bố, Bành Việt.

Chính Lưu Bang cũng thừa nhận : “*Ngồi trong mìn trướng quyết thăng ngoài ngàn dặm ta không bằng Trương Lương ; trấn thủ quốc gia, vỗ về thiên hạ ta không bằng Tiêu Hà ; đã đánh là thăng ta không bằng Hàn Tín.*”.

Tuy nhiên sau khi diệt được Hạng Vũ, Lưu Bang đậm ra nghi kị các công thần, tìm cách cung cống ngai vàng, thâu tóm quyền lực, lần lượt thanh toán từng người, trong đó có cả những người đã giúp ông thoát nạn.

11. Lưu Bang bỏ ngục Tiêu Hà

Thừa tướng Tiêu Hà có tài trị nước, ai nấy tin phục. Thấy vậy Hán Cao Tổ càng thêm lo lắng, chờ cơ hội là diệt Tiêu Hà.

Năm thứ 12 đời Hán (195 TCN), trước mặt quân thần, Tiêu Hà tâu xin Hoàng thượng cho khai khẩn đất hoang vùng Thượng Lâm, dân chúng cày cấy để tăng thêm lương thực.

Hán Cao Tổ không chuẩn tấu lại còn bắt bẻ : “*Ta nghe ngày trước, Thừa tướng Lý Tư lập nên công lao gì đều quy về Tân Thuỷ Hoàng, không tự nhận công về mình. Nay, Tiêu Hà tự nhận mọi công lao về mình, còn ra vẻ thi ân cho trăm họ, là cố ý tạo phản.*”.

Nói xong, Hán Cao Tổ liền ra lệnh biếm chức Tiêu Hà và tống giam vào ngục.

12. Anh Bố bị diệt, Lư Uyển chạy thoát

Năm 12 đời Hán (195 TCN), Hoài Nam Vương Anh Bố hay tin Hàn Tín bị giết, trong lòng sợ hãi không an, lại nghe tin Bành Việt bị làm mắng càng thêm lo bèn khởi binh làm phản.

Được tin, Hoàng đế thân chinh đi phá Anh Bố. Trong trận Trường Bình, Hán Cao Tổ trúng tên bị thương phải rút quân về.

Sau đó, Yên Vương Lô Uyển cũng khởi binh làm phản. Cao Tổ Hoàng đế sai Phàn Khoái, lúc đó làm Thừa tướng đi dẹp. Lô Uyển thất bại, cùng với một ngàn người chạy trốn sang Hung Nô.

13. Giết ngựa trắng, lập lời thề

Năm thứ 12 đời Hán (195 TCN), sau khi bị thương ở trận Trường Bình, bệnh Hán Cao Tổ ngày càng nặng, một mặt thấy những công thần được phong vương, phong hầu nhưng đều làm phản (hoặc bị Hán Cao Tổ nghi làm phản), mặt khác biết mình không thể sống lâu để trị bọn làm phản, Hán Cao Tổ liền họp quần thần văn võ trước Thái Miếu.

Tự tay Hán Cao Tổ, giết một con ngựa trắng, lấy máu hoà với rượu, thề trước linh vị tổ tiên, đại khái : “*Từ nay về sau, ai không phải họ Lưu thì không được phong vương, ai không có công lao thì không được phong hầu. Ai phản lại lời thề thì thiên hạ cùng nhau thảo phạt người đó.*”.

Thề xong, Hán Cao Tổ uống nửa bát rượu, phần còn lại các quan văn võ trên dưới chia nhau uống.

14. Tướng Phàn Khoái thoát chết

Phàn Khoái vừa cung quê, vừa là bạn cố tri của Cao Tổ Hoàng đế, là chồng của em gái Lữ Hậu. Năm xưa ở Hồng Môn đại yến, Phàn Khoái đã múa kiếm với Hạng Trang, đem thân che chở cho Hán Cao Tổ (*lúc ấy là Hán Vương hay còn gọi là Bá Công*). Chính Phàn Khoái là người cứu được Hán Cao Tổ ra khỏi hang hùm miệng sói ở đại yến Hồng Môn.

Trong *Hán thư Phàn Khoái truyện*, bảng chiến công ghi khá dài*. Trong những cuộc Nam chinh Bắc chiến với Hán Cao Tổ, Phàn Khoái đã chém gần 300 thủ cấp quân địch, thu phục cả mấy ngàn tù binh. Phàn Khoái được ban tước nhỏ từ Quốc đại phu, từng bước lên đến Hiền thành quân và đến Tướng quốc.

Nghe Yên Vương Lư Uyển làm phản, Cao Tổ Hoàng đế sai Phàn Khoái đem quân đi đánh. Khoái đi rồi có kẻ gièm pha nói xấu với Hán Cao Tổ. Cao Tổ Hoàng đế tin theo, giận nói : “*Phàn Khoái thấy mình đau bệnh, muốn cho mình chết đấy mà!*”.

Nghe mưu Trần Bình, Hán Cao Tổ vời Giáng Hầu Chu Bột đến trước Long sàng nhận chiếu chỉ, chiếu rồng : “*Trần Bình cấp tốc dẫn Chu Bột bằng phương tiện địch, khẩn cấp*

* Ở Năng Đông chém 15 thủ cấp, tước Quốc đại phu. Đánh Chương Hàm ở Bộc Dương, chém 23 thủ cấp, được ban tước liệt đại phu. Phá trận Lí Do, chém 60 thủ cấp, được ban tước Thương vân. Ở Vũ Thành, chém 40 thủ cấp, bắt 60 tù binh, được ban tước Ngũ đại phu. Đánh quân Triệu Bí ở bắc Khai Phong, chém một tướng tước hầu, chặt 68 thủ cấp, được tước khanh. Đánh địch ở Uyển Lăng, chém 8 đầu địch, bắt 44 tù binh, được phong làm Hiền thành quân. Đánh địch ở đất Lỗ, chém 4 thủ cấp... Lúc làm quan tại triều, chém 1 Đô úy, chặt 10 đầu địch, bắt 46 tù binh, thu 2.980 hàng binh.

đến thay Phàn Khoái cầm quân. Đến quân doanh, Bình phải lập tức chém đầu Phàn Khoái.”.

Nhận chiếu chỉ rồi, hai người tức tốc lên đường. Dọc đường, hai người bàn với nhau : “*Phàn Khoái là chỗ cố tri với Hoàng thượng, có nhiều công trạng, lại là em rể Lữ Hậu, vừa họ thân vừa quan sang. Hoàng thượng trong lúc giận muốn chém nhưng e rồi sẽ hối. Nay ta bắt Phàn Khoái điệu về để Ngài tự giết là hay hơn.”.*

Chưa tới quân doanh, Trần Bình đã cho lập đàn và dùng cờ tiết vời Phàn Khoái đến. Khoái vừa đỡ lấy chiếu chỉ thì bị trói hai tay quặt ra sau lưng, bỏ vào xe tù, cấp tốc đưa thẳng về Trường An.

Dọc đường Trần Bình được tin Cao Tổ Hoàng đế băng hà. Trần Bình sợ Lữ Hậu nghe lời của Lữ Tu (vợ Phàn Khoái) sẽ nổi giận và mang hoạ, liền gấp rút bỏ về trước.

Về đến cung, Trần Bình khóc lóc rất thảm thiết, trước linh cữu Cao Tổ Hoàng đế. Rồi Trần Bình trình bày việc mình được sai đi trị tội Phàn Khoái cho Lữ Hậu nghe. Lữ Hậu thương hại nói : “*Ông vất vả quá, thôi, ra mà nghỉ !*”.

Thế là Trần Bình một phen kinh hồn bạt vía còn Phàn Khoái thoát nạn, được phục chức và phong ấp như cũ.

2

LƯU TRIỆT – HÁN VŨ ĐẾ

*Tin vào thần thánh, tuần du vô độ,
trăm họ khổn khổ, trộm cắp như rươi.
(Tư trị thông giám)*

Lưu Triệt (156 – 87 TCN) tức Hán Vũ Đế lên ngôi lúc 16 tuổi (141 TCN), theo đánh giá của các sử gia hiện đại, vừa là một vị minh quân vừa là một bạo chúa.

1. Một vị minh quân

Sau khi lên ngôi, Lưu Triệt tiếp tục mở mang chính sách trị vì của Văn Cảnh (157 – 141 TCN). Triều đình nhà Hán thịnh vượng trên nhiều phương diện : củng cố chế độ *trung ương tập quyền*, chăm lo văn hoá, kinh tế và ngoại giao.

Về *trung ương tập quyền* : Lưu Triệt cho phép các vua chư hầu được phân phong cho con em, mục đích phân tán thế lực của họ và để củng cố chế độ trung ương tập quyền.

Về *văn hoá* : Nhằm phế truất Bách Gia, Lưu Triệt đưa Đổng Trọng Thư lên làm *Giang Đô Tướng*, đưa Nho học lên địa vị độc tôn.

Lưu Triệt cũng yêu thích văn chương, tập trung quanh mình một số nhà văn có tài như Chu Mãi Thần, Tư Mã Tương Như, Đỗng Phương Sóc.

Về *kinh tế* : Lưu Triệt áp dụng chính sách trưng thu thuế tiền vốn của thương nhân, đánh thuế các nhà buôn

giàu có. Ông sử dụng các biện pháp của Tam Hoàng thu nạp sắt, thép, muối, đúc đồng để nhà nước quản lí, kinh doanh và vận chuyển.

Lưu Triệt cho sửa sang và tu bổ hệ thống thuỷ lợi, di dân về phía Bắc để làm ruộng nhằm phát triển nông nghiệp.

Về ngoại giao : Lưu Triệt sai Trương Hàn 2 lần đi sứ sang Tây Vực để củng cố mối quan hệ giữa Trung Nguyên và các dân tộc ít người ở Tây Vực.

2. Một bạo chúa

Vụ án Hoàng hậu A Kiều

Lúc còn nhỏ Lưu Triệt đã có dịp gặp mặt Trần A Kiều, Lưu Triệt nói nếu lấy được A Kiều làm vợ sẽ xây một cái nhà bằng vàng cho nàng ở. Khi lên ngôi, Lưu Triệt lập A Kiều làm Hoàng hậu. A Kiều không có con, Lưu Triệt đã bỏ rất nhiều vàng bạc để chạy chữa nhưng vô hiệu. Về sau Lưu Triệt gặp cô gái họ Vệ xinh đẹp, trẻ trung hơn, bèn bỏ Trần A Kiều, lập cô gái họ Vệ lên làm Hoàng hậu. Trần A Kiều không còn được ở nhà vàng như Lưu Triệt đã hứa mà bị đẩy vào cung Trường Môn và chết ở đó.

Vụ án Vu Cổ (đồng bóng)

Năm 139 TCN, Hán Vũ Đế – Lưu Triệt ra ngoài tế thần, nhân tiện ghé sang nhà người chị gái là Thái Bình Công chúa. Ở đây, Lưu Triệt gặp một cô gái họ Vệ, tuổi 19, nguyên là nữ tì của Thái Bình Công chúa.

Lưu Triệt và cô gái họ Vệ “hai mắt cùng liếc hai lòng cùng ưa”. Từ đấy cô gái họ Vệ, trở thành tình nhân của

Hoàng đế, sau này được lập thành Hoàng hậu. Người anh của Vệ Hoàng hậu là Vệ Trương Quân cũng được cất nhắc làm Cảnh vệ cung. Em trai của Vệ Hoàng hậu là Vệ Thanh, chồng của Thái Bình Công chúa, được thăng chức Đại tướng quân (*tổng tư lệnh quân đội*), sau đó thăng lên chức Thừa tướng.

Vệ Hoàng hậu sinh được người con trai tên là Lưu Kịch. Năm Lưu Kịch 7 tuổi được lập làm Thái tử. Cô gái họ Vệ, từ một nô tỳ lên thành Hoàng hậu, gia đình ai cũng làm quan lớn, quyền họ Vệ nghiêng cả thiên hạ.

. Vì thế, trong dân gian lưu truyền bài hát :

*Sinh con trai chờ vội vui
Sinh con gái cũng đừng buồn
Hãy xem nhà họ Vệ
Quyền, thiên hạ nghiêng.*

Song, phúc bất trùng lai, hoạ vô đơn chí, năm 106 TCN, Vệ Thanh, em của Vệ Hoàng hậu, là cột trụ của nhà họ Vệ không may qua đời. Cũng trong thời kì ấy, Công Tôn Kính, người nhà họ Vệ, tham ô quân lương 1 ngàn 9 trăm vạn tiền. Lưu Triệt giao vụ việc này cho Đỗ Chu điều tra. Kết quả điều tra là gần một nửa nhà họ Vệ dính líu đến vụ án. Kết cục, con của Vệ Thanh bị chặt đầu, cả nhà Công Tôn Kính bị giết.

Lưu Triệt ốm nhiều ngày không khỏi, cận thần là Giang Sung tâu rằng, có lẽ các tên thầy bói, đồng bóng trong kinh thành dùng tượng gỗ (gọi là mộc ngẫu) trù yểm Hoàng đế nên mới sinh ốm dai như thế. Lưu Triệt sợ chết,

liên ra lệnh tìm bắt bọn thây bói, đồng bóng hoặc bị nghi là đồng bóng hoặc nhà nào có tượng gỗ, tất nhiên trong đó có kẻ thù của Giang Sung, đem ra giết sạch.

Số người bị giết lên đến vạn người, nhiều gia đình bị tàn sát, tiếng kêu khóc vang trời. Giết xong cả vạn người, Giang Sung còn nói với Lưu Triệt, đại bản doanh của bọn đồng bóng không đâu xa mà chính ở hậu cung. Giang Sung xin Lưu Triệt mở cuộc điều tra. Lưu Triệt nghe theo giao cho Giang Sung đi điều tra.

Sau khi điều tra, Giang Sung bẩm rằng đã tìm được những tượng bằng gỗ, dùng để trù yểm Hoàng đế, chôn ở trong cung Hoàng hậu và Thái tử. Ngoài ra, Giang Sung còn bẩm báo đã tìm được nhiều giấy tờ quan trọng, âm mưu phản loạn ở trong thư phòng của Thái tử Lưu Kịch.

Thái tử Lưu Kịch nghe được tin, hoảng hốt, không cách nào khác là khởi binh làm loạn. Cuộc chiến đẫm máu diễn ra 5 ngày 5 đêm, thây chất thành núi, máu chảy thành sông. Lưu Kịch thất bại, bỏ chạy, sau tự vẫn tại Huyền Lương. Vệ phu nhân, mẹ của Vệ Hoàng hậu, nghe tin Thái tử thất bại, kêu khóc thảm thiết rồi tự ải.

Lưu Triệt rất tức giận, ra lệnh giết Vệ Hoàng hậu và cả ba họ. Tất cả con cái, người nhà của Thái tử buộc phải tự vẫn, các quan chức liên hệ xa gần với Thái tử đều bị giết không tha, nhẹ thì bị tống vào ngục. Số bị giết lên đến 10 vạn người, sử gọi là vụ án Vu Cổ.

Sau khi thảm sát, Lưu Triệt có lẽ ân hận vì đã nghe lời Giang Sung, ít lâu sau Lưu Triệt ra lệnh giết Giang Sung và toàn gia quyến.

Giết mẹ Thái tử : Một trong những Tiệp Dư của Lưu Triệt là Triệu Tiệp Dư, Triệu Tiệp Dư hay dùng viên ngọc để tập hai bàn tay, hai bàn tay thường nhẹ nhàng mở ra, nắm lại nén còn có tên là Chưởng phu nhân.

Năm 88 TCN, Lưu Triệt cảm thấy mình đã già yếu, trong lúc Hoàng Thái tử Lưu Phật Lăng mới 7 tuổi, vì sợ khi mình chết đi mẹ Thái tử là Triệu Tiệp Dư chuyên quyền, bèn tìm cách giết Triệu Tiệp Dư.

Con cháu ngang tàng : Lưu Triệt cũng thường dung túng con cháu, vì thế con cháu của Lưu Triệt ngang tàng, giết người bừa bãi. Thúc Vương – Lưu Kiện Đức ra ngoài đi săn, vì nhà của dân vương lối đi, Lưu Kiện Đức ra lệnh cho lính đốt luôn 96 nhà và giết người trong 2 thôn.

Giang Bộ Dị Vương, con của Lưu Kiện Đức, giết 30 cung phi bằng cách cho chó dữ cắn chết hoặc giam vào ngục, bỏ đói cho đến chết.

Vương Xuyên Vương – Lưu Khứ còn có kiểu giết người độc đáo : để việc giết người thêm hứng thú Lưu Khứ dùng chuỳ, dùng dao khoét mắt, lóc thịt, chặt tay chân. Lưu Khứ đã giết 40 người thê thiếp bằng cách này.

Giết các Thừa tướng : Thời Hán, các Thừa tướng thường là những công thần, có quyền lực rất cao. Họ thường được chia sẻ quyền lực với Hoàng đế trong cai trị đất nước. Để thâu tóm quyền lực, Lưu Triệt thi hành thủ đoạn là chỉ trích, đuổi, bãi chức, thậm chí là xử tử.

Theo sử sách, dưới thời Lưu Triệt có 3 Thừa tướng phải tự tử chết và một Thừa tướng bị tống ngục rồi chết

trong ngục. Ba Thừa tướng tự sát là Lí Sái (năm thứ 5 Nguyên Thú), Khánh Thanh Vũ (năm thứ 2 Nguyên Đỉnh) và Thạch Khánh (?). Thừa tướng Triệu Chu (năm thứ năm Nguyên Đỉnh) bị tống ngục rồi chết trong ngục.

Những hung thần của Lưu Triệt : Lưu Triệt dùng các cận thần là Trương Thang, Vương Ôn Thư, Đỗ Chu, Ninh Thành, Triệu Vũ đều là những hung thần.

Trương Thang lúc ấy là Đinh uý kiêm Ngự sử, được Lưu Triệt giao cho xử vụ án Trần Hoàng hậu. Trong vụ án Vu Cổ Trương Thang trực tiếp giết 300 người ; vụ án hai vị vương ở Hoài Nam, Hành Sơn, trên 1 vạn người bị giết, với tội tạo phản.

Vương Ôn Thư giết 1 ngàn gia đình, máu loang cả 10 dặm, dân chúng kinh hoàng, không có đường mà đi.

Đỗ Chu, chức đinh uý, mỗi năm xử hàng ngàn vụ án, cứ mỗi vụ án liên luy ít nhất là từ 10 đến 100 người phải chết. Đỗ Chu có lúc ít thì bỏ tù 6 – 7 vạn người, lúc nhiều thì bỏ tù 10 vạn người, trong đó có nhiều quan chức cũng bị bắt vào ngục.

Khi hung thần chế định luật pháp : Ngoài việc xử án, Trương Thang, Ninh Thành, Triệu Vũ còn chế định luật pháp, gồm 359 chương, 409 điều. Cách làm luật này dân đen chắc không thoát khỏi những điều luật giăng như măc vông ở thời đó.

Các sử gia ước tính, vụ án Vu Cổ cả nước có 10 vạn người bị giết, vụ án ăn cắp tiền đúc, 10 vạn người bị giết ; vụ án Vương Hậu, Thái tử, hai vị vương ở Hoài Nam và

Hành Sơn 1 vạn người bị giết ; thương nhân phạm pháp 500 người bị giết.

Chiếu ngục : Lưu Triệt còn lập ra 26 nhà ngục, gọi là chiếu ngục, để giam giữ các quan lại phạm tội ; nhạc công nổi tiếng Lí Diên Niên từng bị giam vào chiếu ngục. Sử gia Tư Mã Thiên bị thiến ở chiếu ngục.

Xây cung điện : Lưu Triệt cho xây cung điện, gồm 145 căn, trang hoàng cực kì đẹp đẽ, xa hoa dùng để mở yến tiệc đón khách khứa và những thương nhân.

Tuần du : Lưu Triệt rất thích tuần du. Các cuộc tuần du được thực hiện xuất phát từ Trường An thẳng đến miền Bắc (Mông Cổ), từ Bắc đến miền Đông, từ miền Đông lên miền Tây. Ước tính đoạn đường Lưu Triệt đã tuần du dài hàng vạn dặm. Sách sử ghi : Những lần tuần du, vàng tiêu như đất, tiền tiêu như nước ; trưng dụng hàng vạn phu phen.

Chiến tranh : Sử sách Trung Quốc ghi lại, dưới thời cai trị của Lưu Triệt nhiều cuộc khởi nghĩa của nhân dân nổ ra. Để đánh dẹp những cuộc khởi nghĩa, Lưu Triệt có khi duy trì quân đội lên đến 200 vạn. Sau 30 năm chiến tranh, dân số thời đó đã giảm đi một nửa.

Thuế má : Để có tiền chi phí cho chiến tranh và các chi tiêu khác, Lưu Triệt ra lệnh cho nông dân cứ 100 mẫu ruộng phải nộp thuế hết 30 mẫu.

Trong dân chúng bắt kể nam nữ cứ tính từ 7 tuổi đến 30 tuổi phải đóng thuế, người cao tuổi thì giảm dần. Nhiều gia đình bần hàn, khi sinh con gái phải giết đi, để khỏi đóng thuế.

Kê khai tài sản : Lưu Triệt còn ra lệnh kê khai tài sản, gọi là cáo mân (mân : tiền xâu). Ai kê khai chưa đúng thì phải khai lại. Ai cố ý kê sai sẽ bị tịch thu toàn bộ tài sản. Ai cáo giác những người kê khai không đúng, sau khi nhà nước tịch thu, sẽ được thưởng một nửa tài sản của người bị cáo giác.

Với cách làm này, vô số nhà công thương nghiệp bị phá sản, những gia đình bị tan nát không kể xiết.

Năm 87 TCN, Lưu Triệt trên đường đi tuần về phía Tây, bị bệnh chết. Trị vì ngót 55 năm, tuổi thọ của Lưu Triệt khá dài so với các vị vua khác, nỗi khổ của nhân dân Trung Hoa thời đó cũng kéo dài hơn.

3 VƯƠNG BÔN – TÂN ĐẾ

*Hung ác cùng cực, hơn bất cứ ai.
(Hán thư)*

1. Con đường tiến thân

Vương Bôn* (38 TCN – 23 ĐCN), lên ngôi Hoàng đế năm 8 (ĐCN). Các sử gia có nhiều ý kiến khác nhau, người khen là quân tử, thương người, kẻ chê Vương Bôn tuy học rộng tài cao nhưng gian hùng. Các nhà nghiên cứu gần đây xếp Vương Bôn vào danh sách bạo chúa.

* Còn có tên là Vương Mãng.

Vương Bôn là cháu Hoàng hậu Vương Chính Quân, vợ của Nguyên Đế Lưu Anh, thời Tây Hán. Vương Bôn gọi Vương Phong bằng bác, vốn là một quan lớn trong triều và gọi Vương Thành Hầu, quan Thượng thư của Thành Đế bằng chú. Vương Bôn là học trò của Trần Tham, một danh Nho đương thời. Vương Bôn rất chăm học, tay không rời sách vở.

Vương Bôn mồ côi cha từ bé, gia cảnh nghèo nàn, không quyền không thế nhưng được xem là người rất có hiếu với mẹ, kính trọng chị dâu. Do có lòng hiếu thuận, chăm học, nên Vương Bôn được nhiều người mến yêu.

Năm 22 TCN, Vương Phong, bác của Vương Bôn, bị bệnh nặng liệt giường, Vương Bôn với danh nghĩa thay mặt cha (quá cố), săn sóc bác, thân không rời giường bệnh, áo không thay, tay không rời chén thuốc.

Trước sự chăm sóc chu đáo, tận tình của cháu, Vương Phong rất cảm động. Sau khi lành bệnh, Vương Phong ba lần bảy lượt tâu với Thành Đế xin phong cho Vương Bôn một chức quan.

Vương Bôn được Thành Đế phong chức Hoàng Môn Lang, không bao lâu lại được thăng chức Hiệu Uý, Quan tư lệnh đội quân cung nỏ, mỗi năm được hưởng 2 ngàn thạch ; lúc ấy, Vương Bôn mới 24 tuổi (nam 15 TCN).

Cuối năm đó (15 TCN), Vương Phong, chú của Vương Bôn, lại tâu với Thành Đế phong tước cho Vương Bôn và được các đại thần phụ họa. Thành Đế phong cho Vương Bôn làm Tân Đô Hầu, hưởng tước Đô uý quang lộc đại phu thị trung, không chỉ được tham dự triều chính mà còn được hầu

cận Thành Đế. Với chức vụ mới này Vương Bôn đã tiến đến trung tâm của quyền lực.

Vương Bôn, giao thiệp rất rộng, bao nhiêu bỗng lộc có được đều đem dâng, biếu xén các đại thần và các tân khách.

Năm 8 TCN, chú của Vương Bôn bệnh nặng, Vương Bôn thay chú nắm quyền dưới một người trên cả vạn người.

Năm thứ 1 TCN, Thành Đế băng hà, Bình Đế mới được 9 tuổi lên kế vị. Vương Chính Quân, lúc này là Hoàng Thái hậu, tin dùng Vương Bôn, phong Vương Bôn làm *Đại Tư Mã Tướng Quân*, chủ quản mọi việc lớn của quốc gia. Cũng trong năm này, nước Việt Thường triều cống con chim bạch trĩ, loại chim hoang dã quý hiếm. Nhân đó, Vương Bôn nói với triều thần, đây là điềm lành, tương tự Chu Công phò tá nhà Chu, được các nước thần phục đem dâng chim trĩ quý.

Triều thần biết ý, liền tâu với Thái hậu phong Vương Bôn làm An Hán Công. An Hán, có nghĩa là triều đình thiên hạ phải dựa vào Vương Bôn thì mới yên ổn.

2. Thật – giả lẫn lộn

Tương truyền, Vương Bôn rất cẩn kiêm, tuy làm quan lớn nhưng thường mặc áo cũ ngắn ngủn, quần vải thô. Trong nhà vợ con, kẻ hầu người hạ đều mặc áo cũ, quần cũ bằng vải thô. Mọi người ai thấy vậy cũng không dám cười, lại còn khen ngợi.

Một hôm, lễ sinh nhật của mẹ Vương Bôn, các quan đại thần trong triều cùng phu nhân, ai nấy đều ăn mặc rất

đẹp, ngồi xe, ngồi kiệu nghênh ngang đến chúc mừng. Vương Bôn và vợ, ăn mặc áo quần vải thô, sờn cũ, ra tận cửa đón chào khách khứa, làm ai cũng ái ngại. Vào tiệc, khách chỉ được dãi bằng những món cơm rau đậm bạc, nhưng ai nấy đều tỏ ra kính phục lắm.

Lần khác, trời nắng hạn, ruộng vườn nứt nẻ, lại bị hoàng trùng hại mùa màng. Vương Bôn được tin, tâu với Thái hậu cho cứu tế, mặt khác Vương Bôn xuất một vạn quan tiền, 30 khoanh ruộng (*mỗi khoanh khoảng 100 mẫu*) để cứu tế, lại gọi các quan trong triều đóng góp để cứu trợ, có 230 quan văn võ hưởng ứng.

Không lâu, trời mưa xuống, các quan trong triều cho rằng, công đức của Vương Bôn cảm động đến trời. Từ đó ai nấy lại càng khâm phục và kính trọng Vương Bôn.

Do Vương Bôn có nhiều công lao, quan Hữu tư tâu với Bình Đế ban thưởng cho Vương Bôn 25.600 khoanh ruộng tốt, Vương Bôn từ chối không chịu nhận.

Có lần, con trai của Vương Bôn là Vương Hoạch, giết một nữ tì (*chuyện thường của thời đó*) nhưng Vương Bôn quy Vương Hoạch vào tội giết người, phải xử tử nhưng vì con nên ban ân huệ là được tự sát. Quần thần thấy vậy ca ngợi Vương Bôn thương người, chí công vô tư.

3. Củng cố quyền lực hậu cung

Năm Hán Bình Đế thứ 12, Vương Bôn muốn con gái mình làm Hoàng hậu bèn ngỏ ý với Thái hậu. Thái hậu hỏi quần thần, các quan đều đồng ý, thế là con gái Vương Bôn, mới 13 tuổi, được tiến cung và được làm Hoàng hậu. Sinh lê

là 2 vạn lượng bạc được đem đến nhưng Vương Bôn chỉ nhận 4 ngàn lượng bạc. Vị trí, uy tín và quyền lực của Vương Bôn lại càng mạnh thêm.

Để củng cố thế lực ở hậu cung, Vương Bôn tìm cách bắt hai vị Hoàng hậu của Thành Đế và Ai Đế phải tự sát. Một người bị gán tội danh giết Hoàng tử, một người bị gán tội danh là xa xỉ, toàn bộ gia tộc của hai người đều bị trục xuất ra khỏi kinh sư.

Vương Ninh con trai của Vương Bôn thấy cha ngang ngược chuyên quyền, bí mật bàn với người em vợ tên là Lữ Khoan, tìm cách để can ngăn.

Được tin do tay chân báo lại, Vương Bôn tức giận, ra lệnh hạ ngục Vương Ninh và ép uống thuốc độc tự tử. Vợ con Vương Ninh, tức con dâu và cháu bị tống giam.

Giết xong Vương Ninh, Vương Bôn bắt Lữ Khoan, bằng cách mượn giao giết người, Lữ Khoan cũng chết ở trong ngục.

4. Thanh trùng và củng cố quyền lực

Các quan lại từ địa phương đến triều đình ai tỏ ra bất mãn đều bị Vương Bôn trừ khử. Lương Vương – Lưu Lập, Hồng Vương Hầu – Vương Lập, Bình Vương Hầu – Vương Nhân... đều bị ép tự sát. Hơn một vạn người bị tù dày, bị giết trong cuộc thanh trùng của Vương Bôn.

Vương Bôn, một mặt thanh trùng những người bất mãn, mặt khác không ngừng củng cố thế lực và mua chuộc lòng người.

Năm thứ 1 TCN Vương Bôn đã phong 360 người làm Liệt Hầu, 25 người làm quan Nội Hầu. Năm sau, phong Liệt Hầu và quan Nội Hầu tổng cộng là 113 người.

Vương Bôn cũng tìm mọi cách để mua chuộc các phần tử trí thức, văn nhân, trong nước. Vương Bôn cho xây một vạn phòng túc xá, những người thông thạo sử sách, giỏi thiên văn, địa lí, pháp luật... đều được mời đến ở túc xá và được trọng dụng.

Các phần tử trí thức, văn nhân, thấy được che chở càng thêm cảm kích, hết lòng ca ngợi Vương Bôn, so sánh công nghiệp Vương Bôn hơn cả Chu Công.

5. Đến giờ hạ độc thủ

Vương Bôn muốn chia rẽ mẹ con, nên bắt Vệ phu nhân, mẹ của Bình Đế, ra ở bên ngoài, không cho vào kinh. Nhiều lần Bình Đế muốn gặp mẹ, Vương Bôn không cho, khiến Bình Đế rất buồn bực và tức giận. Vương Bôn biết ý và chỉ chờ có cơ hội là ra hạ độc thủ Bình Đế.

Năm Bình Đế 14 tuổi, nhân một buổi yến tiệc, Vương Bôn bỏ thuốc độc vào rượu. Bình Đế trúng độc băng hà. Bình Đế không còn, Vương Bôn lập Lưu Anh, lúc ấy mới 2 tuổi lên ngôi, sử gọi là *Nhu Tử Anh*, chữ nhụ tử ám chỉ ông vua bé dại.

Thông thường Hoàng đế quá nhỏ, cần phải có một nhiếp chính ; Vương Bôn muốn làm nhiếp chính, liền phao tin : “Có người đào giếng, đào được một khối bạch ngọc có hàng chữ *An Hán Công Vương Bôn làm nhiếp chính Hoàng đế*.”. Hàng chữ này là ý trời muốn Vương Bôn làm nhiếp

chính. Hoàng Thái hậu Vương Chính Quân biết ít nhiều dã tâm của Vương Bôn, nên không đồng ý, nhưng quần thần cứ tâu mãi, buộc *Hoàng Thái hậu* phải nghe theo.

Thế là Vương Bôn được phong Nhiếp Chính Hoàng đế, nắm mọi quyền hành trong tay, thực chất là Hoàng đế nên được gọi là Giả Hoàng đế (thay quyền Hoàng đế).

6. Khi Hoàng đế giả trở thành Hoàng đế thật

Cũng trong thời gian đó, Vương Bôn và một số tay chân dựng nên sự kiện gọi là *Kim quỹ tang thư*.

Chuyện kể, ở trong miếu thờ Hán Cao Tổ, người ta phát hiện được một cái rương quý, trong rương có sách viết những hàng chữ ngũ ý các Tiên đế nhà Hán muốn triều đình tôn Vương Bôn nối nghiệp và phong chức cho 11 đại thần khác.

Năm thứ 8, trước áp lực của Vương Bôn, Hoàng Thái hậu đưa sự kiện *Kim quỹ tang thư* ra để triều đình nghị luận. Quần thần đều đồng ý suy tôn Vương Bôn làm Hoàng đế, có quan đại thần còn đích thân mặc hoàng bào cho Vương Bôn.

Vương Bôn lên ngôi Hoàng đế, việc đầu tiên là thanh toán những tay chân và các quan lại, kể cả cha mẹ anh em có dính dáng đến sự kiện *Kim quỹ tang thư*.

Kết cục, hơn 100 người, lần lượt lên đoạn đầu dài ; trong đó có Lưu Giới, con của Quốc sư Lưu Hâm, Đại tư mã Vương Ấp... Người nào may mắn sống sót đều bị giáng chức. Vụ án này gọi là *Phản phong* (phong thư chôn dưới đất).

7. Có bốn người con, giết ba còn một

Vương Bôn có tính nghi kị và rất sợ con cháu trong nhà họ Vương âm mưu tạo phản. Trong số họ, người nào Vương Bôn nghi kị tạo phản đều bị phế truất, bị giết hoặc bị trục xuất khỏi kinh thành.

Thái tử Vương Lâm, con Vương Bôn, tặng cho mẹ mình một phiến bích ngọc, người mẹ để bên cạnh giường ngủ. Vương Bôn quy vào tội tư thông, phế truất Thái tử Vương Lâm, giáng xuống làm Nghĩa Dương Vương, trục xuất ra khỏi kinh thành. Thế nhưng Vương Bôn vẫn chưa yên tâm, tìm cách buộc Vương Lâm tự sát. Các con của Thái tử cũng bị hạ độc chết. Những quan chức có quan hệ với Thái tử cũng bị xử tử.

Hoàng hậu, vợ Vương Bôn, thấy 3 con trai đều chết một cách oan uổng, lâm bệnh mà chết. Vương Bôn còn biếm truất một người con khác là Vương An ra khỏi kinh thành.

Trước sau, Vương Bôn có 4 người con trai, ông đã giết con trai cả Vương Hoạch, con trai thứ nhì Vương Ninh, con trai thứ ba Vương Lâm, lưu đày con trai thứ tư là Vương An.

Bốn người con trai đều phải hi sinh cho sự nghiệp chính trị và ngai vàng của cha !

8. Biến pháp

Sau khi lên ngôi, Vương Bôn tiến hành các cuộc biến pháp về ruộng đất, thực hiện chế độ giải phóng nông nô và thực hành lục quản (quản lí 6 loại : khai thác muối, săt, rừng, đầm, đúc tiền và cho vay tiền).

Thứ nhất, Vương Bôn quốc hữu hoá tất cả ruộng, gọi là vương điền, trở lại chính sách tĩnh điền thời trước, giao đất cho dân cày. Vương Bôn làm vậy là muốn không còn kẻ giàu người nghèo và không còn nô nô.

Thứ hai, Vương Bôn quốc hữu hết các doanh nghiệp lớn, nhà nước độc quyền làm muối, khai thác sắt, nấu rượu, khai thác rừng đầm, đúc tiền và cho vay tiền. Vương Bôn quy định các nghề công thương phải nộp thuế hàng năm bằng một phần mười lợi tức thu được ; cho thu hết tất cả mọi thứ tiền đang lưu thông trong nước đem về đúc thành tiền mới.

(Vương Bôn) đặt ra các chức quan gọi là Tư thị, mỗi năm 4 lần quy định giá hàng hoá buộc người mua bán phải tuân theo. Đặt chức quan Ngũ quân, để bình giá hàng hoá : nhà nào có hàng hoá bán không được thì nhà nước theo giá đã định để thu mua, khi giá hàng lên cao thì nhà nước theo giá cũ bán ra cho dân ; Đặt chức quan Tuyền phủ để cho dân vay tiền, nếu vay làm ma chay thì không lấy lời, nếu vay làm ăn thì thu lời.

Biến pháp của Vương Bôn được nhiều sử gia ca ngợi nhưng cũng có nhiều sử gia cho rằng thất bại nhiều hơn thành công. Theo họ, Vương Bôn đã thất bại vì :

Thứ nhất : muốn cải cách vương điền, Vương Bôn phải dùng những hình phạt rất tàn khốc, làm nhiều người chết một cách thê thảm. Chủ chương chính sách xoá bỏ chế độ nô lệ, nhưng trên thực tế, Vương Bôn bắt người dân làm nô lệ nhiều hơn, gần 10 vạn người bị bắt làm phu phen, đi làm các công trình xây dựng, đa số đều bị chết đói, thây phơi đầy cả thành Trường An.

Thứ hai : về đúc tiền, đổi tiền, mỗi lần đổi tiền thì lại có nhiều nông dân, thương nhân thất nghiệp, hàng hoá bị bỏ đi. Những người phạm tội liên quan đến việc đổi tiền, đúc tiền riêng ở Trường An lên 10 vạn người ; mẹ lìa con, chồng xa vợ ; buồn khổ mà chết đến sáu, bảy phần.

Chính sách lục quản (*độc quyền khai thác muối, săt, rừng, đầm, đúc tiền, cho vay tiền*) sử sách đánh giá kết quả là làm cho người giàu không thể giữ được của cải, người nghèo không giữ được mạng sống.

Trong quá trình thực hiện chính sách, Vương Bôn tàn bạo thu lợi, thì các quan lại cũng lợi dụng đục nước béo cò, tha hồ nhũng nhiễu, vơ vét, tàn hại người dân. Kết cục nhân dân khổ sở nhưng kho lâm nhà nước vẫn trống rỗng.

9. Quá nhiều thổ địa

Vương Bôn cho xây ở phía Nam thành Trường An một vạn cái miếu thổ địa (*phải chăng là để giúp Vương Bôn canh chừng đất đai ?*), tu sửa 9 miếu lớn của nhà họ Vương, cái nào cái nấy điện dài trùng điệp, xa hoa tốn kém.

Để thực hiện việc này, Vương Bôn tìm mọi cách thu gom rát nhiều tiền của trong thiên hạ, hàng vạn sinh mệnh nhân dân.

10. Chơi bài theo thời cổ

Vương Bôn rất hoang dâm, bắt chước cách ăn chơi của các Hoàng đế thời cổ, thu nạp 120 mĩ nữ, ăn mặc kiểu thần tiên, đánh đàn tì bà, hầu hạ Hoàng đế. Vương Bôn còn cử

45 quan chức chỉ làm mỗi một việc là lùng sục mĩ nữ từ bốn phương bắt về cung để hưởng lạc.

11. Gây chiến bốn phương

Vương Bôn thường phát động các đợt chiến tranh : Gây chiến với các nước phía Tây ; gây oán với Câu Ninh Vương ở Tây Nam ; tiến đánh đất Ba Thục. Các cuộc chinh chiến của Vương Bôn thường diễn ra ở những nơi khí hậu khắc nghiệt khiến cho quân sĩ mười phần bị bệnh dịch chết hết sáu, bảy phần.

Các đảng phái, nông dân, con cháu nhà Hán, nổi lên chống Vương Bôn như ong. Đảng Xích Mi (*lông mày đỏ*), đông đến hàng triệu người. Khi đảng này tiến vào kinh thành, gặp quan lại, các diền chủ, các phú thương, họ đã giết hết không tha một ai.

Tháng 10 năm 23, Lưu Tú, cháu sáu đời của Cảnh Đế, khởi binh chống Vương Bôn, tiến được vào thành Trường An.

12. Hai kiểu chết

Sự tàn bạo của Vương Bôn đã nhanh chóng đẩy ông vào con đường diệt vong. Xung quanh cái chết của Vương Bôn, hiện nay có 2 thuyết khác nhau xin liệt kê ra đây để phục vụ bạn đọc : Một, Vương Bôn thua chạy cùng đường, bị một thương nhân tên là Đỗ Ngô chém chết. Quan Hiệu úy chặt đầu, mười tên lính chặt thi thể, nhiều người căm hận khác đá vào đầu.

Hai, Vương Bôn cho rằng mạng trời chưa hết, cứ mặc long bào ngồi trên ngai vàng, miệng lâm râm đọc kinh đạo Nho. Một tên lính thấy gai mắt, chặt đầu Vương Bôn.

Theo các bộ sử, có một triệu người đã chết trong những năm binh đao, loạn lạc do Vương Bôn khởi xướng !

Chương bốn

NGỤY TẤN NAM BẮC TRIỀU – LÍ LUẬN CỦA KẺ MẠNH

Trong khoảng thời gian từ khi Đổng Trác đốt thành Lạc Dương đến Tào Ngụy cướp ngôi nhà Đông Hán, xã hội Trung Quốc có nhiều biến động. Năm 589, nhà Tùy thống nhất Trung Hoa, gọi là thời đại Ngụy – Tấn Nam – Bắc triều.

Sử chia thời kì này thành nhiều giai đoạn : Tam quốc (ba nước), nhà Tấn, Thập lục quốc (mười sáu nước), Nam – Bắc triều. Thời đại này xuất hiện nhiều bạo chúa :

1. *Tào Phi - Tào Ngụy*
2. *Tôn Quyền - Tôn Ngô*
3. *Tôn Hạo - Tôn Ngô*
4. *Thạch Hổ - Hậu Triệu*
5. *Phù Sinh - Tiền Tần*
6. *Lưu Tử Nghiệp - nhà Tống*
7. *Tiêu Loan - nhà Tề*
8. *Tiêu Bảo Quyển - nhà Tề*
9. *Hậu Cảnh - Hán Lương*
10. *Cao Dương - Bắc Tề*
11. *Vũ Văn Văn - Bắc Chu*
12. *Nhiễm Mẫn - Nhiễm Ngụy*
13. *Hách Liên Bột Bột - nhà Hạ*

1

TÀO PHI – TÀO NGUY

*Mỗi ông vua đều có một con cáo
và một con sư tử nấp ở bên trong.
(Mã Cơ Nhã Duy Lý)*

Nhà Nguy do Tào Tháo lập nên, con trai Tào Tháo là Tào Phi đoạt vương quyền của nhà Hán rồi xưng đế. Nhà Nguy tồn tại 46 năm (220 – 265), truyền được 5 đời. Nhà Nguy mất bởi Tư Mã Ý, người sáng lập nhà Tây Tấn.

1. Cuộc chạy đua đến ngai vàng

Tào Tháo có 5 người con trai : Tào Ngang con của Lưu Thị đã chết, Biện Thị có 4 người là Tào Phi, Tào Chương, Tào Thực và Tào Hùng.

Tào Chương có sức khoẻ nhưng thiếu mưu lược, Tào Hùng thì đau ốm luôn. Tào Tháo thường để ý đến Tào Phi và Tào Thực.

Tào Thực, thấy quan chủ bạ là Dương Tu có tài thì yêu mến lắm. Hai người rất hợp nhau, có lần Tào Thực mời Dương Tu đến chơi, hai người nói chuyện cả đêm không biết chán. Dương Tu cũng thường bày mưu định kế cho Tào Thực.

Khi Tào Tháo bàn với các tì tướng muốn lập Tào Thực làm Thế tử. Tào Phi biết chuyện, cho mời Ngô Chất vào phủ bàn bạc nhưng Tào Phi sợ người biết phải dùng cái đũy to để Ngô Chất ngồi vào trong, giả làm xe tơ lụa đem vào phủ.

Dương Tu biết ý, đến bẩm ngay với Tào Tháo chuyện của Tào Phi. Tào Tháo bèn sai người đứng rình ở cửa phủ Tào Phi. Tào Phi biết có người rình ở ngoài phủ vội bàn với Ngô Chất. Ngô Chất nói : “*Lo gì việc ấy ! Ngày mai lại đem đầy to chứa tơ lụa xe vào, để cho Thừa tướng tưởng là thực.*”.

Tào Phi nghe lời, dùng xe chở đầy tơ lụa vào phủ. Người của Tào Tháo khám xét, thấy quả nhiên là tơ lụa, về bẩm với Tào Tháo. Tào Tháo vốn đã nghi lại ghét tài Dương Tu, nay gặp thêm chuyện này lại càng ghét, thành thủ Tào Tháo nghi Dương Tu có bụng muốn hại Tào Phi.

Một hôm, Tào Tháo muốn thử tài hai con là Tào Phi và Tào Thực. Tào Tháo sai hai người cùng ra Nghịệp Thành nhưng lại dặn quân canh cửa không được cho ra.

Tào Phi đi trước, lính canh cửa ngăn lại, Tào Phi phải trở về. Tào Thực thấy vậy, hỏi Dương Tu. Dương Tu nói : “*Ông phụng vương mệnh mà đi, nếu kẻ nào ngăn trở thì cứ chém nó lấy lối mà đi, có sợ gì ?*”. Tào Thực nghe lời. Đến cửa thành, lính canh cửa không cho ra.

Tào Thực mắng rằng : “*Ta phụng vương mệnh ra đây, kẻ nào dám ngăn trở ?*”. Lập tức Tào Thực chém tên lính ấy. Tào Tháo thấy vậy, cho rằng Thực giỏi hơn Phi.

Sau này, có người mách Tào Tháo là Dương Tu đã chỉ cho Tào Thực. Tào Tháo giận lắm ghét lây cả Tào Thực.

Dương Tu lại làm sǎn vài mươi điều đối đáp giúp Tào Thực. Khi Tào Tháo hỏi Tào Thực việc quân việc nước, Tào Thực ứng đối trôi chảy, nói đâu ra đấy. Nhưng Tào Tháo vẫn còn nghi.

Tào Phi tìm cách đút lót tả hữu của Tào Thực, lấy được quyển đối đáp, trình với Tào Tháo. Tháo nổi giận nói rằng : “*Quân thất phu ! Sao dám đối ta như thế ?*”. Từ đó, Tào Tháo tìm cơ hội giết Dương Tu.

2. Lời trăng trối của Tào Tháo

Tào Tháo ở Lạc Dương, bị bệnh nhức đầu, sai người mời Hoa Đà đến chữa bệnh. Hoa Đà khám bệnh xong nói : “*Dại Vương nhức đầu vì nhiễm phải gió độc, bệnh ở trong óc không thoát ra được, uống thuốc cũng uống mà thôi. Tôi có một phép này : trước hết uống thang ma phế, rồi lấy búa bỗ óc ra, nạo hết rãі gió độc đi thì mới hết được bệnh.*”.

Tào Tháo vốn đa nghi, nghe vậy giận lẩm nên giết chết Hoa Đà. Từ đó, bệnh càng ngày càng nặng, biết không qua được, Tháo nói với bạn Tào Hồng : “*Cô tung hoành trong thiên hạ hơn 30 năm, bao nhiêu kẻ cường bạo trừ được sạch cả rồi, chỉ còn Tôn Quyền ở Giang Đông, Lưu Bị ở Tây Thục. Nay bệnh cô đã nguy lâm, không thể bàn được nhiều thêm nữa, nay đem việc nhà nhờ cậy các ngươi mà thôi : Con trưởng cô là Tào Ngang do Lưu Thị sinh ra, chẳng may mất sớm ở Uyển Thành. Biện Thị sinh được 4 con là Phi, Chương, Thực, Hùng.*

Cô xưa nay vẫn yêu con thứ ba là Thực, nhưng nó hay huyên hoang, không được thực thà, lại ngông nghênh chè rượu, cho nên cô không lập nó làm Thế tử.

Thằng thứ hai là Chương, khoẻ thì có khoẻ mà chẳng có khôn ; thằng thứ tư là Hùng, thì lầm bệnh khó thở.

Chỉ con trưởng là Phi có bụng thành thực kinh cẩn, có thể nối nghiệp cô. Các ngươi nên giúp đỡ nó !”.

Bọn Tào Hồng úa nước mắt, vâng mệnh.

Tào Tháo sai quân hầu cận đem những rương quý báu của mình cất dấu xưa nay, chia cho các nàng hầu và dặn rắng : “*Sau khi ta mất rồi, chúng bay phải siêng nănghề nữ công, thêu cho nhiều giày tơ, bán lấy tiền mà tiêu.*”.

Sai những tì thiếp trong đài Đồng Tước mỗi ngày đặt đồ tế, có nhà trò đánh nhạc, dâng đồ ăn. Lại sai đắp bảy mươi hai cái mả không ở ngoài thành Giảng Võ, phủ Chương Đức, để người ta không biết mả mình táng ở chỗ nào, sợ bị đào mất mả.

Tào Tháo dặn dò xong các việc, thở dài một tiếng, nước mắt tuôn ra như mưa, một lát sau tắt hơi, thọ được 66 tuổi. Bấy giờ tháng giêng năm Tí, niên hiệu Kiến An thứ 25 (220).

Tào Tháo mất, văn võ bách quan một mặt làm lễ tang, một mặt sai người báo tang cho Thế tử Tào Phi, Yển Lăng Hầu Tào Chương, Lâm Chi Hầu Tào Thực và Tiêu Hoài Hầu Tào Hùng. Các tì tướng dùng quan vàng, quách bạc, khâm liệm cho Tào Tháo, rồi rước ngay linh cữu về Nghiệp Quận.

3. Tào Phi nối ngôi Tào Tháo

Tào Phi nghe tin cha mất, khóc âm lên, đem quan viên lớn nhỏ ra khỏi thành 10 dặm, phục bên cạnh đường, đón rước linh cữu vào thành đặt ở Thiên Điện. Trăm quan mặc đồ tang xum quanh khóc lóc.

Quan Trung thứ sử là Tư Mã Phu bước ra nói : “*Xin Thé tử đừng khóc nữa, để bàn việc lớn đã ! Nay Nguy Vương mới mất, thiên hạ chấn động, phải lập ngay tự vương lên để yên bụng chúng mới được, sao lại khóc lóc làm gì ?*”.

Quần thần nói : “*Chưa có chiếu mệnh Thiên tử, đâu dám hấp tấp lập ngay.*”.

Binh bộ Thượng thư là Trần Kiệu nói : “*Nguy Vương mất ở ngoài, các con tranh nhau ở trong, gây nên biến loạn thì xã tắc nguy mất !*”.

Liền rút gươm cắt phăng tay áo, thét to lên rằng : “*Ngày hôm nay lập Thé tử lên nối ngôi, các quan ai còn dám bàn ngang nữa sẽ coi như tay áo này !*”.

Ai nấy đều kinh khiếp. Chợt có Hoa Hâm từ Hứa Xương phi ngựa đến. Mọi người giật mình hỏi có việc gì. Hâm nói : “*Nguy Vương mới mất, thiên hạ chấn động, sao không mời Thé tử lên nối ngôi mau đi ?*”.

Các tướng nói : “*Chỉ vì chưa có chiếu mệnh Thiên tử, đang bàn nhau xin từ chỉ của Vương Hậu - Biện Thị, để lập Thé tử đây !*”.

Hoa Hâm nói : “*Ta đã think được chiếu mệnh của Hoàng đế đây rồi !*”.

Tất cả mọi người cùng nhảy nhót reo mừng.

Hoa Hâm là kẻ siểm nịnh, bợ đỡ Tào Phi nên khi Tào Tháo bệnh nặng hắn đã làm săn một tờ chiếu, bức Hán Hiến Đế phải chuẩn tờ chiếu ấy. Hiến Đế dành phải nghe lời, phong cho Tào Phi làm Nguy Vương, Thừa tướng Kí Châu Mục.

Hâm rút tờ chiếu trong bọc ra, đọc lên. Ngay hôm ấy, Tào Phi lên ngôi, trăm quan lớn nhỏ vào lạy mừng, mở tiệc khánh hạ.

Khi ăn yến, có tin báo rằng : *Yển Lăng Hầu Tào Chương dẫn 10 vạn quân từ Trường An đến.*

Tào Phi giật mình hỏi quần thần rằng : “*Thằng em râu vàng của ta, xưa nay tính cương lăm, mà lại giỏi võ. Nay dẫn quân đến đây, tất có ý tranh ngôi cùng ta, làm thế nào bây giờ ?*”.

Quan Gián nghị Đại phu Giả Quỳ bước ra tâu rằng : “*Tôi xin yết kiến Yển Lăng Hầu, lấy lời lẽ mà thuyết phục.*”.

Tào Phi mừng lăm, lập tức sai Giả Quỳ đi. Giả Quỳ ra đón Tào Chương. Tào Chương hỏi : “*Ngọc tử của Tiên Vương để đâu ?*”.

Quỳ nghiêm sắc mặt nói : “*Nhà có con trưởng, nước có vua kế tự, Ngọc tử của Tiên Vương ông có phép hỏi được sao ?*”.

Tào Chương nín lặng không nói gì, cùng đi với Giả Quỳ vào thành. Khi đến gần cửa cung, Quỳ hỏi rằng : “*Các ngươi đến đây để chịu tang hay là muốn đến tranh ngôi ?*”.

Tào Chương nói : “*Ta đến chịu tang đấy thôi, chớ có bụng gì đâu ?*”.

Quỳ nói : “*Đã không có bụng gì, cớ sao mang cả binh mã vào thành ?*”.

Chương lập tức lệnh cho tướng sĩ lui ra, chỉ một mình vào cung ra mắt Tào Phi.

Hai anh em ôm nhau khóc lóc. Tào Chương đem hết quân mã của mình giao lại cho Tào Phi. Tào Phi sai Tào Chương về giữ Yển Lăng. Chương lạy từ trở ra.

4. Tào Phi che miệng văn nhân trong thiên hạ

Chôn cất Tào Tháo xong, Hoa Hâm tâu với Tào Phi rằng : “*Yển Lăng Hầu đã giao xong quân mã và về bǎn quốc rồi, còn Lâm Chi Hầu Tào Thực, Tiêu Hoài Hầu Tào Hùng, hai người không đến chịu tang, phải hỏi tội mới được.*”.

Tào Phi nghe lời, sai sứ giả đến hai nơi để hỏi tội.

Không bao lâu, sứ giả ở Tiêu Hoài về báo rằng : “*Tiêu Hoài Hầu Tào Hùng sợ tội thắt cổ tự tử rồi !*”.

Tào Phi sai hậu táng và truy tặng làm Tiêu Hoài Vương.

Vài hôm sau, sứ giả ở Lâm Chi lại về báo rằng : “*Lâm Chi Hầu ngày nào cũng a tùng với bạn anh em Đinh Nghi, Đinh Dị, uống rượu say sưa, càn rỡ, không biết lễ phép gì. Khi chúng tôi đến, Lâm Chi Hầu ngồi chêm chệ, không thèm cưa mình.*”.

Còn Đinh Nghi thì mắng chúng tôi rằng : “*Khi trước Tiên vương muốn lập chủ ta làm Thế tử, bị những quân nịnh hót ngăn trở. Nay Tiên Vương mới mất trong mấy ngày đã muốn hỏi tội trong cốt nhục hay sao ?*”.

Đinh Dị cũng nói : “*Cứ như chủ ta thông minh hơn đời, đáng lẽ nổi vào ngôi lớn mới phải. Nay lại hoá ra không được lập, các bầy tôi miếu đường chúng bay, sao không biết nhân tài vậy !*”. Lâm Chi Hầu còn nổi giận, sai

võ sĩ đem chúng tôi ra đánh đập một hồi rồi đuổi chúng tôi đi.

Tào Phi nghe nói, nổi giận sai Hứa Chủ dẫn 3.000 quân hộ vệ đến Lâm Chi bắt bọn Tào Thực.

Hứa Chủ phung mệnh, dẫn quân đến Lâm Chi, tướng giữ thành ngăn lại không cho vào. Hứa Chủ chém phăng ngay tướng ấy, vào thẳng trong thành, không ai dám chống lại.

Hứa Chủ đến phủ đường, thấy Tào Thực, Đinh Nghi và Đinh Dị đang say rượu nằm ườn cả ra đấy. Hứa Chủ trói cả bọn lại, bỏ lên xe, lại bắt hết cả các quan lớn nhỏ, giải về Nghiệp Quận, đợi Tào Phi định đoạt.

Tào Phi truyền đem giết sạch bọn Đinh Nghi, Đinh Dị. Hai người này vốn quê ở Báu Quận, đều nổi tiếng hay chữ một thời, ai cũng thương tiếc.

Mẹ Tào Phi là Biện Thị, nghe thấy Tào Hùng phải thắt cổ chết, đau xót vô cùng. Lại nghe tin Tào Thực bị bắt, đồ đảng là bọn Đinh Nghi bị giết, kinh hãi quá chừng, vội vàng ra điện gọi Tào Phi vào nói : “Em con là Thực, xưa nay ngông nghênh rượu chè, vì nó cậy tài nên mới phóng túng như thế ! Con nên nghĩ tình anh em ruột thịt mà tha tội cho nó, thì mẹ dù có chết xuống dưới suối vàng cũng được nằm yên.”.

Tào Phi nói : “Con cũng yêu cái tài của nó, đâu có nỡ hại nó, nay cũng răn bảo cho nó chưa bót thôi. Xin mẹ chờ lo !”.

Biện Thị gạt nước mắt trở vào. Tào Phi ra nơi thiên điện, đòi Tào Thực đến ra mắt.

Hoa Hâm hỏi : “*Vừa rồi Thái hậu khuyên điện hạ đừng giết Tử Kiến có phải không ?*”.

Phi đáp : “*Phải !*”.

Hoa Hâm nói : “*Tử Kiến có tài, có trí không phải là kẻ tầm thường, nếu không trừ đi cho sớm, tất để vạ vê sau.*”.

Hoa Hâm lại nói : “*Ai cũng bảo Tử Kiến có tài xuất khẩu thành chuông, tôi chưa tin lắm. Điện hạ nên đòi vào, hỏi xem tài y ra sao, nếu không có tài thì giết phắt đi, nhược báng có tai thì cũng giáng chức xuống, để che bớt miệng văn nhân trong thiên hạ.*”.

Tào Phi nghe lời Hoa Hâm. Một lát sau, Tào Thực vào ra mắt, sợ hãi xin thú tội.

Tào Phi nói : “*Ta nói với mày, tình tuy là anh em nhưng nghĩa là vua tôi, mày sao dám cậy tài bỏ lẽ ? Khi còn Tiên vương, mày hay đem văn chương khoe hơm với người, tao nghi mày mượn của người khác. Nay ta hạn cho mày đi bảy bước phải ngâm xong một bài thơ, ngâm được ta tha cho khỏi chết, nếu không xong sẽ trị tội nặng, quyết không tha !*”.

Tào Thực nói : “*Xin ra cho đầu bài.*”.

Khi ấy trên điện có treo một bức tranh thuỷ mặc, vẽ hai con trâu chơi nhau dưới bức tường, một con ngã xuống giếng chết.

Tào Phi trỏ vào bức tranh, bảo : “*Vịnh ngay bức tranh này nhưng cấm không được phạm vào các chữ : Hai trâu chơi dưới tường, một con sa giếng chết.*”.

Tào Thực đi được bảy bước thì cũng ngâm xong bài thơ :

*Dôi vật cùng đi đường
Trên đâu bốn khúc xương
Gặp nhau tựa sườn núi
Hung hăng mở chiến trường
Đôi bên đua sức mạnh
Một vật lăn xuống hang
Nào phải lực quá kém
Chẳng qua sự nhỡ nhàng.*

Tào Phi và các quan đều cho là tài, nhưng Tào Phi nói : “*Bảy bước mới làm xong bài thơ hãy còn chậm, mà y có ứng khẩu làm ngay được một bài thơ không ?*”.

Tào Thực lại xin ra đầu bài.

Tào Phi nói : “*Ta với mà y là anh em, lấy ngay việc ấy làm đầu bài nhưng không được phạm vào hai chữ anh em.*”.

Tào Thực không cần suy nghĩ gì, ứng khẩu đọc ngay :

*Nấu đậu đốt cành đậu
Đậu ở trong nồi khóc
Vốn sinh cùng một gốc
Sao nỡ đốt thiêu nhau.*

Tào Phi nghe xong, bỗng nhiên ứa nước mắt.

Biện Thị ở sau điện chạy ra, nói : “*Làm anh sao bắt chết em quá thế ?*”.

Tào Phi vội vàng đứng dậy, nói : “*Phép của nước, không sao bỏ được !*”.

Bởi thế, giáng Tào Thực xuống làm An Vương Hầu. Thực lạy từ, lên ngựa đi ra.

Nhổ cỏ tận gốc : Tháng 10 năm 220, Tào Phi phế truất Hán Hiến Đế, tự lập mình làm Hoàng đế, đổi tên nước là Ngụy.

Tháng 6 năm 223, nhân ngày đẹp trời, Tào Phi mời Tào Chương đến chơi cờ, trong lúc đánh cờ người hầu đem ra một đĩa táo.

Tào Chương cảm kích trước sự quý mến của anh, vừa đánh cờ vừa ăn táo, không ngờ trong táo có độc, Tào Chương bị trúng độc ngã lăn ra. Thái hậu, Biện Thị nghe tin Tào Chương trúng độc, vội chạy ra điện, ngồi bên Tào Chương vừa khóc, vừa sai người tìm nước để giải độc. Người hầu đem bình nước đến, Tào Phi giả bộ vô ý làm vỡ bình, nước chảy tung tóe.

Thấy vậy, Thái hậu vội chạy đi tìm nước nhưng cũng không đâu có nước ; chất độc phát tác, Tào Chương giãy giụa, chết trên tay Thái hậu.

Tào Phi ở ngôi được 7 năm thì chết năm 226.

2

TÔN QUYỀN – NGÔ CHỦ

*Thiên hạ gập vạ lớn, đều do nhà vua.
(Hoàng Tông Hy)*

Nhà Ngô do Tôn Sách sáng lập, tổng cộng được 59 năm (222 – 280) truyền được 4 đời, bị diệt vong bởi Tây Tấn.

Sự ra đời của Tôn Sách và Tôn Quyền được mẹ Tôn Quyền kể như sau : Con trưởng là Sách ra đời, ta nầm chiêm bao thấy nuốt Mặt Trăng vào trong bụng, con thứ hai là Quyền lúc đẻ ta nầm chiêm bao thấy nuốt Mặt Trời.

Tôn Quyền tự Trọng Mưu (sinh năm 182, lên ngôi xưng đế năm 229, mất năm 252) thừa kế tước vị của anh là Tôn Sách lúc 19 tuổi. Tôn Quyền được Trung hộ quân Chu Du và Trung Lang tướng Trương Chiêu phò trợ, chiếm cứ 6 quận ở Giang Đông.

Tôn Quyền cho rằng, Giang Đông phải đương đầu với nhà Ngụy và Thục, muốn tử thủ, phải khai thác đất đai, mở rộng cương thổ, tăng thuế má và xây dựng quân đội. Tôn Quyền bắt dân lao dịch để tu sửa thành quách, đào hào, đào kênh và thuế khoá cũng rất nặng nề.

Thấy dân chúng quá khổ sở, các trọng thần như Trương Chiêu, Cố Ung, Lục Tốn đều can ngăn nhưng Tôn Quyền không nghe, ông nói : “Đó là con đường duy nhất của Đông Ngô, ngoài ra không có con đường nào khác.”. Việc bắt lính, phu phen, thuế má ngày càng nặng nề hơn.

Cá tính của Tôn Quyền rất cương quyết và đa nghi ; khi ông đã quyết định việc gì hoặc muốn giết ai thì không ai có thể can ngăn được. Bá quan văn võ trong triều, khi đã bị nghi ngờ thì không thể nào thoát chết, có người còn bị tru diệt đến cả 3 họ.

Một số tướng lĩnh đóng quân ở biên giới nước Ngụy, nếu đã bị Tôn Quyền nghi ngờ, chỉ còn cách chạy trốn sang đầu hàng nước Ngụy.

Do việc phải đương đầu với Ngụy, Thục, hoặc trấn áp và thu phục vùng Sơn Việt (*Giang Tô, Triết Giang, An Huy, Giang Tây ngày nay*) Tôn Quyền rất coi trọng việc xây dựng quân đội.

Thời ấy, Đông Ngô có khoảng 230 vạn nhân khẩu, có 230 ngàn người bị sung làm lính. Để duy trì quân số, Tôn Quyền không ngừng bắt nông dân vào lính và những người nông dân trở thành lính chuyên nghiệp.

Việc đai ngộ quân sĩ khá đặc biệt nhưng hình phạt cũng rất tàn khốc. Chuyện kể, một người lính ăn cắp của dân 100 quan tiền, bị kéo ra giữa chợ chém đầu lập tức.

Tôn Quyền thừa kế chức vụ của anh trai, xưng đế 24 năm, chết năm 71 tuổi.

3

TÔN HẠO – TÔN MẶT ĐẾ

*Đắc chí, thô bạo, nhiều kí huý,
thích tửu sắc, ai nấy đều thất vọng.
(Tam quốc chí, Ngô thư)*

Ngô chủ là Tôn Hoà, vị Hoàng đế thứ tư của nhà Ngô, nghe tin Tư Mã Viêm đã cướp ngôi nhà Nguy, biết nguy cơ sắp đánh Ngô nên lo lắng thành bệnh, nằm liệt một chỗ không dậy được.

Tôn Hoà vời Thừa tướng Bộc Dương Hưng vào cung, sai Thái tử Tôn Quân ra lạy. Ngô chủ cầm tay Bộc Dương Hưng trả vào Thái tử, rồi mất.

Bộc Dương Hưng bàn với quần thần, muốn lập Thái tử lên nối ngôi. Tả diển quân Vạn Úc can rằng : “*Thái tử còn thơ áu lầm, không coi nổi việc nước, chỉ bằng ta nên đón Ô Trinh Hầu Tôn Hạo về mà lập nên thì hơn.*”.

Tả tướng quân Trương Bố cũng nói : “*Tôn Hạo kiến thức cao mà xử đoán anh minh, có tài làm nổi Đế Vương.*”.

Bộc Dương Hưng không quyết bồ nào, vào cung tâu với Chu Thái hậu.

Thái hậu nói : “*Ta là đàn bà, biết đâu việc xâ tắc ! Các ngươi liệu châm chước lập ai thì lập.*”.

Bộc Dương Hưng đi đón Tôn Hạo về lập làm Hoàng đế, các nhà sử học gọi Tôn Hạo là Tôn Mạt Đế (264 – 280).

Tôn Hạo tự là Nguyên Tôn, là cháu của Tôn Quyền, sinh năm 242 mất 283.

Tháng bảy năm ấy, Tôn Hạo lên ngôi Hoàng đế, cải niên hiệu là Nguyên Hưng, phong Thái tử Tôn Quân là Dự Chương Vương, truy tôn cha là Tôn Hoà làm Văn Hoàng đế; tôn mẹ là Hà Thị làm Thái hậu; gia phong cho Đinh Phụng làm Tả hữu Đại Tư mã.

1. Tin phong thuỷ và bói toán

Tôn Hạo rất tin phong thuỷ và bói toán. Năm 265, Tôn Hạo nghe thầy bói nói đất Kinh Châu có vượng khí, nên ra lệnh dời đô từ Kiến Nghiệp đến Vũ Xương.

Lục Khải dâng sớ can ngăn, có đoạn thống thiết : *"Thần vì Bệ Hạ mà lo lắng nước nhà. Ở Vũ Xương ruộng đất cằn cỗi, không phải nơi vua chúa đóng đô. Lại có ca dao rằng :*

*Nên uống nước Kiến Nghiệp,
không nên ăn cá Vũ Xương
Nên về Kiến Nghiệp mà chết,
không nên ở lì Vũ Xương.*

Như thế đủ rõ lòng người cũng hợp với ý trời đó. Nay nước không đủ lương thực một năm, có nguy cơ suy yếu dần mòn; quan lại quấy nhiễu nhân dân mà không hề thương xót, giúp đỡ. Thời Đại Đế cung nữ không đầy trăm người; từ Cảnh Đế đến nay, hàng nghìn có lẻ; hao công tổn của vô cùng. Tả hữu lại toàn người chẳng ra gì, bè kia đảng nọ lấn át nhau, hại kẻ trung, dìm người hiền, đều là bọn sâu dân mọt nước cả.

*Xin Bệ Hạ giảm những việc vô ích, bỏ những món
quyên góp nặng nề, bớt bỏ cung nữ; lựa chọn trăm quan. Như
thế đẹp ý trời, dân quy thuận, mà nước lại thái bình vây!".*

Tôn Hạo đọc sớ, không những không nghe mà còn không bằng lòng, vẫn nhất quyết dời đô. Nhân dân trong xứ Dương Châu phải ngược thuyền cung cấp cho Vũ Xương, khổ ải trăm bề.

Sau này, Tôn Hạo lại nghe có người nói đất Kiến Nghiệp đã phục hồi được vượng khí, Tôn Hạo lại ra lệnh dời đô về Kiến Nghiệp.

Ngoài việc dời đô, Tôn Hạo còn sai dân chúng và các quan văn võ vào rừng tìm gỗ quý để xây dựng cung Chiêu Minh, đốc thúc làm hoa viên, núi giả.

Hai lần dời đô và xây cung Chiêu Minh, tốn kém không biết bao nhiêu mà kể, dân chúng càng thêm khổ sở, oán than, kho lâm càng ngày càng trống rỗng.

Ai can ngăn đều bị giết : Tôn Hạo chỉ tin dùng Trung thường thị là Sầm Hôn, ai can ngăn cũng không nghe.

Hai đại thần là Bộc Dương Hưng và Trương Bố thấy Tôn Hạo ngày càng xa xỉ, hoang dâm và hung bạo, liền can ngăn. Tôn Hạo tức giận giết hai người và cả 3 họ một trật.

Có năm, dân đói chết phơi thây đầy đường, quan Thái thú Xa Tuấn mở kho phát chẩn cho dân: Tôn Hạo biết được, liền cho người bắt chặt đầu Xa Tuấn đem về kinh, với tội danh muốn ra tư ân với dân chúng.

Thượng thư Hùng Mục thấy vậy liền hết sức can gián, bị Tôn Hạo cho người giết rồi lóc thịt.

Trung Lang tướng Trần Thanh, khuyên Tôn Hạo không nên bắt con gái của trăm họ về làm thiếp, Tôn Hạo tức giận, bắt Trần Thanh cưa thành từng khúc, vứt đầu ra ngoài đường phố cho chó ăn.

Bị chột mất cũng chết : Tôn Hạo rất ghét người chột mất, thấy người nào chột mất, liền ra lệnh bắt và khoé终身 luôn mắt kia nữa.

Không uống được rượu cũng chết : Tôn chủ thích uống rượu, thường mở yến tiệc, bắt các quan phải đến dự và uống thật say, cho người hầu cận xem xét, ông quan nào uống không say, bắt trị tội.

Có lần, Tôn Hạo bắt các quan mỗi người phải uống hết 7 đấu rượu, quan đại thần Vĩ Chiêu không uống được nhiều rượu, lấy trà uống thay rượu. Tôn Hạo tức giận đem ra giết ngay lập tức.

Thường thị Vương Phiên say rượu, nằm ngủ quên trên điện, Tôn Hạo sai quân bắt xử tử.

2. Ham mê nữ sắc

Ngô chủ, ra lệnh các quan mỗi năm ăn lương 2 vạn thạch trở lên, có con gái thì phải khai báo, con gái đến tuổi 15 không được đi lấy chồng, phải tiến cung. Quan nào có con gái đẹp, hoặc tìm được gái đẹp, đem dâng cho Ngô chủ sẽ được trọng thưởng.

Truyện kể rằng, Tôn Hạo nghe đại thần Trương Bố có cô con gái rất đẹp, gọi là Trương mĩ nhân, nên Tôn Hạo trọng dụng Trương Bố. Tôn Hạo buộc Trương Bố đưa con gái vào cung, phong làm Tả phu nhân, ngày đêm hưởng lạc.

Sau khi Tôn Hạo giết Trương Bố, vào cung hỏi Trương mī nhân : “*Phụ thân của nàng đi đâu rồi !*”.

Trương mī nhân buồn bực nói : “*Cha tôi đã bị bọn gian thần hâm hại giết chết rồi !*”.

Tôn Hạo nghe xong, tức giận sai người lấy chày gỗ đập chết Trương mī nhân.

Tôn Hạo còn ra lệnh cho đào sông dẫn nước vào cung Chiêu Minh, khi không vừa ý cung nữ nào, liền đem ra chém vứt xuống sông hoặc dìm xuống nước cho đến chết.

3. Tôn Hạo mặc áo sô đi cứu lửa

Ngô chủ sai thuật sĩ là Thượng Quảng, bói xem việc lấy thiên hạ thế nào. Quảng bói xong thưa rằng : “*Bệ Hạ bói được quẻ này hay lăm ; đến năm Canh Tí lợn xanh sẽ vào Lạc Dương (kinh đô nhà Tấn).*”.

Tôn Hạo mừng lăm, liền bảo với Trung thư thừa Hoa Hạch rằng : “*Tiên đế nghe lời người, sai tướng chia ra giữ mạn bờ sông, lập vài trăm đồn, sai lão tướng Đinh Phụng thống lĩnh. Trăm nay muốn đánh chiếm lấy đất nhà Hán để báo thù cho Thục chủ, thì nên lấy xứ nào trước.*”.

Hoa Hạch can rằng : “*Nay Thành Đô thất thủ, xã tắc nhà Thục đổ rồi, Tư Mã Viêm tất có ý muốn thôn tính nước Ngô. Bệ Hạ nên sửa đức, yên dân là hơn cả. Nếu miễn cưỡng dấy động việc binh thì chẳng khác gì mặc áo sô nhảy vào cứu lửa, hoá ra mình lại đốt mình, xin Bệ Hạ xét cho.*”.

Hạo giận lăm, nói : “*Trăm muôn nhân dịp này mở mang bờ cõi, người sao dám nói gở miệng ra thế ? Nếu*

không nể ngươi là một cựu thần, thi quyết chém đầu ngươi để thị chúng.”

Liên quát võ sĩ đẩy ra ngoài cửa điện. Hoa Hạch ra khỏi triều than rằng : “*Tiếc thay ! Giang sơn gấm vóc thế này, chẳng bao lâu về tay người khác.*”

Từ đó, Hoa Hạch ẩn dật không ra làm quan nữa.

Tôn Hạo sai Trần Đông tướng quân là Lục Kháng đóng quân ở cửa sông, chực lấy Tương Dương. Tôn Hạo, càng ngày càng ngông cuồng càn rỡ, hết đánh chõ nợ lại gây hấn chõ kia, trên dưới ai cũng ta thán.

Thừa tướng Vạn Úc, tướng quân Lưu Bình, Đại Tư không Lưu Huyền thấy Tôn Hạo vô đạo, lựa lời can ngăn đều bị giết. Trong 10 năm, Hạo đã lần lượt giết trước sau 40 trung thần.

Tôn Hạo đi đâu thường đem 5 vạn quân thiết kị hầu hạ, quần thần sợ hãi, không ai dám ho he.

4. Chuyện hai cái ghế

Năm 279, Tư Mã Viêm dùng đòn Thái Sơn Áp Đinh, thôn tính Đông Ngô. Quân Giang Nam không chịu đánh giặc mà ùa vào cung bắt Sầm Hôn để cắt thịt.

Tôn Hạo tự trói mình, đem theo một chiếc áo quan xin hàng quân Tấn. Tướng nhà Tấn là Vương Tuấn đem Tôn Hạo về Lạc Dương chầu dâng Tấn chủ. Hạo lên điện rập đầu bái kiến. Tấn chủ cho ngồi, nói rằng : “*Trảm kê chõ ngồi này để đợi ngươi đến đã lâu rồi !*”.

Tôn Hạo tâu rằng : “*Tôi ở Nam phương cũng kê chõ ngồi như thế để đợi Bệ hạ.*”.

Tần chū cười ầm lên.

Sáu năm sau, Tôn Hạo bị bệnh, chết trên đất khách quê người, hưởng dương 42 tuổi.

4

THẠCH HỔ – NHÀ HẬU TRIỆU

*Săn bắt ngàn xe, nuôi thú vạn dặm.
Đoạt vợ của người, hậu cung vạn gái.
(Tấn thư)*

Người sáng lập nhà Hậu Triệu là Thạch Lặc (274 – 333), người tộc Yết, là nông dân từng phải làm nô lệ, thời trẻ theo Hán Vương Lưu Uyên. Năm 311, sau khi đánh phá Lạc Dương, Thạch Lặc tách khỏi Lưu Uyên, chiếm cứ đất Hà Bắc.

Tháng 11 năm 319 Thạch Lặc xưng vương, đặt quốc hiệu là Triệu, sử sách gọi là Hậu Triệu.

Năm 329 Thạch Lặc diệt được nhà Tiên Triệu, tháng 2 năm sau, tự xưng là Đại Triệu Thiên Vương, đến tháng 9 thì xưng là Hoàng đế.

Tháng 7 năm 333, Thạch Lặc qua đời, con thứ hai là Thạch Hoằng lên nối ngôi, người anh em họ là Thạch Hổ nắm giữ binh quyền, xưng là Thừa tướng Đại thiên vu.

Thạch Hổ (sinh năm 295 mất 349) có cha mất sớm, theo chú là Thạch Lặc, nhận vợ Thạch Lặc làm mẹ nuôi.

Năm 334, Thạch Hổ phế truất Thạch Hoằng làm Hải Dương Vương, tự xưng là Cư nghiệp Triệu Thiên Vương. Không lâu, Thạch Hổ lại giết chết Thạch Hoằng, giết Thái hậu, là mẹ nuôi. Thạch Hổ còn giết hết cả bà con họ hàng của Thạch Hoằng và Thái hậu. Có trên một vạn người liên lụy bị đày ra khỏi Kinh Châu. Thạch Hổ tự xưng là Hoàng đế.

Thạch Hổ vừa lên nắm chính quyền, vội vàng tìm cách hưởng lạc. Ban đêm, Thạch Hổ thường xông vào hầm hiếp vợ con, thê thiếp các đại thần.

Thỉnh thoảng, Thạch Hổ lại cho các đại thần thấy cái mâm đựng đầu lâu của những người đẹp mà ông đã từng sủng ái. Ai nấy đều sợ chết khiếp !

Có lần, Thạch Hổ thích một ni cô xinh đẹp nhưng không ai hiểu tại sao lại giết cô ta, làm thịt trộn với thịt dê, thịt bò, nấu chung và ban thưởng cho tá hữu ăn, để bình luận mùi vị.

Thạch Hổ sai các quan địa phương đi khắp nơi để lùng sục mĩ nữ, trong cung có đến 3 vạn cung nữ. Các quan địa phương, một mặt, bắt người dâng cho Hoàng đế, mặt khác lợi dụng vơ vét để hưởng riêng, nên phụ nữ bị bắt vô số kể.

Ban đầu, do ham mê hưởng lạc, Thạch Hổ giao mọi quyền cho Thái tử Thạch Thuý nhưng sau đó Thái tử Thạch Thuý bị giết chết với toàn gia đình vợ con là 26 người. Giết xong Thái tử Thạch Thuý, Thạch Hổ giết Thái tử Thạch

Tuyên rất tàn khốc, chặt chân, khoét mắt và giết toàn bộ gia đình của Thái tử.

Ngoài việc thích hưởng thụ, Thạch Hổ cũng rất thích đánh nhau và 3 lần phát động chiến tranh.

Lần xuất chinh thứ nhất : Để có đủ quân số, Thạch Hổ hạ lệnh cứ một nhà có 5 con trai phải vào lính 3 người, có 4 con trai vào lính 2 người. Ngoài ra, còn trưng dụng một vạn người mù vào việc chèo thuyền để vận lương.

Lần xuất chinh thứ hai : Lần này Thạch Hổ hạ lệnh, mỗi nhà 5 người, sung đinh 3 người, nhà 3 người sung đinh 2 người. Thạch Hổ xây dựng quân đội lên đến 50 vạn người, trong đó có 17 vạn thợ chế tạo thuyền bè. Trong cuộc chiến này, một phần ba số người làm thuyền bị chết vì nước hoặc chết vì thú dữ. Cảnh vợ chồng chia lìa, gia đình li tán, kẻ chết người còn vô số kể.

Lần xuất chinh thứ ba : Lần này để có đủ lương thực nuôi quân, Thạch Hổ hạ lệnh cứ mỗi nhà phải cung cấp một chiếc xe, 2 con trâu, 15 đấu gạo, nhà nào không nghe thì bị giết.

Dân chúng phải bán vợ đợt con để mua xe, mua trâu, mua gạo cung ứng cho quân đội. Lúc xuất chinh, quân của Thạch Hổ có 60 vạn và 10 vạn chiếc xe trận. Ngoài việc phát động chiến tranh, Thạch Hổ còn trưng tập 4 vạn người xây cung Lạc Dương.

Năm 449, Thạch Hổ lâm bệnh chết, ở ngôi được 16 năm.

5

PHÙ SINH – TIỀN TẦN

*Khinh thường con người
thì không bao giờ thành người.
(Khuyết danh)*

Nhà Tiền Tần được dòng họ Phù xây dựng, tồn tại 44 năm, truyền nối được 6 đời, sau đó bị Tây Tần tiêu diệt.

Phù Sinh sinh năm 334 mất 357. Năm 355 Phù Sinh cướp ngôi của cha là Phù Kiên xưng là Lệ Vương. Phù Sinh chỉ làm vua 2 năm nhưng gây nhiều ra tai họa.

Theo sử sách, Phù Sinh chỉ có một mắt, độc long nhãn (rồng một mắt), thân thể cường tráng, sức lực hơn người, tay có thể quật ngã thú dữ, chân chạy nhanh hơn ngựa. Lúc còn chinh chiến, Phù Sinh cưỡi ngựa phi ra trận, một mình giết cả chục kẻ địch, lập được nhiều kì công.

Sau khi cướp ngôi cha, Phù Sinh lên làm Hoàng đế, ông tuyên bố một câu lạnh như gươm sắc : “Các tù trưởng, các quân sư, các đại thần ai không nghe lệnh ta, sẽ bị lôi ra khỏi cửa, chém !”.

Phù Sinh nói là làm, đã biến nơi thiết triều, thành một nơi xử tội, là địa ngục trần gian. Tại nơi thiết triều Phù Sinh cho trưng bày các dụng cụ giết người như cung tên, búa, cưa, chuỳ, đao... ai không vừa mắt, vừa ý thì tự mình hoặc sai tay chân bắn, nện, cưa cho đến chết.

Quan văn, vu, vi bạo gan dám can gián đều bị xử tử.

Chỉ trong một thời gian ngắn, nhiều đại thần đã bị giết hại.

Chẳng hạn, Thừa tướng Lôi Nhược, và 9 người con, 27 người cháu đều bị giết một lúc. Thái y Trình Đình vì phạm huý, bị Phù Sinh khoét 2 mắt, xử tử.

Một hôm, tổ chức yến tiệc, quan Thượng thư phụ trách việc rót rượu cho mọi người bị Phù Sinh dùng cung bắn chết vì ông rót rượu không vừa ý.

Các quan trong triều như ngồi dưới lưỡi hái tử thần, có nhiều người xin từ chức về quê, không dám bén mảng đến triều đình.

Ở hậu cung, ai không vừa ý, không hợp nhãn, đều bị Phù Sinh giết chết hoặc đâm xuống sông Vị Thuỷ cho đến chết. Phù Sinh không chỉ giết kẻ hầu người hạ mà giết luôn Hoàng hậu. Phù Sinh bắt các cung nữ và nam giới khoả thân trước điện, khi họ quan hệ với nhau Phù Sinh cảm thấy rất thích thú.

Tuy thời gian làm vua ngắn ngủi nhưng Phù Sinh đã giết 500 người gồm các đại thần, Hoàng hậu và kẻ hầu người hạ. Thấy Phù Sinh tàn bạo, Ngự sử Trung thừa Lương Bình vô cùng lo lắng, mật bàn với Đông Hải Vương Phù Kiện, truất phế và giết chết Phù Sinh.

6

LƯU TỬ NGHIỆP – NHÀ TỔNG

Bất hiếu, bất nhân.

(Tổng thư)

Nhà Tống là chính quyền phương Nam được xây dựng nên sau khi Lưu Dụ lên nắm quyền thay thế nhà Tấn. Nhà Tống tồn tại 60 năm (420 – 479), tám đời nhà Tống nối tiếp nhau trị vì. Nhà Tống bị nhà Tề tiêu diệt năm 479. Lưu Tử Nghiệp là Hoàng đế thứ 5 của nhà Tống.

Lưu Tử Nghiệp sinh năm 449, lên ngôi năm quyền năm 465. Lưu Tử Nghiệp tuổi đời tuy nhỏ nhưng lại là một lão cao thủ trong việc giết người. Việc đầu tiên, Lưu Tử Nghiệp giết 3 trọng thần của cha là *Lưu Nghĩa Cung*, Thượng thư *Liễu Nguyên Cảnh* và Thượng thư tả bộc xạ *Nhan Sư Bá*.

Lưu Nghĩa Cung bị chặt đầu, cùng bốn người con. Giết xong Lưu Nghĩa Cung, Lưu Tử Nghiệp cho lấy nước mật của Lưu Nghĩa Cung đánh lên cho nổi bọt bong bóng pha với rượu uống, gọi là món mắt quỷ.

Thượng thư *Liễu Cảnh Nguyên* bị giết với 6 anh em và 8 người con. Thượng thư tả bộc xạ *Nhan Sư Bá* bị chặt đầu cùng 6 người con.

Lưu Tử Nghiệp cũng lần lượt giết các em của mình, những người này khoảng 6 – 7 tuổi.

Lưu Tử Nghiệp hoang dâm vô độ và rất tàn bạo. Lưu Tử Nghiệp lập người cô của mẹ làm phi sau đó người này bị Lưu Tử Nghiệp giết chết. Lưu Tử Nghiệp gọi các vương phi, công chúa vào cung rồi hạ lệnh cho tả hữu lăng nhục. Giang Thị vốn là phi của Nam Bình Vương không chịu vào. Lưu Tử Nghiệp dùng roi đánh cho đến chết và giết luôn cả ba đứa con của Giang Thị.

Lưu Tử Nghiệp còn bắt các cung nhân khoả thân, ai không làm thì bị chém đầu. Đối với Nghiệp việc giết người là chuyện thường làm nên không cần bất cứ một lí do nào, hoặc những lí do hết sức vớ vẩn. Một hôm, Lưu Tử Nghiệp nằm mơ thấy bị một người con gái chửi mắng. Tỉnh giấc, Tử Nghiệp cho lùng sục khắp hậu cung thấy người cung nữ nào có dung mạo giống người trong giấc mộng thì lập tức đem đi giết.

Hằng ngày Lưu Tử Nghiệp luôn mang bên mình rất nhiều loại vũ khí khác nhau. Có lần vì muốn thử vũ khí mà hậu cung xác người, ngổn ngang. Có người nói ngày nào Tử Nghiệp không giết người thì ngày đó hắn ăn không ngon.

Lưu Tử Nghiệp ở ngôi được một năm thì bị chú là Tương Đông Vương Lưu Hoặc và đại thần Nguyễn Diền Phu giết chết.

7

TIÊU LOAN – TỀ MINH ĐẾ

*Bốn bể là nhà của nhà vua,
hà tất phải tham lam của cải của dân.*

(Minh sử)

Nhà Tề do Tiêu Dao Thành lập nên, tồn tại 24 năm (479 – 502), truyền được 7 đời. Nhà Tề bị tiêu diệt bởi nhà Lương. Bạo chúa nhà Tề là Tiêu Loan (452 – 498) và Tiêu Bảo Quyển (483 – 501).

Tháng 7 năm 494, Tiêu Loan lật đổ và giết vị vua thứ 3 nhà Tề là Tiêu Chuyên Nghiệp, lập em trai của Tiêu Chuyên Nghiệp là Tân An Vương Tiêu Chiêu Văn, 15 tuổi, lên ngôi. Chưa được 3 tháng sau, Tiêu Loan lại phế bỏ Tiêu Chiêu Văn, giáng làm Hải Lăng Vương.

Một tháng sau, Tiêu Loan cho người đầu độc Hải Lăng Vương tự lập làm Tề Minh Đế (452 – 498).

Sau khi lên ngôi, Tiêu Loan sợ người trong tôn thất tranh giành ngai vàng, một mặt lập con trai thứ là Tiêu Bảo Quyển lên làm Thái tử, mặt khác giết trên 10 người trong tôn thất như : Kinh Châu Thứ Sử, Lâm Hải Vương Tiêu Chiêu Tú, Nam Bình Vương Tiêu Nhuệ, Giang Hạ Vương Tiêu Phong... trong đó có người còn rất trẻ ở độ tuổi 20.

Năm 498, Tiêu Loan ốm nặng, trước khi chết, vẫn không quên chuẩn bị hàng chục cái quan tài, xử tử con cháu.

8

TIÊU BẢO QUYẾN – NHÀ TỀ

*Uỷ nhiệm việc nước
cho bọn tiểu nhân, giết quần thần.
(Nam Tề thư)*

Tiêu Loan mất, Tiêu Bảo Quyển (483 -501) lên ngôi. Tiêu Bảo Quyển giao cho 6 đại thần, gọi là *Lục Quý* là Tiêu Dao Quang, Lưu Huyên, Tiêu Thân, Từ Hiếu Đồng, Giang Tự, Giang Hựu lo mọi việc trong triều. Sau khi đã giao cho *Lục Quý* lo liệu việc triều chính, Tiêu Bảo Quyển thường ở hậu cung, cùng với bọn hoạn quan tổ chức yến tiệc ca hát.

Theo Tề Thư, *Tiêu Bảo Quyển thích nằm, lúc ngủ tiện (vệ sinh) cũng nằm, chỉ lúc ăn mới ngồi dậy. Các Vương hầu không thấy mặt chủ, các đại thần có tấu chương gửi lên, rồi chờ đợi mười ngày nửa tháng sau cũng không được phê duyệt.*

1. Diệt Lục Quý

Mặc dù say sưa đàm hát nhưng Tiêu Bảo Quyển vẫn tìm cách diệt trừ *Lục Quý* vì sợ họ lấn quyền. Trước hết là giết hai anh em họ Giang là Giang Hựu và Giang Tự.

Tiếp đó, nhân Tiêu Dao Quang bị bệnh không vào triều, Tiêu Bảo Quyển khép vào tội mưu phản ra lệnh chém đầu. Không lâu, Lưu Huyên cũng bị xử tử với tội có ý thay lòng đổi dạ.

Còn Từ Hiếu Đồng được Tiêu Bảo Quyển gửi cho một đấu rượu thuốc, Từ Hiếu Đồng hiểu ý biết không thể thoát chết liền uống sạch đấu rượu. Hai người con của Từ Hiếu Đồng cũng bị giết.

2. Du ngoạn

Tiêu Bảo Quyển rất thích du ngoạn nhưng lại không ưa nhìn thấy dân chúng. Vì thế, mỗi lần du ngoạn, quan quân phải mở đường, trong vòng 10 dặm sạch bóng nhà, bóng người. Phần vì Tiêu Bảo Quyển không muốn thấy dân chúng phần vì sợ nắng nên những cuộc du ngoạn thường diễn ra ban đêm.

Mỗi lần du ngoạn, đoàn tuỳ tùng có khoảng 500 người, tiếng trống rập rình, cờ xí phấp phới, đèn đuốc sáng rực. Mỗi lần du ngoạn dân chúng trong thành đang ngủ sâu giấc, phải bật dậy, tìm đường mà chạy tháo thân, khổ sở không bút mực nào tả xiết. Có một phụ nữ mang thai, không chạy kịp, bị Tiêu Bảo Quyển trông thấy, liền cho quân bắt mổ bụng, giết cả mẹ và thai nhi. Một nhà sư già lão, bệnh nặng chạy đuổi sức, Tiêu Bảo Quyển trông thấy, dùng cung bắn loạn xạ, vị lão tăng chết trong đám loạn tên.

Sử ghi, có lần Tiêu Bảo Quyển đi săn gà rừng, đã giết 296 người. Dân chúng sợ hãi bỏ cả làng mạc, ruộng vườn mà chạy, chẳng ai dám nghĩ đến việc làm lụng, bỏ chạy để thoát thân.

3. Xây dựng hậu cung

Nhân hậu cung bị hoả hoạn, Tiêu Bảo Quyển cho xây lại tráng lệ : lấy xạ hương để quét tường, cột kèo điêu khắc tinh vi, rèm chau, ghế ngọc, cực kì xa xỉ.

Các quý phi và người hầu kề hạ, ăn mặc lộng lẫy, đeo đầy vàng ngọc, trang sức, đến nỗi giá cả trang sức tăng vọt, mỗi xâu hổ phách đáng giá 170 lạng bạc. Giá rượu, thịt cũng tăng lên vụn vụt bởi việc mua bán của những tôt tú phục dịch hậu cung.

4. Cái “nhanh” của bạo chúa

Có sách kể, lúc sắp chết Tiêu Loan dặn Tiêu Bảo Quyển : “*Động tác của con phải nhanh nhẹn mới thắng được người ta !*”.

Tiêu Bảo Quyển nhớ lời cha dặn, nên hành động rất nhanh, giết người cũng nhanh hơn cả vua của loài quỷ.

Năm 500, Tiêu Diễn (*em họ vua khai quốc Tiêu Đạo Thành*), dấy binh đánh Tiêu Bảo Quyển.

Tháng 3 năm sau, Tiêu Diễn phế truất Tiêu Bảo Quyển, lập Tiêu Bảo Dung lên thay.

9

HẦU CẢNH – HÁN LƯƠNG

*Trời lập ra vua là vì dân,
vua không vì dân thì trời không lập.
(Phương Hiếu Nhu)*

Nhà Lương do Tiêu Diễn thiết lập, tồn tại 56 năm (502 – 557), truyền được 9 đời. Nhà Lương Suy tàn, nhà Trần lên thay thế.

Năm 552, Hầu Cảnh cướp ngôi nhà Lương, đổi quốc hiệu là Hán, gọi là Hán – Lương. Hầu Cảnh ở ngôi được khoảng gần ba tháng nhưng đã kịp ghi tên mình vào danh sách các bạo chúa của Trung Hoa. Tuy nhiên các nhà sử học phong kiến không công nhận Hầu Cảnh là Hoàng đế chính thống mà chỉ gọi là “*loạn Hầu Cảnh*”.

1. Dẫn sói về nhà

Tiêu Diễn người khai quốc, thiết lập nhà Lương. Quốc gia do Tiêu Diễn thiết lập có 13 châu. Các nhà sử học đánh giá : sai lầm của Tiêu Diễn là thu nạp hàng tướng Hầu Cảnh, tướng của Đông Ngụy.

Năm 548, Hầu Cảnh đem quân vào kinh đô nhà Lương, bắt Tiêu Diễn giam vào ngục và lập Tiêu Chính Đức (con nuôi của Tiêu Diễn) lên ngôi. Do sức ép của Hầu Cảnh, Tiêu Chính Đức phải gả con gái cho Hầu Cảnh để cầu thân. Hầu Cảnh biết mọi người không phục, muốn trấn an lòng

người nên tháng 5 năm 549, ông lại phế bỏ Tiêu Chính Đức, đưa Tiêu Diễn trở lại ngôi. Hầu Cảnh chuyên quyền đã mượn tay Tiêu Diễn treo cổ bố vợ là Tiêu Chính Đức.

Không lâu sau, Hầu Cảnh lại giam lỏng Tiêu Diễn, lập con thứ ba của Tiêu Diễn là Tiêu Cương lên ngôi. Hầu Cảnh để Tiêu Diễn chết đói chết khát trong nhà giam.

Sau khi lập Tiêu Cương lên làm bù nhìn, Hầu Cảnh mạnh tay trừ khử 20 vương hầu trong tôn thất nhà Lương. Sau khi đã tiêu diệt hết các vây cánh, thế lực của tôn thất nhà Lương, Hầu Cảnh tiếp tục thực hiện dã tâm của mình. Tháng 8 năm 551, Hầu Cảnh mở tiệc mời Tiêu Cương đến. Tiêu Cương biết mình không sống nổi, liền uống rượu thật say. Hầu Cảnh bắt Tiêu Cương và giáng xuống làm Tấn An Vương. Hầu Cảnh ra lệnh giam lỏng Tiêu Cương tại Vĩnh Phúc.

Hai tháng sau, Hầu Cảnh sai người giết Tiêu Cương, lập Tiêu Đống, chắt của Tiêu Diễn lên ngôi.

Ba tháng sau, Hầu Cảnh buộc Tiêu Đống nhường ngôi. Sau khi lên ngôi, Hầu Cảnh ra lệnh giáng Tiêu Đống làm Hoài Am Vương, đổi quốc hiệu là Hán. Các nhà sử học gọi là Hán Lương.

2. Thần huỷ diệt

Lúc Hầu Cảnh còn làm tướng cũng như đã lên ngôi, chiến tranh xảy ra liên miên. Hầu Cảnh thắng tay đàn áp những người nổi dậy.

Năm 550, Thái thú Quảng Lăng là Tổ Hạo đóng quân ở Anh thành, thấy Hầu Cảnh quá hoành hành, phế lập liên

tục, liền nổi dậy, nhưng bị Hầu Cảnh đánh bại. Hầu Cảnh bắt Tổ Hạo treo lên tường bắn tên cho đến chết, bao nhiêu già trẻ, nam nữ trong Anh thành đều bị giết chết.

Hầu Cảnh cho quân cướp bóc, đốt phá, giết chóc làm trò vui. Vì thế, những vùng quân Hầu Cảnh đi qua đã trở thành hoang phế. Có lần sau khi quân Hầu Cảnh đi qua có trên một vạn người phải bỏ làng mà thoát thân, 28 vạn nóc nhà bị phá huỷ. Do không cày cấy, gieo trồng, nên có vùng dân chết đói đến 7 – 8 phần, thây phơi đầy đường, xương bày trắng đất.

Khắp nơi người người nổi lên chống đối Hầu Cảnh. Để trấn áp các cuộc nổi dậy, Hầu Cảnh ra lệnh cấm dân chúng túm năm tụ ba trò chuyện, nếu bắt được sẽ giết luôn ba họ. Ở thành Thạch Đầu, Hầu Cảnh cho xây một cái cối đá rất to, ai chống đối bị bắt cho vào cối giã cho đến chết.

3. Cái chết của Hầu Cảnh

Tháng 3 năm 552, người con thứ bảy của Tiêu Diễn là Tiêu Dịch đem quân đánh Hầu Cảnh. Trong lúc loạn quân, Hầu Cảnh bị thuộc hạ là Dương Côn giết chết.

Có sách nói, sau khi Hầu Cảnh bị giết, đầu bị treo giữa chợ 3 ngày, sau đó lại dùng dầu sơn, bỏ vào trong kho vũ khí ; xác bị bỏ giữa chợ, dân chúng căm hận xẻ thịt mà ăn.

10

CAO DƯƠNG – BẮC TỀ

Đế Vương là chủ của cuộc sống dân chúng.
(Chu Đệ)

Bắc Tề do quyền thần Đông Nguy là Cao Dương lập nên, sau khi diệt Đông Nguy. Bắc Tề tồn tại 28 năm (550 – 578), truyền được 7 đời. Bắc Tề bị diệt bởi nhà Bắc Chu. Bạo chúa Bắc Tề là Cao Dương.

Cao Dương sinh năm 529 mất 559, là con trai thứ của Đại tướng Bắc Nguy là Cao Hoan. Một hôm, Cao Hoan đưa cho các con trai một đoạn tơ rối, bảo gỡ. May mắn người loay hoay mãi không gỡ được, Cao Dương liền rút kiếm chặt đoạn tơ ra làm hai. Thấy vậy, Cao Hoan khen : “*Việc trị quốc gia cũng rối như tơ vò, điều cần nhất là dũng cảm, quyết đoán*”.

Tháng 8 năm 549, Cao Hoan bị thuộc hạ giết chết, Cao Dương nắm đại quyền nhà Đông Nguy. Tháng 5 năm 550, Cao Dương thiết lập nhà Bắc Tề. Khi lên ngôi, Cao Dương không còn là cậu bé dũng cảm, quyết đoán nữa mà trở thành bạo chúa.

1. Giết tôn thất Bắc Nguy

Để củng cố quyền lực, Cao Dương cho giết 721 tôn thất nhà Bắc Nguy (có sách nói là 3 ngàn người), thi thể đều ném xuống Chương Hà.

Cao Dương không chăm lo việc triều chính, thích mặc quần áo phụ nữ, thoa son đánh phấn cùng cận thần dạo chơi, rồi dụ dỗ đàn bà, con gái đem về cung cùng nhau hành lạc.

2. Cơn ghen của bạo chúa

Cao Dương rất sủng ái một phi tần tên là Tiết. Một hôm Cao Dương thấy nàng ta quá thân mật với Chiêu Vũ Vương Cao Nhạc, liền nổi cơn ghen, giết luôn cả 2 người. Quá căm hận, Cao Dương còn lấy xương nạn nhân làm đòn tì bà gẩy chơi, chặt tay chân nạn nhân ngâm rượu uống. Có lần, Cao Dương mời các tì tướng của mình uống rượu, được ba tuần mọi người thấy cánh tay, cẳng chân trong bình rượu thì ai nấy hồn xiêu phách lạc.

3. Cách dạy con của bạo chúa

Cao Dương dạy các Hoàng tử rất đặc biệt, không dạy cách trị quốc mà dạy cách giết người không run tay. Hoàng tử nào nghe lời, tập luyện tốt được cha khen ngợi. Riêng Hoàng tử Cao An tính tình hiền lành, lúc cầm kiếm run tay, không giết người được, Cao Dương nổi trận lôi đình, đánh cho một trận nện thân.

Do ăn chơi quá độ, năm 559, Cao Dương ốm chết, lúc mới 31 tuổi.

11

VŨ VĂN VÂN – BẮC CHU

Có biết bao nhiêu người không bệnh mà chết.
(Hán thư)

Nhà Bắc Chu do Vũ Văn Giác, thiết lập thay thế nhà Tây Ngụy, tồn tại 25 năm (557 – 581), truyền được 5 đời, bị tiêu diệt bởi nhà Tùy. Vũ Văn Vân* sinh năm 559 mất 581, là đời thứ năm của Bắc Chu, được liệt vào danh sách bạo chúa của Trung Hoa.

1. Cha và thầy

Lúc sinh thời, vua Vũ Văn Áp dạy các con rất nghiêm. Khi các con phạm lỗi, Vũ Văn Áp thường chửi bới, đánh đập và đôi khi còn dùng hình phạt nặng. Vũ Văn Áp quy định, mỗi buổi sáng dù gió táp, mưa sa, nắng nôi hay giá lạnh, Thái tử phải vào triều cùng với bá quan văn võ để nghe việc nước; cấm ngặt các con không được uống rượu thậm chí cấm các quan không được mang rượu vào đông cung – nơi Thái tử cư ngụ.

Vũ Văn Áp còn mời Vũ Văn Hiếu dạy cho các con. Thầy Vũ Văn Hiếu dạy dỗ rất tận tâm và nghiêm khắc với các đệ tử. Vũ Văn Vân hay bị cha và thầy quở phạt vì sự ngô ngược.

Sau khi vua cha chết, Vũ Văn Vân lên ngôi quên lời cha lời thầy, trở thành một hòn quân.

* Có sách gọi là Vũ Văn Diễn, để hiệu : Tinh Đế.

2. Giết chú và thầy

Vừa lên ngôi một tháng, Vũ Văn Vân liền mời chú là Tê Vương Vũ Văn Hiến vào cung buộc phải tự ải, với tội danh là tạo phản. Vũ Văn Vân còn xử tử con cái, anh chị em và những đại thần có quan hệ với Vũ Văn Hiến.

Sau vụ án Vũ Văn Hiến, Vũ Văn Vân quay sang giết thầy dạy học của mình là Vũ Văn Hiếu. Một người bạn thân với thầy bị liên lụy, sợ quá lâm bệnh chết luôn.

Vũ Văn Vân còn giết Đại tướng Dương Quỹ và bắt bỏ tù một số đại thần cũ và mới. Vũ Văn Vân cho sửa bộ Hình thư yếu chế của đời trước thành Hình kinh thánh chế. Ngôn từ bộ luật mới có vẻ cao xa nhưng thực chất là khủng bố cả trong lẫn ngoài. Khắp thiên hạ, ai nấy lo sợ, bất an không biết sẽ sa lưới pháp luật lúc nào.

3. Bày những chuyện hoang đường, phiền phức

Vũ Văn Vân tự xưng mình là Thiên nguyên Hoàng đế, bắt các triều thần gọi mình là Thiên, tức là vị Hoàng đế cao quý nhất trong các vị Hoàng đế. Ông tôn Hoàng Thái hậu là Thiên nguyên Thái hậu và gọi cung điện là Thiên đài.

Các quan phải tắm gội sạch sẽ, chay tịnh mấy ngày, mới được vào triều kiến Hoàng đế, y như vào đền chùa lạy Phật, lạy Thánh vậy. Ông còn hạ lệnh, cấm phụ nữ trong thiên hạ không được thoa son đánh phấn, chỉ có cung nữ mới được làm đẹp.

Vũ Văn Vân rất thích đi du ngoạn, thường là đi sớm về khuya, mỗi lần đi thì vệ quân, quan chức phải tháp tùng rất vất vả.

4. Thiên trượng

Vũ Văn Vân thường dùng gậy, gọi tên rất văn hoa là Thiên trượng, để đánh dập các quan. Quan nào không hợp nhän Vũ Văn Vân thì bị đánh bầm dập. Chỉ có những người ông sủng ái như Hoàng hậu, các cung tần mới khỏi bị đánh.

Vũ Văn Vân cũng rất thích uống rượu, mỗi lần say thường đánh người, đánh lâu quen tay thì phải giết mới sướng, giết nhiều sinh nghiện. Mỗi lần, nhà vua uống rượu, mọi người trong hậu cung đều lo lắng, run sợ, không biết đến phiên ai bị đánh, bị giết.

5. Dâm loạn

Vũ Văn Vân rất hoang dâm nên lập năm Hoàng hậu, trong đó có con gái của Dương Kiên.

Sử kể, Vũ Văn Vân ăn'năm với một cung nữ tên là Châu Mân Nguyệt, mới 10 tuổi, mang thai sinh Hoàng tử, tức Vũ Văn Siển.

6. Nhường ngôi cho con

Sau khi lên ngôi được một năm, tháng 2 năm 579, Vũ Văn Vân nhường ngôi cho con trai mới bảy tuổi là Vũ Văn Siển.

Do chơi bời quá độ, Vũ Văn Vân chết sớm lúc 22 tuổi. Hai năm sau, Dương Kiên, nhạc phụ của Vũ Văn Vân khai tử nhà Bắc Chu.

12

NHIỄM MÃN – NHIỄM NGUY

*Vua thái quá thì phải can gián,
can gián không nghe thì lập vua khác.*
(Mạnh tử)

Sau khi Nhiễm Mẫn giết vua nhà Hậu Triệu là Thạch Giám lập nên nhà Đại Nguy, sử gọi là Nhiễm Nguy (350 – 352). Nhiễm Nguy tồn tại được 3 năm, bị Tiền Yên diệt. Nhà Đại Nguy chỉ có một đời.

Nhiễm Mẫn tên thật là Nhiễm Danh Lương, người Hán, làm con nuôi của Thạch Hổ nên đổi tên là Thạch Mẫn.

Năm 349, Thạch Giám cùng với Nhiễm Mẫn giết Thạch Tuân, vị Hoàng đế thứ năm nhà Hậu Triệu. Thạch Giám lên ngôi nhưng quyền bính đều nằm trong tay Nhiễm Mẫn.

Tháng 2 năm 350, Nhiễm Mẫn bắt Thạch Giám tống giam, tự lên làm Hoàng đế. Vừa lên ngôi, Nhiễm Mẫn giết sạch nhà họ Thạch.

Thời trước, Thạch Hậu, Thạch Hổ nhà Hậu Triệu đã lợi dụng người Yết dàn áp người Hán, người Hán rất oán hận. Nhiễm Mẫn lên ngôi báo thù cho người Hán, nên đã giết 1 vạn người Yết trong một ngày. Đặc điểm người Yết là mũi cao, râu dài, nên Nhiễm Mẫn ra lệnh bắt cứ ai mũi cao râu dài thì giết, trước sau lên đến 2 vạn người.

Nhiễm Mẫn xưng đế được hai tháng, con trai Thạch Hổ là Thạch Kì cũng lên ngôi tại nước Tương. Một tháng

sau, Thạch Kì cất 10 vạn quân đánh Nhiễm Mẫn nhưng đại bại. Trận chiến long trời lở đất giữa Thạch Kì và Nhiễm Mẫn đã làm cho hàng vạn người phải bỏ nhà cửa, vô số người chết. Trên bình nguyên chỉ thấy xương trắng, không có bóng người cày cấy, nhiều thành quách hoang tàn. Tháng 4 năm 351, Thạch Kì bị bộ tướng của mình là Lưu Hiển giết chết và đem thủ cấp dâng cho Nhiễm Mẫn. Nhiễm Mẫn bêu đầu Thạch Kì giữa chợ, sau đó đem đốt cho dân chúng xem.

Tháng 4 năm 352, trong trận giao chiến với Tiền Yên, Nhiễm Mẫn bị vây hãm. Cuối cùng Nhiễm Mẫn bị bắt và bị giam cầm. Sau này, Nhiễm Mẫn chết dưới tay của vua Yên là Mộ Dung Tuấn.

13

HÁCH LIÊN BỘT BỘT – NHÀ HẠ

Dân là quý, xã tắc là thứ, vua là nhẹ.
(Mạnh Tử)

Nhà Hạ do Hách Liên Bột Bột, người tộc Hung Nô xây dựng. Nhà Hạ tồn tại 25 năm, truyền được 3 đời, bị Bắc Ngụy tiêu diệt. Hách Liên Bột Bột sinh năm 381 mất năm 425, con trai của Lưu Vệ Thìn, thuộc Tiền Tần, từng làm Phiêu kị Tướng quân nhà Hậu Tần.

1. Con đường đi đến Trường An

Năm 407, Hách Liên Bột Bột tách khỏi Tiền Trần, tự xưng là Đại Hạ Thiên Vương Đại Thiên Vu, xây dựng chính quyền riêng, gọi là nhà Hạ.

Tháng 10 năm 418, các tướng trấn thủ Trường An tranh giành nhau quyền chức, Quan Trung đại loạn, Hách Liên Bột Bột thừa cơ cất quân chiếm Hàm Dương. Tháng 11, Hách Liên Bột Bột tiến vào Trường An, lên ngôi Hoàng đế.

Con đường Hách Liên Bột Bột tiến vào Trường An và bước lên ngai vàng đều trải bằng xương máu của nhiều người.

2. Xây thành quách

Năm 413, Hách Liên Bột Bột đã huy động 10 vạn dân phu vào việc xây dựng kinh thành. Thành được xây bằng vật liệu đất nung, dày 30 bộ, cao 6 trượng.

Hách Liên Bột Bột dùng một cái chuỳ bằng sắt, đánh vào thành, nếu đoạn tường thành nào bị lún, bị lở thì những người xây đoạn đó thành sẽ bị giết. Số nhân công và thợ xây thành bị giết lên đến hàng ngàn người.

Lúc quân của Hách Liên Bột Bột giao chiến với tướng Tây Tấn là Lưu Nghĩa Chân. Hách Liên Bột Bột chiến thắng; liền giết hết quân của Lưu Nghĩa Chân, lấy đầu chất thành một đài cao, gọi là đài Đầu Lâu.

3. Khi bạo chúa không vừa ý

Hách Liên Bột Bột thường mang cung đi lại trên thành và quan sát, thấy người nào mà mình bất thuận nhẫn liền bắn chết người đó.

Đối với triều thần, Hách Liên Bột Bột thường nhìn thẳng vào mắt, nếu thấy người đó ánh mắt không tỏ vẻ cung kính hoặc tỏ vẻ không phục, người đó liền bị khoét mắt. Các quan ai cười to thì bị xẻo mõi, vị nào dám can gián thì bị cắt lưỡi hoặc đem ra chặt đầu.

4. Con đánh lại cha

Hách Liên Bột Bột cho Thái tử Hách Liên Quý làm Ung Châu mục kiêm quản Lục Nam Đại Thượng thư sự. Ít lâu sau, Hách Liên Bột Bột lại muốn phế bỏ Thái tử. Thái tử Hách Liên Quý đem quân đánh lại cha nhưng lại bị em trai là Hách Liên Xương chém chết.

Tháng 8 năm 425, Hách Liên Bột Bột qua đời, Hách Liên Xương lên thay.

Chương năm

NHÀ TUỲ – GIẾT NGƯỜI ĐỂ LẬP UY

Nhà Tuỳ do Dương Kiên lập nên, tồn tại 39 năm (581 – 619), nhà Tuỳ truyền ngôi được 5 đời, trong đó hai đời Dương Kiên và Dương Quảng được xếp vào hàng bạo chúa.

1

DƯƠNG KIÊN – NHÀ TUỲ

Vui buồn thất thường, giết người không gớm.

(Tuỳ thư)

Tháng 5 năm 580, Hoàng đế Bắc Chu là Vũ Văn Vân qua đời. Vũ Văn Siển mới 8 tuổi nối ngôi, mọi quyền hành đều nằm trong tay Dương Kiên (ông ngoại của Vũ Văn Siển), gọi là Giả Hoàng Việt (thay vua). Tháng 12 năm 581 Dương Kiên phế truất Vũ Văn Siển, lên ngôi thiết lập nhà Tuỳ.

Có người cho rằng, Dương Kiên là một Hoàng đế tài giỏi, hùng tài đại lược, sáng suốt, nhân từ, tiết kiệm... Có người lại cho rằng Dương Kiên là kẻ không được học hành gì, không giỏi nghề gì, bất học vô thuật, là một bạo chúa.

1. Hùng tài đại lược, sáng suốt, nhân từ, tiết kiệm

Dương Kiên lên ngôi, lần lượt đánh tan các thế lực khác như Đột Quyết, Thổ Phồn ; tiêu diệt nhà Hậu Lương (587), nhà Trần (589). Chín năm chinh chiến Dương Kiên đã thống nhất được đất nước, chấm dứt mấy trăm năm phân tranh.

Sau khi đã thống nhất đất nước Dương Kiên cử Dương Tố thảo phạt những người xưng vương như Uông Văn Tiến (Vụ Châu), Thẩm Quyền Khoái, Cao Trí Tuệ (Tô Châu) ; trấn áp các cuộc nổi dậy ở đất Trần ; dẹp cuộc phiến loạn của Vương Trọng Tuyên (Lĩnh Nam).

Nhờ thống nhất đất nước, dẹp yên các cuộc nổi dậy. Nhà Tùy trở thành một đế quốc hùng cường, rộng lớn : Đông Nam giáp biển, Tây giáp Thủ Mạt (Tân Cương), Bắc tới Ngũ Nguyên (khu tự trị Nội Mông), đường Đông – Tây dài 9.000 dặm, đường Nam – Bắc dài 14.815 dặm.

Khai hoang, làm thuỷ lợi xây dựng kho lâm : Dương Kiên đẩy mạnh chế độ quân điền, những người nông dân không có ruộng đất cày cấy hoặc ít ruộng, được nhà nước hỗ trợ phương tiện để khẩn hoang.

Dương Kiên cho khai thông hệ thống sông đào, theo các tuyến dài tới 4.800 dặm, Bắc từ quận Thủ, Nam tới Dưu Hàng, Tây đến Lạc Dương nối liền với 5 dòng sông lớn là Hải Hà, Hoàng Hà, Hoài Hà, Trường Giang và Tiền Đường.

Hệ thống sông đào được khai thông, các phố xá, thị trấn, thị tứ mọc lên hai bờ sông, trên bến dưới thuyền thật sầm uất, náo nhiệt.

Dưới thời Dương Kiên, kho tàng đầy ắp lúa là, chau báu, các kho địa phương cũng dư thừa lương thực, phòng bị cho những năm mất mùa đói kém.

Ngoài ra, Dương Kiên ra sức cải tổ hành chính ; thiết lập chế độ khoa cử, tuyển quan lại theo tiêu chuẩn tài và đức. Dưới sự trị vì của Dương Kiên chế độ quân dịch được cải tổ theo hướng ngũ binh ư nông. Đặc biệt, Dương Kiên chú trọng cải tổ hình pháp và thực hành tiết kiệm.

Đơn giản hình pháp : Thời Nam – Bắc triều kế thừa hình pháp từ đời nhà Trần và thêm thắt nhiều điều nên rất tàn khốc. Dương Kiên phế bỏ những điều khoản cho nhẹ bớt. Ngoại trừ tội mưu phản còn những tội khác không nhất thiết phải dùng tộc hình ; bỏ những hình phạt tàn khốc như chặt đầu, dùng xe ngựa để phanh thây tội nhân, dùng roi đánh đến chết. Dương Kiên quy định người bị lưu đày trong thời hạn không quá 5 năm ; bỏ các cực hình khi thẩm vấn tội nhân.

Ông còn quy định, những người oan khuất, những kẻ tử tội, có thể kháng cáo lên triều đình 3 lần để triều đình xem xét và quyết định.

Theo các nhà viết sử, dưới thời Dương Kiên, tội nặng thành nhẹ, tội chết thành sống. Quả thực Dương Kiên đã lấy đức hiếu sinh của tạo hoá mà ban cho dân chúng vậy.

Thực hành tiết kiệm – chống tham ô : Theo sử sách, Dương Kiên là vị Hoàng đế rất tiết kiệm. Ông thường nói với Thái tử Dương Dũng : “Từ xưa đến nay, những Đế Vương xa xỉ thường không tồn tại lâu dài, vì vậy cần phải tiết kiệm.”. Lúc Dương Kiên bị bệnh lì, ông cũng chỉ dùng 2 lạng

thuốc thường, không dùng thuốc quý nếu thấy không cần thiết.

Dương Kiên biết Hoàng tử Dương Tuấn bỏ tiền xây cung thất nguy nga, sống xa hoa, liền hạ lệnh cho bắt giam vào ngục.

Thấy Dương Kiên tiết kiệm, quần thần, quan lại các địa phương cũng phải noi theo, không ai dám ăn mặc lụa là, đeo vàng ngọc, chỉ ăn mặc vải thường trang sức bằng đồng thau và xương thú.

Cùng với việc tiết kiệm, Dương Kiên thẳng tay trừng trị tham quan ô lại, không tha cho một ai, gọi là pháp bất khả huý. Dương Kiên còn nói “*bắt kì con cháu Hoàng đế phạm tội tham ô cũng phải trừng trị theo pháp luật.*”

Vị quan nào bị tố cáo là tham ô, lập tức bị trừng trị, không cần truy cứu.

2. Phía sau ngai vàng

Sau khi Tuyên Đế nhà Bắc Chu mất, Dương Kiên cho triệu Triệu Vương Vũ Văn Chiêu, Thắng Vương Vũ Văn Tú về kinh, thu hồi binh quyền và giết cả hai người về tội muu phản.

Tiếp đó là tiêu diệt con cháu nhà Bắc Chu : gồm 8 người con, 22 người cháu của Chu Văn Đế ; 1 người con, 1 người cháu của Hiếu Mân Đế, 6 người con, 5 người cháu của Vũ Đế ; 3 người con của Tuyên Đế và 20 người liên quan khác.

Thấy Dương Kiên giết tôn thất nhà Bắc Chu nhiều quá, đại thần Lí Đức hết sức can gián nhưng Dương Kiên vẫn để ngoài tai.

3. Phía sau những cuộc Nam chinh – Bắc chiến

Để củng cố ngai vàng và quyền lực, Dương Kiên đã lần lượt thanh toán những người phản nhà Chu, đưa ông lên ngôi. Theo Dương Kiên, những kẻ bán chúa cầu vinh thì không thể dung thứ. Tiện thể Dương Kiên tiêu diệt luôn những người có công trong các cuộc Nam chinh – Bắc chiến.

Dương Kiên tước bỏ quyền chức của hai người có công đưa mình lên ngai vàng là Lưu Phương, Trịnh Dịch. Thượng thư tả bộ cựu Ngu Khánh, có công trong việc diệt Đột Quyết, diệt Tề, bị Dương Kiên ghép vào tội mưu phản và bị xử tử.

Trong triều có ba người có công lớn trong việc chinh phạt và tiêu diệt nhà Trần là Vương Khiêm, Vương Thế Tích và Đại tướng Gia Khổ Bật. Dương Kiên bãi chức Vương Khiêm và Vương Thế Tích, sau đó khép vào tội mưu phản rồi xử tử. Đại tướng Gia Khổ Bật bị đánh chết ở trong tù.

4. Luật bất thành văn

Như trên đã nói, Dương Kiên cho sửa đổi hình pháp, tìm đường sống cho dân chúng nhưng trên thực tế thì không phải vậy. Đối với dân chúng, có lúc Dương Kiên thi hành luật rất hà khắc, tàn nhẫn và tuỳ tiện.

Ví dụ, một người ăn cắp một quan tiền liền bị giết ngay tại chợ ; ba người ăn cắp một quả dưa gang cũng bị xử tử.

Đối với quần thần, Dương Kiên lại càng khó tính. Một hôm thượng triều, quan Hình bộ Thị lang mặc một cái quần

đó, Dương Kiên ghép vào tội bất kính, liền sai người lôi ra chặt đầu.

Lần khác, một quan võ mặc quần áo xộc xệch, Dương Kiên để ý cũng khép vào tội bất kính. Dương Kiên chỉ trích quan Ngự sử là không chịu uốn nắn tư cách các quan, kết cục cả hai đều bị giết.

Dương Kiên thường dùng gậy để đánh các đại thần, tương tự cha đánh con, thầy đánh trò. Đôi khi Dương Kiên sai người đánh cho đến chết mới thôi. Người được sai vì thương người nên đánh nương nhẹ cũng bị giết chết.

Một vị đại thần thấy các quan trong triều chẳng còn thể thống gì nữa, bèn bạo gan tâu trình, đại ý : Triều đình không phải nơi giết người, cung điện cũng không phải là nơi định tội, không nên dùng gậy để đánh thần...

Dương Kiên nghe xong, khen là hợp lí, ai nấy thở phào nhẹ nhõm. Nhưng hôm sau Dương Kiên không dùng gậy nữa mà dùng roi ngựa, quần thần lại một phen mất vía.

5. Tiết kiệm vật chất nhưng phung phí xương máu

Do chủ trương tiết kiệm, càng về già Dương Kiên càng để ý đến những việc vụn vặt, nếu thấy việc nào không vừa ý liền ra tay giết người.

Một hôm, ông đến kho vũ khí, thấy trước kho cỏ mọc đầy, Dương Kiên lập tức ra lệnh giết luôn 10 người giữ kho

Hôm khác, Dương Kiên thấy bọn nô bộc của Hồng lô thiếu khanh Trần Đình Khắc, ngồi trên tấm thảm đánh bạc, liền hạ lệnh dùng gậy đánh mấy người này cho đến chết.

Dương Kiên còn cho tay chân đi khăp nơi, thấy mất mát cái gì thì lập tức báo ngay, những người đánh mất vật gì đó đều bị trị tội ; trong triều ai nấy đều bất an lo sợ.

6. Thực và giả

Dương Kiên bên ngoài là con người tiết kiệm từng chén thuốc, từng manh áo nhưng thực chất là xa hoa, phung phí. Vừa lên ngôi hai năm, Dương Kiên sai Dương Tố làm tổng quản, cho tu sửa toàn bộ thành Trường An, sửa thành cũ phía Tây Bắc.

Năm 593, Dương Kiên lại hạ lệnh cho Dương Tố đôn đốc việc xây cung Nhân Thọ ở phía Bắc Kí Châu (Phượng Tường, Thiểm Tây).

Do phải hoàn thành gấp, Dương Tố đã bắt phu phen làm đến kiệt sức, một vạn người đã chết, xương trắng phơi khăp nơi.

Ròng rã 2 năm, Dương Tố dùng sức người san núi, ngả gỗ rừng, chuyển đá núi, tạo thành những lâu dài san sát. Lúc hoàn thành, Dương Kiên và Hoàng hậu đến cung Nhân Thọ, khen Dương Tố hết lời và ban thưởng vạn lạng bạc, 3 ngàn tấm lụa quý. Lúc nhìn ra xa, thấy cả vạn cốt khô, Dương Kiên sai người dọn dẹp, tẩm dầu đốt những nấm xương tàn.

Mấy năm sau, Dương Kiên lại cho xây thành Đại Hưng, đồng thời xây 20 hành cung.

7. Đời sống của người làm quan

Thời Nhà Tuỳ, quy định, một quan chức cấp cao được cấp 1 vạn mẫu đất gọi là tài sản vĩnh viễn (vĩnh nghiệp), 500 mẫu ruộng và 300 nô tỳ, số ruộng cấp cho nô tỳ để cày bừa sinh sống và phục vụ cho nhà quan là 2 vạn 1 ngàn mẫu. Tổng cộng, một quan chức cao cấp cai quản đến 2 vạn 1 ngàn mẫu đất.

Riêng Dương Tố, ngoài số ruộng được cấp còn được phong thưởng thêm 1 vạn 3 ngàn mẫu nữa. Nhà cửa Dương Tố san sát lầu son gác tía, thê thiếp kẻ hầu người hạ đông cả ngàn người.

Không kể đất đai các quan chức, vương thất và Dương Tố đã cướp bóc, chiếm đoạt, còn lại đều nằm trong tay triều đình.

Năm 604, Dương Kiên ốm, nằm ở cung Nhân Thọ, bị con là Dương Quảng sai người lén vào giết chết.

2

DƯƠNG QUẢNG – TUỲ DẠNG ĐẾ

*Trúc Nam Sơn không ghi hết tội.
Nước Đông Hải không rửa sạch mùi.
(Ngoā cang hịch văn)*

1. Giết cha và giết anh

Năm 604, nhân lúc Dương Kiên ốm nặng trong cung Nhân Thọ. Dương Quảng (*sinh năm 569 mất năm 618*), là con trai thứ của Dương Kiên, muốn cướp ngôi liền mật bàn với đại thần Dương Tố kế hoạch.

Không ngờ, mật tâu của Dương Tố gửi cho Dương Quảng bị người hầu gửi lầm đến chỗ Dương Kiên. Dương Kiên tức giận, lập tức lệnh cho các viên đại thần là Liễu Thuật và Nguyên Nham thảo ngay chiếu thư phế truất Dương Quảng và lập Dương Dũng, người trước đây đã bị phế truất lên làm Thái tử.

Nhận được tin, Dương Tố vội vã báo cho Dương Quảng, hai người bàn bạc với nhau và làm giả chiếu thư, bắt bỏ ngục hai đại thần Liễu Thuật và Nguyên Nham, đem quân bao vây cung Nhân Thọ, bịt chặt cánh cửa ra vào. Sau đó, Dương Quảng sai người lén vào cung giết chết cha và những người hầu cận.

Sau khi giết cha, Dương Quảng lên nối ngôi, xưng là Tuỳ Dạng Đế. Sau khi lên ngôi Dương Quảng tiếp tục giả di chiếu buộc anh trai là cựu Thái tử Dương Dũng phải tự sát.

2. Dời đô đến Lạc Dương

Dương Quảng lên ngôi, liền dời đô từ Đại Hưng đến Lạc Dương. Dương Quảng dùng 10 vạn người để đào hầm, khoét núi, mở đường và xây thành, bắt đầu từ huyện Hà Tân (Sơn Tây) xuyên qua huyện Cao Bình, Tân Hương thăng đến huyện Thương (Thiểm Tây).

Riêng thợ thuyền, mỗi tháng phải sử dụng đến 200 vạn người. Để có đủ vật liệu xây dựng, tất cả đá quý, gỗ hiếm từ các vùng Giang Nam, Ngũ Linh đều được vận chuyển về Lạc Dương phục vụ cho công trình xây dựng.

3. Xây dựng Tây Uyển

Để có chỗ ăn chơi, Dương Quảng cho xây dựng hàng chục toà cung điện và vườn thú khắp nơi. Vườn nổi tiếng là Tây Uyển, chu vi 200 dặm và mở rộng hồ Thanh Biển, làm biển nhân tạo. Trên biển cho đắp 3 hòn đảo cao hơn trăm thước, gọi là Bồng Lai, Phương Trượng và Doanh Châu. Trên mỗi đảo xây dựng nhiều đèn dài, lâu các cực kì tráng lệ.

Phía Bắc biển nhân tạo có suối Long Lân, lượn vòng, uốn khúc đổ nước ra biển. Dọc hai bên bờ suối dựng lên 16 cung viện, cách bài trí vô cùng hoa lệ. Mỗi cung viện cử một tứ phẩm phu nhân cai quản.

Mùa đông, cây cối trong cung trút sạch lá, các phu nhân cho người tết lụa màu thành hoa lá như thể hoa lá thật, treo khắp cành cây. Hễ thấy bạc màu thì cho thay đợt khác.

Mùa đông, Dương Quǎng đến chơi ở cung viện nào, thì cung viện ấy phải đào hết lớp băng trên mặt hồ đầm, tết lụa thành lá, hoa đem rải khắp mặt hồ để Dương Quǎng bơi thuyền vui chơi.

Vườn Tây Uyển còn nuôi nhiều chim thú quý hiếm, để Dương Quǎng săn bắn. Đêm đêm, Dương Quǎng cùng cung nữ cưỡi ngựa đến Tây Uyển dàn hát, yến ấm thâu đêm suốt sáng.

4. Đẳng cấp người đẹp

Để cuộc vui chơi với các người đẹp thêm phần hào hứng, Tuỳ Dạng Đế chia hậu cung ra nhiều thứ bậc :

Đệ nhất : gồm 3 chính phẩm phu nhân là quý phi, thực phi, đức phi.

Đệ nhị : cửu tần gồm thuận hoá, thuận dung, thuận hoa, tu nghĩa, tu dung, tu hoa, sung nghĩa, sung dung, sung hoa...

Đệ tam : gồm mĩ nhân và tài nhân.

Tổng cộng người đẹp của Tuỳ Dạng Đế lên đến 120 người. Ngoài ra, kẻ hầu người hạ, người nhà các người đẹp thì đông vô số kể.

5. Những cuộc tuần du

Tuỳ Dạng Đế rất thích tuần du. Trong thời gian trị vì của mình Tuỳ Dạng Đế thực hiện cả thảy 6 lần tuần du lớn nhỏ, trong đó có 3 lần tuần du đến Giang Đô (Dương Châu, Giang Tô). Mỗi lần tuần du của Tuỳ Dạng Đế là có vô số chuyện khác đời diễn ra.

Lần tuần du thứ nhất : Cuộc tuần du này vào năm 605, Dương Quảng tuần du Giang Đô. Chuẩn bị cho cuộc tuần du này, từ năm 604, người ta phải trưng dụng 10 vạn người đào kênh. Người đào kênh tự mang đồ dùng, lương thực sấp hàng dài hàng dặm.

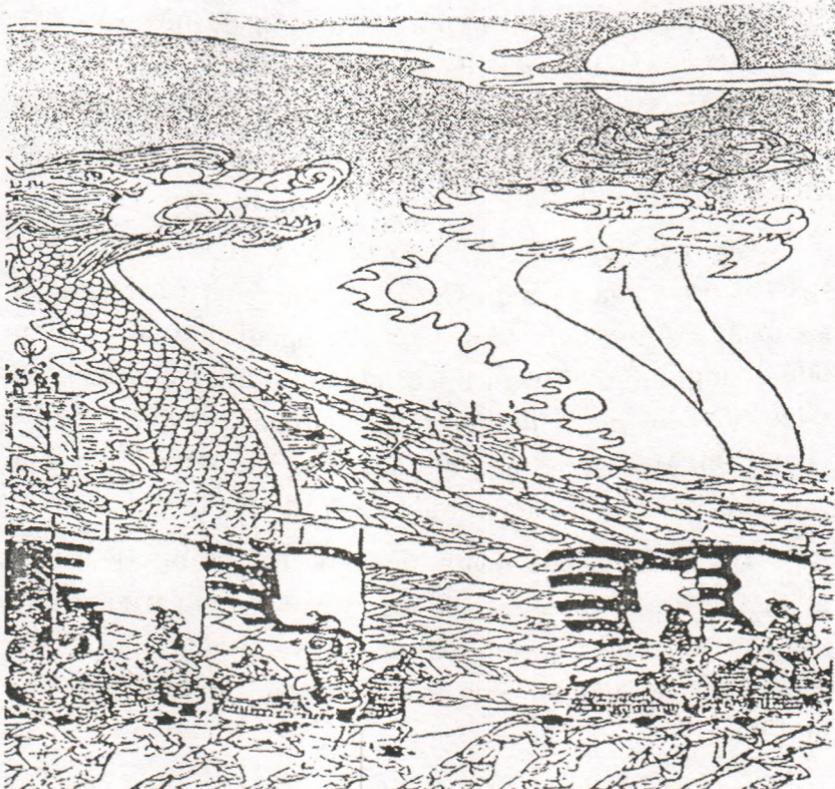
Có sách lại nói, việc đào kênh phải sử dụng đến 3 triệu 6 trăm ngàn người. Cứ 3 – 5 nhà phải cử một người già hoặc trẻ em đem cơm nước cho người đào kênh. Năm 605, trưng dụng 200 vạn người để xây dựng Động Kinh và trên một vạn người để vét sông cho đoàn thuyền trẩy tới Giang Đô. Mọi việc chuẩn bị phải xong trong một thời gian rất ngắn, do quá lao lực, nhiều người đã chết.

Để tô điểm cho đoàn tuần du, Tuỳ Dạng Đế xuống chiếu, lệnh phải sắm sửa xe cộ, áo quần, nghi trượng thật rực rỡ. Để có da thú, lông chim làm vú trượng, dân chúng phải lùng sục bắt hết các loài cầm thú, dùng 10 vạn thợ giỏi làm.

Có sách đã miêu tả cuộc tuần du lần thứ nhất của Tuỳ Dạng Đế như sau : *thuyền rồng của nhà vua dài 200 trượng, bên trong có nội điện, có cung nhỏ, có hai phòng rộng, trang hoàng bằng châu ngọc. Thuyền rồng riêng của Hoàng hậu cũng sừng sững, tráng lệ như tòa cung điện.*

Ngoài ra, có vài ba ngàn chiếc thuyền lớn khác, trang hoàng rực rỡ đi theo. Trên thuyền là các phi tần, công chúa, vương công, bách quan, tăng ni, đạo sĩ và khách Thổ Phiên.

Hộ vệ đoàn thuyền trên, còn có mấy ngàn chiếc thuyền khác, chở đầy quân lính, gươm giáo sáng loà.



Đoàn thuyền rồng tuần du Giang Đô
(Kí họa lấy từ sách Lịch sử Trung Quốc 5.000 năm tập 2 trang 274.)

Đoàn thuyền rồng rắn, dài hơn 200 dặm phủ kín mặt sông, có 8 vạn phu kéo thuyền. Phu kéo thuyền mặc đồ tơ lụa, để cho đoàn thuyền trông đẹp mắt, cứ 10 dàn ông lại có 1 phụ nữ cầm dải lụa đứng phất hờ. Hai bên bờ sông, dưới những hàng liễu toả bóng mát, lại còn có nhiều đoàn kị binh đi hộ giá, cờ xí rợp trời, trông chiêng dậy đất.

Khi màn đêm buông xuống, đèn đuốc sáng trưng, cả dải sông như hội hoa đăng. Dân chúng trong vòng 500 dặm

phải cung cấp đủ đồ ăn thức uống cho đoàn du ngoạn.

Trên thuyền rồng, Dương Quảng ngày đêm yến ẩm, ca hát cùng các phi tần và nhìn ngắm cảnh đẹp hai bên bờ sông. Đoàn người ăn không hết, thức ăn thừa đổ xuống sông hoặc vùi xuống đất.

Cuộc tuần du lần thứ nhất kéo dài đến năm 606 mới kết thúc.

Lần tuần du thứ hai : Cuộc tuần du lần thứ nhất vừa khép lại, cuộc tuần du thứ hai (607) lại bắt đầu, lần này Dương Quảng đi về phía Bắc, nơi có nhiều dân tộc ít người sinh sống và phải đi qua núi Thái HÀng.

Người ta đã huy động một đội quân rất lớn ước chừng 50 vạn người, 10 vạn con ngựa để mở đường, khoét núi Thái HÀng. Bảo vệ an toàn cho đoàn du ngoạn, người ta đã dùng 100 vạn dân chúng, xây thành từ Du Lâm đến Sài Hà, công trình này phải hoàn tất trong vòng 20 ngày, nên một nửa số người xây thành đã chết.

Khi thành xây xong, Tuỳ Dạng Đế, Thái hậu, các hậu phi cùng bá quan văn võ xuất phát từ Du Lâm lên phía Bắc để các Khả Hán của dân Đột Quyết đến triều kiến. Sau đó, đoàn tuần du lên núi Thái HÀng, con đường lên Thái HÀng rộng đến 10 dặm, đi từ Tế Nguyên về Lạc Dương.

Lương thực của cuộc tuần du lần này cũng do dân chúng địa phương cung cấp.

Khi Tuỳ Dạng Đế cùng đoàn tuần du đi qua Nhạn Môn, Thái thú Khâu Hoà dâng thực phẩm tinh khiết, nhiều của ngon vật lạ, được khen ngợi. Khi đến Mã Ấp, Thái thú

Dương Hậu tiếp tế lương thực không đẹp, không ngon, bị Tuỳ Dạng Đế quở trách, còn bảo nên học Thái thú Khâu Hoà. Thái thú Dương Hậu lấy làm nhục nhã, tìm mọi cách để tiếp tế, dâng thực phẩm ngon hơn cả Khâu Hoà.

Đại thần Cao Dĩnh là người đức cao vọng trọng, chấp chính gần 20 năm, thấy Tuỳ Dạng Đế quá phung phí bèn can gián, Tuỳ Dạng Đế chẳng nghe còn đem ông ra xử tử. Thấy thế, bá quan văn võ có ăn gan hùm mật gấu cũng không ai dám can ngăn nữa.

Cuộc du ngoạn thứ hai kéo dài trong vòng 4 tháng mới kết thúc.

Cuộc tuần du thứ ba : Cuộc tuần du này được tổ chức vào năm 608, sử dụng 20 vạn tráng đinh tu sửa thành để Tuỳ Dạng Đế du ngoạn.

Cuộc tuần du thứ tư : Thực hiện năm 609, Tuỳ Dạng Đế tuần du Tây thành, có 27 vị quốc sứ đứng hai bên đường để yết kiến.

Khi về, đoàn du ngoạn gặp gió lớn và mưa tuyết, quân sĩ chết quá nửa, ngựa 10 phần chết hết 8 – 9 phần.

Năm 610, Tuỳ Dạng Đế thực hiện *cuộc tuần du thứ năm*. Lần này lại tuần du Giang Đô, đoàn thuyền rồng rắn lại lên đường, kéo dài đến 2 năm.

Cuộc tuần du thứ sáu : năm 616, Tuỳ Dạng Đế lại tuần du Giang Đô lần nữa ; lúc này, nông dân nổi lên khắp nơi, binh lửa đã tràn gần đến Lạc Dương. Triều thần thấy tình hình rất nguy hiểm liền can gián ; Tuỳ Dạng Đế không nghe, người nào can gián thì giết người đó.

Lúc đến Giang Đô, bất kể quan hoặc dân, dâng đồ ngon vật lạ đều được Tuỳ Dạng Đế phong chức tước, từ đây trở thành lệ.

Xin đơn cử : Giang Đô Bộ thừa Vương Sung dâng lên cái bình phong, khung bằng đồng có lồng kính. Tuỳ Dạng Đế thích lắm, liền phong ngay chức Giang Đô Thông phu (Phó Thái thú). Lịch Dương Bộ thừa Triệu Nguyên Giai dâng của ngon vật lạ được phong Giang Đô Bộ thừa.

Muốn có sơn hào hải vị dâng tiến để được thăng chức, các quan biết đào đâu ra ngoài việc vơ vét của dân chúng bằng con đường sưu cao thuế nặng. Dân chúng hết đường sinh kế, phải ăn cỏ cây và rễ cây.

6. Chiến tranh với Cao Li

Tuỳ Dạng Đế cũng rất thích gây chiến tranh với các nước xung quanh. Năm 608, Tuỳ Dạng Đế chuẩn bị đánh Cao Li, đã ra lệnh đào sông ngòi từ Vĩnh Tế thông với Hoàng Hà đến tận Trác Quận.

Năm 610, (Tuỳ Dạng Đế) lệnh cho mỗi trai tráng phải bỏ ra 10 vạn tiền để mua binh khí, lương thực. Người giàu thì phải mua ngựa, sai các quan đi kiểm tra, ai không có binh khí, lương thực, ngựa đều bị chém đầu.

Năm 611, Tuỳ Dạng Đế hạ lệnh mọi người tập trung ở Trác Quận ; lại hạ lệnh các vùng Giang Nam, Hoài Nam, Sơn Đông trưng dụng thuỷ thủ, quân cung nỏ, dân phu thuyền bè, xe, ngựa, trâu bò.

Nói chung, người, ngựa, trâu bò, xe cộ, thuyền bè các vùng lân cận đều bị trưng dụng hết sạch vào cuộc chiến.

Dưới sông, thuyền vận lương nối đuôi nhau cả ngàn dặm. Trên bộ cứ 2 người đẩy một xe lương thực chở 3 thạch gạo. Người chèo thuyền, kẻ đẩy xe, người ta ước tính có 60 vạn người được trưng dụng vào việc vận lương. Kẻ mệt, người đói, người bị bệnh dịch, 10 phần chết 3 – 4 phần. Thây người phơi tráng hai bên đường, bến nước, dòng sông.

Năm 612, sau khi chuẩn bị khá đầy đủ ở Trác Quận, Tuỳ Dạng Đế, thống lĩnh đội quân 13 vạn, 3 ngàn, 8 trăm người ; chưa kể dân phu vận lương đông tới vài trăm vạn, nhắm Bình Nhưỡng tiến tới.

Tuỳ Dạng Đế lập đội quân thành nhiều doanh, mỗi doanh cách nhau 40 dặm, nối tiếp nhau, dài 960 dặm, cờ rợp trời, trống đánh dậy đất.

Các nhà viết sử thời ấy cho rằng : *từ xưa đến nay, có lẽ từ nay trở đi, chưa có trận ra quân nào lớn đến như vậy.*

Đội quân Tuỳ Dạng Đế tấn công Cao Li hoàn toàn thất bại, 4 vạn tinh binh chết dưới chân thành Bình Nhưỡng, 3 vạn quân chết ở những vùng phụ cận. Đại tướng Vũ Văn Thuật của Tuỳ Dạng Đế phải đem 2700 quân chạy đến Liêu Đông. Càng thảm bại, Tuỳ Dạng Đế càng căm tức, điên cuồng.

Năm 613, Tuỳ Dạng Đế xuất quân đánh Cao Li lần nữa. Quân Cao Li chống cự ác liệt. Lúc ấy, nông dân nổi dậy rất mạnh mẽ, buộc Tuỳ Dạng Đế phải lui quân.

Không đánh được Cao Li, Tuỳ Dạng Đế tức giận, quay sang đàn áp các cuộc nổi dậy của nông dân. Kết cục có 3 vạn người bị giết, 6 ngàn người bị bắt đi đày.

Năm 614, Tuỳ Dạng Đế lại khởi binh đánh Cao Li. Lần này Cao Li xin giảng hoà. Về sự kiện này, có ý kiến cho rằng : quân Cao Li chán ngán cảnh chiến tranh nên xin giảng hoà cho xong chuyện.

7. Cái chết của Tuỳ Dạng Đế

Tuỳ Dạng Đế muốn bỏ Lạc Dương quay về phương Bắc, lấy Đan Dương làm đô thành, có tướng khuyên không nên đi, liền bị chém đầu.

Dân chúng Lạc Dương cũng sợ phải đi đến Đan Dương, tụ họp ở hai bên bờ sông van lạy khóc lóc, Hoàng đế sai lính giết hết.

Năm 618, các cuộc nổi dậy lan rộng khắp nơi, kho lâm trong nước kiệt quệ. Tuỳ Dạng Đế ở Giang Đông, hằng ngày các cận thần phải luôn báo tin vui rằng chỗ này dẹp hết bọn cướp, chỗ khác tiêu diệt xong bọn giặc cỏ, vì báo tin buồn sẽ làm Hoàng đế nổi giận, sinh mạng khó bảo toàn. Vì thế Tuỳ Dạng Đế càng an tâm lao vào ăn chơi truy lạc.

Các binh sĩ theo hộ giá phần nhiều là người Quan Trung, xa quê hương lâu ngày, lòng sinh biến loạn, mong về quê hương, nên đồng lòng mưu phản.

Lang tướng Triệu Hành Khu và Tư Mã Đức Kham thừa cơ tôn phò Hữu đồn Vệ tướng Vũ Văn Hoá Cập làm chủ soái.

Tư Mã Đức Kham dẫn quân vào cung hạch tội, định đem Dương Quảng ra chém. Dương Quảng nói : “*Đừng chém, để ta chết như một vị Đế vương ! Dưa thuốc độc cho ta.*”

Tư Mã Đức Kham còn do dự, thì Dương Quảng rút đai lưng thắt cổ chết.

Chương sáu

NHÀ ĐƯỜNG – NỮ BẠO CHÚA

Người sáng lập nhà Đường là Lý Uyên ; có nhiều thuyết và nhiều cách tính thế thứ các Hoàng đế nhà Đường, nhưng theo cách tính hiện nay thì nhà Đường có 21 đời, trị vì từ năm 618 đến năm 908.

Đặc biệt, ở đời thứ ba nhà Đường là Lý Trị (628 – 683) đã xuất hiện một người phụ nữ quyền lực nghiêng thiên hạ là Võ Tắc Thiên, được xếp vào hàng những bạo chúa Trung Hoa.

VÕ TẮC THIÊN – THÁNH THẦN HOÀNG ĐẾ

*Người và thần đều căm ghét,
trời đất không dung.
(Từ Kinh Nghịch)*

1. Con đường đi đến ngôi Hoàng hậu

Võ Tắc Thiên là con gái của Võ Sĩ Hoạch, Đô đốc Kinh Châu. Vì có nhan sắc hơn người, năm thứ 11 niên hiệu Trinh Quán, Võ Tắc Thiên được vua Thái Tông Lý Thế Dân triệu vào hậu cung làm tài nhân, hầu hạ Thái Tông. Lúc ấy, nàng ta mới 14 tuổi.

Thái Tông Lý Thế Dân có một con ngựa đen đốm trăng, tên là Sư Tử Thông rất dữ tợn, không ai trị được. Một hôm, Thái Tông Lý Thế Dân đứng xem con Sư Tử Thông liền quay ra hỏi : “Có ai trị được con ngựa này không ?”.

Võ Tắc Thiên đứng hầu bên cạnh, liền nói : “Nô tì có cách trị nó !”.

Thái Tông hỏi : “Trị bằng cách nào ?”.

Võ Tắc Thiên đáp : “Trước hết lấy roi sắt mà đánh nó, nếu nó không thuần phục thì lấy chuỷ sắt mà nện nó, nếu vẫn không được thì lấy cây chuỷ (loại kiếm có máu) cưa cổ nó.”.

Thái Tông nghe nói thì bật cười, cho đó là lời nói của trẻ con. Nhưng lời nói đó đã bộc lộ tính cách cương quyết, tàn nhẫn của Võ Tắc Thiên. Sau này, Võ Tắc Thiên cũng trị quần thần tương tự cách thuần ngựa.

Sau khi Lý Thế Dân qua đời, theo lệ của cung đình, Võ Tắc Thiên bị đưa vào chùa Cảm Nghiệp làm ni cô.

Cao Tông Lý Trị, khi còn là Thái tử đã để ý đến Võ Tắc Thiên. Năm thứ năm Vĩnh Huy (654), Lý Trị và Vương Hoàng hậu đến dâng hương tại chùa Cảm Nghiệp, Lý Trị gặp lại ni cô mặn phấn tươi son, có vẻ lưu luyến.

Vương Hoàng hậu biết ý, liền đón Võ Tắc Thiên về cung, một mặt để lấy lòng Lý Trị, mặt khác muốn thêm vây cánh để đối địch với Tiêu Thục Phi, đang được Cao Tông sủng ái.

Không bao lâu, Võ Tắc Thiên được Cao Tông Lý Trị hết sức yêu mến, phong làm Chiêu Nghi. Sau một năm vào hậu cung, Võ Tắc Thiên sinh một bé gái.

Một hôm, Vương Hoàng hậu đến chơi đùa với đứa con gái nhỏ của Võ Tắc Thiên. Đợi khi Vương Hoàng hậu vừa về, Võ Tắc Thiên liền bóp cổ con gái mình cho đến chết, rồi đắp chăn lại.

Cũng vừa lúc Cao Tông đến thăm, thấy con gái mình chết đột ngột, rất bàng hoàng, ra lệnh tra hỏi ai là người mới ở đây ra.

Lúc ấy, Võ Tắc Thiên giả bộ đau đớn, vật vã, kêu gào, chửi rủa Vương Hoàng hậu chẳng thiếu lời nào !

Cao Tông vừa đau đớn vừa bức bối có ý phế truất Vương Hoàng hậu. Đến tháng 10 năm thứ sáu, nên hiệu Vĩnh Huy, Cao Tông bất chấp sự can gián của quần thần, phế truất Vương Hoàng hậu và đưa Võ Tắc Thiên lên ngôi Hoàng hậu. Người can gián và có ý loại Võ Tắc Thiên là Thừa tướng Trưởng Tôn Vô Kị.

Tháng sau, Võ Tắc Thiên cho bắt giam Vương Hoàng hậu và Tiêu Thục Phi vào lanh cung. Sau hai người này chết ở trong lanh cung.

Có lời đồn rằng, Võ Tắc Thiên đã đánh Tiêu Thục Phi 100 trượng, chặt 2 chân, sau đó dìm vào trong thùng rượu cho đến chết.

Sau khi loại được Vương Hoàng hậu và Tiêu Thục Phi, Võ Tắc Thiên thuận đà thanh toán nhóm Trưởng Tôn Vô Kị. Thừa tướng Trưởng Tôn Vô Kị bị cách chức, bị đày nhưng sau đó bị truy bức phải tự sát. Những đại thần, tôn thất thuộc phe cánh hoặc có quan hệ dây mơ rễ má với Trưởng Tôn Vô Kị đều bị bãi chức, bị giết hoặc bị đày.

Một mặt, thanh toán các đối thủ, mặt khác Võ Tắc Thiên dè bặt tâm phúc là Hứa kính phủ Lý Nghi làm Thừa tướng. Đưa các tay chân của mình vào chỗ những quan chức còn trống.

Quyền lực triều đình dần nằm trong tay Võ Tắc Thiên. Từ đây Võ Tắc Thiên lấn lướt cả quyền lực của Hoàng đế.

2. Từ Hoàng hậu đến Nhị thánh

Lý Trị là một Hoàng đế u mê, bất tài nhưng thấy Võ Tắc Thiên lộng hành quá đáng, tỏ ra rất hối hận, liền bàn mưu tính kế tìm cách phế truất Võ Tắc Thiên.

Việc ấy không qua được các tai mắt, tay chân của Võ Tắc Thiên. Võ Tắc Thiên liền hạ lệnh xử tử Thượng Quan Nghi, kẻ đang tìm cách phế bỏ Võ Tắc Thiên, và toàn bộ gia thuộc.

Sau sự kiện này, Võ Tắc Thiên xưng là Thánh đế ngang hàng với Lý Trị, gọi là Nhị thánh, cùng trông coi việc triều chính. Thực ra mọi quyền định đoạt đều ở trong tay Võ Tắc Thiên cả, người ta gọi là nữ trái, nam phải, trên phượng dưới rồng.

Võ Tắc Thiên còn bắt giết, thảm sát hàng loạt vương tôn, đại thần đã từng chống hoặc có ý định chống lại bà.

3. Từ Nhị thánh đến Hoàng đế

Võ Tắc Thiên có 4 người con trai, thứ nhất là Lý Hoằng, thứ nhì là Lý Hiền, thứ ba là Lý Hiển, thứ tư là Lý Đán.

Năm thứ hai, niên hiệu Thượng Nguyên (675), Lý Trị có ý định nhường ngôi cho Lý Hoằng. Võ Tắc Thiên không ưa Lý Hoằng, nên tháng 4 năm ấy Võ Tắc Thiên đã cho đầu độc con trai mình và lập Lý Hiền lên làm Thái tử.

Năm năm sau, Võ Tắc Thiên lại phế truất Lý Hiền xuống làm thứ dân, đưa về giam giữ ở kinh sư, lập Lý Hiển lên làm Thái tử.

Lý Hiền làm một bài từ, gọi là **Hoàng đài qua từ**, lâm li thống thiết, nhưng chắc Võ Tắc Thiên không hề động lòng :

*Trồng dưa vàng trên đất
Mấy quả xùm xít nhau
Hái lần đầu dưa đau
Hái lần sau dưa sầu
Hái lần nữa dưa héo
Thì thảm bãi cỏ hoang.*

Tháng 12, năm thứ hai niên hiệu Vĩnh Thuân, Lý Trị ốm nặng, triệu đại thần Bùi Viêm vào cung tiếp nhận di chiếu, sau đó thì băng hà.

Di chiếu truyền ngôi cho Lý Hiển. Lý Hiển năm ấy 28 tuổi nhưng mọi việc do Võ Tắc Thiên định đoạt.

Lý Hiển trọng dụng Vi Hoàng hậu, mục đích liên kết để kiềm chế quyền hành Võ Tắc Thiên. Nhưng kẻ cắp không thể thắng được bà già, trứng không thể khôn hơn vịt. Lý Hiển ở ngôi chưa đầy 3 tháng đã bị Võ Tắc Thiên giáng xuống làm Lư Lăng Vương. Lý Hiển và Vi Hoàng hậu bị đuổi ra khỏi Trường An, bị giam giữ mỗi người một nơi.

Võ Tắc Thiên lập con trai thứ tư là Lý Đán. Lý Đán tuy danh nghĩa là Hoàng đế nhưng Võ Tắc Thiên cho ở một cung điện khác, không được tham dự việc triều chính.

Tháng giêng, năm thứ hai, Võ Tắc Thiên xuống chiếu giao mọi công việc triều chính cho Lý Đán. Lý Đán khá tinh táo, không nhận.

Tháng 9, năm thứ nhất niên hiệu Tân Sơ, Võ Tắc Thiên truất quyền của Lý Đán, tự lên ngôi xưng là Thánh Thần Hoàng đế.

Lúc ấy, Võ Tắc Thiên 67 tuổi, còn cầm quyền thêm 16 năm nữa, thực tế là bà đã cầm quyền trước đó 36 năm (655 – 690), tổng cộng 52 năm.

4. Tay chân Võ Tắc Thiên

Từ lúc cầm quyền đến lúc lên làm Hoàng đế, Võ Tắc Thiên không ngừng củng cố quyền lực, bằng cách dùng bợn tay chân vào việc tiêu diệt tôn thất họ Lý, các đại thần và các quan chức.

Võ Tắc Thiên có 27 tay chân rất đắc lực, nổi bật là Lai Tuấn Thần, Sách Nguyên Lẽ, Chu Hưng, Hầu Tư Chỉ. Một trong những thủ đoạn của Võ Tắc Thiên và tay chân là cho người tố cáo những người không cùng chính kiến với Võ Tắc Thiên hoặc phản đối Võ Tắc Thiên.

Lai Tuấn Thần, không chỉ là người viết **La chúc kinh**, cuốn sách đề ra phương pháp tố cáo, mà còn đưa ra những hình phạt rất độc đáo để trừng trị những người bị tố cáo. Phương pháp tố cáo gồm bảy bước, rất có lối lang :

Một : xác định đối tượng cần phải tố cáo.

Hai : ra lệnh cho tay chân trong cả nước đều phải mật báo.

Ba : tiến hành điều tra những người bị tố cáo.

Bốn : cho tróc nã, truy bắt những người bị tố cáo.

Năm : lấy khẩu cung.

Sáu : dùng hình để thẩm tra, truy bức khi nào nhận tội mới thôi.

Bảy : căn cứ vào khẩu cung để quy án và trừng trị.

Người tố cáo dù đúng hay sai, thật hay giả đều được khen thưởng, thăng quan tiến chức.

Phương pháp này được áp dụng, không biết cơ man nào là người bị tố cáo, bạn bè phản nhau, người thân quay lưng lại với nhau ; người bị giết, kẻ bị tù, người bị đày, gia đình li tán, tiếng khóc vang trời.

Hình phạt dành cho những người bị tố cáo có cái tên nghe rất hoa mĩ : Phượng hoàng chuyển sí (Phượng hoàng chuyển cánh), Lô câu bạt quyển (Cọc cột ngựa non), Tiên nhân hiến quả (Người tiên dâng quả), Ngọc Nữ đăng đê (Ngọc Nữ lên thang).

Phượng hoàng chuyển sí, là trói phạm nhân vào cọc gỗ ngắn, hai tay đưa lên y như chim bay hoặc giống cánh hoa xoè ra, để tra khảo.

Lô câu bạt quyển, là dùng dây cột cổ phạm nhân vào cọc gỗ, vừa tra hỏi vừa thít dây, cổ lìa ra cũng không sao.

Tiên nhân hiến quả, phạm nhân bị lột hết quần áo – khoả thân, bị gông, đầu đội một cái bình đất, không được để bình rơi xuống, y như làm xiếc.

Ngọc Nữ đăng đệ, là dùng cái thang cao, phạm nhân lùng dựa vào thang, bị cột cổ và phải đi lên. Phạm nhân không lên sẽ bị kéo lên chẳng khác nào bị treo cổ.

Cá tính của Lai Tấn Thần là mặt lạnh như tiền, không hề xúc động, dù người bị tội là bạn bè thân thiết của hắn.

Sách Nguyên Lễ, cũng muốn lập công ngang với Lai Tuấn Thần. Hắn chế tạo một cái hòm, trên có đinh nhọn chơm chởm gọi là thiết quỹ. Để lấy lời khai của phạm nhân, Sách Nguyên Lễ cho để cái hòm lên đầu phạm nhân. Nếu phạm nhân không khai thì cứ đè cái hòm xuống. Có trường hợp hắn còn cho thêm đá lên trên cho đinh xoc vào đầu phạm nhân.

Đôi khi hắn còn treo ngược phạm nhân đổ dấm vào mũi hoặc dùng vòng sắt xiết đầu phạm nhân. Với cách đó Sách Nguyên Lễ đã xử 1.000 phạm nhân.

Chu Hưng, cũng không thua kém Sách Nguyên Lễ và Lai Tuấn Thần, hắn nghĩ ra cách gọi là Thỉnh quân nhập ống (Xin mời ngài chui vào ống). Cách này dùng một cái ống đồng, nung lửa đỏ, ai bị tố cáo thì hắn mời chui vào ống. Sách sử ghi lại, Chu Hưng đã Thỉnh quân nhập ống cả ngàn người.

Hầu Tư Chỉ, là tên mù chữ, vô sỉ, hắn tâu với Võ Tắc Thiên : “*Hạ thần tuy không biết chữ nhất nhưng lại biết trừ gian.*”.

Hầu Tư Chỉ được Võ Tắc Thiên giao nhiệm vụ tra hỏi Thừa tướng Nguy Nguyên Trung. Hắn đã trói hai chân vị Thừa tướng này nambi quắp như con hổ sa cơ, làm chấn động cả triều đình và khắp thiên hạ.

Cái tráp đồng tai họa : Để việc tố cáo được hoàn chỉnh, Võ Tắc Thiên còn để ở cửa hoàng cung một cái tráp bằng đồng, có lỗ để bỏ thư, khoá cẩn thận, để cho người tố cáo bỏ thư vào.

Bất cứ người nào đến cửa hoàng cung bỏ thư tố cáo, dù nông dân, tiểu phu cũng đều được Võ Tắc Thiên cho triệu kiến, ban thưởng và phong quan chức.

Hòm chứa được mấy ngày thư tố cáo từ 10 lên đến 100 rồi đến 1000. Cả ngàn người bị giết, bị lưu đày, hoàng cung u ám ngột ngạt.

5. Tàn sát tôn thất họ Lý

Từ lúc lên cầm quyền đến lúc làm Hoàng đế, Võ Tắc Thiên cho rằng những người trong tôn thất họ Lý đều là bọn không thực bụng, nên tìm mọi cách để sát hại.

Hơn mươi vị Vương hầu và gia quyến bị giết gồm cả thê thiếp, tôi tớ, kể cả người giữ ngựa, thây phơi đầy đường. Trong số họ phải kể : Linh Lăng Đô Vương Lý Kính, Trạch Vương Lý Thượng Kim, Nhữ Nam Đô Vương Lý Vĩ...

Người nào thuộc tôn thất nhà Lý may mắn thì bị cách chức, làm thứ dân, bị đày đi Nhữ Nam.

6. Ai thuận thì sống, ai nghịch thì chết

Đối tượng thứ hai Võ Tắc Thiên nhắm vào là các đại thần, và các quan chức ở các địa phương, ai thuận thì sống, ai nghịch lại thì phải chết.

Võ Tắc Thiên cầm quyền trước sau đã bổ nhiệm 24 Thừa tướng, những người bị giết hoặc bị biếm chức là 17 người.

Võ Tắc Thiên đã xử tử trên 10 quan chức lớn. Trong đó có : Thiên Quang Thị Lang Trịnh Huyền Đình, Lạc Dương Huyện lệnh Trương Tự Minh, Thiểm Châu Thứ sử Quách Chính Nhất, Tương Châu Thứ sử Viễn Chí...

7. Vắt chanh bỏ vỏ

Sau khi đã tập trung được quyền hành, Võ Tắc Thiên tìm cách diệt bọn tay chân thân tín trước kia. Kết cục, Lai Tuấn Thần bị tội diệt tộc, Sách Nguyên Lê và Chu Hưng bị giết, cả nhà bị đi đày.

8. Thời Trinh quán chi trị

Trong thời gian cầm quyền, Võ Tắc Thiên thảng tay loại bỏ hoàng tộc họ Lý, các đại thần, các quan chức chống đối không hề thương tiếc.

Mặt khác, Võ Tắc Thiên ra sức thu dụng nhân tài, mạnh dạn trọng dụng cát nhắc những người có tài. Trong tay Võ Tắc Thiên có lúc nhân tài tụ hội đông như nước. Bằng con đường khoa cử, Võ Tắc Thiên đã thu dụng được hàng ngàn tiến sĩ, các văn nhân thi sĩ.

Nhờ những văn nhân thi sĩ, những người có học mà thời kì này có nhiều công trình đồ sộ như : **Quốc gia được diễn**, **Quốc gia nông thư**, **Dai bách khoa toàn thư** ; các sách viết về luật pháp, giáo dục, đạo đức, tôn giáo cả ngàn cuốn.

Võ Tắc Thiên rất khôn khéo sử dụng quyền lực, dẽ dàng điều khiển các quan lại thân cận, khuyến khích họ cúc cung tận tuy, khống chế họ không có cơ hội thoán thoát quyền bính. Võ Tắc Thiên đã ứng dụng bài học dạy con ngựa Sư Tử Thông, rất thành công trong việc trị quần thần.

Võ Tắc Thiên biết cách phát triển nông tang, củng cố sự phồn vinh thịnh vượng, gọi là thời Trinh quán thịnh trị (Trinh quán chi trị).

9. Xây cung thất, chùa chiền

Võ Tắc Thiên thường chỉ trích việc xa xỉ nhưng lúc về già lại là người thích xa xỉ, hư vinh. Chính Võ Tắc Thiên đã ra lệnh xây cất trang hoàng cung thất, mở tiệc linh đình, hao tốn rất nhiều tiền của.

Võ Tắc Thiên rất sùng đạo Phật, dốc nhiều tiền của vào việc xây dựng chùa chiền, thêm gánh nặng cho dân, hao tốn công quỹ.

10. Lúc về chiều

Tháng 3 năm thứ nhất, niên hiệu Thánh Lịch (698), tuổi già sức yếu, dưới sức ép của triều thần, Võ Tắc Thiên không dám lập dòng họ Võ lên kế vị, đành phải lập lại Trung Tông Lý Hiển, người con trai mà Võ Tắc Thiên đã phế truất, lên làm Thái tử.

Tháng giêng, năm Thiên Long thứ nhất (705), Võ Tắc Thiên ốm nặng, Thừa tướng Trương Giản Chi bàn mưu với Lý Hiển, dẫn 500 lính võ lâm phò tá Lý Hiển vào cung, bắt giết hai cận thần Trương Dịch Chi và Trương Xương Tông, ép Võ Tắc Thiên phải nhường ngôi cho Lý Hiển. Lúc này, Võ Tắc Thiên 82 tuổi.

Tháng 11 năm ấy Võ Tắc Thiên qua đời.

11. Tấm bia không chữ

Ngày nay, nếu ai có dịp sang Trung Quốc, ghé huyện Phù Phong, Thiểm Tây, thăm mộ Võ Tắc Thiên, sẽ thấy một tấm bia dãi dầu như bao tấm bia mộ, chỉ khác là không có chữ nào, gọi là vô tự bia.

Có lẽ, người dựng bia muốn giành chỗ cho hậu thế luận công, định tội vị nữ hoàng này !

Chương bảy

NGŨ ĐẠI THẬP QUỐC – TÀN BẠO CHẨNG BẾN BỜ

Sau khi nhà Đường bị diệt, Trung Hoa bắt đầu thời kì phân liệt dài hơn 300 năm, gọi là thời Ngũ đại Thập quốc.

Thời Ngũ đại (907 – 960) liên tiếp xuất hiện 5 vương triều là Hậu Lương, Hậu Tấn, Hậu Đường, Hậu Hán, Hậu Chu.

Thập quốc, ở phương Nam, 10 nước ra đời là : Ngô, Ngô Việt, Nam Đường, Sở, Mân, Nam Hán, Tiền Thục, Hậu Thục, Nam Bình cùng với nước Bắc Hán ở phương Bắc. Họ hợp xung là Thập quốc (mười nước). Hai miền Nam – Bắc bắt đầu kình chống lẫn nhau.

Những bạo chúa trong thời đại này là : Chu Ôn (Hậu Lương), Lý Tồn Húc (Hậu Đường), những Hoàng đế nước Mân và những Hoàng đế Hậu Hán.

1

CHU ÔN – LƯƠNG THÁI TỔ NHÀ HẬU LƯƠNG

*Từ nhà Trần đến nay,
chưa có vị vua nào ác như vậy.
(Đường Chân)*

Nhà Hậu Lương do Chu Thuyên Trung đoạt ngôi từ nhà Đường lập nên. Nhà Hậu Lương trải 3 đời vua, tổng cộng 17 năm (907 – 923), bị tiêu diệt bởi nhà Hậu Đường.

1. Những nấc thang bằng máu

Chu Thuyên Trung (852 – 912), tên thật là Chu Ôn, người Đăng Sơn, xuất thân cảnh nghèo khó. Chu Ôn cùng anh là Chu Tồn tham gia cuộc nổi dậy của Hoàng Sào.

Tháng 3 năm 881, Chu Ôn được Hoàng Sào phong tước hầu. Phong hầu cho Chu Ôn một năm thì Hoàng Sào thất thế lâm nạn. Chu Ôn đem quân hàng triều đình. Triều đình phong Chu Ôn khá nhiều chức tước như Đồng Hoa Tiết độ sứ, Hữu Kim Ngô Vệ Đại Tướng quân, Hà Trung Hành doanh chiêu thảo phó sứ, lại ban cho cái tên mới là Toàn Trung.

Chu Ôn nhân danh triều đình đánh Hoàng Sào, tấn công những người không thần phục triều đình. Việc làm của Chu Ôn được triều đình ghi công : tiến công Tần Tiên bộ, chặt đầu 2 vạn người ; đánh Châu Tiên hậu bộ giết 3 ngàn tù binh ; công hãm huyện Bác Xương giết hết dân trong huyện ; khi chiếm Trường An, giết người vô số.

Bàn tay Chu Ôn càng đẫm máu thì triều đình càng tăng thưởng thêm chức tước, Chu Ôn càng bước lên đỉnh cao quyền lực.

2. Giết luôn hai vua

Tháng 8 năm 883, Chu Ôn mật sai người giết Chiêu Tông Lý Diệp và lập con của Lý Diệp là Lý Xúc.

Năm 904, Chu Ôn lại mật lệnh cho bộ tướng của mình là Chu Hữu Cung giết Thừa tướng Thôi Dận và ép Lý Xúc đến Lạc Dương.

Khi Lý Xúc đến Lạc Dương, Chu Ôn lại sai bộ tướng Chu Hữu Cung ám sát Lý Xúc. Lúc ấy Lý Xúc mới 13 tuổi*. Nghe tin Lý Xúc bị sát hại, Chu Ôn giả vờ chạy vào phục trước linh cữu khóc sướt mướt.

Chu Ôn tự mình lên ngôi đổi nhà Đường thành Đại Lương, Chu Ôn cũng đổi tên lần nữa thành Chu Hoảng.

3. Giết người diệt khẩu

Chỉ một vài ngày sau khi lên ngôi, Chu Ôn khép bộ tướng Chu Hữu Cung vào tội trị quân không nghiêm, buộc ông này phải tự tận. Trước khi chết, Chu Hữu Cung nói với Chu Ôn : “Việc làm của ta thật đáng để thiên hạ chê cười !”. Tiếp theo, Chu Ôn ra lệnh đày toàn bộ gia quyến Lý Xúc và 300 trọng thần đến Hà Nam, nhưng khi đến huyện Hoạt, tất cả đều bị giết, quăng thi thể xuống sông Hoàng.

* Có sách nói Chu Ôn bắt Lý Xúc thoái vị.

4. Cha chồng và con dâu

Phu nhân của Chu Ôn là Trương Thị chết, con trai trưởng cũng chết sớm, Chu Ôn thường gọi con dâu vào cung hầu hạ. Con nuôi là Chu Hữu Văn rất được Chu Ôn quý mến, vợ của Chu Hữu Văn rất đẹp, nên cũng được Chu Ôn đưa vào hậu cung.

5. Cha con cãi vã

Tháng 6 năm 912, Chu Ôn bệnh nặng, muốn triệu con nuôi là Chu Hữu Văn vào cung để lo hậu sự. Con thứ của Chu Ôn là Chu Hữu Khuê biết được, cùng với người tâm phúc của mình là Phùng Đình Ngạc dẫn 500 quân vào cung tìm cách giết Chu Ôn.

Chu Ôn đang vật lộn với cơn đau, nghe huyên náo, la khóc, bèn hỏi : “Ai dám phản ta thế ?”.

Chu Hữu Khuê đáp : “Ta chử ai ?”.

Chu Ôn hé mắt, thấy con trai mình, nói : “Mày là đưa con đại nghịch, trời đất sẽ không tha cho mày !”.

Chu Hữu Khuê quát to : “Lão già kia, chết đi !”.

Chu Hữu Khuê giết cha xong, gói thi thể vào trong cái đệm, cấm không ai được tiết lộ, rồi đem quân tìm giết luôn Chu Hữu Văn.

2

LÝ TỒN HÚC – NHÀ HẬU ĐƯỜNG

Nhà Hậu Đường là chính quyền do Tấn Vương Lý Tồn Húc thuộc bộ tộc Sa Đà sáng lập. Truyền ngôi được 4 đời, tổng cộng 14 năm (923 – 936), bị diệt bởi nhà Hậu Tấn.

Lý Tồn Húc (885 – 926), thuở nhỏ đã theo cha là Lý Khắc Dụng chinh chiến, Lý Tồn Húc rất táo tợn, dũng mãnh.

Năm 908, Lý Khắc Dụng mắc bệnh chết, Lý Tồn Húc lên kế nghiệp lúc 25 tuổi.

1. Con đường quyền lực

Để nắm trọn quyền hành, Lý Tồn Húc tìm cách giết thúc phụ là Lý Khắc Ninh, vì nghi thúc phụ đang dòm ngó ngai vàng.

Một hôm, Lý Tồn Húc bàn mưu với các tướng Trương Thừa Nghiệp, Lý Tồn Chương, Ngô Cộng mời thúc phụ Lý Khắc Ninh đến dự tiệc.

Được 3 tuần rượu, Lý Tồn Húc lệnh cho quân sĩ mai phục ở phía sau, chém đầu thúc phụ Lý Khắc Ninh. Chưa hết Lý Tồn Húc còn cho quân khoét mắt, chặt chân thúc phụ.

Lý Tồn Húc huấn luyện quân đội, chỉnh đốn hiệu lệnh, khiến quân thêm lớn mạnh, liên tiếp đánh bại quân Hậu Lương, đánh phá Yến Địa và Khiết Đan.

Tháng 4 năm 923, Lý Tồn Húc lên ngôi, cho mình là hậu duệ của nhà Đường, đặt quốc hiệu là Đại Đường, sử gọi là Hậu Đường.

Tháng 10, năm ấy, Lý Tồn Húc lại đánh Hậu Lương và thống nhất Trung Nguyên.

2. Tin dùng linh nhân

Sau khi thống nhất Trung Nguyên, Lý Tồn Húc dời đô đến Lạc Dương, sa đà hưởng lạc, trở thành bạo chúa.

Lý Tồn Húc rất tin dùng các linh nhân (bọn phường chèo, con hát). Trong triều của Lý Tồn Húc lực lượng linh nhân rất đông, những người này là tay chân, tai mắt của Lý Tồn Húc, được tham dự triều chính cùng với các quan đại thần.

Mỗi lần Lý Tồn Húc cùng với các linh nhân ra ngoài thành rong chơi, xe ngựa xέo bừa lén cả những ruộng lúa. Một đại thần thấy vậy liền can gián : “*Bệ Hạ là cha mẹ của dân, phải chăm lo đời sống của dân. Nay Bệ Hạ và bọn linh nhân nhẫn tâm giẫm đạp lên lúa má của dân là không nên.*”.

Lý Tồn Húc nghe xong, nổi giận dùng dùng dùng cho chém đầu vị đại thần. Bọn linh nhân thấy thế càng lén nước.

Lý Tồn Húc và bọn linh nhân đi chơi, đến địa phương nào các chức sắc địa phương cung phụng không chu đáo, nhẹ thì bị cách chức, nặng thì bị chém đầu. Vì thế mà nhiều quan chức địa phương đã phải bỏ trốn khi nghe tin có đoàn tuần du của Hoàng đế đến.

3. Săn lùng người đẹp

Lý Tồn Húc còn ra lệnh cho bọn linh nhânh đi tìm gái đẹp các nơi đem về cung để hưởng lạc. Lệnh ban ra chỉ trong vòng một tháng, đã có trên 3 ngàn cô gái bị bắt đem về cung.

4. Giết công thần

Lý Tồn Húc sai tướng Quách Sùng Thao, một công thần, đi đánh tàn dư của quân Thục. Khi Quách Sùng Thao đánh dẹp xong, một mặt Lý Tồn Húc lại sai người triệu hồi Quách Sùng Thao về triều, một mặt sai người tìm cách giết chết Quách Sùng Thao. Việc giết công thần Quách Sùng Thao làm cho quần thần hoang mang.

Lý Tồn Húc ra lệnh cho bọn linh nhânh theo dõi các quan. Ai bị chúng gièm pha, kết tội thì khó mà thoát chết. Các quan chức của Lý Tồn Húc ai nấy như đang ngồi trên đống lửa.

5. Chết vì chén sữa

Tháng 4 năm 926, Mã Trực Tạ, vốn là một nịnh thần, phát động binh biến ở Lạc Dương. Lý Tồn Húc bị trúng tên ra máu nhiều khát nước, miệng gọi nước liên hồi. Lưu Hoàng hậu tìm không được nước, bưng cho Lý Tồn Húc một chén sữa. Lý Tồn Húc uống sữa vào và chết ngay tức khắc. Nguyên nhân, khi bị mất máu, uống nước thì còn hi vọng sống, uống sữa thì chết.

3

NHỮNG HOÀNG ĐẾ NƯỚC MÂN

Xin kiếp sau đừng đâu thai vào gia đình Đế Vương.
(*Cương lâm dị lục*)

Vương Thẩm Tri được nhà Hậu Lương phong cho làm Mân Vương. Vương Thẩm Tri xưng đế, truyền được 4 đời, tổng cộng 36 năm (909 – 945), sau mất bởi Nam Hán.

1. Vương Diên Hàn và Thuỷ Tinh Cung

Tháng 12 năm 925, Vương Thẩm Tri chết, con trai trưởng là Vương Diên Hàn tự xưng là Uy Vũ Lưu Hậu, sau xưng là Mân Quốc Vương.

Vương Diên Hàn lên ngôi ra lệnh xây ở Hồ Châu, phía Tây thành Phúc Châu, một cung thất gọi là Thuỷ Tinh cung rộng trên 10 dặm. Vương Diên Hàn ra lệnh tìm bắt mĩ nữ trong dân gian, ngày đêm hành lạc, bỏ bê việc chính sự.

Năm 926, em là Vương Diên Lâm, con nuôi của Vương Thẩm Tri, can ngăn không được, liền liên kết với con thứ của Vương Thẩm Tri là Vương Diên Quân bất ngờ tập kích đô thành giết chết Vương Diên Hàn.

2. Vương Diên Quân và Trường Xuân cung

Sau khi giết chết anh, Vương Diên Quân được đám bê tông lập làm Uy Vũ Lưu Hậu. Tháng 11, năm 926 Vương Diên Quân xưng đế, lập quốc hiệu là Đại Mân, sử gọi là Mân quốc.

Vương Diên Quân cũng nối gót Vương Diên Hàn ăn chơi sa đọa, cho thu nạp tài nhân của cha là Kim Phượng vào cung Trường Xuân, phong làm Thục Phi, sau đó lại phong làm Hoàng hậu.

Vương Diên Quân thường mở yến tiệc tại cung Trường Xuân, đèn đuốc sáng choang, cùng với các cận thần vui chơi thâu đêm suốt sáng.

Khi rượu đã quá say, Hoàng hậu Kim Phượng và cung nữ đều khoả thân, mọi người chạy đuổi bắt nhau rất hào hứng. Trong khi Vương Diên Quân bận rộn vui chơi với cung nữ, thì Hoàng hậu Kim Phượng cũng thoả sức dâm loạn với triều thần.

Cuộc vui thâu đêm ở cung Trường Xuân kéo dài 9 – 10 năm. Mọi công việc triều chính Vương Diên Quân giao cho con trưởng là Vương Kế Bằng trông coi.

Tháng 10 năm 935, con trưởng của Vương Diên Quân là Vương Kế Bằng liên kết với Hoàng Thành sứ Lý Phóng phát động chính biến, giết cha và bè đảng Trần Kim Phượng. Giết xong cha và Kim Phượng, Vương Kế Bằng quy cho Lý Phóng tội giết vua và giết Hoàng hậu. Giết xong người cộng sự, Vương Kế Bằng tự lập làm Hoàng đế.

3. Vương Kế Bằng và cung Tử Vi

Vương Kế Bằng lên ngôi đổi tên là Vương Sưởng, ham vui không khác gì cha. Vương Kế Bằng không lo đến việc nước, chỉ tụ tập quần thần vui chơi ; mỗi lần mở yến tiệc thường thâu đêm suốt sáng.

Trong tiệc, Vương Kế Bằng thường bắt quần thần uống rượu, không say không về. Vì đại thần nào không uống được nữa, ông ra lệnh cho người hầu đổ rượu vào miệng. Vì quan nào không uống rượu, Vương Kế Bằng cho rằng thất lễ, giết không tha.

Vương Kế Bằng lập Quý phi Lý Khắc Yên làm Hoàng hậu. Để vui lòng Hoàng hậu, Kế Bằng cho hai vạn người tu sửa cung Tứ Vi, trang hoàng bằng thuỷ tinh, cực kì tráng lệ.

Trong lúc ấy, quốc khố trống rỗng, nhân dân khổ cực, tiếng oán than ngất trời vang vọng khắp trong ngoài. Vương Kế Bằng cho chiêu mộ 3 ngàn dung sĩ, gọi là thần vệ quân, dùng để bảo vệ mình và giết 2 người chú và 5 người con của 2 vị này.

Từ việc nước đến việc xây dựng chùa chiền, đúc tượng Vương Kế Bằng nhất nhì tin theo lời đạo sĩ Vương Thủ Nguyên.

Vương Kế Bằng cho tu sửa Thanh cung trong cấm thành, xây dựng chùa Bạch Long. Tiêu tốn hàng ngàn cân vàng để đúc tượng Ngọc Hoàng Đại Đế và Thái Thượng Lão quân.

Tháng 7 năm 939, quân Mân đại loạn, nổi lên giết chết Vương Kế Bằng. Các tướng lĩnh mời Vương Diên Chính lên ngôi*.

4. Hết thuốc chữa

Vương Diên Chính lên ngôi nhưng cũng không điều khiển được quân đội, để quân đội tàn sát lẫn nhau.

* Có sách ghi rằng : Vương Hi lên ngôi 939 – 944.

Tháng 8 năm 945, quân Nam Đường (Nam Hán) đánh chiếm Kiến Châu, buộc Vương Diên Chính phải đầu hàng, chính quyền nước Mân bị diệt vong.

4

NHỮNG HOÀNG ĐẾ NHÀ HẬU HÁN

*Quả nhân sinh ra khó làm vua Nghiêu, vua Vũ, vua Thang
nhưng sẽ làm được một ông vua phong lưu !
(Lưu Nham)*

Chính quyền Nam Hán do Thanh Hải quân Tiết độ sứ Lưu Ẩn, sau khi chiếm cứ khu vực Lưỡng Quảng, người em là Lưu Yểm kế tiếp lập ra. Hậu Hán cầm quyền được 4 đời, tổng cộng 55 năm (917 – 971), bị mất bởi nhà Bắc Tống.

1. Lưu Nham

Năm 921, Lưu Ẩn bị bệnh chết, Lưu Yểm tức Lưu Nham lên nối ngôi*. Khi lên ngôi Lưu Nham nói với quần thần : Quả nhân sinh ra khó làm vua Nghiêu, vua Vũ, vua Thang nhưng sẽ làm được một ông vua phong lưu !

Xây cung điện : Nói là làm, Lưu Nham cho xây hai cung điện là Chiêu Dương điện và Nam Huân điện để vui chơi.

* Lưu Nham sinh năm 889, mất năm 942.

Điện Chiêu Dương bên trên dùng vàng để trang hoàng, giữa điện đào một kênh nước, đáy kênh toàn là trân châu. Phía Tây của điện có hai cột trụ bằng ngọc, bên trên có trụ hình Mặt Trời, mặt trăng bằng thuỷ tinh và hổ phách. Nam Huân điện tráng lệ cũng không kém gì điện Chiêu Dương. Việc xây cung điện đã làm cho nhân dân vùng Linh Nam khổn khổ, đói rách.

Tuần du : Tương tự Tuỳ Dạng Đế, Lưu Nham rất thích tuần du. Lưu Nham cùng với các ái phi và các sủng thần đi tuần du. Đoàn tuần du đi đến đâu thì tiền hô hậu ứng và nhân dân địa phương phải cung phụng không thiếu thứ gì.

Lưu Nham tiếc rằng đất nước không rộng lớn để du ngoạn cho thoả thích nhưng nhân dân thì khổn đốn vì những cuộc tuần du của ông.

Khoái hình phạt : Lưu Nham không chỉ phong lưu tài tử mà còn rất khoái nhìn cảnh tra tấn tội nhân.

Các hình thức tra tấn mà Lưu Nham khoái coi là : đổ nước vào mũi, cắt lưỡi, chặt tay chân, dùng bào lạc để đốt, trước khi đem ra chặt đầu. Cảnh Lưu Nham khoái nhất là cảnh quăng tội nhân vào bể nước, sau đó thả rắn độc, làm cho người quắn quại đau đớn.

Gây chiến tranh : Lưu Nham cũng thích diễu võ dương oai với các nước láng giềng, gây chiến khắp nơi, khiến người dân lâm vào cảnh chinh chiến loạn lạc liên miên.

Tháng 4 năm 942, do ăn chơi trác táng, Lưu Nham bị bệnh qua đời, con trai là Lưu Phân (920 – 943) lên kế vị. Lưu Phân khoái uống rượu và xem võ sĩ đánh nhau.

Tháng 3 năm 943, nhân lúc Lưu Phân uống rượu say, Lưu Hoằng Hi tập hợp lực sĩ giết Lưu Phân.

2. Khi vua làm xiếc

Sau khi giết anh là Lưu Phân, Lưu Hoằng Hi lên ngôi, đổi tên thành Lưu Thạnh (920 – 958).

Việc đầu tiên của Lưu Hoằng Hi là giết hai em là Tấn Vương Hoằng Trạch và Thiều Vương Hoằng Nhã.

Tháng giêng năm 947, trong một ngày, Lưu Hoằng Hi giết 8 người em còn lại, nhà nào có con trai thì giết hết, con gái bị đày không cho vào cung.

Sau khi giết hết các em, Lưu Hoằng Hi mới yên tâm hưởng lạc. Mỗi đêm mở tiệc trên Ngọc lâu, Lưu Hoằng Hi uống thực say. Khi say, ông nắm lấy một con hát mà ông thích, treo kiếm vào đầu và đẩy xuống đất, y như làm xiếc. Sáng mai, tỉnh dậy thì người đó đã chết rồi. Trong thời gian Lưu Hoằng Hi cai trị, có 390 người chết theo kiểu này.

Tháng 8 năm 958, Lưu Hoằng Hi do ăn chơi sa đoạ, mang bệnh mà chết.

Chương tám

TỐNG – LIÊU – HẠ – KIM – NGUYÊN KHÚC BI CA CỦA NGƯỜI HÁN

TỐNG – LIÊU – HẠ – KIM

Thời kì này, có hai chính quyền lớn là Liêu và Bắc Tống. Chính quyền Liêu thống nhất được phương Bắc, cai trị hơn 200 năm (916 – 1125) ; chính quyền Bắc Tống thống nhất được Trung Nguyên và phương Nam, cai trị 168 năm (960 – 1127).

Một chính quyền nữa ở phía Tây là Tây Hạ, đối địch với Bắc Tống và Liêu, tạo ra thế chân vạc.

Tiếp theo thời kì trên gọi là Kim, Nam Tống. Phương Bắc dưới sự thống trị của nhà Kim 100 năm ; ở phương Nam, sau khi Bắc Tống bị diệt, tôn thất nhà Tống kiến lập chính quyền Nam Tống kéo dài 150 năm.

NHÀ NGUYÊN

Năm 1279, nhà Nguyên kết thúc thời đại Liêu, Tống, Hạng, Kim. Người sáng lập nhà Nguyên là Thành Cát Tư Hãn. Nhà Nguyên tồn tại 163 năm (1205 – 1368). Truyền ngôi được 16 đời. Hai vị bị xếp vào hàng bạo chúa là Thành Cát Tư Hãn và Hốt Tất Liệt.

1

TRIỆU KHÔNG DẬN – BẮC TỔNG

*Sự hưng thịnh của Đế Vương là do thiên mệnh.
(Tổng sử)*

Triệu Khuông Dận là người Trạc Châu (huyện Trạc, Hà Bắc), năm 948 theo Đại tướng Quách Uy nhà Hậu Hán.

Năm 950 – 951, Triệu Khuông Dận ủng hộ lập Quách Uy làm Hoàng đế nhà Hậu Chu. Dưới hai triều Hậu Chu, Triệu Khuông Dận từng lập nhiều công lớn. Năm 956 được phong làm Định quốc quân Tiết độ sứ kiêm Điện tiền đô Chỉ huy sứ. Ba năm sau, Triệu Khuông Dận lại kiêm Điện tiền đô điểm kiểm, chỉ huy Cấm quân, quyền lực rất lớn.

Năm 954, vị vua thứ hai của nhà Hậu Chu là Sài Vinh chết, Sài Tông Huấn lên nối ngôi.

Sài Tông Huấn mới 7 tuổi nên mọi việc triều chính đều do Thái hậu Phù Thị và Phạm Chất, Vương Phổ nắm giữ, các quan trong triều tranh giành quyền, chia rẽ nhau.

1. Trần Kiều binh biến

Ngày 1 tháng 1 năm 960, triều đình Hậu Chu đang vui vẻ đón xuân thì được tin cấp bão, quân Bắc Hán và quân Khiết Đan đang tiến vào biên giới. Sài Tông Huấn bé nhỏ chẳng biết gì về chiến sự, Thái hậu là Phù Thị do tình thế bức bách liền phái Triệu Khuông Dận đem quân chống cự.

Ngày mồng 3, Triệu Khuông Dận đem quân ra khỏi

kinh thành, theo hướng Đông Bắc, đến Trần Kiêu (Khai Phong) cách kinh thành 40 dặm thì hạ trại đóng quân.

Triệu Khuông Dận bàn với Triệu Khuông Nghĩa và Triệu Phổ tổ chức binh biến. Triệu Khuông Nghĩa và Triệu Phổ sai người thân tín đồn thổi trong quân rằng : Chúa thượng còn non nớt, bọn chúng ta liều mình đi đánh giặc, sống chết chưa rõ nhưng liệu ai biết đến công lao ?

Thế là người này rỉ tai người nọ, người nọ thầm thì với người kia... rồi mọi người đồng ý với nhau nên lập Điện tiền đô điểm kiểm (Triệu Khuông Dận) lên làm Hoàng đế trước, rồi mới tiến quân về phương Bắc.

Sáng hôm sau, nghe tiếng huyên náo trong quân, các tướng tay chân của Triệu Khuông Dận rút kiếm ra hét với quân lính : Trung quân đã bàn luận rồi, chúng ta muốn lập Thái úy (Triệu Khuông Dận) làm Thiên tử. Nghe vậy, đám kiêu binh mới yên.

Cùng lúc, Triệu Khuông Nghĩa cũng sai người tức tốc về kinh báo cho tay chân của Triệu Khuông Dận là Điện tiền đô chỉ huy sứ Thập Thủ Tín làm nội ứng.

Đêm mồng ba, Triệu Khuông Dận ăn no, uống rượu say nằm khẽn ra ngủ. Rạng ngày mồng bốn, Triệu Khuông Nghĩa, Triệu Phổ vào gặp Triệu Khuông Dận bàn bạc việc binh biến. Không đợi cho Triệu Khuông Dận nói lời nào binh sĩ ùa lên khoác hoàng bào vào người, tiếng tung hô vạn tuế vang trời.

Triệu Khuông Dận tỉnh rượu trong tiếng hô và trong hoàng bào. Khuông Dận nói : "Các người muốn hưởng phú

quý, lập ta lên làm Thiên tử thì phải nhất nhát nhất nghe mệnh lệnh của ta.”.

Các tướng đồng thanh đáp : “*Chúng tôi tuân lệnh.*”.

Triệu Khuông Dận nói : “*Ông vua nhỏ và Thái hậu thì để ta và quần thần sẽ bàn bạc, xem xét, không nên làm hại đến họ. Khi về kinh không được xâm phạm đến bất cứ gia đình nào thuộc quan chức triều đình và dân chúng.*”.

Tướng sĩ nhất nhát nhất nghe lời ; đoàn quân Bắc phạt trở lại Biện Kinh, ép Hoàng đế thoái vị.

Triệu Khuông Dận lên ngôi, đặt quốc hiệu là Tống, sử thường gọi là Bắc Tống.

2. Chén rượu giải bình quyền

Sau khi lên ngôi, Triệu Khuông Dận vẫn cảm thấy không yên tâm, một hôm nhân chỉ có hai người, Triệu Khuông Dận hỏi Thừa tướng Triệu Phổ : “*Từ nhà Đường đến nay thay đổi đã năm triều đại, đánh nhau chẳng ngớt, dân chúng chết vô số, là tại sao ?*”.

Triệu Phổ đáp : “*Dẽ hiểu thôi ! Nguyên nhân các Phiên trấn nắm quá nhiều quyền lực, nếu triều đình tập trung, nắm hết quyền lực thì những việc đó đâu có xảy ra.*”.

Triệu Phổ nói thêm : “*Hiện nay, hai người nắm nhiều quyền lực lớn nhất là Đại tướng Cẩm quân Thạch Thủ Tín và Vương Thẩm Cơ.*”.

Triệu Khuông Dận nói : “*Ông nói thế chứ, hai ông ấy là bạn ta, nỡ nào lại phản ta.*”.

Triệu Phổ nói : “Có thể hai ông ấy không có ý đồ gì nhưng đôi lúc người ta xui bẩy thì hai ông ấy cũng phải làm thôi !”.

Triệu Khuông Dận hiểu ra nhưng cứ âm ừ.

Mấy ngày sau, Triệu Khuông Dận mở tiệc lớn, mời Thạch Thủ Tín, Vương Thẩm Cơ, Cao Hoài Đức, Trương Linh Đạc đến uống rượu chơi.

Sau ba tuần rượu, Triệu Khuông Dận đứng lên, cầm li rượu giả bộ lè nhè : “Ta nhờ các ông giúp đỡ mới có địa vị như ngày hôm nay. Nhưng các ông có biết không ? Hồi ta chưa làm Hoàng đế, đêm nào cũng ngủ ngon giấc, không mộng mị, không lo sợ gì cả. Kể từ ngày làm Hoàng đế, đêm nào ngủ cũng không ngon giấc, mộng mị, lo sợ. Chẳng nơi nào an ổn bằng chiếc giường nhưng coi bộ không yên.”.

Thạch Thủ Tín nghe xong, liền nói : “Bây giờ thiên hạ thái bình, ai dám ăn ở hai lòng với Bệ Hạ.”.

Triệu Khuông Dận nói : “Ví dụ, một trong các ông, trung thành với ta nhưng đâm tay chân của ông tham giàu sang, chức tước, chúng mặc hoàng bào lên người ông, ấn ông ngồi xuống ngai vàng. Lúc ấy, liệu ông không làm có được không ?”.

Thạch Thủ Tín, Vương Thẩm Cơ, Cao Hoài Đức, Trương Linh Đạc nghe xong toát mồ hôi, nói : “Bệ Hạ cứ nói thẳng ra và chỉ cho chúng tôi một con đường sống.”.

Triệu Khuông Dận, nửa tỉnh nửa say nói : “Ví dụ, tôi là các ông, thì tôi sẽ trả lại hết binh quyền, lui về quê, mua thêm ruộng vườn thuê người cày cấy ; cất căn nhà thật lớn,

thu nạp mĩ nữ, ngày đêm mở tiệc múa ca hát xướng, hưởng thụ giàu sang phú quý, gác bỏ mọi chuyện, vừa sung sướng một đời vừa đẹp bỏ được sự nghi kị, chẳng đẹp lầm ru ?”.

Bọn Thạch Thủ Tín, Vương Thẩm Cơ nghe nói vậy mới hoàn hồn, lạy tạ và nói : “*Bệ Hạ anh minh, đã chỉ cho chúng tôi con đường sống !*”.

Triệu Khuông Dận, nói xong vui vẻ uống rượu tiếp. Tiệc tan, ai về nhà nấy.

Ngày hôm sau yết triều, Thạch Thủ Tín, Vương Thẩm Cơ, Cao Hoài Đức, Trương Linh Đạc đều nhất loạt dâng tấu chương, thỉnh cầu xin được từ chức với lí do là bệnh tật.

Triệu Khuông Dận tỏ ra thông cảm bèn chuẩn y và cho tất cả về quê. Sử gọi bữa tiệc trên là bữa tiệc giải binh quyền.

3. Bữa tiệc hoa viên

Năm 969, với chiêu cũ, Triệu Khuông Dận triệu các Tiết độ sứ và Vương Ngạn Siêu về kinh, mở tiệc ở hoa viên khoản dãi. Trong khi uống rượu Triệu Khuông Dận nói : “*Ta nghe công việc ở các Phiên trấn ngày càng nhiều, càng phức tạp, các ông khổ sở lắm rồi, ta ái ngại lắm !*”.

Một người trong họ nói : “*Chúng thần không dám kể công lao với Bệ Hạ !*”.

Triệu Khuông Dận nhíu mày nói : “*Kể ra công lao quá nhiều cũng thật khó mà thường cho xứng đáng.*”.

Các Tiết độ sứ thấy hoảng hồn, nói : “*Bệ Hạ nên cho chúng thần cáo lão về quê, đó là sự ban thưởng lớn nhất.*”.

Triệu Khuông Dận gật gù.

Sáng hôm sau, các Tiết độ sứ đều xin trả lại chức quyền với lí do tuổi già sức yếu. Triệu Khuông Dận an ủi và chuẩn y.

4. Tập trung quyền lực

Ngoài việc nắm hết binh quyền, Triệu Khuông Dận còn thâu tóm tất cả các quyền hành ở các địa phương.

Nói chung, Triệu Khuông Dận là người nắm toàn bộ bốn phương diện : binh, quyền, tiền, pháp.

5. Một võ tướng yêu văn và giỏi kinh tế

Vốn xuất thân là một võ tướng nhưng Triệu Khuông Dận rất coi trọng văn hoá, yêu sách vở, trọng dụng các văn sĩ, tuyển chọn nhân tài.

Bên cạnh đó, ông cũng coi trọng việc phát triển sản xuất nông nghiệp, tu bổ thuỷ lợi, sửa sang việc chuyển vận đường thuỷ, miễn thuế khoá, bớt lao dịch, góp phần khôi phục kinh tế của Bắc Tống.

6. Võ về biên giới – thôn tính các nước

Triệu Khuông Dận dùng chính sách võ về, ưu đãi các trấn thần ở biên giới Tây Bắc.

Sau khi dẹp được nỗi lo biên giới, Triệu Khuông Dận lần lượt thôn tính các chính quyền phương Nam : Nam Bình, Hậu Thục, Nam Hán, Nam Đường ; trong 10 nước chỉ còn 2 nước là Nam Đường và Bắc Hán.

7. Hoàng đế và con cáo

Tháng 10 năm 976, Triệu Khuông Dận chết, em trai là Triệu Khuông Nghĩa lên thay. Có người nói, trong con người vị Hoàng đế dù sáng suốt nhưng luôn có một con cáo (âm mưu) ẩn nấp bên trong.

Các nhà nghiên cứu không gọi Triệu Khuông Dận là bạo chúa nhưng trong người ông cũng có ít nhiều chất cáo, trong việc tranh đoạt ngai vàng và củng cố quyền lực.

2 TRIỆU CÁT – TỔNG HUY TÔNG

*Quả nhân sinh ở thâm cung, lớn lên trong tay phụ nữ,
biết gì mà buồn, biết gì mà sợ.
(Lỗ Ai Công)*

Năm 1100, Triệu Tuất – Tống Triết Tông, qua đời, không có con nên Hoàng Thái hậu Hướng Thị lập em Triệu Tuất là Triệu Cát kế vị, gọi là Tống Huy Tông (1100 – 1125).

1. Cựu và tân đảng

Dưới thời Tống Triết Tông, quần thần chia hai phe là cựu đảng và tân đảng. Cựu đảng thuộc phe Cao Thái hậu, tân đảng thuộc phe Hoàng đế. Khi Cao Thái hậu qua đời,

Tống Triết Tông tin dùng những người trong tân đảng như Chương Đôn, Sái Biền, Sái Kinh. Tống Triết Tông cách chức, lưu đày những người thuộc cựu đảng như Phạm Thuần Nhân, Lã Đại Phương.

Khi Triệu Cát lên ngôi, năm được thực quyền liền dùng những người trong tân đảng, ông gọi những người thuộc cựu đảng là gian đảng.

Lần thứ nhất, năm 1102, Triệu Cát cho dựng một bia đá ở cửa Đoan Lễ, khắc tên 120 người trong gian đảng, mục đích là sỉ nhục những người thuộc cựu đảng. Lần thứ hai, Triệu Cát xác định có 309 người là gian đảng, những người này bị khắc tên vào bia dựng trước cửa điện Văn Đức.

Người nào có tên khắc trên bia, đã chết thì bị tước hết thụy hiệu người nào còn sống thì bị đả kích là những kẻ làm rối nước, hại dân và bị biếm truất.

2. Hoàng đế nghệ sĩ

Tính cách của Triệu Cát là tính cách của một nghệ sĩ hơn là tính cách của vị Hoàng đế. Ông ta không thích việc nước, chỉ thích thư họa.

Sử sách đánh giá, Triệu Cát là một trong những vị Hoàng đế giỏi về thư họa, chuyên vẽ hoa và chim.

3. Hoàng đế trở thành giáo chủ

Triệu Cát không chỉ mê thư họa mà còn rất mê và tin Đạo giáo. Triệu Cát nói, ông nằm mơ thấy Lão Quân khuyên ông nên theo Đạo giáo.

Để tỏ rõ lòng sùng đạo, tháng 5 năm 1105, Triệu Cát ban hiệu cho đạo sĩ Trương Kế Nguyên (con cháu đạo sĩ Trương Đạo Lăng, đời Hán) ở núi Long Hổ là Hư Tĩnh tiên sinh. Từ đó họ Trương kế tục nhau làm chủ ngọn núi này.

Đạo sĩ Lâm Linh Tố, bạn của Sái Kinh nói với Triệu Cát rằng, nếu tu luyện theo Đạo giáo thì mình nhẹ như lông có thể bay lên trời, sung sướng vô cùng.

Triệu Cát nghe theo, cho xây cung Ngọc Thanh Tiêu ở điện Phúc Ninh, lại cho lấy đồng đúc Thần Tiêu cứu định, sau đó lại cho xây cung Thanh Bảo Tiêu, dùng vào việc tu luyện.

Triệu Cát cho người sưu tầm kinh sách của Đạo giáo, sai Trị Ngự Tạ chú giải **Đạo đức kinh**, truyền Quốc Tử Giám san định, in ấn **Xung hư kinh**.

Triệu Cát cho mời mỗi lộ 10 đạo sĩ vào cung để giảng tập. Năm 1117, mời đạo sĩ Lâm Linh Tố đến cung Bảo Tiêu giảng kinh. Mỗi lần nghe kinh phải trai giới. Lâm Linh Tố được Triệu Cát tin dùng, đệ tử của Lâm Linh Tố đông đến cả vạn người cũng được coi trọng.

Triệu Cát tự xưng là Giáo chủ Đạo quân Hoàng đế, cho phép các đạo sĩ trong thiên hạ được miễn thứ bậc khi đón tiếp tại nha môn, các quận quan, các giám ti phải đổi dâng với đạo sĩ như những bậc trưởng lão.

Nghe đâu, Triệu Cát dùng **Đạo đức kinh**, **Hoàng đế nội kinh** và đặt ra 30 phẩm, 26 giới, để tổ chức thi cử cho các đạo sĩ. Người nào trúng tuyển được gọi là Đạo quan, được hưởng bồng lộc triều đình, được ở công quán để tu luyện.

Trong cả nước, công quán được xây dựng khắp nơi, có công quán rộng cả trăm khoảnh (1 khoảnh : 100 mẫu).

4. Xây dựng các công trình

Xây dựng Viên Lâm : Triệu Cát cho xây dựng Viên Lâm, cảnh an lạc tượng trưng đất nước thái bình và để Hoàng đế thưởng ngoạn.

Bao nhiêu kì hoa, dị thảo ở trong nước được đem về trồng ở Viên lâm. Các sách tả lại : cảnh hoa thơm cỏ lạ, cây quý tạo thành Vạn tuế sơn, chu vi trên 10 dặm, cao 90 bộ, trên đỉnh lại có cung, lâu các đẹp vô ngần.

Đặc biệt, ở các địa phương phải tìm đá lạ, gọi là hoa thạch cương, chở về kinh. Địa phương nào, người nào không ra sức tìm kiếm thì mang tội bất kính sẽ bị trừng trị.

Có khối đá lạ lúc chở về kinh phải dùng thuyền, dùng một vạn lao dịch kéo, tốn 3 vạn tiền. Trên đường vận chuyển đá, nếu trở ngại, gập cầu thì phá cầu, gập khúc cạn thì đào sông. Sách miêu tả, nơi gọi là cung Diên Phúc, đá quý được dựng thành núi tạc thành tượng, ao rộng như biển, nước chảy như hồ, cực kì tráng lệ, xa hoa.

Các cung điện : Triệu Cát muốn có chỗ tu luyện, dưỡng tâm, bèn cho xây dựng Minh Đường, mỗi ngày phải dùng trên một vạn thợ. Triệu Cát còn cho xây quần thể chín cung điện gọi là cung Cửu Thành, thu 22 vạn cân đồng để đúc Cửu đỉnh.

Mỗi lần hoàn thành công trình nào thì Triệu Cát tự tay đề thơ, làm văn, nói lên ý nghĩa của công trình.

Cục Tạo tác : Triệu Cát còn lập ra Cục tạo tác Tô Hàng do Chu Miễn chỉ huy, thu gom hết ngà voi, sừng tê giác, vàng ngọc trong thiên hạ để làm nguyên liệu. Dùng một ngàn thợ giỏi để đúc đẽo, điêu khắc, trau chuốt, trang hoàng các cung điện.

5. Cách chi tiêu của bậc Đế Vương

Tuy tu luyện theo Đạo giáo nhưng trong sinh hoạt hàng ngày, Triệu Cát thích dùng những thực phẩm hiếm quý như Hoa hồng tửu lục, Tuý kim mê... mọi chi dùng của Triệu Cát và cung đình đều do Sái Kinh lo liệu.

Dưới thời nhà Tống có các bộ phận như Cục Ứng Phụng, Ngự tiền sinh hoạt sở và Doanh thiện sở, tức là nơi cung cấp tiền, lương thực cho sinh hoạt cung đình. Trước đó, mỗi tháng Cục Ứng Phụng xuất ra 36 vạn quan tiền, thời Triệu Cát lên đến 120 vạn quan tiền.

Thuế trà và buôn muối : Sái Kinh thấy việc chi tiêu của chủ, Cục Ứng Phụng không thể cung ứng lâu dài, bèn nghĩ ra cách làm tiền, ông ta lí luận với Triệu Cát : Đừng lo dùng người không có tài, chỉ lo dùng người không biết cách kiếm tiền (Bất hoạn vô tài, bất năng lí tài).

Triệu Cát khoái chí lắm, Sái Kinh liền áp dụng lí thuyết của mình, một mặt tăng thuế trà, hai là cải cách về việc buôn bán muối.

Sái Kinh sai các quan địa phương đánh thuế trà, trước kia là 32 vạn lượng, nay tăng lên 400 vạn lượng. Lại ra lệnh cho các quan, trước là thu mua muối, sau đó bán lại cho các

thương nhân. Với cách trên, nhiều thương nhân buôn trà, buôn muối bị phá sản phải tự tử.

Việc tăng thuế trà, buôn muối vẫn không đủ cho việc chi tiêu, Triệu Cát lại cho tăng các loại tô thuế, bán quan chức.

Tô thuế, trước là 1 tăng lên 10, rồi tăng lên gấp trăm lần. Thuế nặng quá, nông dân phải bán cả ruộng vườn để khỏi phải đóng tô, đóng thuế.

Về quan chức, cũng định giá rất rõ ràng, Thừa tướng 3.000 quan, Mật các 500 quan.

Các quan lại, nhân việc tăng thuế trà, buôn muối, tăng giá bán quan chức cũng tự tiện tăng lên, kiểm xác vô số kể. Người chịu trận là dân chúng.

6. Tài sản của Sái Kinh, Chu Miễn

Triệu Cát tiêu xài hoang phí bao nhiêu thì tay chân Sái Kinh, Chu Miễn cũng gom góp, kiểm xác và tiêu hoang không kém.

Sái Kinh

Mỗi bữa ăn của Sái Kinh có 100 con am thuần (*loại chim nhỏ như con gà*), bánh bao nhân cua vàng trăm cái và nhiều món khác, trị giá khoảng 1.300 tiền.

Sái Kinh đốt 100 nhà dân để xây Tây Viên và Đông Viên. Trong nhà vàng ngọc, lụa là, chất cao như kho của nhà nước, thê thiếp từng đoàn, tì nữ thì vô số.

Mỗi lần sinh nhật của Sái Kinh, gọi là *sinh thần cương*, thì các nơi phải chở lễ vật về chất đầy ở Đông và Tây Viên, gọi là Đông viên như mây, Tây viên như mưa.

Chu Miễn

Chu Miễn cũng có những hoa viên nổi tiếng, ruộng vườn tiếp nối nhau, mỗi năm thu tông thuế đến 10 vạn thạch. Lúc chết vẫn còn 30 vạn mẫu ruộng đất.

7. Nước Kim đánh Bắc Tống

Trong lúc Triệu Cát ham thư hoạ, mê Đạo giáo, thích xây dựng, tiêu xài hoang phí thì nước Kim, ở phương Bắc dần dần lớn mạnh.

Tháng 8 năm 1120, nước Kim hẹn ước với Triệu Cát cùng đánh nước Liêu. Năm 1125, sau khi đánh xong nước Liêu, quân Kim trở lại xâm lược nước Tống.

Triệu Cát hoảng sợ, lúc ấy mới chợt nhớ đến mình còn thần dân, liền xuống chiếu bài trừ 10 tệ đoan để xoa dịu nhân tâm. Đồng thời hạ chiếu cần vương nhưng thực sự muốn chạy trốn về phía Nam.

Đại thần Lý Cương, Ngô Mẫn thấy Triệu Cát quá ươn hèn, nhu nhược, không thể thuyết phục được dân chúng chống Kim, bèn bàn với nhau bỏ Triệu Cát, lập Thái tử Triệu Hoàn lên ngôi.

Triệu Cát nghe được, nói với đại thần Thiếu Du : “*Ta không ngờ người Kim dám làm như vậy !*”.

Nói xong, nắm tay Thái Du và bất tỉnh nhân sự. Lúc tỉnh lại, lấy giấy bút, viết : Hoàng Thái tử có thể kế vị, còn ta với tư cách Giáo chủ Đạo quân sẽ ra ở cung Long Đức.

8. Từ giáo chủ đến tù nhân

Tháng 2 năm 1127, quân Kim đánh thắng Bắc Tống, giáng Triệu Cát làm thứ dân, bắt Triệu Cát, Thái hậu, các Hoàng tử, các quan chức hậu cung về doanh trại của quân Kim.

Tháng 3, năm ấy, quân Kim giải Triệu Cát, Triệu Hoàn, hai bà phi, cùng tôn thất gia tộc, với 3.000 quan lại về phương Bắc. Ngoài ra, quân Kim còn chở theo bạc vàng, châu báu và những chiến lợi phẩm khác.

3

GIA LUẬT CẢNH – NHÀ LIÊU

Vị vua thứ ba của nhà Liêu là Gia Luật Cảnh lên ngôi năm 951, hiệu là Mục Tông. Sau khi lên ngôi, Mục Tông đã nhiều lần trấn áp các cuộc phản loạn trong hoàng thất và các bộ lạc khác trong nước.

Tháng 2 năm 964, Chiêu nghĩa Tiết độ sứ Lý Kế Húc, Bắc Tống, đánh Liêu Châu thuộc Bắc Hán (Tả Quyền, Sơn Tây); ít lâu sau Thứ sử Liêu Châu đầu hàng Lý Kế Húc. Bắc Hán cầu viện nước Liêu. Gia Luật Cảnh sai Gia Luật Thát Liệt dẫn 6 vạn binh mã trợ giúp Bắc Hán, đánh bại Lý Kế Húc tại Thạch Châu (Li Thạch, Sơn Tây).

Nhưng rồi Gia Luật Cảnh lại trở thành người ham săn bắn, thích rượu chè, thích ngủ, tàn bạo, bỏ bê việc nước.

1. Săn thiên nga và hươu

Cứ đến mùa xuân, Gia Luật Cảnh dẫn một ngàn thị vệ đi săn thiên nga. Khi săn được một con thiên nga thì thị vệ làm thịt, uống rượu, rồi cùng nhau nhảy múa cho đến sáng.

Mỗi năm, qua tiết bạch lộ, Gia Luật Cảnh lại dẫn vệ binh đi săn hươu non, săn được thì làm thịt nhấm rượu say sưa với quần thần, có lúc cả tháng cũng chưa muộn về.

2. Vua ma men

Gia Luật Cảnh thích uống rượu, uống đến say mới thôi. Ông quan nào uống được rượu thì Gia Luật Cảnh ban thưởng.

Ngày 15 tháng giêng năm 968, kinh thành mở hội hoa đăng, Gia Luật Cảnh và một số quần thần giả dạng thường dân đi thả đèn, la cà uống rượu trong tửu điếm say sưa suốt ba ngày mới về.

3. Vua ngủ

Do thức đêm uống rượu, nên ban ngày Gia Luật Cảnh thường ngủ, không thiết triều. Các quan đàm tiếu cho ông là “Vua ngủ” (thuỳ vương), dần dần tiếng đồn lan ra dân chúng. Trong nước không ai không biết Gia Luật Cảnh là Vua ngủ.

4. Quý hươu hơn mạng người

Gia Luật Cảnh lập một trại nuôi hươu, tháng 6 năm 967, có người báo là có một con hươu sổng chuồng chạy mất.

Gia Luật Cảnh lập tức gọi quan Cảnh vệ cùng đến trại nuôi hươu, hạ lệnh trói tất cả 44 người nuôi hươu lại, đem ra chém. Quần thần xúm lại khuyên can nhưng Gia Luật Cảnh vẫn không nguôi giận.

Các vương tử liều chết can ngăn, Gia Luật Cảnh lúc đó mới nguôi giận, lệnh đánh những người nuôi hươu sống sót, mỗi người 40 hèo.

5. Thuốc gan người mong trường thọ

Tiêu Cô là một nữ thầy bói, nói với Gia Luật Cảnh nếu lấy thuốc trộn với gan người đàn ông uống vào sẽ được trường thọ bất tử.

Gia Luật Cảnh nghe theo, cứ mỗi lần uống thuốc thì giết một người để lấy gan trộn với thuốc. Việc này đã làm cho 100 người bị giết. May mà sau một thời gian uống thuốc trường thọ, Gia Luật Cảnh cảm thấy mình càng ngày càng già đi, bệnh tật liên miên, tức giận giết Tiêu Cô. Trước hết, cho thị vệ bắn vào bụng Tiêu Cô, sau đó Gia Luật Cảnh cưỡi ngựa, quần Tiêu Cô cho đến chết.

6. Gây nhiều thù oán

Gia Luật Cảnh hay ngủ, nửa đêm thức dậy, thái giám, người hầu, đầu bếp phải hầu hạ, cung phụng đồ ăn thức uống ngay lập tức. Do cận thị, Gia Luật Cảnh thức dậy không thấy người hầu hạ hoặc thái giám đứng gần, thì tức giận dùng dùng. Mỗi lần Gia Luật Cảnh tức giận, người hầu hoặc thái giám hay đầu bếp đều bị giết. Việc này khiến kẻ hầu hạ, thái giám, đầu bếp vô cùng oán hận.

Tháng 2 năm 969, Gia Luật Cảnh đi săn ở Hoài Châu, lúc trở về bị bọn nô lệ Tiểu Ca, Dư Nhân Hoa Ca và đầu bếp Tân Cổ nỗi dậy và giết chết. Gia Luật Cảnh chết trong cơn say chénh choáng.

4

GIA LUẬT HỒNG CƠ – NHÀ LIÊU

Gia Luật Hồng Cơ – Đạo Tông (1055 – 1101) đời thứ 8 của nhà Liêu, là một hôn quân.

1. Tin dùng tay chân

Gia Luật Hồng Cơ không phân biệt phái trái, trắng đen mà tin dùng bọn tay chân Trương Hiếu Kiệt. Đặc biệt là Gia Luật Ất Tân Tân, được gọi là Thừa tướng vàng của thời ấy.

Tiêu Hoàng hậu (vợ của Gia Luật Hồng Cơ) xinh đẹp, giỏi âm nhạc. Mỗi lần, Gia Luật Hồng Cơ làm thơ, thì Tiêu Hoàng hậu lại phổ nhạc, kẻ ngâm người hát, kẻ xướng người hoạ rất tâm đắc.

Tiêu Hoàng hậu lại sinh hạ Hoàng tử Gia Luật Duệ thông minh lanh lợi, nên Tiêu Hoàng hậu càng được Gia Luật Hồng Cơ sủng ái. Năm 6 tuổi, Hoàng tử Gia Luật Duệ được phong là Lương Vương, năm 8 tuổi được lập làm Thái tử, năm 18 tuổi đã tham dự việc triều chính.

Gia Luật Ất Tân Tân nghĩ, nếu Thái tử nắm việc triều chính, chắc chắn mình sẽ bị loại ra ngoài. Vì thế trước tiên

phải tìm cách tiêu diệt Tiêu Hoàng hậu.

Khi ấy, Tiêu Hoàng hậu có tài về âm nhạc, giỏi đàn tì bà, lại có một kép hát tên là Triệu Duy Nhất, diễn xuất rất giỏi ; hai người thường đàn hát với nhau rất tương đắc. Gia Luật Át Tân Tân biết được điều này, liền bẩm báo với Gia Luật Hồng Cơ, là Tiêu Hoàng hậu tư thông với Triệu Duy Nhất.

Gia Luật Hồng Cơ vốn người nông nổi, nóng nảy, liền nổi giận lôi đình, giao cho Gia Luật Át Tân Tân bắt Tiêu Hoàng hậu và Triệu Duy Nhất giam vào ngục, điều tra.

Kết thúc vụ án là Triệu Duy Nhất bị diệt tộc, Cao Trường chủ giáo phường bị chém đầu, Tiêu Hoàng hậu thì phải tự ái.

Thấy mẹ chết một cách oan uổng và đau đớn, Thái tử Gia Luật Duệ biết mình cũng khó sống, liền nói thảng ra : “*Kẻ giết mẹ ta chính là tên Gia Luật Át Tân Tân.*”.

Gia Luật Át Tân Tân nghe được càng thêm cay cú, lại bẩm với Gia Luật Hồng Cơ là Thái tử có ý đồ thoán ngôi. Gia Luật Hồng Cơ lại nổi cơn giận giữ, ra lệnh bắt Thái tử giam vào ngục.

Đáng lẽ Thái tử phạm tội chết nhưng Gia Luật Hồng Cơ chỉ có Gia Luật Duệ là con trai duy nhất, nên chỉ truất làm thứ dân, không được lai vãng đến kinh thành.

Những người có quan hệ với Thái tử thì bị giết vô số kể, đến nỗi không còn ai chôn cất, mùi xác chết bốc lên nồng nặc. Những triều thần, quý tộc từng giao du với Thái tử đều bị đày ra biên cương.

Gia Luật Ất Tân Tân cho tay chân giết Thái tử ở trong tù, rồi bẩm báo với Gia Luật Hồng Cơ là Thái tử chết vì bệnh.

Gia Luật Hồng Cơ muốn gọi vợ con Thái tử đến để điều tra, Gia Luật Ất Tân Tân đã nhanh tay giết hết vợ con Thái tử để bịt đầu mối.

2. Tay chân phản bội

Năm 1081, nhân phát giác được vụ Gia Luật Ất Tân Tân bán hàng quốc cấm cho nước ngoài, Gia Luật Hồng Cơ mới bắt Gia Luật Ất Tân Tân giam vào ngục.

Năm 1083, lại phát giác nhà Gia Luật Ất Tân Tân cất giấu nhiều vũ khí, lại bắt được chứng cứ Gia Luật Ất Tân muốn trốn sang Bắc Tống, Gia Luật Hồng Cơ giận lẩm bèn ra lệnh xử tử không cần nghị án.

Tuổi càng xế chiều thì Gia Luật Hồng Cơ lại càng ham mê tửu sắc, trọng đạo Phật, mải mê tu sửa chùa chiền bỏ bê việc triều chính.

Tháng 1 năm 1101, Gia Luật Hồng Cơ bị bệnh, chết.

5

LÝ NGUYÊN HẠO – TÂY HẠ

Nước Tây Hạ, tồn tại 190 năm (1038 – 1227) trải 10 đời vua, vị vua khai quốc là Lý Nguyên Hạo – tự là Cảnh Tông.

Lúc chưa lên ngôi, đi theo cha là Lý Đức Minh, Lý Nguyên Hạo đã từng lập nhiều chiến công như đánh chiếm Cam châu, Tây Lương phản nhà Tống. Lý Nguyên Hạo lập nên nước Tây Hạ cùng với Khiết Đan, Bắc Tống tạo nên thế chân vạc ở Trung Quốc.

Nhưng từ lúc lên ngôi, Lý Nguyên Hạo lại trở thành một người đa nghi, sợ ngoại tộc nắm quyền, liền cho giết toàn bộ gia tộc Hoàng Thái hậu.

Bị trúng kế li gián của nước Tống, Lý Nguyên Hạo giết hai tướng tài, vốn là anh của Hoàng hậu, rồi nhốt luôn Hoàng hậu trong biệt cung.

Ban đầu, Lý Nguyên Hạo lập con trai trưởng là Lý Ninh Minh làm Thái tử nhưng sau đó lại phế truất rồi lập Lý Ninh Ca làm Thái tử.

Lý Nguyên Hạo cưới vợ cho Thái tử Ninh Ca nhưng lại thấy con dâu xinh đẹp bèn cướp lấy, phong làm Tân Hoàng hậu. Thái tử Ninh Ca thấy cha dâm loạn, cướp vợ của mình, lấy làm tức giận, muốn trả thù.

Năm 1048, một hôm Lý Nguyên Hạo đi dự yến về, Ninh Ca núp sắn ở trong cung, rút kiếm đâm. Kiếm xuyên qua mũi, Lý Nguyên Hạo chưa chết. Hôm sau, vết thương nặng quá, Lý Nguyên Hạo tắt thở.

Ninh Ca bị Tướng quốc Mộ Tàn Nga bắt giam.

6

HOÀN NHAN LƯỢNG – NHÀ KIM

*Thà tồn thọ 10 năm,
còn hơn sống một ngày không có quyền lực.
(Hồ Duy Dung)*

Nước Kim tồn tại 120 năm (1115 – 1234), truyền ngôi được 10 đời, riêng Hoàn Nhan Thừa Lân (vị vua cuối cùng của nước Kim) chỉ ngồi trên ngai vàng được một ngày, nên sử sách chỉ tính 9 đời.

Vị vua thứ tư là Hoàn Nhan Lượng – Hải Lăng Vương (1149 – 1161), bị xếp vào hàng bạo chúa.

1. Cướp lại sợ cướp

Hoàn Nhan Lượng đã từng bị Hoàn Nhan Đảm (vị vua thứ ba nhà Kim) bắt đi đày, sau đó được phục chức làm Bình chương chính sự.

Tháng 12 năm 1149, Hoàn Nhan Lượng phát động binh biến, giết chết Hoàn Nhan Đảm và tự lên làm vua. Hoàn Nhan Lượng sợ những người khác bắt chước việc cướp ngôi của mình, nên chỉ trong một thời gian ngắn, đã giết sạch tôn thất và những người bị nghi ngờ có khả năng lên ngôi trên ngai vàng, với tội danh mưu phản.

Trước hết, là giết con cháu của Thái Tông Hoàng Nhan Thạnh gồm 70 người, để Hoàng Nhan Thạnh không còn người nối dõi. Tiếp đến, giết Hữu Thừa tướng Hoàn

Nhan Binh Đức. Giết xong Hoàn Nhan Binh Đức, Hoàn Nhan Lượng giết hơn 30 người con của của Hoàn Nhan Tôn Hàn. Nguyên do, Hoàn Nhan Binh Đức là cháu của Hoàn Nhan Tôn Hàn. Ngoài ra, Hoàn Nhan Lượng còn giết 50 người khác trong tôn thất.

2. Những cải cách ban đầu

Sau khi đã yên tâm ngồi trên ngai, Hoàn Nhan Lượng ban bố lệnh gọi là cầu ngôn chiếu, theo đó : *từ người bình dân đến quan thương thư đều có thể góp ý cho nhà vua về việc nước.*

Hoàn Nhan Lượng nói với các quan chức : “*Các ông phải lo việc trấn thủ, coi trọng thời vụ của nông dân, thận trọng trong hình phạt, thương xót dân nghèo, tiết kiệm mọi mặt.*”.

Hoàn Nhan Lượng cho giảm nhẹ các hình phạt, bỏ các loại cực hình như vác cát, đánh vào cột sống tội nhân ; cải cách thi cử, chăm lo kinh tế. Hoàn Nhan Lượng rất siêng năng việc triều chính, tiết kiệm trong sinh hoạt, mặc áo như người dân, chỉ ăn cá thịt bình thường, không ăn các loại thực phẩm quý hiếm.

3. Hết những phút ban đầu

Những phút ban đầu là như thế, càng về sau Hoàn Nhan Lượng càng tỏ ra hoang dâm và hung bạo.

Theo sử sách, Hoàn Nhan Lượng, mở rộng hậu cung, thông dâm với chị em và cả cháu ngoại. Hoàn Nhan Lượng

thường mời vợ các quan vào cung chơi, thấy bà nào xinh đẹp thì tìm cách chiếm lấy.

Nghe đồn Hoàn Nhan Bao (*có sách ghi Hoàn Nhan Bao đóng vai anh của Hoàn Nhan Lượng*) có người vợ là Ô Lâm Đáp rất xinh đẹp ; Hoàn Nhan Lượng bèn gọi vào cung. Nàng Ô Lâm Đáp muốn giữ mạng sống cho chồng, liền vào cung hầu hạ cho thoả mãn thú tính của Hoàn Nhan Lượng, sau đó đã nhảy xuống hồ tự vẫn.

Sau này, Hoàn Nhan Bao lên làm vua vẫn nhớ ân tình người vợ cũ nên không lập ai làm Hoàng hậu.

4. Thích gây chiến

Hoàn Nhan Lượng muốn dồn hết nhân lực, tài lực để đánh nước Tống nhưng bị Thái hậu và một số quần thần cực lực phản đối. Hoàn Nhan Lượng, ngoài mặt thì vâng dạ nghe theo Thái hậu, nhưng trong lòng tìm cách giết Thái hậu. Hoàn Nhan Lượng đã thực hiện việc giết Thái hậu cùng giết luôn 10 thị nữ, rồi đốt xương Thái hậu thành tro.

Tháng 11 năm 1161, Hoàn Nhan Lượng đích thân đem 60 vạn quân đánh Tống. Theo sau đoàn quân đánh Tống là các phi tần, mĩ nữ để Hoàn Nhan Lượng đỡ cảm thấy trống vắng.

5. Khi hổ lìa rừng

Lợi dụng cơ hội, Lưu thủ Đông Kinh (Liêu Dương, Liêu Ninh) Hoàn Nhan Bao cùng người cậu ruột, âm mưu giết Lưu Tồn Phúc, một tay chân của Hoàn Nhan Lượng. Giết xong Lưu Tồn Phúc, Hoàn Nhan Bao tuyên bố với thiên hạ :

Hoàn Nhan Lượng đã giết mẹ, giết tôn thất, tội ác滔天 trời khó dung.

Hoàn Nhan Bao được lập lên làm vua, đổi tên là Hoàn Nhan Ung. Hoàn Nhan Ung cắt đứt đường tiến quân của Hoàn Nhan Lượng, phế Hoàn Nhan Lượng làm thứ dân.

Có sách ghi là Hoàn Nhan Lượng bị tướng Du Luật Nguyên Nghi giết chết, có sách lại ghi là Hoàn Nhan Lượng chết trong một trận loạn tên !

7

THÀNH CÁT TƯ HÃN – NHÀ NGUYỄN

*Họ đến, họ phá hoại, họ đốt sạch,
họ giết hết, họ cướp đoạt, rồi họ đi.
(Người Trung Á nói về quân Mông Cổ)*

1. Đánh bại từng kẻ thù

Thành Cát Tư Hãn, tên là Thiết Mộc Chân, xuất thân từ một quý tộc thuộc thị tộc Bột Nhi Chỉ Cân, Mông Cổ. Khi còn nhỏ Thiết Mộc Chân gặp bất hạnh, sau khi thuần phục nước Kim, được phong là Trút Ngột Thích Hốt Lí.

Khởi đầu sự nghiệp, Thiết Mộc Chân liên minh với Vương Hãn, Khắc Liệt và Trác Mộc Hợp (*bộ lạc của Trát Đáp Thích*) để đánh bại Tháp Tháp Nhi, Miệt Nhi Khuất.

Sau đó, vẫn liên minh với Vương Hãn đánh bại Trác Mộc Hợp. Cuối cùng, Thiết Mộc Chân đoạn tuyệt với Vương Hãn, tiêu diệt bộ lạc Khắc Liệt, Vượng Cổ, Nai Man.

Bằng cách phân hợp, hợp phân, Thiết Mộc Chân đã từ từ đánh bại từng đối thủ, chinh phục từng bộ lạc. Chiến tranh liên miên, chém giết không dứt, không có thời gian để nghỉ ngơi. Cuốn *Lịch sử bí mật Mông Cổ* đã ghi :

*Cả mặt đất rung chuyển
Các bộ lạc đánh nhau không dứt
Không còn có thời gian để nằm yên
Chỉ có đánh nhau, chém giết.*

Năm 1189, sau khi thắng Tháp Tháp Nhi, Miệt Nhi Khất, Thiết Mộc Chân được bầu làm thủ lĩnh (Đại Hãn) Mông Cổ.

Thiết Mộc Chân nói : “*Các ngươi đã tôn ta làm Đại Hãn thì các ngươi cũng phải sẵn sàng và cương quyết tuân hành mệnh lệnh của ta. Khi ta gọi phải đến, ta sai đi đâu phải đi đó, ta bảo giết ai phải giết người ấy. Từ nay, trở đi, lưỡi gươm sẽ thay cho lời nói của ta.*”.

Năm 1206, Thiết Mộc Chân đã thống nhất toàn Mông cổ, xây dựng Mông Cổ thành Hãn quốc và được tôn làm Thành Cát Tư Hãn, nghĩa là một thủ lĩnh cao nhất, mạnh nhất trong bốn biển.

2. Cách tổ chức quân đội

Để đánh bại các đối thủ, chinh phục các nước trong bốn biển, Thành Cát Tư Hãn đã xây dựng một đội quân

hung mạnh, gọi là tận dân vi binh, mỗi người dân là một người lính – quân sự chính trị hợp nhất.

Cách tổ chức quân : Quân đội của Thành Cát Tư Hãn được bộ trí cứ 10 kị binh (tiểu đội), có một người chỉ huy, gọi là thập phu trưởng cai quản ; 10 tiểu đội gọi là bách phu đội, có bách phu trưởng chỉ huy ; 10 bách phu đội gọi là thiên phu đội, có thiên phu trưởng cai quản ; 10 thiên phu đội hợp thành vạn phu đội, có vạn phu trưởng thống lĩnh.

Tùy theo từng trận chiến, Thành Cát Tư Hãn họp 2 – 3 vạn phu đội, rồi giao cho một tướng lĩnh thân tín, có tài cầm quân chỉ huy, điều động vào những trận đánh.

Như đã nói, do tận dụng dân làm lính (tận dân vi binh), nên trong đội quân Mông Cổ lúc ấy ta có thể thấy những chiến binh mới chỉ 12 – 13 tuổi. Vì có những cuộc viễn chinh phải mất 2 – 3 năm hoặc lâu hơn, ngồi trên lưng ngựa những chiến binh trẻ này khi đến tuổi trưởng thành đã đủ thời gian và kinh nghiệm của một chiến binh thiện chiến.

Ngoài việc tổ chức đội quân hung mạnh, Thành Cát Tư Hãn còn tổ chức đội cấm vệ quân, gọi là Khiếp Tiết – là đội quân được nhiều ân huệ. Người được vào cấm vệ quân phải khoẻ mạnh, trung thành, hi sinh bất cứ lúc nào vì Đại Hãn. Lúc chiến chinh, quân cấm vệ xung phong hâm trận, lúc nhàn thì luân phiên canh gác, phục dịch Đại Hãn.

Trong chiến dịch Kharesm – Chinh Tây, quân Mông Cổ có 250.000 người, được trang bị rất đầy đủ, hiện đại, thiện chiến hơn bất cứ đội quân nào khác. Lúc Thành Cát Tư Hãn mất (1227), đội quân cấm vệ đông tới 13 vạn người.

Với đội quân cấm vệ tuyệt đối trung thành và cách thức tổ chức đội quân, chiến mã tuyệt vời Thành Cát Tư Hãn đã rất tự đắc nói : “*Dưới triều đại chúng ta, hễ vó ngựa Mông Cổ tới đâu là sông phải cạn, núi phải tan, cây cối phải cuí mìn. Lên trời Thiên đình phải vắng ngắt, xuống biển Long cung phải hoảng sợ !*”.

3. TẠC GÔ ĐÀI – CÁI BÌNH ĐỰNG RƯỢU

Vào độ mùa xuân, mùa thu, Thiết Mộc Chân thường dẫn bộ lạc sang mục trường mới để kiếm cỏ cho bầy gia súc. Cuộc hành trình dài, chậm chạp vì có đông đảo phụ nữ, trẻ em và súc vật.

Với quyết tâm đánh úp Thiết Mộc Chân, TẠC GÔ ĐÀI đã huy động 30 ngàn quân để tấn công. Lúc ấy, Thiết Mộc Chân chỉ có 13 thiên phu, quả là trứng chọi đá.

Chiến thuật thông thường của Thiết Mộc Chân là đem tất cả xe sấp thành một vòng tròn tạo thành tường vách để bảo vệ người và súc vật. Các chiến sĩ tiến lên chặn địch, nếu không thắng, thì rút lui vào trong bức thành xe để cố thủ. Lần này, Thiết Mộc Chân, giao cho phụ nữ và trẻ em sử dụng cung tên để thủ thành. Còn 13 thiên phu nối nhau giăng thành một hàng, “*thành xe*” và “*rừng ngựa*” khiến quân đối phương không thể xông vào được. Mỗi thiên phu dàn thành 10 hàng, mỗi hàng 100 chiến binh. Kị binh áo giáp sắt và ngựa có bọc áo da đều sấp ở mặt tiền, mặt hông.

Quân TẠC GÔ ĐÀI giăng chữ nhất, năm hàng tiến tới, hàng đầu giăng toàn quân giáp sắt. Cuộc chiến đang căng

thăng, thình lình quân Tạc Gô Đài dừng lại để quân khinh kị phía sau lướt lên trước phóng lao và một trận mưa tên bắn vào quân Thiết Mộc Chân.

Quân Thiết Mộc Chân cũng đáp lễ bằng những trận mưa tên. Nhờ núp ở vị trí thuận lợi, quân Thiết Mộc Chân bắn rất chính xác, quân Tạc Gô Đài bị thương, ngã ngựa khá nhiều.

Thấy tình hình bất lợi, quân khinh kị của Tạc Gô Đài toan quay vị trí nhường cho đoàn khinh kị phía sau tiến lên tấn công. Lợi dụng khoảnh khắc hai đoàn thiết kị của Tạc Gô Đài giao nhau ngược chiều, Thiết Mộc Chân liền hạ lệnh cả 13 thiên phu ồ ạt phản công.

Đạo quân của Tạc Gô Đài bị xé ra làm 3 cánh, mỗi thiên phu quân của Thiết Mộc Chân vây tròn một cánh. Một cánh quân kị của Tạc Gô Đài thoát vòng vây toan xông đến bức tường xe, bị tên bắn ra như mưa, lại bị một thiên phu vây bủa, cánh quân kị chỉ biết tìm đường chạy tháo thân. Tạc Gô Đài đại bại, 6.000 quân bị giết, 70 viên tướng bị bắt, Tạc Gô Đài cũng bị bắt.

Các nhà viết sử ghi lại : 70 viên tướng bị quăng vào vạc nước sôi để luộc.

Thiết Mộc Chân ra lệnh giết Tạc Gô Đài, cắt lấy sọ dát bạc, làm bình đựng rượu. Người sau, gọi cái bình ấy là cơn phẫn nộ của Thành Cát Tư Hãn.

4. Bai Bu Ka và cái thớt thịt cừu

Nãi Man là vùng núi non trải dài theo rặng Altai, khoảng giũ thương lưu sông Irtych và sông Sélenga. Nãi

Man do hai quốc vương là hai anh em trị vì : *phân phía Tây là Khả Hãn Bùi Rúc, phân phía Đông là Bai Bu Ka.*

Bai Bu Ka gửi thư cho Khả hãn Tê Kinh, xứ Ong Gút, nói về Thiết Mộc Chân như sau : “*Tôi vừa được báo tin, trong đế quốc chúng ta có một thằng nhãi mới xuất đầu lộ diện, tự xưng là Khả hãn Mông Cổ gì đó. Hắn chỉ lên mây xanh, muốn chinh phục cả Mặt Trời, Mặt Trăng.*

Ngài thử nghĩ, một cái vỏ có bao giờ chứa được hai cây kiếm, một thể xác không thể đựng được hai linh hồn, cũng như một đế quốc không thể có hai Đại Hãn được. Ngài hãy giúp tôi, tước lấy cây cung và mũi tên của thằng nhãi ấy cho rồi !”.

Năm 1202, 8 vạn quân của Bai Bu Ka đóng ở vùng núi Khang-gai, chờ quân Thiết Mộc Chân. Còn Thiết Mộc Chân thì cho đóng quân ở cánh đồng cận ranh Nãi Man chờ quân của Bai Bu Ka.

Nhiều ngày trôi qua, Thiết Mộc Chân thấy Bai Bu Ka cứ án binh bất động bèn đem tiền quân vào khiêu chiến. Thiết Mộc Chân cẩn dặn tướng tiên phong hễ giặc đánh chỉ có việc chạy, còn có quân chủ lực tinh nhuệ đi sau yểm trợ.

Quân Bai Bu Ka thấy quân Thiết Mộc Chân gầy yếu mỏi mệt, liền tấn công. Quân Thiết Mộc Chân bỏ chạy nhử cho quân Bai Bu Ka đến gần đội quân tinh nhuệ của mình. Trúng kế, quân Bai Bu Ka bị đánh tan tác.

Sách *Mông Cổ bí sử ghi*, Bai Bu Ka bị thương, hỏi Trác Mộc Hợp : “*Bọn tướng đang đuổi bầy cừu kia là ai vậy ?*”.

Trác Mộc Hợp đáp : “*Đó là 4 con chó nuôi bằng thịt*

người của Thiết Mộc Chân. Hắn phải dùng xích sắt cột chúng nó, vì chúng có răng sắc bén, móng nhọn, trái tim sắt đá. Chúng dùng mā tấu để điều khiển ngựa, ngựa chúng phi nhanh như gió cuốn. Ngoài mặt trận, chúng chỉ uống sương và ăn thịt người. Bay giờ chúng được tháo xiềng, tha hồ cắn xé vây mà chúng vẫn còn thèm thuồng.”.

Ý Trác Mộc Hợp nói bốn con chó đó là bốn viên tướng : Tiết Biệt, Bác Nhĩ Truật, Luật Gia Mẽ và Tốc Bất Đài.

Bai Bu Ka lại hỏi : “*Còn người nào ở phía sau trận đang phi ngựa tới, dáng nom như con diều hâu đói kia ?*”.

Trác Mộc Hợp đáp : “*Hắn là Thiết Mộc Chân, mình đồng da sắt. Hắn quả là con diều hâu háu đói đang đáp xuống xứ này. Hãy xem hắn đang tiến về phía chúng ta. Ngài đã từng nói, quân Mông Cổ đến đây chẳng khác nào con cừu bị đặt trên thớt thịt, chắc chắn còn lại móng và sừng mà thôi. Giờ hãy xem họ đang đặt chúng ta lên thớt.*”.

Bai Bu Ka nghe đến đó... liền tắt thở !

Bai Bu Ka chết, Trác Mộc Hợp bị quân Thiết Mộc Chân đuổi theo đến kì cùng, không thể nào thoát khỏi vòng vây. Phút cuối cùng, bọn vệ sĩ Trác Mộc Hợp phản bội, cột ông ta vào lưng ngựa mang đến nộp cho Thiết Mộc Chân.

Nghe tin, Thiết Mộc Chân rất phẫn nộ : “*Làm sao tha được cái lũ người phản bội, bán đứng luôn cả chúa của mình !*”.

Nói xong, Khả hân ra lệnh chém bọn vệ sĩ tức khắc và vợ con bọn phản bội, không chừa một móng nào.

Thiết Mộc Chân nói với Trác Mộc Hợp : “*Xưa ta với mi không lúc nào rời nhau như hai cái gọng của một chiếc xe. Vậy mà mi đã nỡ phản bội ta. Dù như thế nào ta vẫn muốn nối lại tình xưa. Ta với mi cùng sống lại những kỷ niệm thời thơ ấu chẳng hay hơn sao ? Những lúc ta với mi đối chơi nhau ở chiến trường, lòng ta đau như cắt, không biết mi có cảm thấy như thế không ?*”.

Nói xong, truyền lệnh thả Trác Mộc Hợp. Trác Mộc Hợp khua tay : “*Ngày xưa, ta với mi chia sót từng bữa ăn bên bờ suối, ngủ cạnh nhau và bàn bạc những gì ta cũng không bao giờ quên.*

Giờ đây, nhớ tới lời thề cũ, lại được mi tha thứ, ta càng thấy xấu hổ, còn mặt mũi nào để nhìn mi nữa.

Người bội bạc như ta sống cũng chẳng ích gì cho mi, chẳng qua như con rệp trong cái áo, cái gai trong thắt lưng, làm mi khó ngủ yên.

Mi cứ giết ta đi cho đỡ một mối lo. Hòn ta sẽ phù hộ cho con cháu mi. Ta thất bại chỉ vì ta không thuộc dòng quý tộc. Mi cho ta chết toàn thây là ta mãn nguyện lắm rồi.”.

Thiết Mộc Chân nói với các bộ tướng : “*Ta muốn nối lại tình xưa nghĩa cũ mà bị nó chối từ. Ta tiếc mạng sống của nó mà nó cũng chẳng màng, ta biết làm sao ?*”.

Thiết Mộc Chân giao Trác Mộc Hợp cho đao phủ đem đi giết. Trác Mộc Hợp bị đặt dưới một đống thảm. Một số quân sĩ giẫm đạp lên cho đến lúc chết ngạt, không chảy máu.

Đó là đặc ân, vì người Mông Cổ tin rằng, hồn của con

người ở trong máu, máu đổ ra trong lúc chết thì hồn sẽ tiêu tan, còn đâu qua được bên kia thế giới !

Thiết Mộc Chân lệnh cho các tướng tổ chức tang lễ cho Trác Mộc Hợp thật trọng thể. Trác Mộc Hợp chết rồi Thiết Mộc Chân buồn lăm, ngày ngày nói với các tì tướng phải noi theo lòng trung nghĩa của Trác Mộc Hợp.

5. Dòm ngó các nước chung quanh

Tàn phá Tây Hạ : Sau khi đã đánh bại các đối thủ của mình trên đất Mông Cổ, Thiết Mộc Chân bắt đầu dòm ngó ba nước lớn chung quanh. Phía Đông và Đông Nam sau Vạn lí trường thành, là nước Đại Kim. Phía Nam là nước Tây Hạ. Phía Tây bên kia núi Pamir, là nước Tây Liêu.

Thiết Mộc Chân nhận định, trong 3 địch thủ, nước Kim là đáng gờm nhất, ngày nào còn nước Kim là còn tai hoạ cho Mông Cổ. Nhưng trước hết phải đọ sức với Tây Hạ. Nghĩ vậy, Thiết Mộc Chân liền xua kị binh vào Tây Hạ. Tây Hạ vốn là nước có thành trì, quân đội được huấn luyện theo cách của Trung Quốc, vì thế, Thiết Mộc Chân tiến đến thành Wolohai kiên cố, tung nhiều đợt tiến công nhưng đều bị thất bại, quân đội hoang mang, nao núng.



Thiết Mộc Chân

Để đối phó với tình hình, Thiết Mộc Chân liền nghĩ ra một quỷ kế và loan tin rằng : Mông Cổ sẽ lui binh, nếu viên tướng giữ thành Wolohai nộp gấp cho ông 1.000 con mèo, 10.000 con chim én.

Viên tướng giữ thành thấy kì lạ nhưng 10.000 con chim én và 1.000 con mèo là quá rẻ so với cuộc lui binh của Mông Cổ.

Thiết Mộc Chân nhận được chim én và mèo liền ra lệnh cột vào đuôi mỗi con vật một chùm bùi nhùi, rồi châm lửa đốt. Bọn mèo hoảng sợ chạy vào thành, chim én cũng hoảng hốt bay theo. Lúc sau, cả thành Wolohai chìm trong biển lửa. Quân Mông Cổ thừa dịp tràn vào thành.

Tuy thắng trận nhưng Thiết Mộc Chân biết rằng, cách đánh kị binh sẽ không thể hạ được những thành trì kiên cố của Tây Hạ, bèn móm lời để Tây Hạ cầu hoà.

Vài năm sau, Thiết Mộc Chân, lại tiến đánh Tây Hạ. Quân Tây Hạ đóng cửa thành phòng thủ. Quân Thiết Mộc Chân biết không thể đánh được thành, tràn ra các làng mạc, cướp bóc rồi nghị hoà.

Chinh phạt nước Kim : Mùa xuân năm 1211, Thiết Mộc Chân ra mặt đối đầu với nước Kim. Để giành chiến thắng, Thiết Mộc Chân đã thực hành nhiều biện pháp :

1. *Diều binh thần tốc nhanh như rút kiếm ra khỏi vỏ.*
2. *Liên kết với nhà Liêu, cướp kho dự trữ chiến mã của nhà Kim.*
3. *Lợi dụng nội bộ hư nát của nhà Kim để tùy cơ ứng biến.*

Năm 1213, suốt cả mùa thu, mùa đông năm ấy, Thiết Mộc Chân chia quân làm 3 đạo tràn qua 3 ngả, chém giết, cướp bóc, đốt phá gần trọn cả nước Kim. Nơi nào quân Mông Cổ đã đi qua chỉ còn lại khói lửa, tro tàn, thành thị không còn lấy một bóng người.

Các tướng nhà Kim rút vào trong thành, bắt dân chúng ngoài thành giúp sức phòng thủ. Thiết Mộc Chân ra lệnh bắt hết dân chúng, nam phụ lão ấu ở các làng mạc chung quanh, chia làm từng lớp, lớp làm bia đỡ tên, lớp đào móng làm cho thành phải đổ. Thấy vậy, binh lính trong thành không chịu bắn tên ra, vì sợ trúng những người thân thuộc của họ.

Với chiến thuật tàn khốc này, chỉ trong vòng 6 tháng, 90 thành kiên cố của đế quốc Kim đều bị Thiết Mộc Chân triệt hạ. Thành nào đầu hàng sớm thì còn, đầu hàng muộn thì bị san thành bình địa. Gần trọn vùng Hoa Bắc chỉ còn 11 thành đứng chờ vơ như thi gan cùng khói lửa và năm tháng. Thây người nằm la liệt trên mọi nẻo đường, mọi sông suối. Nạn đói, bệnh dịch cũng hành hành.

Quân Mông Cổ do phải đánh phá nhiều ngày nên ai nấy bị nhiễm bệnh phờ phạc, trông thật tiêu tuy. Thấy vậy, Thiết Mộc Chân lại cho nước Kim cầu hoà. Lần này, Thiết Mộc Chân kéo quân về đem theo những cổng vật nước Kim là 3.000 con ngựa quý, vàng, lụa và Công chúa con Hoàng đế Vĩnh Tế nước Kim. Quân sĩ thì mang theo rất nhiều của cải mà họ đã cướp bóc được.

Trong chiến trận, quân Mông Cổ có hàng vạn tù binh, là những người đã làm phu khiêng đất, phá thành, nay sức

họ đã kiệt, lại bệnh tật, không thể ở lại cũng không thể vượt qua sa mạc Gobi. Biết vậy, Thiết Mộc Chân hạ lệnh để lại những nho sĩ, nghệ sĩ, thợ giỏi, còn bao nhiêu thì giết sạch.

Chiến sự kết thúc, nước Kim bị tàn phá nặng nề, phải mất hàng chục năm chưa chắc đã hồi phục. Từ đấy, nước Kim không còn là đối thủ số một của Mông Cổ nữa.

Năm 1216, đánh nước Kim lần nữa, Mộc Hoa Lê, tướng của Thiết Mộc Chân lại thắng trận. Ngoài việc thu hẹp thêm nước Kim, Mộc Hoa Lê chở những đồ quý giá trong cung cấm nước Kim về Dolon Nor, nơi Thiết Mộc Chân đang đóng quân, xe chở suốt mấy tuần mới hết. Quân Mông Cổ còn dắt về những người hữu dụng : đạo sĩ, nghệ sĩ, chiêm tinh, thợ giỏi, mỗi người mang cái bảng ghi tên họ, nghề nghiệp ở sau lưng.

Chinh phạt Tây Liêu : Tây Liêu là một đế quốc hùng mạnh, đến năm 1221 thì Tây Liêu trở nên suy yếu, Hoàng đế Liêu nhu nhược tối tăm, lòng người chia rẽ, nội bộ lúng túng, hỗn loạn.

Nhân đó, Thiết Mộc Chân sai Triết Biệt đem kị binh xâm chiếm Tây Liêu. Chẳng bao lâu, Triết Biệt gửi thủ cấp Liêu quốc vương cùng với 1.000 con tuấn mã về dâng Thiết Mộc Chân.

6. Cuộc tranh hùng giữa Thành Cát Tư Hãn với “Cái bóng của Allah” trên mặt đất

Sau khi tàn phá Tây Hạ, chinh phạt nước Kim và đặc biệt là khi chinh phạt Tây Liêu, Thành Cát Tư Hãn biết

được rằng, còn có một thế giới thênh thang nữa đang chờ đón ông. Thế giới ấy là thế giới Hồi giáo, kẻ thù của ông là Cái bóng Allah trên mặt đất.

Lúc ấy, thế giới Hồi giáo (ISLAM) đang được nhà tiên tri Mohamed (Prophet Mohamed) lãnh đạo*. Mohamed làm chủ một đế quốc rộng lớn : từ bờ Caspien đến miền Boukhara ; từ biển Aral.tới miền cao nguyên Ba Tư.

Mohamed còn có ý định chinh phục bốn phương : Phía Bắc, từ sông Syr Daria lên đến thảo nguyên Kirghise ; phía Nam khuất phục tất cả các bộ lạc sơn cước ở A Phú Hãn ; phía Đông thì chiếm lãnh thổ Transoxiane và bành trướng qua phía Tây thuộc đất Irakersan. Vì thế, Mohamed được mệnh danh là “Cái bóng của Allah” trên mặt đất.

Mohamed chỉ biết mơ hồ về đội quân Mông Cổ nào đó, đang đánh nước Kim xa xôi nào đó. Ông không biết rằng quân Mông Cổ xuất hiện ở miền thảo nguyên Kirghise, gần đế quốc của ông. Mohamed cũng không biết rằng đế quốc của Thành Cát Tư Hãn cùng đế quốc của ông đang bành trướng sẽ gặp nhau.

Tuy vậy, Mohamed cũng phỏng xa, cử sứ đoàn đến Mông Cổ thăm dò. Để đáp lại, Mông Cổ cũng gửi sứ đoàn đến thăm vương quốc của Mohamed.

Sứ đoàn Mông Cổ ca ngợi thế lực và quân đội của Mohamed lên đến tận mây xanh làm cho Mohamed rất yên tâm đi chinh phục Bagdad, xem thường Thành Cát Tư Hãn.

* Tên của nhân vật nổi tiếng này có rất nhiều cách ghi khác nhau : Mohammed, Muhamad, Muhammad.

Riêng Thành Cát Tư Hãn tìm hiểu về thế giới Hồi giáo và Mohamed rất kĩ, biết luôn cả đồ trang sức của phụ nữ, hàng pha lê, hàng lụa của thế giới này. Thành Cát Tư Hãn chỉ chờ cơ hội thuận tiện sẽ ra tay quét cái bóng này.

Trong khi đó, vì không hiểu và coi thường quân Mông Cổ, Mohamed đã ra lệnh cho viên thống đốc thành Inaltchik bắt giết 150 thương nhân Mông Cổ, tịch thu luôn hàng hoá.

Một sử gia Ba Tư đã nhận xét về lệnh này như sau : “*Quốc vương ban lệnh trên khác nào đem cái đầu của mình ra đánh cuộc. Một giọt máu của người Mông Cổ đổ ra thì thần dân của ông phải trả bằng một sông máu ; mỗi cái đầu của người Mông Cổ rụng xuống thì phải trả mấy mươi vạn cái đầu khác, mỗi đồng tiền tịch thu của họ phải trả lại họ bằng mấy trăm tạ vàng.*”.

Thành Cát Tư Hãn mở chiến dịch Kharesm

Tin dữ sớm đến với Thành Cát Tư Hãn, khiến ông nổi giận đùng đùng, phát động lệnh chiến tranh khắp chốn. Thành Cát Tư Hãn nói với thần dân : “*Trời sẽ thấu hiểu ta, ta đâu phải là người gây ra thảm họa này.*”.

Lệnh ban ra, người Mông Cổ tuổi từ 17 đến 60 tuổi phải cầm vũ khí, tất cả quân kỵ lên đường ; tất cả các quân đoàn Thổ Phồn, Khiết Đan, Tây Liêu và đại đoàn pháo binh rầm rộ ra trận ; 250.000 binh sĩ được trang bị đầy đủ, hiện đại nhất lúc bấy giờ được lệnh lập tức lên đường chinh Tây. Cuộc hành quân làm rung chuyển cả mặt đất.

Lúc bấy giờ, Mohamed cũng hội được 400 ngàn quân, ông nghĩ : Với đội quân đông đảo nhưng không thể đi từ

sông Irtysh (*nay thuộc Tân Cương Trung Quốc*) đến sông Syr Daria (*nay thuộc Uzbekistan*). Chúng phải vượt qua một đoạn đường dài 1.500 cây số, nhiều núi cao, rừng rậm, sông sâu và sa mạc.

Nếu quân Mông Cổ có đi qua được và chọc thủng được các phòng tuyến đến nơi ông đóng quân, thì cũng đã mệt mỏi đói khát đến rã rời. Với lực lượng hùng hậu, đội quân mạnh mẽ, ông có thể đẩy quân Mông Cổ mệt mệt xuống sông Syr Daria.

Nhưng Mohamed đã lầm, Thành Cát Tư Hãn đã dẫn 50.000 quân đánh vòng lên mặt Bắc, vượt qua sông Syr Daria, vượt sa mạc dài 600 cây số tiến đến Amou Daria (*phía Nam sông Syr Daria*) đánh tập hậu Mohamed.

Quân Mohamed bị vây tròn tứ phía : phía Tây do Thành Cát Tư Hãn trực tiếp chỉ huy, phía Đông do Truật Xích chỉ huy, phía Bắc do Sát Hợp Đài chỉ huy, phía Nam do Triết Biệt chỉ huy. Mahomed phải tháo chạy xuống phương Nam.

Ngày bắt hạnh của thành Boukhara

Boukhara là trung tâm của văn minh Hồi giáo, có vô số hoa viên, nhiều trường học.

Ngày 16 tháng 2 năm 1220 quân Mông Cổ tràn vào Boukhara, xông thẳng vào ngôi nhà đồ sộ nhất trong thành, vì họ tưởng là cung điện của quốc vương. Sau đó mới biết là đền thờ thánh Allah. Quân Mông Cổ nhảy múa ăn uống, đàn nhạc hát xướng thâu đêm. Họ bắt những người quyền quý trong thành phải đi giữ ngựa.

Những chiếc rương chạm trổ tinh vi dùng đựng kinh Coran được đem ra làm máng cho ngựa ăn, kinh sách vung vãi khắp nơi, tả tơi dưới vỏ ngựa.

Một anh giữ ngựa hỏi một vị thầy tu cũng đang giữ ngựa : “*Này thầy Mevalana ! Tại sao bọn chúng làm như thế ? Sao thầy không cầu khẩn đấng Allah dùng sấm sét đánh chết chúng đi ?*”.

Vị thầy tu nói qua dòng nước mắt : “*Ngươi hãy bình tĩnh làm cho tròn công việc của ngươi. Nay giờ mà cầu Allah chúng ta sẽ bị dày ải nặng nề hơn. Đây là cơn phẫn nộ của Allah đang giáng xuống đầu chúng ta.*”.

Trong lúc đó, Thành Cát Tư Hãn ra lệnh lùa hết dân thành Boukhara đến một khoảng đất rộng để nghe lệnh truyền : “*Ta là hung thần của nhà Trời ! Trời đã giao các ngươi cho ta trừng phạt, vì các ngươi quá nhiều tội lỗi. Chính bọn cầm quyền của các ngươi đã đẩy các ngươi vào tội lỗi.*”.

Thành Cát Tư Hãn còn ra lệnh riêng cho đám người giàu có trong thành : “*Tất cả của cải phải để cho quân ta ! Nếu chôn giấu ở đâu cũng phải đào cả lên.*”.

Lập tức, quân Mông Cổ được 280 người giàu có dẫn đến chỗ cất dấu của cải. Ai thành thật giao nộp hết của cải thì được tha. Dân chúng bị bắt đi triệt hạ các bức tường thành, san bằng hào sâu, lật đổ các vọng lâu, làm cho thành Boukhara thành bình địa.

Những người khoẻ mạnh bị bắt làm bia cho chiến trường kế tiếp, người nào sống sót trở về đều gần như mất hồn, mất trí.

Trong cuốn **Toàn sử**, nhà Sử học Al – Athir ghi : *Đó là ngày vô cùng bất hạnh, chỉ nghe tiếng khóc bi ai vĩnh biệt của già trẻ, trai gái. Chúng đã man làm nhục phụ nữ trước mặt người bất hạnh. Có người thà chết, không muốn nhìn thảm cảnh đó.*

Sau khi gieo bất hạnh xuống thành Boukhara, Thành Cát Tư Hãn vội vã truy lùng Mohamed.

Samarkande – kinh đô Kharesm

Samarkande là kinh đô của đế quốc Kharesm có khoảng nửa triệu dân, có 100.000 quân đồn trú, phòng thủ kiên cố, chợ búa phồn thịnh, nhiều dinh thự lộng lẫy.

Để tấn công kinh đô, một mặt Thành Cát Tư Hãn ra lệnh cho tù binh vây hãm thành, một mặt chia rẽ nội bộ trong thành bằng cách kêu gọi quân sĩ, thầy tu, giáo chủ, quan lại ra hàng, khiến cho thành trở nên hỗn loạn. Lời kêu gọi đã có 30.000 quân lính hưởng ứng.

Thành Cát Tư Hãn chiếm được thành, chỉ để cho 50.000 gia đình Hồi giáo ở lại, còn lùa toàn dân trong thành ra một cánh đồng rộng, chọn lựa 30.000 nghệ sĩ, thợ giỏi, một số trai tráng khoẻ mạnh ; còn bao nhiêu giết hết. Tiện thể, Thành Cát Tư Hãn giết luôn 30.000 quân đầu hàng. Vài hôm sau, quân Mông Cổ xông vào nội thành, đốt phá thành tro bụi.

Cuộc truy lùng Cái bóng Allah

Khi Thành Cát Tư Hãn đến kinh đô Samarkande thì Mohamed đã cao chạy xa bay. Thành Cát Tư Hãn biết rằng nếu còn Mohamed thì rất nguy hiểm, liền sai ba tướng tài

giỏi là Tốc Bất Đài, Triết Biệt, Đô Gu Sa, mỗi người lãnh một vạn phu, tổng cộng 30.000 quân, truy đuổi Mohamed. Thành Cát Tư Hãn ban cho Tốc Bất Đài chứng thư bằng chữ Thổ Phồn, có dấu ấn đỏ : Nay truyền cho các Khả hân, các thân vương và các dân chúng biết : Đại tướng Tốc Bất Đài được toàn quyền hành động trên khắp thế giới, từ xứ Mặt Trời mọc đến xứ Mặt Trời lặn. Kẻ nào sờm quy hàng sẽ được xá tội. Kẻ nào dùng vũ khí chống lại hoặc phản phúc thì bị tận diệt.

Với mệnh lệnh này các tướng của Thành Cát Tư Hãn đã theo dấu Mohamed, mỗi ngày khoảng 120 cây số.

Thành nào đầu hàng thì không bị cướp phá, chỉ lấy lương thực ; thành nào khó đánh không đầu hàng thì quân Mông Cổ tránh và bỏ lại phía sau ; mục tiêu là bám sát và bắt bằng được Mohamed.

Mohamed chạy đến phương Tây, qua núi non, qua sa mạc, qua Irak Persian, Irak Adchémi, đến biên cảnh Mésopotamie thì dừng lại, không hiểu sao Mohamed lại quay về đường cũ đến ẩn náu ở thành Rai.

Tốc Bất Đài không để mất dấu Mohamed cho quân tiến về thành Rai. Khi Tốc Bất Đài đến thành Rai, quang cảnh nơi đây giống một lò sát sinh, phe chủ hàng thắng thế chặt đầu phe chủ chiến quăng la liệt. Kết cuộc, phe đầu hàng cũng bị quân Mông Cổ giết sạch, thiêu rụi thành Rai.

Mohamed trốn ra khỏi lò sát sinh, phi ngựa ra bờ biển Caspian lên thuyền vượt biển. Vó ngựa không thể vượt biển, Tốc Bất Đài đành nhìn theo cánh buồm tiếc rẻ.

Thành Cát Tư Hãn đã đuổi “*Cái bóng Allah*” ra khỏi đế quốc Kharesm rộng lớn.

Tháng 12 năm 1220, Mohamed chết trên một hòn đảo cô tịch.

Đà Lôi với chiến dịch huỷ diệt

Mặc dù đã chiếm được đế quốc Kharesm nhưng các tướng lĩnh, dân chúng địa phương luôn vùng dậy đánh lại quân Mông Cổ. Trước tình hình đó, Thành Cát Tư Hãn phát động chiến dịch huỷ diệt. Một trong những tướng huỷ diệt là Đà Lôi với 100.000 quân, sẵn sàng san bằng thành quách và giết sạch những ai nổi dậy.

Thành Merv tử chiến với Đà Lôi, sau khi hạ được thành, Đà Lôi ngồi trên cái ghế khảm vàng, bắt đàn ông, đàn bà, trẻ con đứng từng hàng riêng biệt. Tiếp đó là giao cho các tiểu đoàn Mông Cổ hành quyết tập thể. Chỉ có 400 người thợ thủ công sống sót. Người ta ước tính có 70 vạn xác chết.

Đà Lôi tấn công ráo riết thành Nichapor 3 ngày thì hạ được thành này. Khi hạ được thành, Đà Lôi mời Công chúa ngồi chứng kiến việc chặt đầu. Chém xong, quân Mông Cổ sắp đầu người thành Kim tự tháp. Thành Nichapor bị huỷ diệt.

Đà Lôi bị khiển trách

Do chán ngán vì giết chóc quá nhiều, Đà Lôi tha chết cho dân chúng thành cuối cùng của xứ Khoressan là thành Herat. Nhưng Đà Lôi vừa về tới đại bản doanh thì có tin thành này nổi loạn. Thành Cát Tư Hãn liền khiển trách Đà

Lôi : “*Lưỡi gươm của nhà ngươi không còn hiệu nghiêm với dân Herat.*”. Trách xong liền sai tướng khác đi dẹp thành Herat và ra lệnh : “*Bọn đó chết rồi mà ngóc cổ dậy, thì đâu ngươi lia khỏi cổ !*”. Thực hiện mệnh lệnh, viên tướng này chiếm lại thành Herat, giết sạch mọi người trong thành, rồi kéo quân đi.

Sau đó, quân Mông Cổ quay lại xem còn ai sống sót hay không. Lúc đó, có 3.000 người nấp dưới hố tướng yên ổn chui lên đều bị giết sạch. Mấy chục người chưa chết quẩn quại trong những đống gạch vụn, cũng bị tìm ra. Cả thành không còn một sự sống !

Oa Khoát Đài với lệnh huỷ diệt

Lệnh huỷ diệt không cho người chết ngóc đầu lên, được thi hành rộng khắp trên đế quốc Kharesm. Oa Khoát Đài cho đào kênh tháo nước sông Daria ra hướng khác để cho dân thành Gourgandj, do con Mohamed cầm đầu, chết khát, nhưng trong thành đào giếng tiếp tục cố thủ.

Tương truyền, Oa Khoát Đài ra lệnh đào kênh tháo nước khiến dòng sông Amou Daria không xuôi về biển Caspien nữa mà ngược lên dãy Ousbj, tạo nên dải đất kì lạ dài hàng mấy trăm cây số. Thủ hận lên cao ! Có lần thắng trận, quân Kharesm bắt được 3.000 quân Mông Cổ, cũng đem chặt đầu từng người, không chừa một mống.

Oa Khoát Đài chiếm được thành, lùa dân ra cánh đồng, chừa những người thợ giỏi, nghệ sĩ, phụ nữ, còn bao nhiêu giết sạch.

Ước tính, trung bình mỗi người lính Mông Cổ giết 400

người. Giết người xong, quân Mông Cổ nhặt nhạnh của cải, rồi thiêu trụi cả thành phố.

Lòng người và cảnh núi xương, sông máu

Chiến tranh, lệnh huỷ diệt, lệnh không cho kẻ chết ngóc đầu đã khiến đế quốc mènh mông Kharesm hoang tàn, có thành phố cả triệu dân, không còn sự sống. Từ Aral đến sa mạc Ba Tư, ai sống sót đều vỡ mật kinh hồn, quân Mông Cổ quả là quý địa ngục.

Có lần, Thành Cát Tư Hãn hỏi một ông hoàng A Phú Hãn đang bị bắt làm tù binh : “*Theo người, cảnh núi xương sông máu này có in mãi trong lòng người không ?*”.

Ông hoàng đáp : “*Nếu ngài cho tôi nói thật thì tôi mới nói ?*”.

Thành Cát Tư Hãn : “*Cứ nói !*”.

Ông hoàng nói : “*Đại Hãn cứ giết nũa thì còn có ai đâu mà nhớ cảnh núi xương sông máu này ?*”.

Thành Cát Tư Hãn tức giận nói : “*Còn nhiều dân tộc khác, còn nhiều xứ sở khác sẽ biết đến !*”.

Tranh hùng xong với Mohamed, chiếm đế quốc Kharesm, Thành Cát Tư Hãn còn muốn chinh phục Ấn Độ nhưng khí hậu nóng bức, quân đội bị bệnh dịch, đành ra lệnh rút quân về đường cũ.

Theo sử sách, sau đó quân Mông Cổ đã đại thắng quân Nga, viễn chinh Hungary, giày xéo Bulgaria, Silesia, Serbia... tái chiếm Tây Hạ.

Có nhà viết sử đã thống kê, quân Mông Cổ đã tấn công trên 32 thành, trong đó : 16 thành nhân dân bị giết

sạch, có thành bị giết đến 120 vạn, có thành 160 vạn người, gà chó cũng bị giết ; nhiều thành bị phá huỷ, có thành bị san bằng bình địa ; có thành hàng binh, cả dân cư đều bị giết, chỉ chừa lại thợ thủ công, trai tráng và phụ nữ đi theo phục dịch quân Mông Cổ.

7. Thành Cát Tư Hãn về đỉnh núi thiêng

Năm 1227, Thành Cát Tư Hãn lâm bệnh nặng, trước khi qua đời, vẫn lo nước Kim, sợ Tây Hạ trỗi dậy phục thù, liền dặn dò cách phá nước Kim : “*Phải dấu kín tin ta chết và khi Thái tử Tây Hạ đến bái kiến phải giết luôn cả bọn. Khi về đến Mông Cổ mới được phát tang.*”.

Các tướng tuân lệnh.

Ngày 18 tháng 8 năm 1227, Thành Cát Tư Hãn qua đời trên đất Tây Hạ. Trước viên môn cắm một cây giáo mũi đâm xuống đất là hiệu lệnh chúa tể đang lâm bệnh, không ai được vào, trừ các vương tử, cận tướng và quân sư Chu Thai. Viên môn mấy ngày cửa đóng im im, chỉ có một lần cửa hé để cho mấy vương tử Tây Hạ vào bái kiến, nhưng không thấy họ về. Cửa hé lần nữa, chỉ thấy những cái xác trùm kín vội vã khiêng ra. Các trại chung quanh lần lượt được hạ xuống, tiếp là trại viên môn, sau cùng là trại quân túc vệ.

Tất cả đều lục tục lên đường ; quân túc vệ án ngữ chung quanh cỗ xe quan tài Đại Hãn dày đặc, dù ai có tò mò vẫn không thấy được.

Cỗ xe đi đến đâu thì những kẻ vô phúc lảng vảng bên đường hay ở trong những xóm làng lân cận đều bị giết sạch,

đoạn đường xe tang đi qua để lại thây người ngổn ngang. Các loài sinh vật, chim thú rắn rết bị giết sạch. Im lặng bao trùm tất cả !

Chỉ có một lần, xe tang bị lún, cái im lặng bị phá vỡ bởi tiếng hát ơ hời của Gia Canh, chỉ huy quân túc vệ : *Hỡi Đại Hãn, chúa tể của quân Mông Cổ ! Sao ngài lại nỡ để nhân dân xôn xao, chẳng lẽ ngài lại muốn nằm lại giữa chốn hoang vu này...*

Chiếc xe tang lại tiếp tục lăn bánh lên đường, trong tiếng *ai ca* của Gia Canh. Đến biên giới Mông Cổ, một rừng người ra đón. Năm bà hậu, năm trăm vương phi và cung tần, các tướng, các quý tộc kêu khóc vang trời... sau đó lại hát những khúc ca não nùng theo xe tang tiến về núi Délegune Boldok – trên thượng nguồn sông Onon. Đến đây, quan tài được chuyển qua chiếc xe khác.

Một số người được lựa chọn tiễn đưa Đại Hãn đến đỉnh núi Bourkhane Kaldoun, và mai táng bên cây cổ thụ, nơi Đại Hãn hồi trẻ trai đã từng ngồi trầm ngâm trong lúc đi săn.

Họ dựng chung quanh ngôi mộ tám cái lều màu trắng, cắt cử một ngàn quân túc vệ đóng trại chung quanh núi làm hàng rào danh dự.

Sau này, người ta cũng chôn cất Đà Lôi, Oa Khoát Đài, Sát Hợp Đài, Mông Kha, Hốt Tất Liệt trên núi đó. May trăm năm sau, nơi đây cây rừng dày đặc, thành khu rừng thiêng, không một ai dám đến đó.

Về sau nhiều nhà nghiên cứu, tìm đến dãy núi Délegune Boldok nhưng không ai biết đỉnh núi thiêng Bourkhane Kaldoun ở nơi nào !

8

HỐT TẤT LIỆT – NGUYÊN THẾ TỔ

*Dưới độc ác với dân, trên khó dối được Trời.
(Mạnh Sướng)*

Năm 1258, Mông Kha, Đại Hãn thứ tư của Mông Cổ, đi đánh Tống, chết ở Điều Ngư Sơn (Tứ Xuyên), người trong tôn thất lại gây ra cuộc tranh giành ngôi Đại Hãn.

Hốt Tất Liệt, em Mông Kha, đang ở chiến trường Ngạc Châu, nghe tin dữ, vội vàng rút khỏi Ngạc Châu và bí mật kí hoà ước với tướng nước Tống là Cố Tự Đạo.

Tháng 3 năm 1260, được sự ủng hộ của Hợp Đan Mộc Ca, Tháp Sát Nhi và Húc Liệt Ngột cùng các đại thần, Hốt Tất Liệt đã kế vị Đại Hãn tại Khai Bình (Ngày nay là Tây Bắc Đa Luân Mông Cổ).

1. Thống nhất đất nước

Hốt Tất Liệt kế vị Đại Hãn không lâu thì A Lí Bất Ca, cũng xưng Đại Hãn ở Hoa Lâm, cùng với các tướng Lan Đáp Nhi (Thiểm Tây), Hỗn Đô Hải (Lưu Bàn) khởi binh chống lại Hốt Tất Liệt.

Hốt Tất Liệt đem quân đánh A Lí Bất Ca, hai bên đụng độ lớn ở Cam Châu (nay là Cam Túc), tướng Lan Đáp Nhi và Hỗn Đô Hải đều bị tử trận, A Lí Bất Ca tháo chạy về phương Bắc.

Hốt Tất Liệt không chỉ diệt được A Lí Bất Ca mà còn đè bẹp được những cuộc phản loạn của những quý tộc Mông Cổ và tiêu diệt được triều đình Nam Tống, hoàn thành sự nghiệp bá chủ Trung Nguyên.

2. Tổ thuật biến thông

Trong lúc tại vị, Hốt Tất Liệt đã theo chế độ, pháp luật của người Hán, tiến hành đổi quốc hiệu và cải cách nhiều phương diện chính trị, kinh tế, giáo dục... gọi là Tổ thuật biến thông.

Về quốc hiệu, tháng 11 năm 1271, Hốt Tất Liệt bỏ quốc hiệu Mông Cổ, lấy quốc hiệu là Đại Nguyên. Hai chữ Đại Nguyên, trích từ *Soán truyện*, quẻ Càn trong Kinh Dịch : Đại tai càn nguyên, vạn vật tư thi, nãi thống thiên ! (*Lớn thay đức Nguyên của quẻ Càn, bao nhiêu sinh vật ở trong vũ trụ nhờ đức Nguyên mà nảy nở, đức Nguyên mới thực là thống quán thiên đạo !*).

Về chính trị, Hốt Tất Liệt đem ruộng đất của quý tộc đổi thành công viên, đồng thời tước bớt quyền các quý tộc người Mông và người Hán, thực hiện trung ương tập quyền.

Về kinh tế, Hốt Tất Liệt coi trọng nông nghiệp, lâm nghiệp, chú trọng làm thuỷ lợi, đào sông mới dẫn nước vào rộng, đồng thời để vận chuyển đường thuỷ. Hệ thống sông đào dài đến 3.000 dặm. Hốt Tất Liệt khuyến khích việc khai hoang phục hoá. Có sách cho rằng, Hốt Tất Liệt còn hạ lệnh cấm bắt người làm nô lệ, giải phóng nô lệ thành dân thường, để họ tham gia sản xuất nông nghiệp. Nhờ cải

cách kịp thời, sau bao năm chiến tranh liên miên, nền kinh tế của Trung Quốc nhanh chóng hồi phục.

Về giáo dục, Hốt Tất Liệt dùng văn hoá người Hán để giáo dục các con em của quý tộc người Mông Cổ.

Về tổ chức, Hốt Tất Liệt lập sáu bộ.

Bên cạnh những thành công vừa nêu trên, các nhà nghiên cứu lịch sử hiện đại cho rằng, Hốt Tất Liệt là một bạo chúa trong việc biến dân tộc Hán làm nô lệ và gây chiến tranh.

3. Chế độ nô lệ

Như đã nói, Hốt Tất Liệt khai hoang phục hoá, mở rộng các mục trường khôi phục kinh tế, ổn định xã hội. Trong khi đó các quý tộc Mông Cổ mở mang công nghiệp, thủ công nghiệp như làm muối, trồng trà.

Tất cả công việc từ khai hoang trồng trọt, mở rộng mục trường chăn nuôi, làm muối, trồng trà... đều do người Mông Cổ truy bức người Hán phải làm, biến người Hán thành nô lệ.

Hốt Tất Liệt ban bố lệnh cấm bắt nô lệ nhưng trong thực tế là thực hiện chế độ nô lệ kiểu mới.

Luật pháp quy định : Nếu một chủ nô người Mông Cổ, đánh chết một nô lệ thì chỉ phạt đánh bằng trượng hoặc chịu chi phí ma chay cho nô lệ. Ngược lại, một nô lệ người Hán dám chửi hoặc đánh lại chủ nô người Mông Cổ sẽ bị tội tử hình. Cũng do luật pháp nương nhẹ, nên người Mông Cổ mặc sức sinh sát nô lệ.

Nô lệ dưới triều Nguyên có 3 nguồn : một là tù binh trong chiến tranh ; hai là những nông dân nghèo, cày cấy không đủ ăn phải bán vợ, đợt con ; ba là những người nghèo không thể tự kiếm kế sinh nhai xin làm nô lệ để có phần no ấm trong các gia đình giàu có quyền quý.

Dưới triều Nguyên, hoàng thất, quý tộc, quan chức, thương nhân giàu có, nhà nào cũng có nô lệ, có nhà 10 nô lệ, có nhà 100 nô lệ, sủng thần của Hốt Tất Liệt là A Hợp Mã có đến 7 ngàn nô lệ. Nữ nô lệ, ngày đêm kéo sợi dệt vải, nam nô lệ thì sớm tối cày bừa, chăn nuôi gia súc. Nô lệ như một món hàng, một công cụ làm việc, khi cần thì dùng nô lệ, không cần thì bán đi.

4. Đầu người Hán và đầu con lừa

Luật pháp triều Nguyên dành nhiều đặc quyền cho người Mông Cổ, chẳng hạn : Người Mông Cổ hoặc người sắc mục (những dân tộc cùng chung huyết tộc và phong tục với người Mông Cổ) phạm tội ăn cắp thì chỉ bị phạt vạ. Tội tương tự nhưng nếu là người Hán thì lần đầu bị xăm vào cánh tay trái ; lần thứ hai bị xăm vào cánh tay bên phải ; lần thứ ba bị xăm vào cổ.

Người Mông Cổ và người Hán ẩu đả nhau, người Hán không được động tay động chân, nghĩa là người Mông Cổ muốn đánh, chửi người Hán thì người Hán phải chịu. Người Hán giết chết một người Mông Cổ, thì cả nhà người Hán sẽ bị giết. Nếu người Mông Cổ giết một người Hán, thì phải đền cho gia đình người Hán là một cái đầu con lừa. Người Mông Cổ bị tội nặng lăm mới bị bắt đi đày ở ngoài biên cương.

Vì tính mạng – cái đầu của một người Hán chỉ bằng tính mạng hoặc bằng cái đầu con lừa nên có hàng ngàn, hàng vạn người Hán bị người Mông Cổ giết. Không thiếu trường hợp người Mông Cổ giết người Hán, viện cớ là say rượu hoặc lỡ tay để tội nhẹ hơn nữa.

Có thời, chính quyền nhà Nguyên bắt người Hán phải bỏ y phục và những tục lệ cũ, phải ăn mặc theo người Hồ, cài áo bên trái, tay hép, tóc thả xuống sau lưng.

5. Lưu đày trên quê hương

Hốt Tất Liệt đã phân các dân tộc ra làm bốn loại để cai trị :

Thứ nhất, dân tộc Mông Cổ, gọi là xương thịt người nhà, tự gia cốt nhục.

Thứ hai, là những dân tộc da màu, gọi là sắc mục.

Thứ ba, các dân Hán, Khiết Đan, Bắc Nguyên (nước Kim), Nữ Chân, Cao Li – tức là những dân bị Mông Cổ chinh phục.

Thứ tư, những người Nam, tức người Tống bị triều Nguyên chinh phục.

Dưới triều Nguyên, dân tộc Hán bất kì ở Nam hoặc Bắc đều bị xem là thấp nhất trong xã hội.

Về thứ hạng trong xã hội, triều Nguyên cũng chia ra làm mười hạng :

1. Quan lớn triều đình là người Mông Cổ ; 2. Quan nhỏ địa phương ; 3. Lạt ma, tức thầy tu Tây Tạng ; 4. Đạo sĩ ;

5. Y sĩ ; 6. Thợ tiểu công nghệ ; 7. Thợ săn ; 8. Nghề con hát ; 9. Nhà Nho ; 10. Ăn mày.

Luật pháp quy định người Hán không được mang vũ khí, trong đó có cung tên, vì thế người Hán không thể săn bắn được.

Nhìn bảng phân chia thì phần đông người Hán chỉ được làm những nghề tiểu công nghiệp, nghề con hát, nghề ăn mày. Với những nghề như vậy, người Hán tha phương cầu thực khắp mọi nẻo.

Sách sử dẫn : Ở Tây Liêu, thợ thuyền người Hán đi nườm nướm ngoài đường. Ở Cao Xương những người Hán (trung thổ) làm nghề ca kĩ. Ở Triết Ma những thợ người Hán tụ tập tìm việc đầy ở ngoài thành.

6. Nhà Nho và ăn mày

Nhà Nguyên coi trọng công thương, coi thường kẻ sĩ, nên xếp nhà Nho thấp nhất, chỉ trên ăn mày. Ban đầu, người Hán không được thi cử, không được lãnh một chức gì dù nhỏ trong chính quyền nhà Nguyên.

Về sau, người Hán được thi nhưng thi riêng, những người Hán đậu tiến sĩ được nêu ở bảng riêng bên trái. Dĩ nhiên, người Mông Cổ và người sắc mục bài thi kém hơn vẫn được đỗ, được nêu ở bảng bên phải.

Do bị phân biệt đối xử, nhiều nhà Nho người Hán có tư cách không chịu hợp tác với triều Nguyên, họ trốn vào rừng ẩn dật, vui với hươu nai, nhiều người phẫn uất đi theo những cuộc khởi nghĩa chống Mông Cổ.

7. Gây cuộc binh đao

Hốt Tất Liệt nhiều lần gây binh đao với Nhật Bản, Đại Việt, Chiêm Thành, Miến Điện và Oa Qua.

Năm 1281, hạm đội Mông Cổ đang ở ngoài khơi chuẩn bị đổ bộ lên đất Nhật, đã bị dông tố phá tan tành. Đến gần cuối đời Hốt Tất Liệt vẫn còn muốn đánh Nhật Bản.

Nhưng tất cả những cuộc chiến đều thất bại ; không ít dân chúng bị bắt đóng tàu và bị lôi vào các cuộc chiến.

Tháng 1 năm 1294, Hốt Tất Liệt bị bệnh chết.

Chương chín

NHÀ MINH – BÓC LỘT TRIỆT ĐỂ

Nhà Minh, do Chu Nguyên Chương sáng lập, tồn tại 277 năm (1368 – 1644), truyền ngôi được 17 đời (thực sự là 16 đời, do Anh Tông – Chu Kì hai lần lên ngôi).

Trong các Hoàng đế nhà Minh có 6 vị bị xếp vào hàng bạo chúa là Chu Nguyên Chương, Chu Đệ, Chu Hậu Chiếu, Chu Hậu Thông, Chu Dực Quân và Chu Do Kiểm.

1

CHU NGUYÊN CHƯƠNG – MINH THÁI TỔ

1. Thống nhất Trung Quốc

Chu Nguyên Chương (1328 – 1398) là người Hào Châu (huyện Phong Dương, An Huy). Xuất thân từ một gia đình nông dân nghèo, cha mẹ và anh trai trưởng bị chết đói, Chu Nguyên Chương thất học, từng nuôi heo, chăn trâu, từng vào chùa làm tăng để kiếm cơm ăn. Lớn lên, Chu Nguyên Chương gia nhập vào đội quân khẩn đỏ do Quách Tử Hưng cầm đầu. Chu Nguyên Chương rất được Quách Tử Hưng coi trọng. Khi Quách Tử Hưng chết, Chu Nguyên Chương làm

nguyên soái cho Minh Vương Hàn Lâm Nhi (thực tế là lãnh tụ của đội quân này).

Năm 1356, Chu Nguyên Chương đánh chiếm Tập Khánh (Nam Kinh), đổi Tập Khánh thành phủ Ứng Thiên. Tiếp đó, Chu Nguyên Chương lần lượt đánh bại Trần Hữu Lương, khống chế các vùng Hồ Quảng, Giang Tây, Chuẩn Đông, Triết Đông. Chu Nguyên Chương phá thành Trương Sĩ, thu phục Phương Quốc Trần, ám sát Hàm Lâm Nhi.

Tháng 10 năm 1367, Chu Nguyên Chương lệnh cho Từ Đạt, Thường Ngộ Xuân đem 25 vạn quân Bắc phạt Trung Nguyên.

Tháng giêng năm sau, Chu Nguyên Chương lập nước, lấy quốc hiệu là Minh, đổi tên là Nguyên Hồng Vũ. Năm ấy, Chu Nguyên Chương sai Từ Đạt đánh chiếm được Đại đô triều Nguyên, diệt được nhà Nguyên, tiếp theo, bình định Thiểm Tây, Tứ Xuyên, Cam Túc, Vân Nam... thống nhất Trung Hoa.

2. Cải cách và chính sách quý dân

Cải cách : trong thời gian trị vì, Chu Nguyên Chương đã tiến hành những cuộc cải cách lớn về hành chính, quân sự, tư pháp, đặc biệt về kinh tế, củng cố quyền lực và thực hành chính sách quý dân.

Về kinh tế, Chu Nguyên Chương cho tổng điều tra hộ khẩu, khai khẩn đất đai, chỉnh lí phu dịch, tu sửa thuỷ lợi, ban thưởng nông canh, lập đồn điền để khôi phục và phát triển kinh tế.

Củng cố quyền lực : để củng cố quyền lực, Chu Nguyên Chương đã phong cho 20 người con ở các vùng yếu địa, thành các nước chư hầu, mỗi nước có quyền tự trị, có quân đội riêng. Chu Nguyên Chương đã khéo dùng các nước chư hầu làm phản dậu che chở triều đình.

Chính sách quý dân : theo sử sách, Chu Nguyên Chương có điểm tốt là rất quý trọng dân và nghe lời dân. Nhiều lần ông đã tha thuế cho dân nghèo, dân có điều gì uất ức cho phép trình thẳng lên Hoàng đế.

Viên quan nào tuy phạm tội nhưng được lòng dân, dân xin tha thì cũng tha, đôi khi còn thăng chức. Có một viên tri châu, thu thuế không đúng kì, đáng lẽ bị bắt. Các phụ lão lên kinh xin để lại viên tri châu, Chu Nguyên Chương chuẩn y, còn khen ngợi và tặng lộ phí cho các phụ lão.

Lại có một viên thủ bạ, có lỗi cần phải thẩm vấn. Dân chúng lên kinh, trình bày rằng ông này rất liêm chính, Chu Nguyên Chương không những tha cho viên thủ bạ mà còn thăng chức.

Thời nào cũng vậy, những quan lại quý dân như viên tri châu, viên chủ bạ không nhiều lầm, nhưng bọn tham quan, bọn bớt xén, bọn báo cáo láo thì đông vô số kể.

3. Diệt trừ tham ô, bớt xén và báo cáo láo

Diệt bọn tham ô : luật thời đó quy định, quan chức nào tham ô từ 60 lượng bạc trở lên thì bị chặt đầu, lóc da, làm túi đựng rơm rạ, treo lên để cho dân chúng xem. Tại các phủ, các châu, các huyện có một cái miếu thổ địa, nơi dùng để treo

các túi da của bọn tham ô, gọi là bì dịch miếu. Mỗi lần xử tội một quan chức tham ô, thì chặt đầu, sau đó treo túi da ở bì dịch miếu. Các quan huyện phải đứng sấp hàng hai bên để xem, lấy đó làm gương, ai nấy kinh hồn ghê tởm.

Có vụ án, Chu Nguyên Chương diệt quan tham đến một vạn người.

Vụ án bớt xén : năm 1385, Ngự sử Từ Mẫn và ngự sử Đinh Đình dâng sớ tố cáo đồng bọn của Bộ hộ Thị lang Quách Hằng là Bắc Bình Thừa tuyên bố chính, Đề hình án sát... ăn bớt lương thực cung đình.

Chu Nguyên Chương hạ lệnh cho Lễ bộ Thượng thư Triệu Mạo, Hình bộ Thượng thư Vương Huệ Dịch, Công bộ Thị lang Mạch Chính Đức điều tra, luôn thể điều tra các quan chức cao cấp khác.

Kết quả điều tra, phát hiện tham quan bớt xén hết 2 ngàn bốn trăm vạn thạch gồm muối, cá, gạo...

Chu Nguyên Chương giận quá, hạ lệnh xử tử Quách Hằng và đồng bọn, tả hữu thị lang, thuộc cấp của Quách Hằng cũng bị xử tử. Vụ án còn liên quan đến một vạn người, tất cả đều bị tống giam.

Người xử vụ án này là Ngô Dung, đã làm rúng động lòng người. Chu Nguyên Chương cho giết Ngô Dung để trấn an.

Diệt nạn báo cáo lão : nhà Minh quy định, các phủ, các châu, các huyện, mỗi năm Sở bố chính phải thống kê tiền, lương thực... thành những trương mục, gọi là trương sách (đại loại như bản báo cáo thời nay) để gửi cho Bộ hộ.

Nhiều quan địa phương lười biếng hoặc cố tình lập lờ để kiểm xác, cứ kê đại hoặc sẵn ấn đóng vào trương sách, gọi là không ấn bạch trương sách. Nếu Bộ hộ nghi ngờ gửi về, lúc ấy tùy cơ ứng biến điền thêm vào cũng chẳng sao.

Chuyện này lọt đến tai Chu Nguyên Chương, ông nổi giận lôi đình, sai Thượng thư Bộ hộ đến bắt các tất cả các quan địa phương báo cáo lão, ghép vào tội tham ô.

Kết cục, 100 quan của Sở bố chính bị bắt, xử tử ; 100 phó quan bị bắt và bị đánh đòn mỗi người một trăm hèo, sau đó sung quân, đày đi biên cương.

4. Văn tự ngục

Các nhà viết sử cho rằng, Trung Hoa là quê hương của văn tự ngục (*bị tống vào ngục vì chữ nghĩa*). Chu Nguyên Chương là một trong những đại sát thủ về chữ nghĩa.

Chu Nguyên Chương vốn thất học, thời nhỏ ở chùa làm tăng, cạo trọc đầu nên gọi là thốc quang. Lớn theo quân khăn đỏ, thời bấy giờ người ta gọi quân khăn đỏ gọi là giặc (*nghịch tặc*), hay là bọn cướp (*thảo khấu*). Lúc làm vua, lo củng cố quyền lực, điều hành đất nước nên ông cũng chẳng có nhiều thì giờ học tập và đọc sách vở. Vì thế, Chu Nguyên Chương nghi ngờ người ta nhạo báng ông, moi móc đời tư của ông đậm ra dì ứng với những âm, những nghĩa có liên quan đến những chữ : tăng (*thầy chùa*), thốc quang (*trọc đầu*), tặc (*giặc*), khấu (*ăn cướp*).

Là vua, ông có quyền suy diễn chữ nghĩa của những người soạn thảo biểu chương gọi là Học huấn, Học giáo thuộc các châu huyện ; có quyền bẻ cong những câu thơ phú

của những nhà thơ nổi tiếng đương thời. Ông có quyền phê phán thơ của các vị sư sãi, thậm chí còn hạ những tấm bảng ghi lời dạy dỗ của tiền nhân (Mạnh Tử), nếu vị này còn sống, ông cũng bỏ tù hoặc xử trảm.

Chữ nghĩa trong các bài biểu : trong **Chính đán hả biểu** của Thường châu phủ Học huấn Tương Trấn có viết : Duệ tính sinh tri (*Tính sáng suốt thì sinh hiểu biết*).

Chu Nguyên Chương cho rằng, chữ sinh gần nghĩa với chữ tăng, tức ám chỉ vua xuất thân từ tăng.

Trong **Vạn thọ hả biểu** của Uý thị học giáo Hứa Nguyên có viết : Thể càn pháp khôn (*Thể trời, bắt chước đất*).

Nguyên chữ pháp khôn (bắt chước đất), âm gần với phát phát (*cao tóc, xuống tóc*) hoặc gần với chữ thốc (*trọc đầu*) thầy chùa.

Tạ tứ mā biểu của Hoài khánh phủ Học hiệu Lữ Duệ viết câu rất bay bướm : Dao chiêm đế phi (*Qua cửa nhà vua nhìn xa xa*). Chu Nguyên Chương cho rằng, đế phi gần với đế phi (*ông vua giặc phi*).

Tương Trấn, Hứa Nguyên, Lữ Duệ đều bị ghép vào tội chết.

Những chữ bị ghét nhất : Chu Nguyên Chương ghét thậm tệ chữ tặc (giặc) ; riêng chữ tặc (tức) đọc âm na ná với chữ tặc (giặc) nên cũng bị ghét lây. Ai dùng chữ tặc trong tờ biểu, đều không thoát chết. Những người chết vì chữ tặc là Lâm Nguyên Lượng (Triết Giang Học huấn), Triệu Bá Ninh (Bắc Bình phủ Học giáo), Tương Chất (Quế Lâm Học huấn).

Mạnh Tử cũng phải chết : năm 1084, Hoàng đế Thần Tông nhà Tống, lập miếu thờ Khổng Tử, miếu có dựng một bia đá khắc bài đối đáp giữa Mạnh Tử và Lương Huệ Vương.

Tính đến lúc bấy giờ, tấm bia này đã được dựng trên 200 năm, Chu Nguyên Chương ra lệnh hạ tấm bia xuống. Nguyên nhân, tấm bia này có quá nhiều chữ tặc và chữ tắc. Chu Nguyên Chương ghét nhất là đoạn văn ngắn trên 30 chữ, có đến 3 chữ tặc :

Tặc nhân giả vị chi tặc, tặc nghĩa giả vị chi tàn ; tàn tặc chi nhân, vị chi thất phu. Văn tru nhất phu Trụ hĩ, thị văn thí quân dã (*Kẻ làm hại điều nhân gọi là tặc, kẻ làm hại điều nghĩa gọi là tàn, một kẻ tàn tặc là một tên độc phu. Tôi nghe nói, giết một kẻ độc phu tên Trụ, chưa nghe nói rằng giết vua*).

Rất may, Mạnh Tử sống trước Chu Nguyên Chương mấy trăm năm. Nếu Mạnh Tử sinh cùng thời với Chu Nguyên Chương thì khó mà giữ nổi cái đầu, huống chi nói đến chuyện dạy học trò, chuyện viết sách !

Một năm sau, không biết Chu Nguyên Chương nghĩ sao, lại hạ lệnh, dựng bia đá lên chỗ cũ.

Cao Khải, người Tô Châu giữ chức Biên tu Hàn Lâm Viện, tài cao học rộng, thơ hay, được người đời ca ngợi là Đệ nhất thi nhân đời Minh.

Cao Khải thấy Chu Nguyên Chương tàn bạo quá, xin cáo lão về quê. Chu Nguyên Chương đồng ý, nhưng trong bụng không bằng lòng lắm.

Thói thường, nhà văn, thi nhân lúc nhàn thì hay viết lách, khi viết xong thì mong có ai đọc mới thấy thích.

Khi về Tô Châu, Cao Khải viết *Thượng lương văn*. Viên tri phủ Tô Châu là Nguy Quang đọc, nhân đó móc ra bốn chữ là Long bàn hổ cứ (*Rồng nằm hổ nấp*) và mập báo lên Chu Nguyên Chương. Chu Nguyên Chương vốn đã ghét Cao Khải, nhân dịp này, ghép Cao Khải vào tội có ý mưu phản, lệnh chém ngang lưng.

Ngự sử Trương Thượng Lễ cũng thích làm thơ, viết tập *Cung oán*, trong đó có mấy câu thơ tả tâm trạng rạo rực của người cung nữ :

*Đình viện trầm trầm trú lậu thanh
Bé môn xuân thảo cộng sầu sinh
Mộng trung chính đặc quân vương sủng
Tức bị hoàng li hô nhất thanh.
(Phơ phất mưa bay chốn viện đình
Cài then sầu như cỏ xuân lên
Trong mộng thấy người bao âu yếm
Tiếng hót hoàng li giấc mộng tan.)*

Chu Nguyên Chương kết án nhà thơ nói Hoàng đế phụ rẫy bỏ bê các cung nữ phơi phới xuân tình, nhà thơ vu vạ cho cung nữ rạo rực oán trách Nguyên Chương hờ hững. Chu Nguyên Chương đã bình thơ, thì Trương Thượng Lễ bị hành hình cho đến chết.

Nhà thơ Trần Dưỡng Tạo cũng bị ghép vào tội chết bởi hai câu thơ :

*Thành Nam hữu ngạo phu
Dạ dạ khóc chinh phu.
(Thành Nam có một phu nữ đáng thương
Đêm đêm khóc chồng đi chinh chiến.)*

Chu Nguyên Chương xếp hai câu thơ này vào loại thương thời, khiến cho người ta bi lụy, không hăm hở ra chiến trường, tức là phản chiến.

Trạng nguyên Trương Tín Hữu, bao năm đèn sách, miệt mài bên song cửa, tranh đua với cả vạn người mới được đỗ đạt nhưng lại chết vì hai câu thơ, dẫn từ thơ Đỗ Phủ.

*Xá hạ duẫn xuyên bích
Đình trung đằng thích thiêm.
(Bên tường măng đậm chồi
Trong nhà dây leo mọc.)*

Chu Nguyên Chương kết án rằng việc dẫn hai câu thơ của Đỗ Phủ là có ý công kích sự lộn xộn, hoang phế của triều đình. Trương Tín Hữu cũng bị chém ngang lưng. May cho Đỗ Phủ không sinh đồng thời với Chu Nguyên Chương.

Nói chung, Chu Nguyên Chương nắm quyền sinh sát, ít học nhưng lại bình thơ theo kiểu bối lông tìm vết thì những nhà thơ có tài cao sáng chói như sao Bắc đầu cũng khó mà qua được.

Thầy chùa bình thơ sư sai : như đã nói, thời nhỏ đói rách, Chu Nguyên Chương phải nương thân cửa Phật để kiếm cơm.

Khi lên làm vua, hình như Chu Nguyên Chương không chỉ quên mất miếng cơm chùa mà còn tìm cách dày đoạ các sư sai bằng cách bình thơ.

Chỉ tiếc là các nhà sư không lo tu hành cho đắc đạo mà còn đèo bòng với nàng Thơ để mình sa vào vòng khổ lụy. Một nhà sư làm bài thơ có tên là *Đề vú thuỷ* :

*Kiến thuyết Đàm Châu tiến vũ y
 Võng tội nhất thiên biến đông tây
 Vũ mao diệc túc vi thân luy
 Na đắc thu lâm tĩnh xử tê.*
 (Nghe nói Đàm Châu tặng áo lông
 Con chim sa lưới tội làm sao
 Vì một sắc lông mà thân chết
 Rừng thu chõ đậu cũng buồn tênh.)

Đại ý bài thơ là không nên săn tìm chim thuỷ để làm áo, phạm vào tội sát sinh. Chu Nguyên Chương luận về hai chữ võng tội, hàm ý chê bai luật pháp dưới chế độ ông dày như mắc võng. Không người nào thoát chết !

Một nhà sư khác làm bài thơ **Hạ nhật Tây viễn**, miêu tả cảnh mùa hạ :

*Tân trúc Tây viễn tiểu thảo đường
 Nhiệt thời vô xứ khả thừa lương
 Trì đường lục nguyệt do lai thiển
 Lâm mộc tam niên mạt xứ trường
 Dục tịnh thân tâm tần tako địa
 Ái khai song hộ bất thiêu hương
 Văn phong chỉ hữu khê nam liễu
 Hựu trường thiền thanh náo tịch dương.*

Chu Nguyên Chương xem bài thơ, vặn vẹo từng câu, từng cụm từ rồi quy tội :

1. Câu Nhiệt thời vô xứ khả thừa lương (*Nóng quá, chẳng chõ nào mát cả*) quy tội chỉ trích luật pháp nghiêm khắc.

2. Câu Lâm mộc tam niên mạt xứ trường (*Cây rừng 3 năm không mọc cao*) quy tội phê phán đất nước bao năm không có gì thay đổi.
3. Các từ : *tần tảo địa* (*quét đất nhiều lần*), bất thiêu hương (*chớ đốt hương*) quy tội vu vạ Hoàng đế khùng bố, giết nhiều người.

Với từng ấy tội thì thầy tu này phải đi đến Tây phương chầu Phật tổ sớm.

Một vị sư khác làm bài thơ có câu thơ nghĩa đen miêu tả cái mâm vàng có chén đựng sữa đặc, rất nồng ; nghĩa bóng là thích nghe cái đạo thiết yếu, chính pháp của Phật :

*Kim bàn hợp lai thù thành
Uyển thể hồ xuất thương phuong.*

Chu Nguyên Chương không những giỏi trích câu cú mà còn giỏi cả chiết tự, ông phân tích :

Chữ thù (*đặc*) là do bộ ngọt (*xương tàn*) và chữ chu (*diệt hoặc họ Chu*) tạo thành ; khi tách ra, chiết tự, thì có hai chữ Ngạt – Chu.

Chu Nguyên Chương luận rằng, nhà sư này lão lếu, ví ông ta là nấm xương tàn hoặc khi chết cũng là một nấm xương tàn trong mả ! Cách suy luận thâm hiểm như vậy thì vị thi tăng này không giữ nổi mạng sống !

Nếu căn cứ vào chiết tự không ai dám bảo rằng Chu Nguyên Chương là người xuất thân từ một kẻ chăn trâu, một kẻ nuôi lợn.

5. Đánh đòn các quan chức

Chu Nguyên Chương thường dùng gậy để đánh các quan chức trong triều gọi là đình trượng. Đây là một ngoại luật, tội nặng hay nhẹ, do nhà vua hoàn toàn quyết định.

Những cây gậy được giao cho các Hiệu uý Cẩm y vệ cất giữ và thi hành theo lệnh nhà vua. Các Hiệu uý phải luyện tập đánh vào cây rơm, cây lúa ; luyện đến khi nào chỉ cần đánh một phát thì cây rơm, cây rạ, cỏ bầm tím nhưng không vỡ nát ; tương tự một loại võ công đạt đến mức thượng thừa.

Khi đánh người, tuy bên ngoài không thấy thương tích, không thấy biêu đầu sứt trán, nhưng bên trong gân cốt, lục phủ ngũ tạng bị nhừ nát.

Theo quy định, mỗi lần đánh các Hiệu uý phải giơ gậy thật cao, đánh thật mạnh, không được giơ cao đánh khẽ.

Lúc thi hành án, phải thay 4 người Hiệu uý, sợ một người đánh mất sức, khí thế của gậy đi không ngọt. Bất kể quan nào, dù đại thần, công thần hoặc văn thần tiếng tăm, võ tướng hiển hách, vua ra lệnh đánh thì cứ việc đánh.

Người bị đánh trước hết bị lột áo mǎo cắn đai, cho mặc áo tù ; sau đó bị đánh đòn. Người bị đánh vừa bị sỉ nhục vừa không biết sẽ sống hay chết. Có vị quan sớm vào triều nhưng chiều không về nữa, không kịp nói lời từ biệt vợ con vì có tên trong sổ của tử thần.

Sáng sớm, các quan vào triều lòng nơm nớp lo sợ ; lúc bàn bạc nói năng giữ mồm giữ miệng, nhiều chuyện phải bụng tai, bịt mắt, vì chưa biết tai họa giáng xuống đâu lúc

nào. Chiều tối, về đến nhà thân còn nguyên vẹn, gặp mặt vợ con, lúc đó mới thở phào nhẹ nhõm vì đã qua được một ngày làm quan.

Các vị quan ra đường trước mặt dân chúng thì xe ngựa xênh xang, uy vũ bao trùm bốn phương tám hướng. Nhưng đứng trước Chu Nguyên Chương thì như con mèo ướt, mất hết thể diện, mất hết oai phong.

Chu Nguyên Chương xem các quan trong triều không hơn con trâu, con ngựa, muốn đánh thì đánh, muốn giết thì giết.

6. Những vụ án các đại thần

Vụ án Hồ Chuẩn Dung : Hồ Chuẩn Dung vốn là một hàng tướng được Chu Nguyên Chương tin dùng, làm đến chức Tả Thừa tướng. Năm 1830, Lã Từ Tiết cáo giác Hồ Chuẩn Dung và Ngự sử Trung thừa Trần Ninh tiếm quyền, tạo phản.

Chu Nguyên Chương xử tử Hồ Chuẩn Dung, Trần Ninh và giết 1 vạn 5 ngàn người. Sau khi Tả Thừa tướng Hồ Chuẩn Dung chết, Chu Nguyên Chương phế bỏ chức Thừa tướng, tập trung quyền hành về tay nhà vua.

Vụ án Lam Ngọc : Lương Quốc công Lam Ngọc, nguyên là một Đại tướng có công rất lớn trong việc sáng lập nhà Minh. Ỷ vào thế mình là người có công, Lam Ngọc cũng thường hay ngạo nghễ, ngang tàng.

Năm 1393, Lam Ngọc bị tướng chỉ huy Cẩm y vệ tố giác mưu phản. Chu Nguyên Chương xử tử Lam Ngọc và giết cả 3 họ. Tiếp theo, Chu Nguyên Chương cho truy bắt những

người từng tiếp xúc và liên quan với Lam Ngọc. Kết cục, có 1 tước công, 13 tước hầu, 2 tước bá và gần 2 vạn người bị giết.

Vụ án Từ Đạt : Từ Đạt vừa là mưu sĩ, vừa là khai quốc công thần của Chu Nguyên Chương. Từ Đạt được người đời khen là : không mê gái đẹp, chẳng tham tiền tài, lòng trung thành không ai sánh kịp, chiếu sáng như Mặt Trăng, Mặt Trời.

Từ Đạt bị bệnh cam, bệnh về máu, bệnh càng ngày càng nặng, thảy thuốc bảo kiêng ăn thịt ngan chưng. Chu Nguyên Chương biết chuyện ấy.

Một hôm, Chu Nguyên Chương sai người đem biếu Từ Đạt một con ngan chưng. Từ Đạt biết Chu Nguyên Chương muốn mình chết đi cho khuất mắt. Không cách nào khác, Từ Đạt vừa ăn thịt ngan, vừa khóc, nước mắt đầm đìa. May mắn sau, Từ Đạt chết.

Nghe tin Từ Đạt đã chết, Chu Nguyên Chương sung sướng ra mặt, miệng lẩm bẩm : Hắn chết rồi !

Được khen tốt quá cũng chết, tài hơn người cũng chết !

Những vụ án khác : Ngoài các vụ án, Hồ Chuẩn Dung, Lam Ngọc, Từ Đạt, còn có những vụ án khác như : mưu sĩ Lý Thiện Trường phải tự ái ; cháu ngoại Lý Văn Trung bị giết ; Phùng Thắng bị đầu độc ; mưu thần Tống Liêm phải tự ái.

Mỗi vụ án liên luy rất nhiều người, các quan lại địa phương bị giết, bị tù, bị đày, không kể xiết.

7. Việc phế lập và lo xa

Chu Nguyên Chương đã lập con trưởng là Chu Tiên làm Thái tử. Chu Tiên bất đồng chính kiến với Chu Nguyên Chương nên bị ông ép phải chết.

Chu Tiên chết, Chu Nguyên Chương lập con của Chu Tiên là Chu Doãn Văn làm Thái tôn.

Nhưng Chu Doãn Văn còn quá nhỏ, Chu Nguyên Chương lo xa, sau khi mình qua đời các công thần lại thừa cơ lấn lướt, có khi mất cả cơ nghiệp. Nghĩ vậy, nên Chu Nguyên Chương âm mưu giết một số công thần như Phó Hữu Đức, Phùng Thắng.

8. Cẩm y vệ

Nhằm củng cố quyền lực, Chu Nguyên Chương thành lập đội quân Cẩm y vệ. Cẩm y vệ trực tiếp nghe lệnh và phục vụ Hoàng đế. Nhiệm vụ của Cẩm y vệ là trinh sát, thẩm vấn, bỏ tù, tra tấn và thi hành án. Việc thẩm vấn, tra tấn của Cẩm y vệ rất tàn khốc, nhà tù của Cẩm y vệ là địa ngục trần gian, dễ vào mà khó ra.

Nếu thống kê số người bị giết, vừa nêu ở trên thì quả nhiên Cẩm y vệ là bộ máy giết người khổng lồ của Chu Nguyên Chương.

Tháng 5 – 1398, Chu Nguyên Chương bị bệnh rồi băng hà.

2

CHU ĐỆ – MINH THÀNH TỔ

Chu Nguyên Chương chết, Chu Doãn Văn lên nối ngôi, gọi là Hiến Văn Đế (1398 – 1402).

Hiến Văn Đế sợ các phiên vương dòm ngó ngai vàng của mình nên cùng bàn bạc với các đại thần, đem quân diệt các phiên vương như Chu Vương Chu Túc, Tề Vương Chu Bách, Đại Vương Chu Quế, Dàn Vương Chu Tiên.

Trong các phiên vương, thế lực Chu Đệ* là mạnh nhất, ban đầu Chu Đệ giả điên nhưng sau đó quật khởi mạnh mẽ. Chu Đệ đã đánh bại đội quân Hiến Văn Đế, tiến về kinh đô, cướp được ngai vàng của Hiến Văn Đế, lấy hiệu là Vĩnh Lạc (1402 – 1424).

1. Thanh trùng nội cung

Mới lên ngôi, Chu Đệ đã cho thanh trùng nội cung, giết cung nữ, người hầu và thái giám, trừ những người trước đây có tội với Hiến Văn Đế.

Số cung nữ bị giết 2 vạn 8 trăm người, tiếng khóc vang trời, máu chảy đầm đìa trên đất.

2. Củng cố quyền lực

Để củng cố quyền lực, Chu Đệ phế Quảng Trạch Vương Chu Doãn Thông, Hoài Ân Vương Chu Doãn Kiên xuống làm thường dân ; quản thúc Ninh Vương Chu Quyền ở Nam Xương ; chuyển Cốc Vương Chu Huệ đến Trường Sa.

* Có sách ghi là Chu Lê.

Chu Đệ cho những người thân tín của mình trấn thủ những nơi hiểm yếu và phục chức cho những người bị Hiến Văn Đế phế bỏ trước đây.

Đặc biệt, bổ nhiệm 7 người là Dương Quảng, Dương Sĩ Kì, Dương Vinh, Hoàng Chuẩn... làm tham mưu cố vấn cho Hoàng đế.

3. Giết các đại thần tay chân của Hiến Văn Đế

Năm 1403, để mở đầu cho việc giết các đại thần tay chân của Hiến Văn Đế, Chu Đệ ra chiếu thư đại ý, Hoàng đế là nhân vật tối linh của trời đất, của tông miếu xâ tắc, là con của phụ hoàng và mẫu hậu. Nếu trong thiên hạ kẻ nào nhiễu sự thì liệt vào hạng gian ác, quyết giết không tha, kẻ nào còn gièm pha, nghi kị sẽ bị tội diệt tộc.

Có thể nói đây là bản án tử hình đối với các đại thần, tay chân của Hiến Văn Đế.

Thái tử Đăng : Lúc Chu Đệ dẫn quân vào kinh thành, Thái tử Đăng chuẩn bị ra nước ngoài cầu viện quân để đánh Chu Đệ.

Chu Đệ bắt được, cho người điều tra thẩm vấn, Thái tử Đăng vẫn không chịu thần phục, còn lấy bút viết vào giấy :

Các văn thần của Tiên đế, đã từng can ngăn không nên lập bọn phiên vương, Tiên đế không nghe, nay con cháu mới thấy hậu quả tàn khốc của nó.

Chu Đệ tức giận, liệt Thái tử Đăng vào hạng thủ ác, tức là tên ác ôn đầu sỏ và ra lệnh giết Thái tử Đăng.

Lúc hành hình Thái tử Đăng, Chu Đệ cho người chặt đứt hai tay, sau đó chặt đứt hai chân, Chu Đệ nói : Xem thử mi có hai tay để bơi ra đảo hay không, xem thử mi có hai chân để đạp xuống đáy biển không ? Ý muốn nói, Thái tử Đăng còn vượt biển cầu viện để chống lại Chu Đệ nữa hay thôi.

Toàn nhà Thái tử Đăng, không phân biệt già trẻ đều bị chặt đầu ; tổng cộng 380 người bị giết, một số bị đày ra biên ải.

Thiết Huyễn : Thiết Huyễn, nguyên là Binh bộ Thượng thư dưới thời Hiến Văn Đế. Lúc hành hình Thiết Huyễn, Chu Đệ sai cắt thịt, rồi đưa miếng thịt cho Thiết Huyễn và nói : “Mi xem thịt mi có ngọt không ?”.

Thiết Huyễn nhai thịt rồi nói : “*Thịt người trung thần, hiếu tử không bao giờ ngọt cả !*”.

Chu Đệ tức quá, liền hạ lệnh cắt tai, xéo mũi ; cắt đén đâu, Thiết Huyễn chửi bới đến đó.

Như lửa đổ thêm dầu, Chu Đệ giận điên cuồng, sai 10 người lấy dầu đổ vào thi thể Thiết Huyễn đốt cháy thành than. Đốt xong, lấy côn sắt đập thi thể nát vụn ra từng mảnh.

Thiết Huyễn chết, hai người con trai cũng bị xử tử.

Những đại thần khác : Ngoài Thiết Huyễn, Thái tử Đăng, còn nhiều người bị giết :

Ngự sử Đại phu Luyện Tử Ninh, bị cắt lưỡi trước khi xử tử ; gia quyến bị giết 101 người, bị lưu đày trên 100 người.

Hình bộ Thượng thư Bạo Chiếu, bị nhổ răng, chặt tay chân cho đến chết. Do ông này chửi Chu Đệ quá nhiều.

Lễ bộ Thượng thư Trần Dịch cùng 180 người bị lưu đày. Hộ bộ Thị lang Trác Kính, bị diệt 3 họ...

4. Vụ án Phương Hiếu Nhị

Cuộc đối đáp chết người

Phương Hiếu Nhị là người học rộng tài cao, rất có tiếng tăm ở đầu triều Minh. Có một vị hoà thượng tên là Đạo Diễn vốn yêu mến tài đức Phương Hiếu Nhị, sợ Chu Đệ giết Phương Hiếu Nhị, nên dặn dò, can ngăn :

Ở phương Nam, Phương Hiếu Nhị là người có học vấn cao, rất thành thực, phẩm hạnh tốt, nếu ông ta không phục thì không nên giết ông ta. Nếu giết ông ta thì thiên hạ dị nghị, rồi mai mốt không có sách hay mà đọc.

Chu Đệ nghe xong, ừ hử cho qua chuyện.

Sau này, Chu Đệ mời Phương Hiếu Nhị ra giúp việc. Phương Hiếu Nhị từ chối. Chu Đệ bắt Phương Hiếu Nhị giam vào ngục, rồi cho hai người đến thuyết phục nhưng Phương Hiếu Nhị vẫn không chịu.

Chu Đệ tức tối tìm cách giết Phương Hiếu Nhị. Chu Đệ cho điệu Phương Hiếu Nhị đến và hỏi : “*Ta nghe, ngày xưa Chu Công hết lòng phò tá Thành Vương phải không ?*”.

Phương Hiếu Nhị hỏi lại : “*Thành Vương ở đâu ?*”.

Chu Đệ nói : “*Thành Vương đã bị giết rồi !*”.

Phương Hiếu Nhị nói : “*Sao không lập em của Thành Vương lên ngôi ?*”.

Chu Đệ nói : “*Thế thì phiền tiên sinh thảo chiếu thư
bố cáo cho thiên hạ biết. Ngoài tiên sinh ra, không ai làm
nối chuyện này.*”.

Phương Hiếu Nhị nói : “*Chết thì tôi nghe rồi nhưng
thảo chiếu thư thì không !*”.

Chu Đệ tức bực : “*Nếu không thảo chiếu thư thì giết
luôn cả 9 họ !*”.

Phương Hiếu Nhị, nói : “*Giết 10 họ cũng chẳng sao cả !*”.

Với cách trả lời ngạo mạn cứng rắn, Phương Hiếu Nhị
đã tự kí vào bản án tử hình.

Trước khi xử tử, Chu Đệ cho người cắt hai tai Phương
Hiếu Nhị, rồi hạ lệnh bắt giết 9 họ và các đệ tử của Phương
Hiếu Nhị, tức là 10 họ, tổng cộng 873 người.

Hai người con gái của Phương Hiếu Nhị, chưa đến tuổi
thành niên, bỏ trốn, bị truy đuổi đến sông Hoài Hà, cùng
đường đâm đầu xuống sông chết.

Phương Hiếu Hữu, em của Phương Hiếu Nhị, thấy
anh mình bị giết, biết thế nào mình cũng chết, nước mắt
lưng tròng.

Một người bạn thấy vậy an ủi : “Anh đừng khóc lóc
làm gì, thủ nghĩa thành nhân là chuyện thường tình, ngàn
năm sau sẽ có người phán xét.”.

Dưa và cỏ : Ngự sử Đại phu Cảnh Thanh đã từng giao
Ước với Phương Hiếu Nhị, nếu sau này Chu Đệ cướp ngôi,
nhất định tuẫn tử chứ không chịu hàng phục.

Một hôm vào triều, Cảnh Thanh lật dao trong áo định
ám sát Chu Đệ. Không ngờ, Cảnh Thanh bị tay chân Chu

Đệ khám xét phát hiện. Chu Đệ tức giận, chửi bới Cảnh Thanh và cho người vả gãy răng bật cả máu tươi. Cảnh Thanh cũng vừa chửi lại, vừa phun máu vào long bào Chu Đệ. Chu Đệ tức lẩm, cho người giết chết Cảnh Thanh, lóc từng mảng thịt đem phơi nắng ở Trường An môn.

Chu Đệ vẫn chưa nguôi giận, cho người truy lùng, giết 10 họ của Cảnh Thanh. Trước kia chỉ giết 9 họ là hết, nay giết 10 họ, tức giết luôn những người đã từng quan hệ với Cảnh Thanh như bạn bè, hàng xóm láng giềng... Có 217 người bị giết, nhiều người trước khi chết không biết tai hoạ từ đâu giáng xuống, cũng không biết tại sao mình phải chết.

Có một xóm, người chết nhiều quá, không ai dám đi qua, cây cỏ sầu úa ; đêm mưa gió chỉ nghe tiếng hú bi thương.

Các nhà nghiên cứu cho rằng, giết 10 họ là sáng kiến của Chu Đệ, bởi lời thách thức, nóng giận của Phương Hiếu Nhị. Nạn diệt 10 họ gọi là “*qua mạn sao*”, tức là hái dưa, diệt luôn cả cỏ chung quanh ; Việt Nam ta gọi là nhổ cỏ nhổ tận gốc.

5. Cách giết một nhà văn

Giải Tấn là người giỏi văn chương, đã từng tham gia viết cuốn **Thái Tổ thực lục**, sau đó lại tham gia biên tập cuốn **Vĩnh Lạc đại điển**.

Trước đó, không biết Giải Tấn đã làm mất lòng Chu Đệ ra sao, cũng không hiểu vì sao Giải Tấn đang làm sách mà bị tù.

Một hôm Chu Đệ đọc danh sách tù của Cẩm y vệ, thấy có tên Giải Tấn. Chu Đệ nói : “Tên này mà còn được ở đó sao ?”.

Tay chân của Chu Đệ biết ý, liền mời rượu, khi Giải Tấn say rồi bỏ nầm nằm trên tuyết. Giải Tấn chết cóng trên tuyết trong cơn say.

6. Giết ni cô, nữ đạo sĩ

Thời ấy có một ni cô tên Đường Trại, lãnh đạo nhóm nông dân nổi dậy chống Chu Đệ.

Sau khi diệt được Đường Trại, Chu Đệ cho bắt hết tất cả những ni cô, đạo cô ở Sơn Đông, Bắc Kinh và lệnh trong cả nước bắt hết các phụ nữ đã xuất gia về, dùng hình để tra hỏi. Trong vụ án này có gần một vạn người bị bắt, hơn một ngàn người bị giết.

7. Tu sửa cung điện, xây thành Bắc Kinh

Mặc dù ham chửi bới, tranh luận với các tử tội nhưng Chu Đệ cũng không quên việc tu sửa hoàng cung, xây thành Bắc Kinh.

Ngày nay, chúng ta có dịp đến Bắc Kinh, cũng có thể hình dung được công trình này lớn đến cỡ nào và huy động lượng người ra sao.

8. Về già đổi tính

Chu Đệ thường chỉ trích việc hoang dâm là có hại. Khi bước vào tuổi 65, Chu Đệ ra lệnh các nơi dâng gái đẹp. Lệnh

ra chưa đầy một tháng sau, Chu Đệ bị bệnh, chết trên đường Bắc phạt.

9. Bắc phạt

Từ năm Vĩnh Lạc thứ 8, Chu Đệ đích thân dẫn quân 5 lần Bắc phạt. Năm Vĩnh Lạc thứ 22, Chu Đệ dẫn quân Bắc phạt đã bị bệnh chết trên đường đi.

3

CHU HẬU CHIẾU – MINH VŨ TÔNG

*Một mình mà muốn khống chế cả thiên hạ
thì không thể nào khống chế được.
(Lý Tư)*

Chu Hậu Chiếu (1491 – 1521), là vị vua thứ 11 của triều Minh, lên ngôi lúc 15 tuổi (1505 – 1521), gọi là Vũ Tông.

1. Tám con cọp dữ

Sau khi lên ngôi, muốn ăn chơi thoả thích, Chu Hậu Chiếu tin dùng Lưu Cẩn. Lưu Cẩn kết bè kết đảng với tám người nữa là Mã Vĩnh Thành, Dục Đại Dụng, Nguy Bân, Trương Vĩnh Khấu Tự, Cao Phong, La Tường... gọi là Bát hổ (8 con hổ).

Bát hổ cậy thế, tung hoàng ngang dọc làm cho các đại thần, nội các, phẫn nộ.

Thượng thư Bộ hộ Hàn Văn Quan và một số đại thần tâu với Chu Hậu Chiếu không nên tin dùng bọn Bát hổ. Hàn Văn Quan khóc và thề rằng : Nếu không giết được bọn Bát hổ thì không dám gặp mặt Tiên đế ở dưới suối vàng !

Chu Hậu Chiếu ừ hử, rồi lui về hậu cung. Bọn Lưu Cẩn được tin cấp báo liền chạy vào cung gặp Chu Hậu Chiếu kêu khóc thảm thiết. Chu Hậu Chiếu nghĩ rằng, nếu giết chết bọn Bát hổ sẽ không ai chỉ đường, dắt lối cho mình và mất đi một số tay chân thân tín : bèn phong cho Lưu Cẩn và đồng bọn làm Đề đốc Đông Quảng và Tây Quảng.

Hoàng đế đứng : Lưu Cẩn sau khi đã được thăng chức lớn, nắm quyền lớn trong tay, liền triệu tập các quan ở Kim Thuỷ Kiều, công bố danh sách các đại thần đã đòi diệt Bát hổ vào tội gian đảng.

Căn cứ vào danh sách, Lưu Cẩn lần lượt giết các đối thủ của mình như Vương Nhạc, Phạm Đình, Hàn Văn Quan, Lưu Kiện, Tạ Thiên... Chốn cung đình đầy tiếng than khóc, máu tuôn leh lảng. Bình bộ Thượng thư là Vương Dương Minh bị tước quan chức, đuổi ra khỏi kinh thành.

Việc giết chóc dẫn đến thiếu quan chức nắm giữ trông coi công việc nên Lưu Cẩn cất nhắc tay chân thân tín, anh em, con cái họ hàng lên làm quan lớn nhỏ, tổng cộng 1.580 người. Hầu hết những người này được tuyển từ Cẩm y vệ, trong đó 8 người vào nội các.

Chu Hậu Chiếu lười biếng việc triều chính, cả ngày ở trong thẩm cung, tất cả mọi việc đều phó thác cho Lưu Cẩn.

Các quan viết tấu chương, tấu trình công việc, lúc tâu trình hoặc đọc tấu chương, Chu Hậu Chiếu ngáp dài, nói : “Việc đó là việc nhỏ, người tâu với ta làm gì ?”.

Nói xong, Chu Hậu Chiếu bảo các quan đưa tấu chương cho Lưu Cẩn.

Bao nhiêu tấu chương đều qua tay Lưu Cẩn. Lưu Cẩn vốn dốt chữ, phải đem các tấu chương về nhà chia ra cho những người thân thuộc, tay chân và đồng đảng phê duyệt, xử lí. Tất nhiên, bao nhiêu thánh chỉ cũng từ tay nhóm Lưu Cẩn mà ra.

Các quan lớn, quan nhỏ trước khi vào chầu Hoàng đế, phải quỳ làm đại lễ Lưu Cẩn, gọi là Lưu Công công. Các quan lớn, quan nhỏ muốn rời kinh cũng phải làm đại lễ chào Lưu Công công, rồi đi đâu thì đi. Lúc về cũng phải bẩm báo với Lưu Công công trước, sau đó mới thượng triều.

Đặc biệt, các quan địa phương muốn trẩy kinh triều kiến, phải làm lễ ra mắt Lưu Cẩn 2 vạn lạng bạc, ai không có thì đến vay lãi các nhà giàu.

Quyền lực triều đình nhà Minh đều ở trong tay Lưu Cẩn, trong dân gian lưu truyền câu ca :

*Trong thành Bắc Kinh có hai vị Hoàng đế
Một vị thi ngồi, một vị thi đứng
Vị này là Chu Hoàng đế, vị kia là Lưu Hoàng đế.*

Lưu Cẩn nghe cũng khoái nhưng cũng sợ, liền cho tay chân tìm giết những người hát bài ca đó. Bọn tay chân lùng sục Đông Quảng, Tây Quảng và các nơi, hơn ngàn người bị giết, dân chúng oán hận, kêu trời.

Trương Nhất Thanh, Trương Vĩnh diệt Lưu Cẩn

Trương Nhất Thanh bị Lưu Cẩn gièm pha với Chu Hậu Chiếu nhưng được các quan bênh vực, Trương Nhất Thanh mới thoát chết, Trương Nhất Thanh rất căm hận Lưu Cẩn.

Trương Nhất Thanh biết Trương Vĩnh cũng có những xích mích với Lưu Cẩn, nên mật bàn với Trương Vĩnh cùng về kinh ra mắt Chu Hậu Chiếu. Ông ta nói với Trương Vĩnh : “Ông là thân tín của Hoàng thượng, ông về kinh thế nào Hoàng thượng cũng mời vào.”.

Trương Vĩnh hỏi : “Nếu nói Lưu Cẩn có ý làm phản mà Hoàng thượng không tin thì sao ?”.

Trương Nhất Thanh nói : “Ông cứ khóc lóc to lên !”.

Đang đêm, Trương Vĩnh và Trương Nhất Thanh vào bái kiến Chu Hậu Chiếu. Chu Hậu Chiếu nghe tin Lưu Cẩn làm phản liền sai quân Cấm vệ tức tốc bắt Lưu Cẩn.

Lưu Cẩn đang ngủ, trở tay không kịp, nên bị bắt.

Tài sản Lưu Cẩn : Chu Hậu Chiếu cho lục soát nhà Lưu Cẩn, tìm được 24 vạn đĩnh vàng, 500 vạn đĩnh bạc, ngọc ngà châu báu, vũ khí rất nhiều, một chiếc long bào ngọc đáy.

Chu Hậu Chiếu cho xử tử Lưu Cẩn. Chu Hậu Chiếu vốn nghiện bọn gian thần, Lưu Cẩn chết thì Chu Hậu Chiếu lại tin dùng võ quan Giang Bân, chỉ khố cho các quan chính trực và dân chúng, tránh được vỏ dưa lại gấp vỏ dừa.

2. Từ Bát hổ đến Báo phòng

Tuổi sung sức : Khi lên ngôi Chu Hậu Chiếu mới 15 tuổi, tuổi đang lớn, càng lớn càng sung sức lại càng ham hưởng lạc.

Ngoài phi tần, mĩ nữ, tam cung lục viện, Chu Hậu Chiếu còn cho tay chân lùng bắt các cô gái trong dân về thưởng thức. Những vụ cướp vợ, cướp thiếp của người khác xảy ra như cơm bữa.

Chu Hậu Chiếu cho xây ở hoa viên Tây môn một cung điện lộng lẫy, trong đó có những mật thất, gọi là Báo phòng. Cẩm y vệ đi khắp nơi bắt mĩ nữ về Báo phòng để Chu Hậu Chiếu hành lạc.

Những ai có mĩ nữ dâng cho Chu Hậu Chiếu thì được ban thưởng. Tổng binh Mã Ngang, phạm tội đáng lẽ bị cách chức nhưng Mã Ngang có một người chị gái rất xinh đẹp, lại ca hay múa giỏi đã gả chồng, Mã Ngang đoạt lại, đem dâng cho Chu Hậu Chiếu. Chu Hậu Chiếu thích lắm, ban cho Mã Ngang một cái áo mäng bào (áo da trăn) và cho phục chức như cũ.

Các mật thất (Báo phòng) xây dựng tiêu tốn 24 vạn lượng bạch kim, dần dần tu sửa mở mang thêm 200 phòng. Trong đó có các lâu đài, cung điện, có cả chùa Phật Quốc, có các phòng cho các Phiên tảng giỏi thuật phòng trung (thuật chǎn gối) ở.

Khi nhà vua ngủ quên : Năm 1516, vào dịp Tết Nguyên đán, trăm quan văn võ khăn áo chỉnh tề, vào triều thật sớm để làm lễ đại diển khánh thọ, chúc mừng Hoàng

dế. Do thức khuya ở Báo phòng, Chu Hậu Chiếu ngũ quên đến gần chiều mới dậy, sửa soạn khăn áo ra làm lễ. Nghi lễ hôm ấy kéo dài đến tối mịt mới xong. Các quan đi sớm, phải chầu chực, quỳ xuống đứng lên, bái lạy, ai ai cũng căng thẳng mệt mỏi. Lễ xong nghe giải tán, các quan vui sướng chạy đạp lên nhau, một võ tướng bị giẫm chết.

3. Vung tay quá trán

Khai đăng : Mỗi năm, Chu Hậu Chiếu cho mở hội khai đăng, tức lễ hội thấp đèn, mỗi lần tiêu tốn hàng vạn lạng bạc.

Tháng giêng năm Chính Đức thứ chín, Ninh Vương Chu Thần Hào muốn lấy lòng Chu Hậu Chiếu, cho người vào cung kết đèn hoa rực rỡ, tạo ra cảnh tượng trãm vẻ kì lạ. Những người treo đèn tết hoa chẳng biết loay hoay thế nào mà sinh ra hoả hoạn. Lúc ấy, Chu Hậu Chiếu ở Báo phòng trở về thấy trong cung cháy rực trời, thản nhiên nói : “*Chỉ là cháy mấy cái lều thôi có gì đâu phải cuống lên !*”.

Chi tiêu vàng, bạc như nước : Sử sách có ghi, Chu Hậu Chiếu tiêu pha rất rộng rãi, cưới vợ gả chồng cho con cháu tốn hết 8.520 lạng vàng và 5.330 lạng bạc.

Chiếm đất của dân : Vừa lên ngôi, Chu Hậu Chiếu đã lập 7 vùng gọi là hoàng trang, trang trại hoàng cung, sau đó tăng lên hơn 30 vùng, ước chừng 20 khoảnh đất. Có lẽ sử sách ghi nhầm vì chỉ tính riêng chuyện bán quan chức, Chu hậu Chiếu đã có tới ba vạn khoảnh.

Nếu tổng số ruộng trên thuộc về nhà vua và tính luôn

đất của quan lại thì nông dân không có đất để cày cấy, tuyệt đường sinh nhai !

4. Tu sửa cung điện

Tăng thuế : Năm 1514, Chu Hậu Chiếu cho tu sửa Càn Thanh cung, Khôn Ninh cung. Năm 1515 tiếp tục tu sửa nhiều điện khác như Thái Tổ điện, Tông Tri điện, Ngưng Thuý điện, Thiên Nga phòng...

Do xây Báo phòng, tu sửa cung điện, tiêu pha nhiều trong khi đó quốc khố lại trống rỗng, Bộ Công thấy không kham nổi bèn tâu với Chu Hậu Chiếu rằng, ngưng tu sửa hoặc vạn nhất chỉ tu sửa một nửa.

Chu Hậu Chiếu nghe xong, liền ra lệnh tăng thuế ; các quan chức nghe lệnh, liền đi Tứ Xuyên, Quý Châu... thu trong cả nước được một trăm vạn lượng.

Mua quan bán chức : Thuế tăng nhiều lần cũng không đủ, thế là Chu Hậu Chiếu cho phép bán quan chức.

Dưới thời Chu Hậu Chiếu có hai lần bán quan chức quy mô lớn, nhiều văn thần không biết viết chữ nhất, nhiều võ tướng không hề biết bắn cung, đặt tên cũng nghênh ngang giữ những chức vụ quan trọng. Đây quả là mầm mống đại họa của triều Minh sau này vậy !

Người ta ước tính riêng về ruộng, trong vụ mua quan, bán tước Chu Hậu Chiếu thu về được 3 vạn khoảnh. Đất nước béo cò, thừa dịp tăng thuế, bán quan chức, các tham quan ô lại tha hồ vơ vét của dân đen để bỏ túi riêng hoặc thu hồi vốn sau khi mua chức tước.

5. Những cuộc du ngoạn

Tuyên phủ – nơi nhiều gái đẹp : Năm 1517, Giang Bân biết Chu Hậu Chiếu ham chơi, háo sắc, liền tâu rằng Tuyên phủ là vùng có nhiều gái đẹp. Chu Hậu Chiếu nghe nói thế thì nóng lòng muốn đến đó ngay, bèn bàn bạc với bọn Giang Bân, mở cuộc tuần du. Đây là một cuộc tuần du khá dài, đi qua Bình Xương, Cư Dung quan mới đến Tuyên phủ. Sợ các quan trong triều ngăn cản, Chu Hậu Chiếu tay lăm lăm cầm kiếm, miệng tuyên bố ai ngăn cản giết không tha.

Dọc đường tuần du nạn cướp bóc diễn ra công nhiên, các sản vật của dân như : gà, chó, dê, gạo muối bị cướp bóc không thương tiếc.

Khi đến Tuyên phủ, Chu Hậu Chiếu cùng các tay chân hành động như bọn giang hồ bạt mạng hoặc như bọn trộm cướp, đi nghênh ngang ngoài đường phố, ăn uống nhồm nhoàm. Khi gặp các cô gái thì đua nhau cướp, những hành động thô bỉ nhất trên đời, có lẽ chỉ thấy diễn ra ở nơi đây.

Trong thời gian đó, ở biên cương có cuộc nổi loạn lớn, quân nhà Minh bị thương vong 600 người. Chu Hậu Chiếu nghe tin cấp báo nhưng vẫn điềm nhiên ngồi nhâm nhi yến ẩm.

Do ăn chơi thoả thích, quên cả ngày giờ, đến mùa xuân cũng vẫn không chịu về. Đại học sĩ Dương Đình Hoà can gián, Chu Hậu Chiếu không nghe. Quan Ngự sử Hoàng Tán khuyên cũng vô ích. Sau đó, được tin Hoàng Thái hậu lâm bệnh chết, bất đắc dĩ Chu Hậu Chiếu mới lên đường trở về cung.

Có tang thì mặc có tang : Trong lúc chịu tang mẹ, đang xây lăng đắp mộ, Chu Hậu Chiếu vẫn thường ra ngoài du ngoạn, săn bắn. Dân chúng nơm nớp lo sợ Hoàng đế đi ra ngoài săn bắn hoặc đi du ngoạn.

Để yên lòng dân và không muốn thần dân dị nghị, Tri phủ Vĩnh Bình là Mao Tư Nghĩa tâu : “*Trong lúc có tang Hoàng thượng không nên ra ngoài vui chơi, săn bắn !*”.

Chu Hậu Chiếu nghe tâu xong, liền thét thuộc hạ bắt Mao Tư Nghĩa tống vào ngục. Ngự sử Lưu Sĩ Nguyên bàn góp cũng bị bắt giao cho Cẩm y vệ xử tội.

Tuần du phương Bắc : Vào tháng 7 năm sau, Chu Hậu Chiếu háo hức đi du ngoạn, lần này đoàn đi theo hướng Bắc. Chu Hậu Chiếu đổi tên là Chu Thọ, tự xưng là Đại tướng quân, Giang Bân làm Phó tướng quân và cùng nhiều tướng tá khác đi theo chinh phạt phương Bắc.

Chu Hậu Chiếu lại sai Nội các thảo chiếu thư, nội dung : “*Bọn cướp phương Bắc đã nhiều lần xâm phạm biên cương, cần phải đánh dẹp.*”.

Đoàn tuần du lại gươm giáo chỉnh tề lên đường. Dân chúng hay tin Hoàng đế tuần du hay Bắc phạt gì đó, kinh hoàng gồng gánh, dắt díu nhau trốn chạy để tránh tai vạ.

Trên đường trả phượng Bắc, Giang Bân lùng sục bắt được 10 xe toàn là con gái để cho Chu Hậu Chiếu dùng. Cuộc du ngoạn nửa năm mới kết thúc.

Du ngoạn Giang Nam : Đã chơi quen thì không nhịn được, Chu Hậu Chiếu lại muốn tuần du Giang Nam, việc chuẩn bị cũng tương tự như Tuỳ Dạng Đế đã chuẩn bị. Quần

thần xúm vào can gián, Chu Hậu Chiếu không nghe, đánh bằng trượng chết gần cả trăm người, bỏ ngực 30 người.

Hoàng đế hạ chỉ tự phong mình chức *Tổng đốc quân vụ, Uy vũ Đại tướng quân, Tổng binh quan Thái sư, Trấn quốc công Chu Thọ*, đích thân thống lĩnh các trấn đi tiễu phạt. Rồi xuống chỉ dụ : Ai can gián sẽ bị tội, trị bằng cực hình !

Tháng 8 năm 1519, đoàn tuần du lên đường đi qua Tế Ninh, Từ Châu, Hoài An, Dương Châu, Nam Kinh. Tháng 8 năm 1520, đoàn tuần du mới lục tục trở về Bắc Kinh.

Đoàn du ngoạn lúc đi cũng như lúc về, đến đâu vơ vét ngọc ngà, châu báu và lùng bắt gái đẹp đến đây, dân chúng kêu không thấu trời.

6. Sắp chết mới ngán

Nghe đâu, trong chuyến du ngoạn bằng thuyền, Chu Hậu Chiếu rơi tôm xuống nước, từ đó ngã bệnh.

Tháng 3 năm 1521, Chu Hậu Chiếu băng hà tại Báo phòng, lúc ấy mới 31 tuổi.

Có sách ghi, lúc bệnh nặng, Hoàng đế hối hận, rồi hạ lệnh cho ngưng việc bắt gái đẹp bốn phương gửi về ; có lẽ bệnh quá sinh ngán ?

4

CHU HẬU THÔNG – MINH THẾ TÔNG

Sinh thời, Chu Hậu Chiếu không con, nên sau khi băng hà, Hoàng Thái hậu Trương Thị và Dương Đình Hoà quyết định tìm người trong anh em họ, dòng tộc lên nối ngôi. Hoàng Thái hậu phái người đi An Lục (Trung Tường, Hà Bắc) đón em họ của Chu Hậu Chiếu là Chu Hậu Thông về kế vị ngai vàng. Khi về đến kinh thành, Chu Hậu Thông không chịu vào thành, nói với các quan, nếu muốn tôn ta lên ngôi, trước hết phải dùng lễ Thái tử để nghinh tiếp thì ta mới vào thành.

Hoàng Thái hậu được tin, phải dẫn quan văn võ ra ngoài thành nghinh tiếp. Chu Hậu Thông vẫn không chịu vào, Hoàng Thái hậu phải năn nỉ hai lần mới chịu vào thành. Chu Hậu Thông lên ngôi năm 1521, tức là Minh Thế Tông.

1. Tưởng là minh quân

Chu Hậu Thông và Đại học sĩ Dương Đình Hoà nắm quyền, chỉ trong 37 ngày đã cải cách gần xong những tệ nạn dưới triều Chu Hậu Chiếu :

Chu Hậu Thông lệnh bắt giam bọn gian thần như Giang Bân, Thần Chu, Lý Tông ; đình chỉ các công trình xây dựng, thu tiền bạc cất vào kho ; bỏ ni tăng, các giáo phường ở Báo phòng, bỏ lệ tiến gái đẹp ; thả chim quý, thú lạ ở các hoa viên về rừng.

Với cuộc cải cách nhanh chóng, trong triều ai nấy đều nghĩ Chu Hậu Thông là một vị minh quân, sẽ làm cho dân giàu nước mạnh. Nhưng họ đã lầm !

Song song với việc cải cách, mới lên ngôi được 6 ngày, Chu Hậu Thông đã đưa cha mình là Hiến Vương Chu Hựu Hàn làm Hoàng khảo.

Các quan, kẻ nói nên, người nói không nên, chia ra hai phe bàn cãi không dứt ; lúc ấy, thế lực Chu Hậu Thông chưa mạnh, nên đành phải gác lại.

Ba năm sau, thế lực của Chu Hậu Thông đã mạnh, ông ta lại đem chuyện Hoàng khảo ra bàn. Kết quả, cha của Chu Hậu Thông là Chu Hựu Hàn được phong Hoàng khảo. Những người phản đối bị đánh chết (khoảng 16 người), 134 người không đồng ý bị Cấm y vệ bắt giam vào ngục.

2. Nội các, sáu bộ và các quan chức

Nội các có 9 người là Dương Đình Hoà, Phí Hoằng, Dương Nhất Thanh, Trương Phu Kính, Lý Thời, Phục Ngôn, Diệu Loan, Nghiêm Cao và Từ Giới. Trong 9 người thì Phục Ngôn bị xử tử, 6 người khác bị tù ; chỉ có Từ Giới, Lý Thời là thoát chết, nhưng số phận cũng không ra gì, về sau bị bệnh mà chết.

Nội các đã bị phế bỏ, sáu bộ như Bộ Sử, Bộ Lễ, Bộ Hộ, Bộ Binh, Bộ Hình, Bộ Công cũng biến động không yên.

Chỉ tính trong 16 năm cai trị (1551 – 1566), Chu Hậu Thông đã thay 59 người, người này lên người khác xuống hoặc mới lên chưa nóng chỗ đã xuống. Trong 6 bộ, Chu Hậu Thông dùng gậy đánh cho đến chết 40 người.

Chu Hậu Thông tính tình thất thường, lúc vui, lúc buồn, lúc đã giận thì có người mất bỗng lộc, mất chức, mất quyền, mất mạng... hình như Hoàng đế giận nhiều hơn vui.

Người ta thống kê từ năm 1532 đến 1533, Chu Hậu Thông đã dùng gậy đánh 930 người, bãi chức quan hoặc đuổi làm thứ dân 22 người, bỏ vào ngục khảo tra 38 người, giáng chức 15 người, đánh chết 2 người, các loại tội linh tinh khác... bảng thống kê dài đến 1007 người.

Năm 1539, Chu Hậu Thông đi xem đất xây lăng cho mẹ ở Hà Nam, trong một ngày có 76 người bị lột hết quan chức, biếm làm thứ dân, do chuẩn bị đón tiếp thiếu chu đáo.

Sách còn ghi, trong các năm 1526 – 1527, đã có 40 quan chức cấp cao vào ngục, tra khảo và bị đày làm lính thú.

3. Chuyện ngàn năm mới có

Như trên đã nói, Hoàng Thái hậu Trương Thị là người có công đưa Chu Hậu Thông lên ngôi Hoàng đế, nhưng sau khi đã nắm được quyền lực, Chu Hậu Thông đối xử rất tệ bạc với bà.

Ngày lễ mừng thọ Tưởng Thị – mẹ ruột, Chu Hậu Thông cho làm tiệc rất linh đình và lệnh cho các quan đến chúc mừng.

Mấy tháng sau đó, là ngày mừng thọ của Hoàng Thái hậu Trương Thị, Chu Hậu Thông ra lệnh làm lễ thọ rất đơn giản.

Hoàng Thái hậu Trương Thị biết được, tủi thân, khóc lóc. Ngự sử Mã Minh Hoàng, Biên tu Hàn lâm viện Thư

Phân và 4 vị quan khác, tâu trình với Chu Hậu Thông phải trái, ý muốn nói về công bằng trong đối xử.

Chu Hậu Thông nghe xong, dùng gậy đánh Ngự sử Mã Minh Hoàng một trận tơi bời và tống vào ngục. Biên tu Hàn Lâm viện Thư Phân không được lãnh bổng lộc trong 3 tháng ; 4 ông quan còn lại bị giam vào ngục.

Năm 1533, Chu Hậu Thông có con trai đầu lòng, vẫn vỗ bá quan ai nấy đến chúc mừng, riêng Hoàng Thái hậu Trương Thị còn nghĩ chuyện trước nên không đến. Chu Hậu Thông tỏ ý trách móc.

Hoàng Thái hậu e sợ liền cho người đến trần tình, với lí do này nọ. Chu Hậu Thông nghe nhưng không hề trả lời câu nào.

Năm 1537, Chu Hậu Thông hai lần đích thân đi quan sát đất đai ở Lăng Sơn. Hoàng hậu, cung phi đều đi cả, Chu Hậu Thông không mời Hoàng Thái hậu Trương Thị.

Hoàng Thái hậu, có 2 người em trai, 2 người này cũng làm những việc quá đáng nhưng chưa đến nỗi phải xử vào tội chết nhưng Chu Hậu Thông xử tội chết.

Hoàng Thái hậu Trương Thị muốn cứu 2 em, liền chạy đến quỳ trước mặt Chu Hậu Thông, khóc lóc, nài nỉ, van xin. Chu Hậu Thông vẫn không hề động lòng, không ừ hử một tiếng !

Các nhà viết sử cho rằng, việc Hoàng Thái hậu Trương Thị phải quỳ trước mặt Chu Hậu Thông, là chuyện không hề có trong lịch sử hàng ngàn năm của một đất nước trọng lễ nghĩa như Trung Quốc. Đúng là ngàn năm mới có !

4. Ba bà Hoàng hậu

Chu Hậu Thông không chỉ đối xử tệ bạc với Hoàng Thái hậu Trương Thị mà đối với Hoàng hậu cũng không ra gì. Trước sau, ông ta có 3 Hoàng hậu là Trương Hoàng hậu, Trần Hoàng hậu và Phương Hoàng hậu.

Trương Hoàng hậu : Như đã nói, Hoàng Thái hậu Trương Thị muốn cứu em nhưng không được phải nhờ cậy đến Trương Hoàng hậu.

Trương Hoàng hậu nghĩ mình đang được Chu Hậu Thông sủng ái, đêm đến liền nói đến chuyện Hoàng Thái hậu Trương Thị và xin cho người bị tử tội... Chu Hậu Thông chỉ ậm ừ.

Sáng sớm, vừa thức dậy Chu Hậu Thông bừng bừng giận dữ, phế truất Trương Hoàng hậu và giam vào lánh cung. Tám năm sau, Trương Hoàng hậu chết vì u uất, buồn khổ.

Trần Hoàng hậu : Hoàng hậu thứ hai là Trần Hoàng hậu ; một hôm, Chu Hậu Thông ngồi chuyện trò với Trần Hoàng hậu, 2 phi tử họ Trương và họ Phương dâng trà.

Chu Hậu Thông thấy 2 bàn tay của các phi tử trắng tréo, tròn tria, làm cho ông ta ngơ ngẩn, sàm sỡ... quên mất cả Hoàng hậu.

Trần Hoàng hậu thấy thế, buồn giận ra mặt, Chu Hậu Thông thấy vậy thì nổi cơn thịnh nộ. Ông đã giận thì Trần Hoàng hậu phải một phen hồn bay phách tán.

Từ đó, Trần Hoàng hậu vừa buồn vừa lo, sinh bệnh mà chết. Trước khi chết, Trần Hoàng hậu muôn gấp mặt cha mẹ, nên nhiều lần thỉnh cầu Chu Hậu Thông nhưng không được.

Phương Hoàng hậu : Sau khi Trần Hoàng hậu chết, Chu Hậu Thông lập Hoàng hậu thứ ba là Phương Hoàng hậu.

• Một hôm, ở nội cung phát hoả, Phương Hoàng hậu ở trong đám lửa kêu cứu vang trời nhưng Chu Hậu Thông vẫn điềm nhiên như không. Phương Hoàng hậu tuy không chết cháy nhưng quá sợ hãi, không lâu cũng qua đời.

5. Chiếm đất đai

Theo sách Thế *Tông thực lục*, từ năm 1523 đến năm 1565, Chu Hậu Thông 20 lần ban thưởng đất đai cho các công chúa, các con cháu, tổng số là 4.826 khoảnh.

Ngoài việc ban thưởng bằng đất đai của Hoàng đế, các quan địa phương cũng đua nhau cướp đất công làm của riêng. Do đó, nhiều nông dân không có ruộng cày, trở thành những lưu dân ngay trên quê hương xứ sở của mình.

6. Tu sửa, xây cất

Khi ở ngôi, Chu Hậu Thông cho tu sửa và xây cất nhiều công trình : Cửu miếu ; các đài Thiên, Địa, Nhật, Nguyệt ; lăng mộ, Cửu trùng pháp cung. Vật liệu để xây dựng được thu gom từ các nơi : gạch ngói ở Sơn Đông, Lâm Thanh, Tô Châu ; đá trắng, đá xanh, đá vân, đá hoa ở Từ Châu và Hà Nam ; gỗ tùng, gỗ bách ở các vùng Hồ Quảng, Xuyên, Quý. Các vật liệu này được vận chuyển bằng đường

bộ và đường thuỷ, xe thuyền đi lại nườm nượp xuôi ngược
để về kinh đô, tháng này qua tháng nọ không dứt. Thợ
thuyền các nơi lũ lượt kéo về.

Trước năm 1528, Bộ hộ hằng năm phải chi ra 130 vạn
lượng bạc. Từ năm 1528 trở đi, mỗi năm chi 241 vạn lượng.
Năm 1549, thu gom thêm các nơi nên xuất ra được 412 vạn
lượng, tất cả tiêu tốn cho việc tu sửa và xây cất.

Để tăng nguồn thu cho kho lâm quốc gia, ngoài việc
tăng thuế Hoàng đế còn cho phép các tù nhân lấy bạc để
chuộc tội. Chưa thấy tài liệu ghi là Chu Hậu Thông thu được
bao nhiêu bạc trong vụ này.

Do thu ít tiêu nhiều, thu không đủ chi, năm 1559 quốc
khố chỉ còn 8000 lượng bạc.

7. Diệt trừ Phật giáo

Chu Hậu Thông ghét đạo Phật đến xương tuỷ, cho
rằng đạo Phật làm tổn thương phong hoá, cần phải bài trừ.

Tháng 3 năm 1522, Chu Hậu Thông ra lệnh phá bỏ
các chùa chiền ở trong và ngoài thành, tịch thu 1.300 lượng
vàng bạc từ những tượng Phật. Lúc ấy, người ta nghi rằng,
Chu Hậu Thông muốn lấy vàng, bạc hơn là trừ đạo Phật !

Nhưng bốn năm sau, Chu Hậu Thông lại ra sức trừ
Phật giáo, những ngôi chùa cổ kính nổi tiếng như Đại Năng
Nhân tự, Đại Từ Ân tự, Thiên Ninh tự... đều bị triệt hạ. Các
miếu các am thờ Phật cũng không được yên.

Những tượng Phật bằng vàng, bằng bạc, đều bị tịch
thu. Cả những gì mà Phật giáo cho rằng quý giá, là ngọc xá

lợi, đầu Phật, xương Phật, răng Phật đều bị thu lại đem đi đốt.

Chu Hậu Thông bắt các ni cô phải đi lấy chồng, phải ném mùi tục luy, không cho tu hành. Tình hình rất căng thẳng, có người nói : Phật có pháp lực vô biên, nếu có tái thế cũng bị Chu Hậu Thông bắt bỏ vào ngục.

8. Thần tiên và thuật trường sinh

Chu Hậu Thông rất ghét Phật giáo nhưng lại rất thích thần tiên và đạo thuật. Ông cho rằng Thái Thượng Lão Quân là chúa cứu thế và phong Thái Thượng Lão Quân làm vị thần của quốc gia.

Hậu Thông sùng bái các phuơng sĩ như Thiệu Nguyên Tiết, Đào Trọng Văn. Nghiêm Tung vốn là viên quan rành việc cúng tiến nên rất được Chu Hậu Thông trọng dụng.

Không biết các phuơng sĩ mê hoặc Chu Hậu Thông thế nào mà Chu Hậu Thông rất chuyên tâm tu hành, mưu cầu trường sinh bất lão đến mức 20 năm không hề lâm triều. Nhiều khi cung nữ, quần thần không biết Hoàng đế ngồi tu luyện ở đâu.

Chu Hậu Thông cho tuyển 300 cô gái 14 tuổi, 160 bé gái từ 10 tuổi trở xuống vào cung, dùng để luyện đan, những cô gái này bị huỷ hoại cả thể xác và tâm hồn.

Các cung nữ rất oán hận Hậu Thông, tháng 10 năm 1542, thừa lúc Chu Hậu Thông ngủ, Dương Kim Anh và 10 cung nữ dùng dải lụa thắt cổ. Nhưng luống cuống thắt nhầm nút nên Chu Hậu Thông không chết. Một cung nữ khác,

thấy vậy liền hô hoán, báo với Hoàng hậu, Hoàng hậu đem Ngự y đến cứu sống. Dương Kim Anh và các cung nữ đều bị giết chết.

9. Mua quan tài trước, can gián sau

Thấy Chu Hậu Thông quá tàn bạo, triều đình hư nát, nhân dân thống khổ, những cuộc khởi nghĩa bùng nổ khắp nơi, Chủ sự Bộ Hộ là Hải Doan đi mua một cái quan tài, sau đó liều chết viết một phong thư dài gửi cho Chu Hậu Thông, đại ý :

“Bệ hạ đang nướng dân ra mõ, dùng vào việc tu sửa xây cất. Ba mươi năm rồi không lâm triều, pháp luật kỉ cương bại hoại đến cực điểm. Bệ Hạ hoài nghi giết chóc, dày đoạ trung thần, để bọn tham quan ô lại tung hoành ngang dọc, trăm họ khổn khổ vô cùng. Dân chúng gọi Bệ Hạ là Gia Tinh (Gia là nhà, Tinh là tận), ý muốn nói gia đình họ đã đến cùng tận, không còn con đường sống.”.

Chúng tôi không có tài liệu, nên không biết Chu Hậu Thông có nhận được thư này hay không ? Và cũng không biết số phận ông quan Chủ sự ấy thế nào ?

Tháng 12, năm 1566, Chu Hậu Thông vì dùng quá nhiều thuốc kim thạch của bọn phuơng sĩ, lục phủ ngũ tạng bị thiêu đốt mà chết.

5

CHU DỰC QUÂN - MINH THẦN TÔNG

Lười lâm triều, giỏi vơ vét.
(Mạnh Sâm)

1. Thầy dạy bậc Đế Vương

Mẹ của Chu Dực Quân* là một cung nữ, chịu nhiều đau khổ nên muốn con trai mình có một tương lai sáng sủa, bèn nhờ cậy Trương Cư Chính làm thầy dạy học cho Thái tử Chu Dực Quân.

Trương Cư Chính rất nghiêm, khuyên Chu Dực Quân chăm học, giao cho đọc nhiều sách vở, dạy về cách trị nước của các minh quân như vua Nghiêng, vua Vũ hoặc noi theo các vị vua tốt đời Minh, ví dụ : *Đế lâm đồ thuyết, Bảo huấn, Sáng nghiệp gian nan, Khuyến tinh đồ trị, Cân học...*

Nếu Chu Dực Quân lơ là không đọc sách, Trương Cư Chính la rầy, đôi khi còn mách mẹ của Chu Dực Quân, khiến Chu Dực Quân cảm thấy bị gò bó, nên bức bối lắm.

2. Tài năng vị thầy

Sau khi Chu Thái hậu bị bệnh chết, Chu Dực Quân (1563 – 1620) lên ngôi lúc đó 10 tuổi. Mọi việc do Hoàng

* Có sách ghi là Chu Hủ Quân.

Thái hậu Trần, Lý Tham chính, Thừa tướng Trương Cơ
Chính lo mọi việc sắp xếp lại triều chính.

Về chính trị, sắp xếp, cắt giảm quan lại.

Về kinh tế, đo đạc lại ruộng đất, khuyến khích khai
khẩn đất đai, trị thuỷ sông Hoàng, sông Chuẩn, ngăn cản
lũ lụt, cắt giảm các khoản chi tiêu không cần thiết của triều
đình. Về quân sự, chấn chỉnh quân đội, biên giới được
phòng thủ an toàn.

Năm 1582, Trương Cư Chính chết, Chu Dực Quân ra
lệnh trong nước tổ chức quốc tang, ban thụy cho Trương Cư
Chính là Văn trung công, sai Cẩm y vệ đưa linh cữu Trương
Cư Chính về an táng tại quê nhà là Giang Lăng. Đây là
vinh dự lớn Chu Dực Quân giành cho thầy dạy học và Thừa
tướng có công với nước.

3. Trò trả ơn thầy

Không lâu sau, những kẻ trước đây vốn không ưa
Trương Cư Chính dâng tấu sớ kể Trương Cư Chính phạm
vào 40 tội. Chu Dực Quân nhận được tấu chương, liền hạ
lệnh điều tra.

Lệnh cho khâm sai bắt 10 tri phủ, tri huyện thân cận
với Trương Cư Chính bỏ vào phòng giam cho đến chết vì
đó. Cho kiểm kê, tịch thu gia sản Trương Cư Chính và 3
người con ở Giang Lăng, gồm : 2400 lượng vàng, 17.700
luong bạc, những đồ bằng vàng là 3.710 lượng, những đồ
trang sức bằng vàng 900 lượng, những đồ bằng bạc 5.200
luong, những đồ bằng ngọc, trân châu, nã não, áo quý cũng
khá nhiều.

Chu Dực Quân lại cho quan chức tra khảo 3 người con trai của Trương Cư Chính ; tra đến khi nào khai hết tài sản mới thôi, thu được thêm 30 vạn lượng bạc.

Con trai trưởng của Trương Cư Chính là Chủ sự Lễ bộ Trương Kính Tu, không chịu nổi sự tra khảo và nhục nhã nên tự thắt cổ chết.

Trước khi thắt cổ, Trương Kính Tu than thở : “*Trời ơi ! Ai biết được lòng người !*”.

Thấy vụ án kinh động cả nước, Nội các và quan Hình Bộ Thượng thư liền tâu với Chu Dực Quân nên gia ân cho mẹ của Trương Cư Chính.

Chu Dực Quân giáng quan Hình bộ Thượng thư xuống làm thứ dân nhưng vẫn để lại 10 khoanh ruộng cho mẹ Trương Cư Chính gọi là để dưỡng già.

Chu Dực Quân tuyên bố Trương Cư Chính phạm vào các tội : chèn ép các thân phiền vương, chiếm đoạt vương mộ phủ đệ, bịt miệng các quan, chuyên quyền loạn chính.

Với tội trạng đó, Chu Dực Quân tước bỏ thụy Văn trung công của Trương Cư Chính, quật mồ lên dùng roi sắt đánh vào thi thể. Hai em và hai con của Trương Cư Chính tuy miễn tội chết nhưng bị sung quân, đày đến vùng sơn lam chướng khí.

4. Ba mươi năm một lần lâm triều chớp nhoáng

Sau khi đã trường trị em, con, tay chân của thầy học, Chu Dực Quân quên luôn chữ nghĩa đã học trong đạo làm Đế Vương của thời thơ ấu ; tin dùng gian thần, lười biếng

việc cai trị. Hằng ngày, Dực Quân ở lì trong thẩm cung, rượu chè yến ẩm, vui chơi với hàng nghìn mĩ nữ. Suốt 30 năm chỉ lâm triều một lần trong chớp mắt. Nguyên nhân là do Chu Dực Quân sủng ái Trịnh Quý Phi, muốn lập con Trịnh Quý Phi là Chu Thường Tuân làm Thái tử.

Nội các Đại học sĩ Thân Thôi Hành, Vương Tính Tước, Vương Gia Bình lại xin lập Chu Thường Lại, vốn là con trưởng, làm Thái tử.

Như đã nói, Chu Dực Quân 30 năm không lâm triều, vì chuyện lập Thái tử, Chu Dực Quân mới lâm triều trong chớp nhoáng. Quần thần nghe nói vua lâm triều, Thừa tướng Phương Tòng Triết và Ngô Đạo Nam lệnh cho bá quan văn võ vào triều nhất loạt quỳ xuống.

Chu Dực Quân ngồi trên ngai vàng hỏi : Con ta là Chu Thường Tuân rất mực hiếu thuận, ta muốn lập làm Thái tử, các ông nghĩ thế nào ?

Hai vị Thừa tướng là Phương Tòng Triết và Ngô Đạo Nam, mỗi ông muốn dùng lí luận này nọ để thưa bẩm tâu trình... bỗng Chu Dực Quân hét lên : “Ra tay !”.

Lập tức một vài vị quan đang đứng bị Cấm y vệ lấy gậy nện ngã lăn ra đất, máu chảy lênh láng. Đánh xong, Cấm y vệ lôi ra ngoài, những người còn sống bị tống vào ngục.

Thừa tướng Ngô Đạo Nam sợ quá, mồm há hốc, mắt lồi ra, ngây như tượng gỗ, vụn vào tay Thừa tướng Phương Tòng Triết, một lúc sau mới hoàn hồn, nhìn lên thì Hoàng đế đã đi vào thẩm cung, nhanh hơn gió thoảng.

5. Quốc loạn và vụ án Đinh kích

Trước đó, quần thần chia làm hai phe, một phe là Triết đảng, do Thẩm Nhất Quán cầm đầu, chiêu ý Hoàng đế; một phe gọi là Đông lâm đảng do Cố Hiến Thành đứng đầu, không theo ý của Hoàng đế.

Hai phe tranh cãi nhau, đấu đá kịch liệt nhiều năm không dứt, cuộc tranh cãi, đấu đá kịch liệt này gọi là **quốc loạn**.

Chu Dực Quân thấy tình hình không thuận, liền lập Chu Thường Lại làm Thái tử. Việc này khiến Trịnh Quý Phi không bằng lòng, cùng với anh là Trịnh Quốc Thái, tìm cách giết Thái tử.

Năm 1615, Trịnh Quốc Thái ra lệnh cho thái giám Bàng Bảo, Lưu Thành phái Trương Sai ám sát Thái tử Chu Thường Lại. Việc ám sát không thành, Chu Dực Quân ém nhém việc này, cho là Trương Sai bị điên, rồi hạ lệnh giết Bàng Bảo, Lưu Thành và Trương Sai. Sử gọi vụ án này là **vụ án Đinh kích**.

6. Chính quyền không có quan lại

Do 30 năm không quan tâm đến việc triều chính, Chu Dực Quân không cần nhận tấu chương, cũng không thèm trả lời. Thừa tướng Lý Đinh Quế 120 lần gửi tấu chương lên nhưng không thấy Hoàng đế hồi âm. Sau đó Thừa tướng Lý Đinh Quế treo ấn từ quan, cũng không thấy Hoàng đế hỏi han một tiếng.

Dưới thời Chu Dực Quân, quan nào ở thì ở, quan nào

về thì về, quan nào sống thì làm, quan nào chết thì thôi, nạn thiếu quan rất trầm trọng.

Năm 1602, ở Nam Kinh và Bắc Kinh, chức Thượng thư thiếu 3 người, quan Khoa đạo thiếu 94 người, Tuần phủ thiếu 3 người ; các quan chức như Bố chính, Án sát thiếu 66 người, Tri phủ thiếu 25 người ; cả nước, Ngự sử tuần hành thiếu 30 người.

Năm 1605, Bố chính, Án sát thiếu 56 người, Tri phủ thiếu 45 người. Năm 1612, Nội các phải có ít nhất 6 người nhưng chỉ có 1 người, Đô sát viện 8 năm không có thêm lấy 1 người ; nửa nước không có quan Tri phủ ; hàng ngàn tân khoa văn võ tiến sĩ, giáo chức, chờ lệnh bổ nhiệm ở kinh đô nhưng không có ai ngó ngàng đến. Năm 1613, ở Bắc Kinh, Nam Kinh quan Thượng thư thiếu 6 người, Thị lang thiếu 40 người, Án sát viện không có Đô Ngự sử, phó Đô Ngự sử thiếu 5 người... Tổng đốc, Tuần phủ thiếu 4 người.

Năm 1617, đã xảy ra một chuyện rất kì lạ, có 100 người thân quyến của các phạm nhân ở Trường An, đến quỳ trước cửa nha môn, khóc gào : “*Nha môn không có quan chủ sự, thế thì lấy ai phán xử cho thân nhân chúng tôi, chắc thân nhân chúng tôi sẽ chết già trong ngực !*”.

7. Thuế khoáng

Tuy Chu Dực Quân rất lười biếng trong việc nước nhưng rất chú ý trong việc tu sửa Càn Thanh cung và Khôn Ninh cung. Để có tiền tu sửa hai cung này, Chu Dực Quân cho rằng : “*Không nên hao phí tiền của nhân dân, nhưng nhiều các địa phương mà nên thu thuế khoáng.*”. Theo đó

những người làm nghề khai thác mỏ phải đóng thuế quặng và đóng thuế làm các nghề thủ công nghiệp khác.

Chu Dực Quân giao cho những người thân tín đi khai quặng và thu thuế khoáng, 3 cận thần tin cậy là Trần Tăng, Trần Phụng và Cao Hoài đã được cử đi

Trần Tăng thao túng ở vùng Sơn Đông 4 năm. Trần Tăng đã lạm dụng việc thu thuế khoáng để thu lợi cho bản thân. Sử sách ghi lại tội ác滔天 của Trần Tăng : phá hoại hàng ngàn gia đình, giết người không cần nguyên cớ ; gièm pha hâm hại các quan địa phương ; nhập vào kho được 29.600 vạn lượng bạc. Theo ước tính của các nhà nghiên cứu thì những gì Trần Tăng cướp bóc, tịch thu được còn gấp nhiều lần con số trên.

Trần Phụng, được Chu Dực Quân chỉ định đến vùng Hồ Quảng. Trần Phụng không từ thủ đoạn nào như đốt nhà, mổ bụng phụ nữ có mang, dìm trẻ xuống nước, gian dâm... Trong vòng 2 năm, Trần Phụng đã thu và nhập vào kho được 15 vạn lượng bạc.

Cao Hoài tung hoành ở cõi Liêu Đông 36 tháng, vơ vét mọi thứ có thể, đến nỗi quân đội vùng Liêu Đông nhiều năm không nhận được lương, do tướng lĩnh bớt xén để dâng cho Cao Hoài. Nhân danh thuế khoáng, Cao Hoài đã làm cho các quan Tổng binh, Tuần phủ, Tuần án, kẻ bị chết, kẻ bị tù, không kể hết.

Dân chúng Liêu Đông, nhiều người phải chạy đi chố khác sinh sống, không chạy thì chết không chết thì bần hàn đeo đuổi suốt đời. Cao Hoài như cái thùng không đáy, bao nhiêu của cải cũng không vừa. vì thế dân chúng có câu ca :

*Người Liêu (Đông) không có não
Vì Hoài đã đục bỏ.
Người Liêu (Đông) không có tuỷ
Vì Hoài đã hút hết.*

Sách **Thần Tông thực lục**, ghi đại ý về chế độ thuế khoáng : bọn tay chân, tai mắt của Chu Dực Quân, dựa vào thánh chỉ, chúng lùng sục khắp nơi, từ nông thôn đến thành thị... chúng hút máu, tuỷ của dân chúng, biết bao nhiêu là con côi, biết bao nhiêu quả phụ ; mọi người không còn chút gì để sinh sống, người người khó giữ được tính mạng của mình.

Số bạc thu từ thuế quặng được dùng vào việc tu sửa Càn Thanh cung, Khôn Ninh cung và vào việc tiêu pha của Chu Dực Quân.

Tất nhiên, bọn Trần Tăng, Trần Phụng, Cao Hoài và những tay chân tai mắt khác, khi vơ vét cũng kiểm chác khá nhiều, trước khi nộp cho Chu Dực Quân.

Nạn thuế khoáng kéo dài 18 năm, là 18 năm đầy khổ nạn của nhân dân Trung Hoa.

8. Biên cương không còn an toàn

Trong khi Chu Dực Quân an nhàn trong vỏ bọc của nhung lụa nơi hậu cung thì những cuộc nổi dậy bùng nổ khắp nơi : dân tộc Mãn vùng Bắc ; Nhĩ Nổ Hợp Xích (Nurkhachi) sáng lập chính quyền Hậu Kim, chính thức chống lại nhà Minh.

Năm 1619, tại núi Sa Nhĩ Hử (Liêu Ninh), quân đội nhà Minh bị thua Nhĩ Nổ Hợp Xích một cách thảm hại.

Nguyên nhân của những cuộc nổi dậy này là do tay chân của Chu Dực Quân cướp bóc thu thuế một cách điên cuồng. Dân chúng khổn khổ lâm than. Trong khi đó, Chu Dực Quân ham hưởng lạc, chẳng hề ngó ngàng đến việc nước.

9. Những căn bệnh của Đế Vương

Năm 1620, Chu Dực Quân bị bệnh dai dẳng, quan Đại lí tự Tả bình sự Lạc Vu Nhân, chích máu viết một bản tấu nổi tiếng, trong đó có đoạn : “*Hoàng thượng chỉ bệnh xoàng thoi là : bệnh rượu, bệnh sắc, bệnh tài, bệnh khí (háo thăng, nghi ngờ).*”.

Thượng thư Trương Dưỡng Mông cũng viết 4 loại bệnh của Chu Dực Quân : một là nhàn ; hai là nghi kị ; ba là háo thăng ; bốn là thích của cải, vàng bạc.

Nói chung, Chu Dực Quân có đủ các bệnh : ham rượu, ham gái, ham của cải, nhàn nhã (lười biếng), nghi ngờ, háo thăng, từng ấy bệnh thì không thể một sớm một chiều mà thay đổi. Tháng 7 năm 1620, Chu Dực Quân bệnh nặng, băng hà lúc 58 tuổi

6

CHU DO KIỂM – MINH TƯ TÔNG

Ta chết, không dám gặp mặt tổ tiên.
(Minh Tư Tông)

Chu Do Hiệu, Hoàng đế thứ 16 nhà Minh trong lúc đi thuyền chơi Tây Uyển ngã xuống nước, tuy cứu được nhưng từ đó mang bệnh, uống thuốc tiên cũng không khỏi, vài tháng sau thì băng hà (1627). Di mệnh cho em là Chu Do Kiểm kế vị ngai vàng (1627 – 1644).

Chu Do Kiểm lên ngôi lập tức xử tử Khách Thị, nhũ mẫu của Chu Do Hiệu, từng được phong Phụng thánh phu nhân. (Chu Do Kiểm) buộc sủng thần của Chu Do Hiệu là Nguy Trung Hiền phải tự sát, phá bỏ đền thờ sống của Nguy Trung Hiền, xử tử cháu Nguy Trung Hiền là Nguy Lương Khanh và những người thân cận của Nguy Trung Hiền, giải tán các hoạn quan. Những người bị Nguy Trung Hiền bắt trước đó đều được truy cứu, minh oan và phục chức.

Mặc dù Chu Do Kiểm ra sức dẹp đảng Nguy Trung Hiền nhưng thói tệ trong triều vẫn khó sửa, các quan trong triều vẫn tiếp tục chia thành phe phái đấu đá nhau. Phe các hoạn quan vẫn chuyên quyền ; Những cuộc nổi dậy của nông dân ngày càng rộng. Nhà Hậu Kim (nhà Mãn Thanh) liên tục đánh bại và xiết chặt vòng vây quân Minh.

Tính cách Chu Do Kiểm lại bướng bỉnh, liên tục tự ý thay đổi trọng thần, có lúc bắt bớ 50 người. Trong những sai lầm của Chu Do Kiểm thì sai lầm nghiêm trọng nhất là

mắc phải kế phản gián của quân Kim, đã giết chết tướng tài là Vương Sùng Hoán.

Sự thê là, tướng Vương Sùng Hoán trấn giữ Liêu Đông, năm 1626, ông đã từng đánh bại 13 vạn kị binh của Nhĩ Nổ Hợp Xích khiến Nhĩ Nổ Hợp Xích bị thương, ôm hận rút lui. Cũng vào tháng 8 năm đó, Nhĩ Nổ Hợp Xích bị vết thương tái phát mà chết. Hoàng Thái Cực lên kế vị sự nghiệp của Nhĩ Nổ Hợp Xích, lãnh đạo quân Mãn Thanh chống lại nhà Minh. Hoàng Thái Cực sẽ trả thù cho Nhĩ Nổ Hợp Xích.

Ngày 27 tháng 10 năm 1628, Hoàng Thái Cực đem 10 vạn tinh binh vây hãm Tuân Hoá. Ngày 27 tháng 11, Vương Sùng Hoán tức tốc đem quân đến Kinh Châu cứu viện.

Hoàng Thái Cực sợ phải gặp quân Vương Sùng Hoán ở Kinh Châu liền đổi hướng tiến công Bắc Kinh. Vương Sùng Hoán lại tức tốc đem 5 vạn binh kị ngày đêm về giải cứu Bắc Kinh, trong 2 ngày đêm đi liền 300 dặm.

Quân Hoàng Thái Cực được tin Vương Sùng Hoán đã có mặt ở chiến trường gần Bắc Kinh, ai nấy đều sợ hãi.

Lúc đó, Vương Sùng Hoán có 9 ngàn binh mã, quân Thanh có 10 vạn người – tức là quân Vương Sùng Hoán một phải chọi 10. Trong 20 ngày, Vương Sùng Hoán đã đẩy lui được quân Thanh. Vương Sùng Hoán thắng trận nhưng không đuổi theo quân Hoàng Thái Cực mà ở lại để bảo vệ Bắc Kinh và lăng miếu.

Hoàng Thái Cực biết không diệt Vương Sùng Hoán thì rất khó thanh toán nhà Minh nên tìm cách li gián Vương Sùng Hoán với Chu Do Kiểm.

1. Cái chết của một tướng tài

Hoàng Thái Cực đã bí mật dùng kế li gián, kết quả là Chu Do Kiểm ra lệnh bắt Vương Sùng Hoán tống giam vào ngục. Vương Sùng Hoán bị kết tội thông đồng với quân địch. Theo lập luận của Chu Do Kiểm thì sau 20 ngày chiến đấu không phải là Vương Sùng Hoán đánh bại quân địch mà quân địch tự ý thoái lui. Vì thế Vương Sùng Hoán đã không đem quân truy đuổi quân địch.

Dân chúng chẳng biết đầu đuôi sự việc mà chỉ được nghe Vương Sùng Hoán là tên thông đồng với địch, phản quốc nên ai nấy đều căm giận.

Có sách ghi về cuộc hành hình Vương Sùng Hoán : ông bị trói giải đi khấp 4 chợ, bị lóc từng miếng thịt, dân chúng giành từng miếng thịt để ăn sống ; người không xà xéo được thì bỏ tiền ra mua để nhai. Lúc thịt hết, người ta tính đến bộ lòng, cắt xéo từng miếng nướng lên uống rượu, xương cốt của Vương Sùng Hoán bị đập nhừ nát. Sau khi chỉ còn cái đầu, người ta đem đi diễu khấp nơi.

Binh bộ Thượng thư Từ Đại Thành, bạn thân của Vương Sùng Hoán thì thở than, ca ngợi sự tận tuy của Vương Sùng Hoán : bao năm chinh chiến, 10 năm trở lại đây, cha mẹ không gặp được mặt con, vợ không thấy được mặt chồng, thủ túc không thấy mặt anh em, bạn hữu không gặp được nhau.

Trước khi bị hành hình, Vương Sùng Hoán ngâm mấy câu thơ bi tráng, đại ý :

*Tử hậu bất sâu vô dung tướng
Trung phách ỷ quy bảo Liêu Đông.*

(Chết có buồn chi !
đời sau nhiều dũng tướng
Hồn trung ta về giữ đất Liêu Đông.)

Sau khi Vương Sùng Hoán bị hành hình, Chu Do Kiểm bắt vợ con Vương Sùng Hoán đi đày cách 3.000 dặm.

2. Cái chết của gia đình Đế Vương

Tháng 3 năm 1644, Lý Tự Thành dẫn quân bao vây Bắc Kinh. Ngày 18 tháng đó, Chu Do Kiểm và Thái giám Vương Thừa Ân ra Huyền Vũ môn, trèo lên Môi Sơn nhìn thấy ngoài thành lửa sáng, voi vàng quay về Càn Thanh cung. Đêm ấy, Chu Do Kiểm lệnh cho Chu Hoàng hậu, Trương Hoàng hậu, Viên Quý Phi tự sát và giết các phi tần.

Chu Do Kiểm gọi Công chúa Lạc An, mới 15 tuổi, than thở với con : Sao con lại đầu thai vào gia đình Đế Vương hỡi con ! Than thở xong, rút kiếm giết chết Công chúa.

Sáng ngày 19, tướng chỉ huy quân Thanh là Lý Tự Thành dẫn quân công phá nội thành. Chu Do Kiểm và Vương Thừa Ân tự vẫn ở Môi Sơn. Nhà Minh diệt vong từ đó.

Chương mười

NHÀ THANH – TIÊU DIỆT TỪ THỂ XÁC ĐẾN TINH THẦN

Theo sử liệu, có 3 thuyết về niên đại và thế thứ các vị Hoàng đế của nhà Thanh :

Thuyết thứ nhất, Nhĩ Nổ Hợp Xích (*Nurkhachi*), sáng lập ra Hậu Kim (1616), tiền thân của nhà Thanh, đến khi nhà Thanh bị diệt vong (1911), tổng cộng 296 năm, 12 Hoàng đế trị vì.

Thuyết thứ hai, tính từ Hoàng Thái Cực đổi tên nước Hậu Kim thành Mãn Thanh (1636), đến khi Mãn Thanh bị diệt vong, tổng cộng 267 năm, 11 đời Hoàng đế.

Ý tưởng, đổi tên Hạ Kim thành Thanh vì Minh là hoả (lửa), nhà Thanh là thuỷ (nước), nước lửa không dung nhau, tức là nhà Thanh không đội chung trời với nhà Minh.

Thuyết thứ ba, tính từ Hoàng Thái Cực chiếm được Bắc Kinh (1644) đến khi nhà Thanh bị diệt vong, tổng cộng 268 năm, truyền ngôi được 11 đời.

Các nhà sử học cho rằng triều Thanh có 3 bạo chúa là Nhĩ Nổ Hợp Xích (*Nurkhachi*), Ung Chính và Càn Long.

1

NHĨ NỔ HỢP XÍCH – THANH THÁI TỔ

Nhĩ Nổ Hợp Xích (Nurkhachi) xuất thân từ một gia đình quý tộc Kiến Châu Nữ Chân. Ông nội của Nhĩ Nổ Hợp Xích là Giác Xương An, cha là Đáp Khắc Thế, được nhà Minh phong làm Tả Vệ Kiến Châu.

Thuở nhỏ, Nhĩ Nổ Hợp Xích đã học cưỡi ngựa, bắn tên và luyện tập võ nghệ, lúc lên 10 tuổi thì mẹ mất. Người mẹ kế đối xử với Nhĩ Nổ Hợp Xích không tốt, cha lại tin người mẹ kế, nên Nhĩ Nổ Hợp Xích phải xa nhà sống tự lập. Ngày ngày Nhĩ Nổ Hợp Xích cùng với các bạn lên rừng săn bắn, đào củ nhân sâm, hái quả tùng. Nhĩ Nổ Hợp Xích đem những gì kiếm được xuống Phủ Châu để bán lấy tiền đỗ nhật.

Phủ Châu là nơi náo nhiệt, tập trung trao đổi những đồ bằng sắt, gạo, muối, vải vóc giữa người Hán và người Nữ Chân. Nhờ vậy, Nhĩ Nổ Hợp Xích được tiếp xúc với văn hoá của người Hán. Nhĩ Nổ Hợp Xích được tiếp cận những tác phẩm văn học nổi tiếng của người Hán như *Thuỷ hử*, *Tam quốc chí*...

Sử sách miêu tả, thời trẻ Nhĩ Nổ Hợp Xích cao tám thước, trí tuệ hơn người, làm lính dưới quyền của Tổng binh Lý Thành Lương ở Liêu Đông (*dưới triều Minh*), Nhĩ Nổ Hợp Xích rất thiện chiến.

Năm 1583, Nhĩ Nổ Hợp Xích 25 tuổi, được nhà Minh bổ nhiệm Tả vệ đô chỉ huy sứ Kiến Châu.

Bấy giờ, Tổng binh nhà Minh là Lý Thành Lương muốn gây mâu thuẫn giữa các bộ lạc Nữ Chân để dễ bề cai trị, liền dẫn quân Thanh và quân Nhĩ Thập Ngoại Lan (*chủ thành Thổ Luân*) tấn công A Thai (*chủ thành Cổ Càn Trại*) vốn là em rể của Nhĩ Nổ Hợp Xích.

Cùng lúc, Giác Xương An (*ông nội của Nhĩ Nổ Hợp Xích*), Đáp Khắc Thế (*cha của Nhĩ Nổ Hợp Xích*), cùng đến Cổ Càn Trại thăm em gái của Nhĩ Nổ Hợp Xích. Hai người (*ông và cha của Nhĩ Nổ Hợp Xích*) đã chết trong trận hỗn chiến giữa quân Thanh, quân Nhĩ Thập Ngoại Lan với quân A Thai. Nhĩ Nổ Hợp Xích nghe tin ông nội và cha đã chết thì rất thương cảm, khóc lóc thảm thiết. Nhĩ Nổ Hợp Xích cho rằng Nhĩ Thập Ngoại Lan đã giết ông nội và cha của mình. Nhĩ Nổ Hợp Xích đến quỳ trước các quan nhà Minh xin đừng ủng hộ cho Nhĩ Thập Ngoại Lan. Phá được liên minh giữa quân Minh với Nhĩ Thập Ngoại Lan xong, Nhĩ Nổ Hợp Xích huy động binh lính tiến đánh Nhĩ Thập Ngoại Lan. Nhĩ Thập Ngoại Lan không phải là đối thủ của Nhĩ Nổ Hợp Xích nên bỏ chạy. Nhĩ Nổ Hợp Xích chiếm thành Thổ Luân xong, đuổi theo Nhĩ Thập Ngoại Lan. Nhĩ Thập Ngoại Lan chạy đến vùng Ngạc Cầm Hỗn cầu cứu quân nhà Minh che chở. Quan binh nhà Minh sợ xảy ra chiến tranh, phải giao Nhĩ Thập Ngoại Lan cho Nhĩ Nổ Hợp Xích.

Sau khi Nhĩ Nổ Hợp Xích diệt được Nhĩ Thập Ngoại Lan thì thanh thế càng thêm mạnh. Chỉ vài năm sau, ông đã thống nhất được Kiến Châu Nữ Chân, khiến cho các bộ lạc khác phải lo lắng.

Năm 1593, Diệp Xích Bộ liên minh với Nữ Chân và Mông Cổ cả thảy 9 bộ lạc tổng cộng 3 vạn quân, chia làm 3 cánh tiến đánh Nhĩ Nổ Hợp Xích.

Ngày thứ nhất, Nhĩ Nổ Hợp Xích được tin liên minh tấn công bèn ra lệnh cho tinh binh mai phục, sắp xếp gỗ đá ở trên Cổ Cần sơn còn mình thì nằm trên phiến đá ngủ một cách ngon lành. Người vợ của Nhĩ Nổ Hợp Xích thấy thế liền lay dậy, nói : “*Chín bộ lạc đang hùng hổ tấn công ồ ạt, mà ông nằm ngủ là có làm sao ?*”.

Nhĩ Nổ Hợp Xích vừa cười, vừa nói : “*Ta sợ thì ta đã không ngủ.*”.

Ngày thứ hai, quân về báo, quân địch rất đông, ai nấy đều lo sợ. Nhĩ Nổ Hợp Xích trấn an : “*Sợ gì chứ, ta đang ở địa hình thuận lợi, giặc đông mà ô hợp thì làm nên trò trống gì ? Chỉ cần giết một, hai tên đầu sỏ là xong ngay.*”.

Quân liên minh đến dưới Cổ Cần sơn, đầu lịnh Diệp Hách Bộ đem một trăm kị binh khiêu chiến, bỗng gỗ đá trên núi rơi ào xuống, Đầu lịnh Diệp Hách Bộ ngã ngựa, quân Kiến Châu ùa đến chém giết. Đầu lịnh Diệp Hách gượng dậy, vội chụp lấy con ngựa bỏ chạy thoát thân. Các đầu mục khác thấy thế cũng chạy luôn. Liên quân như rắn mất đầu chạy tháo thân. Quân Nhĩ Nổ Hợp Xích thừa thắng đuổi theo chém giết.

1. Con đường tranh giành quyền lực

Giết em : Năm 1595, phó tướng Thư Nhĩ Hợp Tề là em ruột của Nhĩ Nổ Hợp Xích, giữa hai anh em xảy ra xích mích về quyền lực.

Năm 1607, Nhĩ Nổ Hợp Xích tổ chức tiệc rượu mời Thư Nhĩ Hợp Tề đến, nhân đó mai phục bắt giam Thư Nhĩ Hợp Tề. Năm 1609, Nhĩ Nổ Hợp Xích tịch thu hết gia sản, giết hết con cái và thiêu hết các tướng tá, tay chân của Thư Nhĩ Hợp Tề. Thư Nhĩ Hợp Tề chết tháng 8 năm 1611.

Người em thứ hai của Nhĩ Nổ Hợp Xích có tên là Bì, Nhĩ Nổ Hợp Xích cũng mời đến dự tiệc rồi chém ngang lưng.

Giết con trai trưởng : Thư Nhĩ Hợp Tề và Bì chết, một phần quyền lực lại tập trung vào Trử Anh, con trai lớn của Nhĩ Nổ Hợp Xích. Trử Anh tuổi còn trẻ, tính tình nóng nảy, gấp gáp, lại hẹp hòi, nông cạn nên Nhĩ Nổ Hợp Xích không bằng lòng lắm. Năm 1613, Nhĩ Nổ Hợp Xích bắt Trử Anh giam vào bốn bức tường cao. Hai năm sau, Nhĩ Nổ Hợp Xích hạ lệnh giết Trử Anh.

2. Chinh phục các dân tộc

Như đã nói, trong vòng 6 năm (1583 – 1589), Nhĩ Nổ Hợp Xích đã thống nhất năm bộ lạc vùng Kiến Châu, được nhà Minh thăng làm Tả vệ đô Chỉ huy sứ, Long hổ Tướng quân.

Trải qua 30 năm, Nhĩ Nổ Hợp Xích đã chinh phục và thống nhất được các bộ lạc Nữ Chân, xây dựng được quân đội dân tộc Mãn gọi là Bát kì, hợp nhất giữa binh và nông. Tiếp đó, Nhĩ Nổ Hợp Xích mở các chiến dịch chinh phục các dì tộc rất dã man, có chiến dịch giết ba ngàn quân địch, có chiến dịch giết một ngàn người, có lần quyết chiến cả vạn người.

Nhĩ Nổ Hợp Xích công phá thành Diệp Hách đốt phá lan ra ngoài đến 10 dặm, giết hết lính và dân Diệp Hách. Khi công phá Ô Lạp thành bắt làm tù binh cả vạn nhà. Trong quá trình chinh phục Nữ Chân, quân của Nhĩ Nổ Hợp Xích đến vùng nào thì dân cư vùng đó bị chặt chân tay, xéo tai, xéo mũi xâu lại thành chuỗi, cứ mỗi xâu là tai, mũi của 99 người.

Năm 1616, sau khi đã chinh phục được các bộ lạc Nữ Chân, Nhĩ Nổ Hợp Xích lên ngôi Đại hãn, sáng lập nhà Hậu Kim, dòm ngó nhà Minh như hổ chực rình mồi.

3. Chiêu hàng tướng nhà Minh – Lý Vĩnh Phương

Năm 1618, thế lực đã mạnh, Nhĩ Nổ Hợp Xích chiêu tập các đầu lĩnh Bát kì, tuyên bố với họ rằng, nhà Minh là kẻ thù với bảy mươi hận lớn, trong đó có mươi hận là đã giết ông và cha của Nhĩ Nổ Hợp Xích.

Nhĩ Nổ Hợp Xích tuyên bố xong, xuất 2 vạn quân mã Bát kì tiến công Phủ Thuận. Trước khi tấn công, Nhĩ Nổ Hợp Xích gửi thư cho tướng thủ thành là Lý Vĩnh Phương, kêu gọi đầu hàng. Lý Vĩnh Phương thấy quân Kim thế mạnh như cọp beo, mở cửa thành ra hàng.

Quân Nhĩ Nổ Hợp Xích vào thành, đi khắp nơi bắt hơn 30 vạn gia súc, chở tất cả những chiến lợi phẩm về thành Xích Đồ A Lạp.

4. Trận chiến Tác Nhĩ Hử

Nghe tin Lý Vĩnh Phương đầu hàng, Phủ Thuận đã thất thủ, Minh Thần Tông nổi trận lôi đình, tức tốc hạ chỉ

sai Kinh lược sứ Liêu Đông là Dương Cảo cất quân đánh Kim. Dương Cảo tập trung 10 vạn binh mã, chia làm 4 cánh, các tướng chỉ huy như sau : Tổng binh Sơn Hải quan Đỗ Tùng chỉ huy trung lộ cánh trái. Tổng binh Liêu Ninh Lý Như Bá chỉ huy trung lộ cánh phải. Tổng binh Khai Nguyên Mã Lâm chỉ huy cánh Bắc. Tổng binh Liêu Dương Lưu Đỉnh chỉ huy cánh Nam. Riêng Dương Cảo chỉ huy ở Trầm Dương. Quân Minh khuyếch trương thanh thế, từ 10 vạn nói quá lên 40 vạn.

Lúc ấy, quân Bát kì của Nhĩ Nổ Hợp Xích chỉ có 6 vạn, các tướng tá của Nhĩ Nổ Hợp Xích nghe nói quân Minh đông đến 40 vạn, ai ấy đều lo lắng. Nhĩ Nổ Hợp Xích nói với các tướng : “*Đừng sợ ! Quân Minh chia nhiều lộ, quân ta tập trung vào một lộ ứng chiến.*”.

Nhĩ Nổ Hợp Xích nghe quân thám mã về báo, cánh quân Đỗ Tùng chỉ huy trung lộ cánh trái sẽ đến, Nhĩ Nổ Hợp Xích liền tập trung toàn bộ quân, sẵn sàng nghênh đón Đỗ Tùng.

Thắng Đỗ Tùng : Lúc ấy đúng vào mùa tuyết lớn, khí hậu rất khắc nghiệt, quân Đỗ Tùng rất vất vả. Đỗ Tùng lại chia quân làm 2 cánh : một cánh tiến công thành Giới Phiên, một cánh tiến đánh Tát Nhĩ Hử.

Nhĩ Nổ Hợp Xích thấy quân Đỗ Tùng bị phân tán, liền bỏ thành Giới Phiên, tập trung toàn lực đánh bọc hậu đại bản doanh của Đỗ Tùng. Đỗ Tùng chỉ lưu lại ở bản doanh hậu quân, phần nhiều là quân đau yếu, bệnh tật, nay gặp quân Kim mạnh như hổ dữ, không mấy chốc bị đánh tan tác.

Đánh tan quân trong đại bản doanh của Đỗ Tùng, Nhĩ Nổ Hợp Xích quay lại cứu thành Giới Phiên. Đỗ Tùng đang công phá thành Giới Phiên, được tin hậu quân đã tan tành thì hoang mang cực độ.

Không lâu, quân Nhĩ Nổ Hợp Xích kéo tới, quân Kim trong đánh ra, ngoài đánh vào, vây tròn quân Đỗ Tùng vào giữa. Đỗ Tùng đại bại, máu chảy thành sông, thây chất đầy đất. Đỗ Tùng cố sức đánh mở đường máu nhưng trong rừng tên loạn xạ, Đỗ Tùng bị trúng tên, ngã ngựa và bị giết chết. Cánh quân Đỗ Tùng hoàn toàn tan vỡ.

Khai Nguyên Mã Lâm chỉ huy cánh phía Bắc đang trên đường tiến quân đến địa phận Hách Đô A Lạp. Khai Nguyên Mã Lâm được tin Đỗ Tùng tan vỡ, liền hạ trại dựa vào núi để phòng thủ.

Nhĩ Nổ Hợp Xích dùng chiến thuật tập trung quân tấn công Khai Nguyên Mã Lâm. Rốt cuộc cánh quân Khai Nguyên Mã Lâm đại bại.

Dương Cảo nghe 2 cánh quân đều thất bại, liền ra lệnh cho Lý Như Bá, cánh phải, triệt thoái ngay lập tức. Lý Như Bá vốn là kẻ nhát gan, trước đó thận trọng tiến quân từ từ, nay nghe vậy sướng quá lui binh tức khắc.

Cánh Nam do Lưu Đỉnh chỉ huy, là người có sức mạnh phi thường, múa cây đại đao 120 cân nhanh như gió cuốn, nên có tên là Lưu Đại Đao. Quân đội của Lưu Đỉnh kỉ luật rất nghiêm, được huấn luyện kĩ càng, trong quân lại có nhiều thuốc nổ.

Thấy tướng đối phương dũng mãnh, quân đối phương mạnh quá, Nhĩ Nổ Hợp Xích nghĩ ra một kế, bắt một số

hàng binh nguyên là quân của Đỗ Tùng, đem thư giả đến cho Lưu Đỉnh, trong thư nói quân Minh đang trên đà chiến thắng, Lưu Đỉnh phải nhanh chóng đem quân đến, cùng tiến công thành Xích Đồ A Lạp là xong.

Lưu Đỉnh sợ Đỗ Tùng đến trước, hạ được thành Xích Đồ A Lạp sẽ lập công đầu, liền tức tốc tiến quân. Quân Lưu Đỉnh vừa đến một vùng núi cao, đường hẹp, nhiều khe sâu, đang đi bỗng nghe bốn bên có tiếng hô vang trời, quân Nhĩ Nổ Hợp Xích từ trong khe núi tràn ra, bốn phương tám hướng tấn công quân Lưu Đỉnh.

Hàng binh của Nhĩ Nổ Hợp Xích, vốn là quân của Đỗ Tùng cũng quay đầu trở lại đánh quân Lưu Đỉnh.

Lưu Đỉnh không biết quân mình tên nào thật, tên nào giả, tiến thoái lưỡng nan, liền rút đại dao tả xung hữu đột phá vòng vây. Nhưng quân Kim trùng trùng, lớp lớp, chém không xuể, Lưu Đỉnh bị thương nặng, ngã ngựa chết.

Dương Cảo phụng mệnh đánh Kim thất bại, 10 vạn quân chỉ còn một nửa, văn thần võ tướng chết hơn 300 người, nhà Minh bị tổn thất nặng nề, khó gượng lên được.

5. Xâm chiếm nhà Minh

Từ khi nhà Minh suy yếu, quân Kim thừa cơ xâm chiếm : trong quá trình xâm chiếm, Nhĩ Nổ Hợp Xích đã thiêu rụi cả thành Quảng Ninh, thu hết lương thực, binh khí, thuốc nổ, ngựa trâu, vải vóc. Dân chúng ở Hà Đông bồng bế nhau chạy trốn, làng mạc nhà cửa hoang phế, sáng không có lửa, chiều không có khói.

Nhĩ Nổ Hợp Xích đã nô dịch người Hán ở vùng chiếm đóng bằng nhiều hình thức :

1. Cạo đầu tết đuôi sam, gọi là thế phát lệnh.
2. Bắt người Hán phải di dân đến nơi khác sinh sống.
Khoanh ruộng đất của người Hán cho người Mãn, gọi là khoanh điền.
3. Bắt người Hán kê khai lương thực.
4. Người Hán phải làm nô lệ cho quý tộc người Mãn, gọi là đầu sung pháp.
5. Bắt người Hán lao dịch và săn sàng giết chết những người chạy trốn hoặc vùng dậy phản kháng.

Cạo đầu : Nhĩ Nổ Hợp Xích đã nhất loạt bắt đàn ông người Hán cạo đầu, tết đuôi sam. Mục đích của việc này là Nhĩ Nổ Hợp Xích muốn người Hán phải theo phong tục người Mãn. Người nào không chịu cạo đầu, tết đuôi sam bị coi là kẻ chống lệnh thì sẽ bị giết, vợ con của họ bị bắt đi lưu đày.

Người Hán cho rằng, cạo đầu là xúc phạm sự tôn nghiêm, là hàng giặc, nên nhiều đàn ông người Hán đã tự tử, có nơi cả nhà cùng chết. Quân lính nhà Minh bị bắt làm tù binh tranh nhau tự tử chứ không chịu cạo đầu tết tóc.

Di dân : Nhĩ Nổ Hợp Xích chiếm vùng Liêu Đông, sợ người Hán phản loạn, không cho người Hán chế tạo, mua bán hoặc mang vũ khí như cung tên, dao, kiếm. Nhĩ Nổ Hợp Xích còn bắt người Hán phải di dân nhiều lần, phía Tây từ sông Đại Lăng đến phía Đông là sông Lục. Phía Nam từ Kim Châu đến sông Bồ, Hà Tây đến di trú ở Hà Đông.

Ngày hôm trước hạ lệnh, ngày hôm sau người Hán phải ra khỏi nhà, người Hán nào không chịu đi thì giết chết, có lần giết 300 ngàn người.

Dưới những chính sách cai trị của người Mãn, tại nhiều nơi người Hán không còn nhà để ở, không ruộng để cày cấy, người người chết đói chết khát.

Khai lương thực : Để giải quyết vấn đề lương thực, Nhĩ Nổ Hợp Xích bắt người Hán kê khai lương thực và quy định : cứ mỗi miệng ăn được 3 – 4 thăng lương thực. Nhà ai bình quân mỗi miệng ăn có 5 thăng lương thực thì phải nuôi thêm gia súc. Người nào không có lương thực sẽ được cung cấp. Nhưng thực tế những người không có lương thực đến để nhận lương thực, không những không được cung cấp lương thực, mà còn bị kẻ thừa hành của Nhĩ Nổ Hợp Xích giết chết.

Chế độ lao dịch : Nhĩ Nổ Hợp Xích bắt dân Hán lao dịch đủ điều như sửa thành quách, làm muối, vận chuyển, cày bừa. Dân Hán bị lao dịch quá cực khổ, nhiều người không thiết sống nữa, đôi khi đã chạy trốn hoặc vùng dậy phản kháng. Nhĩ Nổ Hợp Xích ra lệnh giết hết những người chạy trốn bị bắt lại và những người vùng dậy chống đối.

Năm 1623, dân vùng Hạ Châu nổi dậy, Nhĩ Nổ Hợp Xích giết hết toàn bộ đàn ông, bắt hết phụ nữ và trẻ em làm nô lệ.

6. Cái chết của Nhĩ Nổ Hợp Xích

Năm 1626, Nhĩ Nổ Hợp Xích dẫn 13 vạn kị binh tấn công vào Ninh Viễn (Liêu Ninh) muốn tiến sâu vào lãnh thổ nhà Minh. Nhưng gặp phải sự chống trả quyết liệt của tướng nhà Minh là Vương Sùng Hoán. Nhĩ Nổ Hợp Xích bị thương nặng, quân đội thất bại, đành phải lui quân. Tháng 8, năm ấy, vết thương tái phát, Nhĩ Nổ Hợp Xích chết, thọ 69 tuổi.

2

DẬN CHÂN – THANH THẾ TÔNG

*Âm mưu hại cha, ức hiếp mẹ,
giết anh em, say rượu, giết trung thần.
(Tăng Tinh)*

Tháng 11 năm 1722, Khang Hi băng hà, Lý Phiên Viện Thượng thư kiêm Bộ Quân, thống lĩnh Long Khoa Đa và Tướng quân Niên Canh Nghiêu tuyên bố di mệnh lập Dận Chân kế vị (con thứ tư của Khang Hi) gọi là Thế Tông – Ung Chính Hoàng đế (1722 – 1735).

Theo *Minh – Thanh sử giảng nghĩa*, Mạnh Sâm cho rằng : Từ xưa đến nay không có vị vua nào cần mẫn, chăm lo việc nước như Thế Tông, anh minh ít ai sánh được. Thế Tông chính đốn kỉ cương, thông biến, thích nghi với

dân chúng ở những nơi dân chúng khổ sở, không đâu là không biết.

1. Mười tội trạng

Tăng Tinh cho rằng Dận Chân là bạo chúa, với 10 tội lớn ám mưu giết cha, áp bức mẹ, sát anh, giết các em, tham tài, thích giết người, nát rượu, hoang dâm háo sắc, diệt trung thần, dùng bọn xu nịnh.

Cũng có người cho rằng, trong 10 tội thì có tội trạng chưa có chứng cứ (áp bức mẹ), tội chưa rõ ràng (mưu giết cha, giết anh), cũng có tội lại là chưa đáng là tội (nát rượu), có những tội phải xét lại (dâm sắc), nhưng có hai tội chưa được liệt kê là giết con và khắt khe chữ nghĩa (văn tự ngục).

2. Sự thật của mười tội trạng

Mưu giết cha, giết anh : Theo lời đồn thì Ung Chính đã ám mưu đầu độc cha là Khang Hi, bỏ tù anh để tranh giành ngôi vị nhưng cũng chỉ là lời đồn chưa tìm được chứng cứ.

Nát rượu : Ung Chính rất thích uống rượu, có khi ngồi uống rượu với Long Khoa Đa suốt đêm. Sáng ra, Ung Chính vẫn tỉnh táo chăm lo việc nước, hình như càng uống rượu thì càng tỉnh, đó là ưu điểm, chưa phải là nát rượu bỏ bê việc nước như vua Kiệt, vua Trụ.

Dâm sắc : Ung Chính giết Thái tử, thu nạp phi tần của Thái tử, nhưng trong hậu cung chỉ 8 bà phi, nếu so với các vua khác có hàng ngàn phi tần, thì Ung Chính cũng chưa đến nỗi bị xếp vào hàng dâm sắc.

Tham tài : Tham tài thì đã rõ, Ung Chính đã dùng tiền bạc khá nhiều để xây Viên Minh hoa lê.

Dùng bọn xu nịnh : Ung Chính bài xích, tìm cách loại trừ tay chân của Khang Hi, tin dùng bọn Ngạc Nhĩ Thái, Trương Đình Ngọc, Điền Văn Kính, những người này không tiểu nhân thì cũng là những gian thần.

3. Coi các em là chó, là heo

Như đã nói, lúc Khang Hi còn sống, không lập Thái tử. Trong quá trình tranh giành ảnh hưởng đối với phu hoàng, Dận Chân (Ung Chính) đã vận dụng sách lược không gấp gáp, phải nhẫn nhục.

Cuối cùng, Dận Chân được vua cha ưu ái và được Long Khoa Đa, Niên Canh Nghiêu đưa lên ngôi. Khi đã ngồi trên ngai vàng ở Càn Thanh cung, Ung Chính vẫn còn lo sợ các em tranh giành nên tìm cách tiêu diệt từng người. Danh sách cần tiêu diệt cả thảy năm người là : Tam A Ca, Bát A Ca, Cửu A Ca, Thập A Ca và Thập Tứ A Ca.

Năm 1724, Ung Chính cách chức Thập A Ca, bắt giam ở kinh sư.

Năm 1725, Ung Chính cách chức, bỏ tù Cửu A Ca và các thuộc hạ ở Tây Ninh.

Năm 1526, Ung Chính giáng Bát A Ca làm thứ dân, bắt bỏ vào ngục, gọi Bát A Ca là A kì na, có nghĩa là con chó. Không lâu, Bát A Ca chết ở trong tù.

Cũng vào năm 1526, Ung Chính nhốt Cửu A Ca, gọi Cửu A Ca là Tắc tư mặc, có nghĩa là con heo. Không lâu,

Cửu A Ca cũng chết ở trong ngục. Cùng lúc, Ung Chính bắt bỏ tù Thập Tứ A Ca là anh em ruột của mình.

Khi vừa lên ngôi, Ung Chính sai Tam A Ca đi giữ lăng Khang Hi, năm 1530, Ung Chính bỏ hết chức tước của Tam A Ca, cầm cổ ở Vĩnh An, Cảnh Sơn.

Sau khi đã diệt hết các em thì Ung Chính mới thảnh thời ngồi trên ngai vàng.

4. Trừng trị con trai trưởng

Ung Chính có 10 người con trai, nhưng không ưa con trưởng tên là Hoằng cho lắm.

Năm 1727, Ung Chính luận tội Hoằng là tính tình phóng túng, làm việc thiếu thận trọng. Với tội này, Hoằng bị xoá tên ra khỏi sổ hoàng tộc, gọi là tông tịch. Hoằng lo sợ quá, không lâu thì chết.

5. Giết Niên Canh Nghiêu và Long Khoa Đa

Niên Canh Nghiêu : Ung Chính lên ngôi, Niên Canh Nghiêu là người có công lớn nên được giữ chức Tổng lí Đại tướng quân sự vụ, thuộc hàng nhất đẳng công thần.

Niên Canh Nghiêu đảm nhiệm việc quân ở vùng Tây Bắc, chiến công mỗi ngày mỗi nhiều, quyền thế càng ngày càng lớn. Vì thế, Niên Canh Nghiêu muốn bổ nhiệm quan chức nào thì bổ nhiệm, không cần phải trình bẩm. Ngay nhân sự của một vài bộ cũng do Niên Canh Nghiêu tuyển dụng nên gọi là Niên tuyển.

Đơn cử tháng 10 năm 1627, Niên Canh Nghiêu về kinh để diện kiến Ung Chính, nhiều quan chức đã phải ra quỳ ở Quảng An môn để nghinh đón, như thế đủ biết quyền uy của Niên Canh Nghiêu đến mức nào.

Tháng 1 năm 1725, Niên Canh Nghiêu hạch tội Tuần phủ Tứ Xuyên là Sái Đinh. Sái Đinh xin gặp Ung Chính, hai người to nhỏ thầm thì thế nào đó. Chỉ biết sau lần gặp gỡ ấy, Ung Chính có cái nhìn khác về Niên Canh Nghiêu.

Tháng 3 năm 1725, Ung Chính chỉ trích Niên Canh Nghiêu. Tháng 4, Ung Chính dùng chiêu điệu hổ li sơn, điều Niên Canh Nghiêu ra khỏi Tây Bắc đến làm tướng quân ở Hàng Châu. Tháng 7, Niên Canh Nghiêu bị cách chức, gần như bị giam lỏng ở Chương Kinh. Tháng 10, Niên Canh Nghiêu bị dẫn độ về kinh. Tháng 12, Ung Chính phán Niên Canh Nghiêu phạm 92 tội, ra lệnh bắt giam Niên Canh Nghiêu vào ngục rồi xử tử.

Cha của Niên Canh Nghiêu là Niên Hà Xī (*Thượng thư*), anh của Niên Canh Nghiêu là Niên Hi Nghiêu (*Quảng Đông Tuần phủ*) đều bị cách chức, xử tử hình. Con của Niên Canh Nghiêu là Niên Phú và các tân khách của Niên Phú cũng bị xử tử. Những người còn lại trong gia đình Niên Canh Nghiêu, từ 15 tuổi trở lên phải sung quân ở những vùng sơn lam chướng khí như Quảng Tây, Vân Nam, Quý Châu. Những người này vĩnh viễn không được vào cung. Tài sản của Niên Canh Nghiêu bị tịch thu. Ung Chính đem nhà cửa và 235 nô tỳ của Niên Canh Nghiêu ban thưởng cho Sái Đinh.

Các quan chức văn võ trước đây do Niên Canh Nghiêu bổ dụng đều bị cách chức.

Long Khoa Đa : Long Khoa Đa là cậu ruột của Ung Chính, người có công truyền di chiếu của Khang Hi, đưa Ung Chính lên ngôi. Long Khoa Đa giữ chức vụ Tổng lí đại thần, kiêm Thượng thư và Thái bảo Thái tử .

Năm 1725, nhân vụ án Niên Canh Nghiêu, Ung Chính bãi chức lưu tước Tổng lí đại thần.

Năm 1726, nhân gia bộc của Long Khoa Đa tham ô bị bắt quả tang, Long Khoa Đa bị bãi chức Thượng thư. Tháng 6 năm 1726, có người cáo giác nhà Long Khoa Đa có cất giấu ngọc địệp (*tức là những giấy tờ quan trọng*), Long Khoa Đa bị triệu về kinh đô.

Ung Chính đã nghĩ ra 41 tội để chính thức xử tử Long Khoa Đa. Ung Chính ân không giết Long Khoa Đa mà giam suốt đời. Hai năm sau, Long Khoa Đa chết trong nhà giam.

6. Văn tự ngục

Sau khi diệt Niên Canh Nghiêu và Long Khoa Đa, Ung Chính bắt đầu chú ý đến việc bắt bẻ chữ nghĩa, đưa các văn nhân, thi sĩ vào ngục hay vào cõi chết như Chú Cảnh Kì, Tiền Danh Thế, Tra Đồng Đình.

Chú Cảnh Kì : người Tiền Đường (*Triết Giang*), đỗ cử nhân. Chú Cảnh Kì viết tập **Độc thư đường tây chinh tuỳ bút**, trong đó không chỉ ca ngợi Niên Canh Nghiêu là vĩ nhân trong vũ trụ (*Vũ trụ chí đệ nhất vĩ nhân*) mà còn có ý dè bỉu, chê bai Khang Hi, bài xích Ung Chính.

Thói đời dậu đở bìm leo, Niên Canh Nghiêu chết, Ung Chính hạ lệnh bắt Chú Cảnh Kì xử trảm, với tội cuồng ngữ, vợ con Chú Cảnh Kì bị bắt làm nô lệ ở Hắc Long giang, bà con thân thuộc đều bị cách chức làm lính thú. Vụ án Chú Cảnh Kì là bài học cho những ai ca ngợi quan lớn một cách quá đáng. Khi quan lớn ấy còn thì thân no ấm, khi ngài mất chức thì thân chẳng còn đầu !

Tiền Danh Thế : người Giang Nam đỗ tiến sĩ, giữ chức Thị giảng Hàn lâm viện. Ông là người có tài làm thơ trào phúng, thường làm thơ ca ngợi Niên Canh Nghiêu. Tiền Danh Thế còn lập bia ca tụng công đức Niên Canh Nghiêu.

Niên Canh Nghiêu chết, Ung Chính chỉ trích Tiền Danh Thế dùng văn từ để siểm nịnh bọn gian ác, hành vi không ngay thẳng, ti tiện. Ung Chính đuổi Tiền Danh Thế về quê. Ung Chính còn nghĩ ra cách trừng trị khá độc đáo là ban cho bốn chữ danh giáo tội nhân, lệnh cho quan địa phương khắc vào trán Tiền Danh Thế dẫn đi khắp nơi để thị chúng sau đó mới cho về nhà.

Tội làm thơ trào phúng : do thơ trào phúng của Tiền Danh Thế được khắc in và phân phát khắp nơi, Ung Chính ghét lầm. Vì Ung Chính ghét thơ trào phúng của Tiền Danh Thế mà ghét lây các nhà thơ trào phúng như Ngô Giáo Đăng, Trần Bang Trực, Trần Bang Ngạn. Các vị này đều bị cách chức, bị bắt làm nô lệ.

Tra Tự Đình : Tra Tự Đình, người Hải Ninh (Triết Giang), giữ chức Lễ Bộ Thị lang. Năm 1726, Tra Tự Đình đến Giang Tây làm khảo quan. Tra Tự Đình là một trong những người

làm đề thi, trong đề thi của ông có câu “duy dân sở chỉ”. Ung Chính xem đề, lấy bộ đầu của chữ duy ghép vào chữ chỉ hoá thành câu Ung dân sở Chính, hàm ý nhân dân oán Ung Chính, dè bỉu Hoàng đế.

Ung Chính ra lệnh bắt giam Tra Tự Đinh, bỏ đói đến chết ở trong ngục.

Anh trai của Tra Tự Đinh là Biên tu Hàn lâm viện Tra Thận Hành, vốn là một nhà văn lớn đã nổi tiếng dưới thời Khang Hi cũng bị cách chức trở về nguyên quán.

Vì vụ Chú Cảnh Kì và Tra Tự Đinh là người Triết Giang, nên sau đó Ung Chính không cho tổ chức thi hương, thi hội, ở vùng này nữa. Từ đó vùng Triết Giang không thể vươn lên bằng đường khoa cử.

Từ Tuấn : Từ Tuấn làm quan Hàn Lâm Viện, trong tấu chương viết hai chữ Bệ Hạ. Khổ thay quan Hàn lâm là nhà thơ rành chữ nghĩa nhưng cẩu thả, viết nhầm bộ phụ ra bộ khuyến, bệ – chõ vua ngồi thành bệ – con thú dữ ngày xưa. Ung Chính đọc xong hạ lệnh cách chức Từ Tuấn, rồi cho người đi điều tra, bắt được cuốn **Từ Tuấn thi tập**, trong đó có 2 câu thơ :

*Thanh phong bất thức tự
Hà sự loạn phiên thư.
(Gió mát không biết chữ
Cớ chi mở sách ra.)*

Ung Chính luận, thanh phong là ám chỉ nhà Thanh, tên Từ Tuấn này muốn nói nhà Thanh ngu dốt, chẳng biết chữ nghĩa gì !

Tội gọi vua là thú dữ, dè bỉu nhà Thanh ngu dốt, hai tội tày trời, đủ làm Từ Tuấn phải chết, tác phẩm của Từ Tuấn cũng ra tro.

7. Vụ án Lữ Lưu Lang, Tăng Tĩnh, Trương Hi

Lữ Lưu Lang, người Triết Giang, vốn là một học giả nổi tiếng dưới triều Minh. Triều Minh bị diệt, Lữ Lưu Lang đã tham gia phản Thanh phục Minh nhưng không thành công, về nhà viết sách, dạy học.

Triều Thanh mấy lần mời Lữ Lưu Lang ra làm quan nhưng ông đều từ chối, sợ từ chối mãi sẽ bị tội, Lữ Lưu Lang xuống tóc đến ở chùa, sau chết ở đó. Không ai để ý đến chuyện văn chương, chữ nghĩa của Lữ Lưu Lang.

Tăng Tĩnh, người Hồ Nam, tình cờ đọc được văn Lữ Lưu Lang. Thấy văn chương uyên bác, liền sai học trò là Trương Hi về Triết Giang, quê của Lữ Lưu Lang, xem còn sách vở gì không đem về đọc tiếp.

Trương Hi vâng lời thầy đến Triết Giang, không tìm được sách nhưng lại gặp được hai người học trò của Lữ Lưu Lang. Ba người nói chuyện phản Thanh phục Minh rất tương đắc. Lúc về, Trương Hi kể lại với Tăng Tĩnh.

Tăng Tĩnh suy đi tính lại, rồi viết một lá thư sai Trương Hi đem đến cho Tổng đốc Nhạc Chung Kì, vốn là con cháu của Nhạc Phi, đang nắm binh quyền vùng biên giới.

Trương Hi đem thư đến, thuyết Nhạc Chung Kì : “*Tướng quân cam tâm theo nhà Thanh, không lo chuyện báo cùu phục hận hay sao ?*”.

Nhạc Chung Kì thất sặc hỏi : “Ông nói thế là thế nào ?”.

Trương Hi nói : “Tướng quân họ Nhạc, con cháu của trung thân Nhạc Phi. Nhạc Phi đã bị Tần Cối theo giặc Kim hâm hại rất oan uổng. Nay tướng quân nắm binh quyền trong tay, sao không khởi sự để báo thù cho Nhạc Phi ?”.

Nhạc Chung Kì nổi tiếng về việc dẹp loạn đảng nên được Ung Chính rất tin dùng, nghe đến đó liền thét vang trời, bắt Trương Hi tống vào ngục. Một mặt, Nhạc Chung Kì dỗ dành, tra tấn Trương Hi, mặt khác cấp báo với Ung Chính.

Ung Chính hay tin thì ra lệnh tức tốc bắt Tăng Tĩnh, rồi giải cả Tăng Tĩnh và Trương Hi về kinh, tra khảo. Ung Chính điều tra, bắt thêm hai học trò của Lữ Lưu Lang. Sau đó, Ung Chính kết án tử hình cả bốn người. Ung Chính còn cho quật mồ, chém quan tài, giết Lữ Lưu Lang một lần nữa. Con trai của Lữ Lưu Lang là Lữ Nghi và học trò là Nghiêm Hồng Quỳ đều bị chặt đầu.

Con cháu của Lữ Nghi và Nghiêm Hồng Quỳ rất đông, đều bị bắt làm nô lệ. Thê thiếp của Lữ Nghi, Nghiêm Hồng Quỳ, kẻ bị đày chết, người thì làm nô lệ cho các nhà quan. Mẹ của hai người này bị lưu đày đi xa hai ngàn dặm.

Những người khắc bản in, tàng trữ sách Lữ Lưu Lang đều bị chặt đầu. Các phủ, các châu ai là người đồng hương với Lữ Lưu Lang đều bị cách chức.

Nói chung, qua vụ án này, Ung Chính muốn tiêu diệt tận gốc tư tưởng phản Thanh phục Minh trong lòng người Hán.

Chế độ hà khắc : Sau vụ án Lữ Lưu Lang, Ung Chính càng chú ý đến chữ nghĩa hơn nữa, săm soi từng câu thơ. Chẳng hạn, nhà thơ Khuất Đại Quân viết :

*Minh nguyệt hữu tình hoàn cố ngã
Thanh phong vô ý bất lưu nhân.*
(Trăng sáng có tình lưu ta lại
Gió mát vô ý chẳng giữ người.)

Ung Chính cho rằng chỉ nghĩ đến nhà Minh, không nghĩ đến nhà Thanh. Vì là Hoàng đế nên Ung Chính đã luận thì nhà thơ phải chết, tất cả sáng tác đều bị thiêu huỷ. Người ta ước tính, có khoảng trên 70 nhà thơ, nhà văn chết vì chữ nghĩa, chưa kể đến những người bị liên lụy.

8. Ung Chính băng hà

Tháng 8 năm 1735, Ung Chính bị bệnh rồi băng hà ; Hoằng Lịch tức Càn Long lên kế vị.

3

CÀN LONG – THANH CAO TÔNG

Sau khi Ung Chính băng hà, Tổng quan thái giám tuyên đọc di chúc lệnh cho bốn người là Trang Thân Vương Dận Lộc, Quán Thân Vương Dận Lễ, Đại học sĩ Ngạc Nhì Thái và Trương Đình Ngọc giúp đỡ con thứ tư của Ung

Chính là Hoàng thạch bảo Thân vương Hoằng Lịch kế vị, hiệu là Cao Tông Hoằng đế, quen gọi là Càn Long. Càn Long ở ngôi từ 1735 đến 1796, tổng cộng 61 năm.

Càn Long chú trọng việc thu nạp nhân tài, trong thời gian trị vì Càn Long nhiều lần ban thưởng những người có tài.

Về văn hóa Càn Long đã cho biên soạn những bộ sách đồ sộ như *Hoàng triều văn hiến thông khảo*, *Tục văn hiến thông khảo*... xây dựng bốn thư viện, biên soạn *Tứ khố toàn thư*, chính lí và bảo tồn di sản cổ quý hiếm.

Càn Long hoang dâm háo sắc, thích tuần du, tổ chức nhiều lễ lược (khánh điển), xây các quần thể hoa viên, rất săm soi văn tự ngục, đốt sách vở cổ. Dưới sự trị vì của Càn Long có nhiều quan lại tham ô lớn. Về chính sách đối với các nước, Càn Long sa đà vào các cuộc chiến tranh tàn khốc, kho lâm cạn kiệt, dân tình khốn khổ.

1. Hoang dâm háo sắc

Càn Long có thói hoang dâm háo sắc nên Hoàng hậu Phú Sát Thị và Na Lạp Thị hết sức can ngăn nhưng Càn Long để ngoài tai, khiến hai người phải tự sát.

2. Những cuộc tuần du

Tuần du Giang Nam : Càn Long rất thích tuần du xuống Giang Nam, mỗi lần tuần du thì trước đó một năm, sai người sửa đường sá, xây cầu cống, tu sửa hành cung.

Từ Bắc Kinh đến Hàng Châu có 30 hành cung, cái nào cũng được trang hoàng đẹp đẽ. Khi Hoàng đế tuần du đến nơi nào cầu đá phải quét dọn không có chút bụi, sông ngòi phải trong xanh. Nếu đi bằng đường thuỷ thì có hàng ngàn thuyền rồng lớn nhỏ, đèn đuốc sáng choang, ca hát râm ran.

Khi đoàn tuần du đi qua phủ huyện nào, các quan chức phải ra xa 30 dặm, trải thảm, bày hương án quỳ lạy. Dân chúng từ 8 tuổi trở lên, phải ra đường quỳ lạy đón Hoàng đế cùng đoàn tuỳ tùng. Quan địa phương nào chuẩn bị không chu đáo, tiếp đón không tử tế sẽ bị trừng phạt.

Bữa ăn của Hoàng đế : Quan địa phương phải đãi dặng Hoàng đế và đoàn tuỳ tùng rất khổ sở. Khi Hoàng đế đến Hà Nam, quan Tổng đốc phải cung đốn mỗi bữa ăn trên 20 loại đậu, 40 loại rau thịt, chưa kể ruột cá quý, hải sâm, nǎo khỉ, chân gấu, yến sào... Một bữa ăn của Càn Long đáng cho một gia đình thật giàu có chi tiêu nửa năm.

Cách thăm hỏi dân tình : Một hôm, Càn Long xuống Giang Nam hỏi một vị quan địa phương về dân tình, ông quan này chắc đã ăn gan hùm mật gấu (*người Trung Hoa gọi là ăn mật báo*) nên cứ thật tình bẩm báo : “*Bệ Hạ tuần du làm cho dân chúng quá khổ sở*.”.

Nghe chưa dứt lời, Càn Long thét lên như sấm, ra lệnh lột hết chức tước, đày ra biên cương. Một vị quan khác, không sợ chết, tiến đến định tâu trình. Càn Long rút ngay chuỳ sắt giắt sẵn bên lưng, cho vị quan này một chuỳ chém ngay tại chỗ.

Một viên quan khác liều chết, tiến lên tâu. Lần này,

Càn Long không la hét, không giết mà chỉ lột hết quan chức, đuổi ra. Có thuyết nói, ba vị quan này là ba cha con cùng ở Giang Tây.

Trong thời gian trị vì, Càn Long đã tuần du Giang Nam 6 lần cả thảy. Ngoài ra vị Hoàng đế này còn thực hiện nhiều cuộc tuần du ở các nơi khác.

Lần 1 : năm 1751, Hàng Châu,

Lần 2 : Năm 1757, Hàng Châu,

Lần 3 : năm 1762, Hải Ninh, Hàng Châu,

Lần 4 : Năm 1765, Hải Ninh, Hàng Châu,

Lần 5 : Năm 1780, Hải Ninh, Hàng Châu,

Lần 6 : Năm 1784, Hải Ninh, Hàng Châu,

Những nơi khác khó mà kể hết.

Theo sử sách, mỗi lần Càn Long tuần du, đoàn tuỳ tùng đông đến hàng vạn người. Số lần Càn Long tuần du nhiều như trên thì không biết bao nhiêu người khổ ?

3. Quá nhiều lễ lược

Dưới triều Càn Long quá nhiều lễ lược, gọi là khánh điển, tức là những ngày lễ lớn của quốc gia, kì thực là lễ lớn của hoàng cung, xa hoa tốn kém :

Lễ đại thọ Hoàng Thái hậu : Trong dịp lễ đại thọ của Hoàng Thái hậu, Càn Long hạ chiếu cho các phủ huyện xây dài để làm lễ chúc mừng, vui chơi và cống nạp lễ vật quý hiếm.

Theo sách *Cao Tông thực lục* : Huyện Quảng Đông chở ngọc phi thuỷ, mỗi phiến rộng khoảng 2 – 3 thước, đồ

làm bằng lông và đuôi khổng tước cả vạn cái. Hồ Bắc chở Hoàng Hạc lâu cao đến 3 tầng bằng pha lê có tường cao 7 – 8 thước.

Triết Giang cống hồ kính, có hàng vạn mảnh, khi ghép lại người ta thấy cả trăm ngàn hình ảnh chim muông, phố thị...

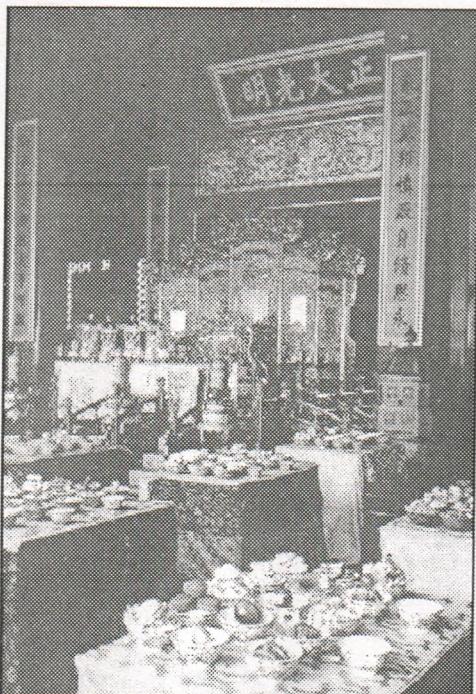
Cùng với đoàn tiến cống, quan chức các nơi cũng lũ lượt kéo về kinh. Đến ngày lễ dân chúng ở vùng Hồ Quảng và các vùng phụ cận cũng nối đuôi nhau về đất hạnh phúc để được ân thưởng.

Thông thường vào các dịp lễ thì Hoàng Thái hậu, nhà vua và mọi người phải đến Tây giao cúng bái, sau đó mới hồi cung.

Lúc Hoàng Thái hậu hồi cung thì các quan chức văn võ cùng các phu nhân, thanh nam nữ tú thuộc Bát kì, các quan chức địa phương, lễ phục tề chỉnh, quỳ hai bên đường, chúc thọ Hoàng Thái hậu.

Trong ngày đại điển, các quan văn võ không kể người Mãn, người Hán, quan lớn quan nhỏ đều được thăng một cấp. Quan trong cung, quan ngoài cung, thái giám, lính Bát kì, đều được thưởng một đinh bạc. Cho nên, ai nấy đều vui vẻ, người người bái tạ thánh ân.

Nhà sử học đương thời là Triệu Dực miêu tả quang cảnh ngày đại điển : *Người ta như lạc vào tiên cảnh, được xem vũ khúc Nghê thường, tiếng châu ngọc leng keng, vũ y chấp chới. Ông nhận xét : Quang cảnh này ngàn năm khó thấy !*



Bàn Tiệc Của Hoàng Đế ở Càn Thanh Cung trong Bát Tuần Vạn Thọ Diên Yến
(Dựng Lại Theo Cung Trung Dáng)

Hình Trích Trong

Vương Kiến Kỳ (Chủ Biên), Thanh Cung Yến Lạc Tàng Trần
王建琪 (清宮宴樂藏珍)

(Bắc Kinh: Bắc Kinh Xb Xã, 2002) Tr. 59.

Nhưng quang cảnh này không phải một lần mà nhiều lần, đại thọ Hoàng Thái hậu 60 tuổi, 70 tuổi rồi 80 tuổi, ba lần mừng thọ tốn hết cả vạn lượng bạc trắng.

Để thêm chi phí cho ngày đại điển, trong những ngày đại thọ cũng chính là những ngày công khai bán quan chức, ước tính có tới 185 người mua chức quan.

Sinh nhật Hoàng đế : Năm 1780, Càn Long cho tổ chức mừng ngày sinh nhật, các xe tiến cống của các địa phương lại nườm nượp kéo về. Có sách thuật lại, ngoài việc ngày đêm tu sửa Trường thành thì trên bốn ngả đường hàng vạn xe ngựa tiến cống, kẻ cưỡi lừa, người đi kiệu ầm ầm như gió táp mưa sa, tranh nhau mà đi, ùn tắc cả đường sá. Khi đêm xuống thì đèn đuốc sáng choang, tiếng roi ngựa nghe vùn vụt.

Lễ sinh nhật của Hoàng đế huy hoàng, tốn kém không thua gì lễ mừng thọ của Hoàng Thái hậu.

Những lễ lược khác : Ngoài lễ mừng thọ Hoàng Thái hậu, Hoàng đế, Hoàng hậu, lễ sinh nhật... còn có những việc trọng đại của đời người như cưới hỏi của các Hoàng tử, Công chúa tốn kém không biết bao nhiêu mà kể.

4. Xây dựng các công trình

Ngoài việc mở đường sá, cầu cống, xây dựng hành cung trên đường tuần du từ kinh thành đến Giang Nam, Càn Long còn cho xây dựng các công trình quy mô khác như quần thể sơn trang Nhiệt Hà, Minh viên, quần thể hoa viên ở kinh thành :

Quần thể sơn trang Nhiệt Hà : Thời Khang Hi, sơn trang Nhiệt Hà vốn đã quy mô, có trên 36 cảnh quan. Khi Càn Long lên ngôi đã liên tục được mở rộng sơn trang này. Tổng thể sơn trang rộng 8.400 mẫu, tường cao 2 thước, gồm 72 cảnh quan (gấp đôi thời Khang Hi). Các cung điện, hành cung được kiến trúc theo phong cách truyền thống của dân tộc Mãn và phong cách của các địa phương khác.

Kim Sơn tự mang phong cách Trấn Giang, Hàn Sơn tự giống Hàn Sơn tự ở Tô Châu, rừng Sư tử và Sóng xanh tương tự rừng Sư tử và Sóng xanh ở Tô Châu, đỉnh Vạn tùng mang phong cách đỉnh Vạn Tùng ở Hàng Châu, Nam Hồ và đảo Uyên Ương tương tự Nam Hồ và đảo Uyên Ương ở Gia Hưng.

Những công trình đáng kể khác : Thanh hoa thuyền, Chính cung, Đông cung, Yên vũ lâu, Văn viên, Văn tân các, Giới đắc đường, Kế đức đường...

Quần thể Minh viên – một triều đình thu nhỏ : Thời Ung Chính, vườn Minh viên đã có 28 cảnh, Càn Long mở rộng thành 40 cảnh.

Năm 1751, nhân lễ thọ Hoàng Thái hậu 60 tuổi, xây thêm Trường Xuân viên. Năm 1770, nhân lễ thọ Càn Long 60 tuổi, xây thêm Vạn Xuân viên.

Tuy gọi là Minh viên nhưng thực ra là một quần thể do ba vườn hợp lại (1 vườn cũ, 2 vườn mới), rộng 500 mẫu.

Rừng cây trồng theo kiểu Giang Nam, kiến trúc cung điện theo phương Bắc, lầu các theo kiểu Tây dương, trăm màu nghìn vẻ, vì thế mới gọi là Vạn quốc viên.

Ngoài 19 cung điện còn có Tông nhân phủ, Nội các, nam thư kí, Quân cơ, Lục bộ, Đô Sát Viện, Lý Phiên Viện, Hàn Lâm Viện... Nói chung, Minh viên là một triều đình thu nhỏ.

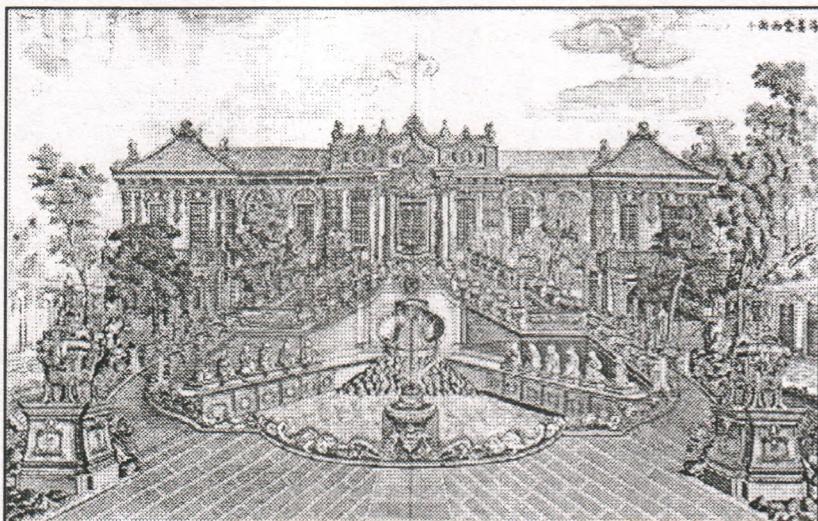
Vườn kinh sư : Phong cảnh phía Tây hoàng cung gồm có 3 bộ phận cấu thành là Nam hải, Trung hải và Bắc hải. Nam

hải có Bảo nguyệt lâu, Trung hải có Tử quan các, Bắc hải có Duyệt cổ lâu và Xiển Phúc tự.

Phong cảnh phía Nam, cách thành đô 20 dặm, là nơi Thuận Trị và các vua thường đến đây săn bắn, có hành cung và chùa Đức Thọ. Năm 1755, nơi đây bị cháy lớn. Năm 1757, được trùng tu và mở rộng.

Phong cảnh phía Tây, cách thành đô 30 dặm, gọi là núi Vạn Thọ, trước núi có hồ Tây Hải.

Năm 1750, Càn Long cho dẫn nước từ núi Ngọc Tuyền vào hồ, ban chữ gọi là hồ Côn Minh.



Hải Yến Đường (Viên Minh Viện)

Một trong những cung điện tại Viên Minh Viện
xây theo lối Tây Phương do các giáo sĩ họa kiểu
trích trong Giang Trạch Dân (江澤民), *Viên Minh Thương Tang* (圓明滄桑)
(Bắc Kinh: Văn Hoá Nghệ Thuật xã, 1991) tr. 154.

Nhân lễ mừng thọ Hoàng Thái hậu, xây thêm chùa Diên Thọ, La Hán đường ; dưới núi Ngọc Tuyền lại có Tĩnh Minh viên, Tây hồ và 16 cảnh.

Về phía Tây (*Tây thành*), trước đó đã có chùa Hương Sơn, Càn Long cho làm thêm vườn, xây thêm lầu các, tạo thành 28 cảnh, gọi là Tĩnh Nghi viên.

Từ Tĩnh Nghi viên đến Minh viên là 10 dặm, 3 ngọn núi (*Vạn Thọ, Ngọc Tuyền, Hương Sơn*) tương quan với nhau, tạo nên quần thể vườn kinh sư, từ xưa đến thời Càn Long mới có, việc kiến trúc tốn kém vô cùng.

5. Những vụ án văn tự

Dưới triều Càn Long, văn tự ngục trở nên ác liệt hơn. Hoàng đế tìm tội trích ra từng câu thơ, từng nét chữ ghép các nhà thơ, nhà văn, thợ khắc chữ và những người liên quan vào tội chết. Mục đích, không để một ai có tư tưởng phản Thanh phục Minh.

– Năm 1754, Lễ Bộ Thượng thư Thế Thần có câu thơ cực ngắn, nói về cảnh đẹp mùa thu :

Thu sắc chiêu nhân lân thượng triều.
(Sắc thu mời gọi, nhác đến triều.)

Càn Long cho rằng, Thế Thần bất mãn với triều đình, không muốn làm việc, bị cách chức và đày đi Hắc Long Giang.

– Năm 1755, Nội các học sĩ Hồ Trung Tảo, sáng tác tập thơ *Tử ma sinh thi sao*. Càn Long đọc tập thơ ghi lại rải rác mấy câu :

1. Hựu giáng nhất thế hạ thu đông (*Lại xuống một đời hạ thu đông*).
2. Nhất bả tâm trường luận trọc thanh (*Một lòng ta luận đời trong đục*).
3. Tam tài sinh hậu sinh kim nhật (*Ngày nay sinh sau tam tài*).

Càn Long cho rằng, câu thứ nhất, ám chỉ nhà Thanh chỉ tồn tại ba đời là cùng (*hạ, thu, đông*).

Câu thứ hai, đem chữ trọc (*đục*) đi liền với chữ thanh (*trong*), muốn nói nhà Thanh là nhơ bẩn.

Câu thứ ba, tam tài là thiên, địa, nhân, Càn Long là Thiên tử, nay dám nói Càn Long sinh sau tam tài.

Hồ Trung Tảo bị ghép vào tội lăng trì nhưng sau được miễn tội lăng trì thành xử trảm.

– Ngạc Xương, người Mông Cổ, là bạn xương hoạ thơ văn của Hồ Trung Tảo, bị Càn Long chỉ trích là bị bệnh cuồng, táng tận lương tâm. Ngạc Xương cảm thấy quá nhục nhã đã tự tử.

– Năm 1778, Dư Thuật Quỳ, mất sớm, để lại tập thơ Nhất trụ lâu thi, trong đó có câu :

*Cử bôi hốt kiến minh Thiên tử
Thả bả khổn nhi phao bán biên.
(Cát chén, bỗng trời cao bát ngát
Ngại ngùng buông chén để sang bên.)*

Càn Long đọc xong thấy có chữ Minh bèn phán rằng : Dư Thuật Quỳ có ý chấn hưng nhà Minh, bỏ nhà Thanh,

ghép vào tội đại nghịch, cho quật mồ Dư Thuật Quỳ chặt đầu để thị chúng. Các con Dư Thuật Quỳ là Dư Thuật Điền, Dư Thuật Thư đều bị chém.

Trong vụ này có mấy viên quan là : quan Bố chính Đào Dương bị chém, Tri phủ Dương Châu, Tri huyện Đông Đài bị trừng trị về tội bất lực, bị xử sung hình và đồ hình.

- Năm 1778, Trầm Đức Tiềm vốn là một đại danh sĩ, một danh Nho, làm Lễ bộ Thượng thư, thường dâng thơ cho Càn Long thưởng thức. Trầm Đức Tiềm mất lúc 97 tuổi. Càn Long đọc lại tập thơ do Trầm Đức Tiềm nhuận sắc, thấy có câu :

*Doat chu phi chinh sắc
Dị tính dã xưng vương.
(Màu đỏ tuy là không chính sắc
Khác thường nên mới dám xưng vương.)*

Đối với người xưa, màu đỏ là màu đẹp nhất, tượng trưng cho phú quý, nên nhà giàu hoặc quan quyền gọi là chu môn (cửa đỏ), màu đỏ đứng đầu trong các màu. Ý câu thơ giành lấy sự giàu sang, phú quý.

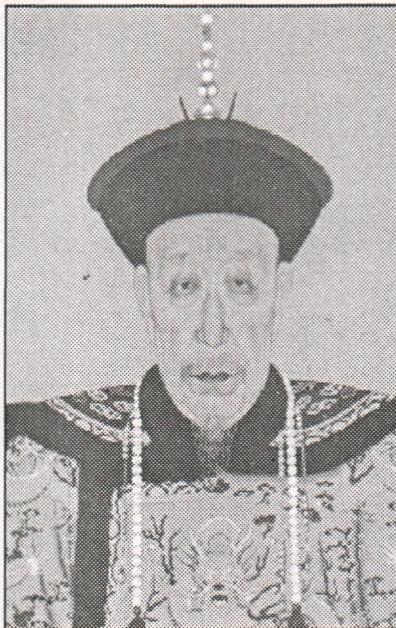
Càn Long lại hiểu khác, cho ông ta là dị tộc mà dám xưng vương (dị tính dã xưng vương), liền cho quật mồ Trầm Đức Tiềm. Nhà thơ chết rồi cũng không yên, làm cho các Nho sĩ, các nhà thơ khiếp đảm.

Rất nhiều vụ án tương tự như trên, khó mà kể hết.

Thợ khắc chữ cũng chết vì chữ : Năm 1777, Vương Tích, người Giang Tây, đỗ cử nhân lúc 38 tuổi, thi hội không đỗ nên sinh nhai bằng nghề khắc chữ. Ông được Càn Long

giao cho khắc chữ bộ ***Khang Hi tự điển***, sách có chương phàm lệ, chương này có những chữ Huyền Diệp, Dận Trinh, Hoằng Lịch.

Càn Long đọc lại, có chữ thiếu một nét, thế là Vương Tích và 5 người con bị xử trảm, sách bị huỷ.



Vua Cao Tông (Càn Long) (vẽ khoảng 1792 năm ông 82 tuổi)

Hình trích trong

Zhang Hongxing, *The Qianlong Emperor*
Treasures from the Forbidden City (tr. 6)

(Scotland: National Museum of Scotland Publishing Limited, 2002)

6. Thiêu huỷ, cải biên sách vở

Đối với sách cổ, Càn Long áp dụng các biện pháp : tiêu huỷ toàn bộ, tiêu huỷ một phần, sửa chữa, giải thích mới, cấm các hí khúc hoặc sửa chữa.

Những sách được liệt vào diện nói xấu bản triều, phản bội bản triều, đều bị tiêu huỷ.

Cuốn sách nào trong đó có những dòng, những chữ, những trang phạm đến nhà Thanh hoặc bị Càn Long phê bình thì rút ra đốt.

Việc cải biên được thực hiện rất quy mô, **Tứ khố toàn thư** là bộ sách được cải biên.

Các cuốn sử viết về 3 đời Liêu, Kim, Nguyên đều dựa vào ngôn ngữ Mãn – Hán kể về tên người, tên đất, tên bộ, tên chế độ, tạo nên sự hỗn loạn trong sử sách. Càn Long cấm diễn các nhịp điệu Côn, Thạch Bi, Dương, Sở ; những hí khúc thời Tống, Kim đều được sửa chữa lại.

Người ta thống kê được : 3.000 loại, 7 vạn quyển sách cổ bị thiêu huỷ, đây là một tổn thất lớn cho văn hoá Trung Hoa.

7. Tập đoàn tham ô Hoà Thân

Hoà Thân, người Mãn Chính Hồng kì. Con đường thăng quan tiến chức của Hoà Thân rất thuận buồm xuôi gió, càng ngày càng cao. Từ một học sinh, Hoà Thân leo lên đến Thị vệ, rồi đến Phó đô thống, Thị lang, Thượng thư, Đại học sĩ, Quận cơ đại thần.

Những vụ án tham ô : Càn Long rất tin cậy Hoà Thân, còn Hoà Thân là đại biểu cho tập đoàn quan lại tham ô dưới thời Càn Long. Thời kì này có khá nhiều vụ án tham ô :

Năm 1768, quan chức vùng Lưỡng Hoài cấu kết với bọn buôn muối, bớt xén thuế gần một vạn lượng bạc.

Năm 1781, quan chức toàn huyện Cam Túc báo lên trên là có thiên tai dịch họa gì đó để ăn chặn tiền phát chẩn. Vụ án này, 10 quan chức bị xử tử, 40 quan chức bị đày.

Năm 1782, Tổng đốc Mân Triệt, kiêm Tuần phủ Triết Giang là Trần Huy Tổ thông đồng với bọn quan chức tay chân, dưới danh nghĩa là trừng trị tham quan ô lại để mưu lợi. Trở thành tham quan tìm cách ăn của quan tham. Không tìm thấy tài liệu triều đình xử lí vụ này ra sao.

Năm 1782, một vụ án tham ô lớn vỡ lở, ở trên Hoà Thân bao che, dưới là Tuần phủ và các châu, các huyện thông đồng ăn bớt ngân khố Sơn Đông. Chúng tôi chưa tìm thấy sử liệu ghi việc xử lí của vụ án này.

Năm 1790, phát hiện vụ tham ô lớn ở Phúc Kiến, Càn Long bình luận : Những năm gần đây, các Tổng đốc, tuần phủ thuộc các châu huyện thuộc Phúc Kiến, thông đồng với nhau bỏ cho đầy túi, làm cho kho quân lương trống rỗng, phong khí trộm cắp nổi lên hùng hực.

Tài sản của Hoà Thân : Theo sử sách, Hoà Thân có đủ mọi mánh khoé làm tiền : mua quan bán chức, bán đề thi, bớt xén cống phẩm, nhận của đút lót từ các quan dưới quyền.

Khi Càn Long mất, Gia Khánh quyết định xử lí vụ án Hoà Thân. Gia Khánh cho kê biên gia sản Hoà Thân thu

được : ruộng 8.000 khoảnh (mỗi khoảnh : 100 mẫu) ; 75 cái nhà cổ ngoạn (nhà cổ dùng ở chơi) 30 nhà lâu dài ; hoa viên 106 cái ; da điêu 1502 tấm, các loại da quý khác 1.243 tấm, y phục 5.316 cái ; vàng bạc, châu ngọc, đồ bằng kim loại thì vô số. Ước tính giá sản Hoà Thân trị giá 800.000 lượng.

Thời đó, mỗi năm triều đình thu nhập khoảng 7.000 lượng, phải mất hơn 10 năm mới bằng giá sản của Hoà Thân.

8. Chiến tranh liên miên

Trong thời gian tại vị, Càn Long đã phát động 10 lần chiến tranh, gọi là thập toàn vũ công, giết rất nhiều người và chiến phí tung ra vô kể. Sau đây là những trận chiến tiêu biểu :

Năm 1735 – 1736, quân Thanh đốt 1224 trại người Miêu, giết 17.000 người, bắt làm tù binh 25.000 người.

Năm 1745, quân Thanh trấn áp người Tạng ở Tứ Xuyên, đốt hết 40 trại, thiêu hết cả già lẫn trẻ.

Năm 1747 – 1748, ở thượng du Tứ Xuyên, quân Thanh bị tổn thất 3 trọng thần, nhiều quan văn võ, 1.000 binh sĩ bị thương vong ; chi phí 600 vạn lượng.

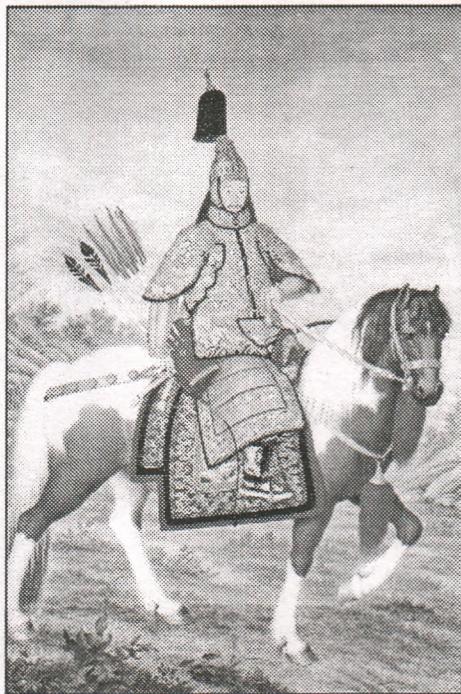
Năm 1765 – 1770, chiến tranh vùng biên giới gọi là Trương Quốc Uy, chi phí 17.300 vạn lượng.

Năm 1781 – 1784, một vạn quân Thanh được huy động để trấn áp dân Hồi ở Cam Túc, 1.000 người nổi dậy đã bị giết.

Năm 1786 – 1788, mục đích dập tắt cuộc nổi dậy của nông dân thuộc các vùng Phúc Kiến, Hồ Nam, Quý Châu,

Tứ Xuyên... nhà Thanh đã điều động 10 vạn quân, săn sàng chém giết hết những người nổi dậy.

Theo các nhà nghiên cứu, Càn Long gọi là thập toàn vũ công, ý nói Càn Long lập được 10 chiến công, nhưng thực chất là đã thất bại nhiều nơi.



Vua Càn Long mặc nhung phục
Zhang Hongxing, *The Qianlong Emperor*
Treasures from the Forbidden City (tr. 50)
(Scotland: National Museum of Scotland Publishing Limited, 2002)

9. Kho tàng cạn kiệt

Do du ngoạn, tổ chức lễ lược, xây dựng các quần thể hoa viên cùng với sự thao túng của bọn tham quan, cộng với các chi phí cho chiến tranh nên kho tàng dưới thời Càn Long càng ngày càng vơi đi, quốc khố cạn kiệt.

Có sách thống kê rằng : thời Khang Hi, trong kho có 500.000 vạn lượng. Thời Ung Chính, trong vòng 6 năm, trong kho có 600.000 vạn lượng. Đến thời trị vì của Càn Long, 22 năm đầu, có 700.000 vạn lượng nhưng đến năm cuối chỉ còn 200 vạn lượng.

10. Đời sống dân chúng

Trong *Đào hoang hành*, nhà thơ Trịnh Bản Kiêu đã viết :

*Muỗi ngày trước bán con,
năm ngày sau bán vợ.
Nay chỉ còn mình ta,
chẳng đường dài thăm thẳm.
Quan san vời vợi lấm hổ lang !
Cháu bé bên đường gầy gò gánh củi.
Bán chǎng được bao nhiêu,
cháu sống làm sao.
Lòng quặn đau,
trời Nam đâu đất hứa.
Nói chǎng nên lời,
nước mắt rơi rơi.*

Bài thơ như là lời kết về chính sách cai trị của Hoàng đế Càn Long.

11. Càn Long nhường ngôi

Năm 1795, Càn Long lập con thứ 15 là Gia Thân Vương Ngung Diễm làm Thái tử, tháng giêng năm sau cử hành lễ gọi là nội đan, trao quyền cho Ngung Diễm kế vị hiệu là Nhân Tông – Gia Khánh Hoàng đế.

Năm 1799, Thái Thượng hoàng Hoàng Lịch bị bệnh băng hà, thọ 89 tuổi.

SÁCH THAM KHẢO

SÁCH TIẾNG VIỆT

1. Trương Tự Văn – Nguyễn Thành Hà (biên dịch), *Vương triều và Hoàng đế Trung Quốc*, NXB Văn hoá – Thông tin, 2001.
2. La Quán Trung, Phan Kế Bính (biên dịch), *Tam quốc diễn nghĩa*, NXB Văn học, 1999.
3. Nguyễn Hiến Lê, *Sử Trung Quốc*, NXB Văn hoá, 1997.
4. Will Durant, Nguyễn Hiến Lê (biên dịch), *Lịch sử văn minh Trung Quốc*, Trung tâm thông tin Đại học Sư phạm, Thành phố Hồ Chí Minh, 1990.
5. Nguyễn Trọng Khanh, Phan Khánh Tài, *Thành Cát Tư Hãn và ngựa trắng chiến*, NXB Văn học, 1999.
6. Giản Chi – Nguyễn Hiến Lê (biên dịch), *Sử kí Tư Mã Thiên*, NXB Văn học, 1994.
7. Trần Sáng (Biên dịch), *Sách lược tranh hùng*, NXB Đồng Nai, 2003.

SÁCH TIẾNG TRUNG QUỐC

1. Hồ Đồng Hoa, *Trung Quốc lịch đại bạo quân*, Trung Quốc Văn Liên xuất bản xã, 2004.
2. Cao Tư Phương, *Trung Quốc thương hạ ngũ thiên niên* (thượng quyển, hạ quyển), Trung Quốc hí kịch xuất bản xã, 2004.
3. Tô Châu Chu, *Trung Quốc ngũ thập hậu phi lược truyện*, Ngọc thư đồ thư, 2004.
4. Hoa Phong, *Đông Hưng Nghiệp*, *Thập đại binh thư*, Hà Nam nhân dân xuất bản xã, 1996.
5. Mao Cao Điền, *Đế Vương càn khôn*, Trung Quốc xã hội, 1998.

MỤC LỤC

Lời nói đầu	3
<i>Chương một : NHÀ HẠ và NHÀ THƯƠNG TỔ TIỀN CỦA NHỮNG BẠO CHÚA</i>	5
1. VUA KIỆT - NHÀ HẠ	7
2. VUA TRỤ - NHÀ THƯƠNG	11
1. Tột cùng tàn bạo	11
2. Xa xỉ hưởng lạc	12
3. Hình phạt tàn khốc	13
4. Giết hại trung thần	13
5. Những dấu hiệu nhà Thương diệt vong	14
6. Cái chết của Trụ Vương và Đát Kỉ	15
<i>Chương hai : NHÀ TẦN</i>	16
1. DOANH CHÍNH - TẦN THUỶ HOÀNG	16
1. Thống nhất Trung Hoa	18
2. Mở mang bờ cõi	18
3. Tổ chức hành chính	18
4. Ngũ gia và thập gia	19
5. Thống nhất văn tự và đo lường	19
6. Thống nhất tư tưởng (đốt sách, chôn học trò)	19
7. Giết trọng phu, giết đại thần và giết em	21
8. Vạn lì trường thành	21
9. Kinh đô Hàm Dương	22
10. Cung A Phòng	23
11. Lăng Li Sơn	24
12. Hình phạt tàn khốc	24
13. Tha hổ sinh sát	25
14. Lao dịch	25
15. Cầu trường sinh bất tử	26
16. Cái chết của Tần Thuỷ Hoàng	26
2. HỒ HỢI - TẦN NHỊ THẾ	28
1. Làm giả di chiếu	28
2. Kế sách của Triệu Cao	30

3. Những cuộc tàn sát quy mô	30
4. Cách cai trị của Tần Nhị Thế	31
5. Triệu Cao thao túng triều chính	31
6. Triệu Cao mưu hại Lý Tư	32
7. Triệu Cao chỉ ngựa nói hươu	33
8. Ngày tàn của nhà Tần	34
Chương ba : NHÀ HÁN - MƯU SÂU KẾ ĐỘC	35
1. LƯU BANG - HÁN CAO TỔ	36
1. Lưu Bang chém rắn khởi nghiệp	36
2. Hạng Vũ, đối thủ của Lưu Bang	37
3. Lưu Bang muốn làm vua nước Tần	38
4. Hồng Môn đại yến, Hạng Vũ thả hổ về rừng	38
5. Lưu Bang đẩy con xuống xe mà chạy	39
6. Lưu Bang xin nước xáu	41
7. Cái chết của Hạng Vũ	41
8. Mưu sâu kế độc của Lưu Bang	42
9. Vinh quang của Đế Vương	46
10. Cái tài của Lưu Bang	47
11. Lưu Bang bỏ ngục Tiêu Hà	48
12. Anh Bố bị diệt, Lư Uyển chạy thoát	49
13. Giết ngựa trắng, lập lời thề	49
14. Tướng Phàn Khoái thoát chết	50
2. LƯU TRIỆT - HÁN VŨ ĐẾ	52
1. Một vị minh quân	52
2. Một bạo chúa	53
3. VƯƠNG BÔN - TÂN ĐẾ	59
1. Con đường tiến thân	59
2. Thật - giả lẩn lộn	61
3. Củng cố quyền lực hậu cung	62
4. Thanh trùng và củng cố quyền lực	63
5. Đến giờ hạ độc thủ	64
6. Khi Hoàng đế giả trở thành Hoàng đế thật	65
7. Có bốn người con, giết ba còn một	66
8. Biến pháp	66
9. Quá nhiều thổ địa	68

10. Chơi bời theo thời cổ	68
11. Gây chiến bốn phương	69
12. Hai kiểu chết	69
Chương bốn : NGỤY TẤN NAM BẮC TRIỀU - LÝ LUẬN CỦA KẺ MẠNH	71
1. TÀO PHI - TÀO NGỤY	72
1. Cuộc chạy đua đến ngai vàng	72
2. Lời trăng trối của Tào Tháo	74
3. Tào Phi nổi ngôi Tào Tháo	75
4. Tào Phi che miệng văn nhân trong thiên hạ	78
2. TÔN QUYỀN - NGÔ CHỦ	83
3. TÔN HẠO - TÔN MẬT ĐẾ	85
1. Tin phong thuỷ và bói toán	86
2. Ham mê nữ sắc	88
3. Tôn Hạo mặc áo sô đi cứu lửa	89
4. Chuyện hai cái ghế	90
4. THẠCH HỔ - NHÀ HẬU TRIỆU	91
5. PHÙ SINH - TIỀN TẨN	94
6. LƯU TỬ NGHIỆP - NHÀ TỔNG	96
7. TIÊU LOAN - TẾ MINH ĐẾ	98
8. TIÊU BẢO QUYỀN - NHÀ TẾ	99
1. Diệt Lục Quý	99
2. Du ngoạn	100
3. Xây dựng hậu cung	101
4. Cái "nhanh" của bạo chúa	101
9. HẦU CẢNH - HÁN LƯƠNG	102
1. Dẫn sói về nhà	102
2. Thần huỷ diệt	103
3. Cái chết của Hầu Cảnh	104
10. CAO DƯƠNG - BẮC TẾ	105
1. Giết tôn thất Bắc Ngụy	105

2. Cơn ghen của bạo chúa	106
3. Cách dạy con của bạo chúa	106
11. VŨ VĂN VÂN - BẮC CHU	107
1. Cha và thầy	107
2. Giết chú và thầy	108
3. Bày những chuyện hoang đường, phiền phức	108
4. Thiên trưởng	109
5. Dâm loạn	109
6. Nhuờng ngôi cho con	109
12. NHIỄM MÃN - NHIỄM NGUY	110
13. HÁCH LIÊN BỘT BỘT - NHÀ HẠ	111
1. Con đường đi đến Trường An	112
2. Xây thành quách	112
3. Khi bạo chúa không vừa ý	113
4. Con đánh lại cha	113
<i>Chương năm : NHÀ TUỲ - GIẾT NGƯỜI ĐỂ LẬP UY</i>	114
1. DƯƠNG KIÊN - NHÀ TUỲ	114
1. Hùng tài đại lược, sáng suốt, nhân từ, tiết kiệm	115
2. Phía sau ngai vàng	117
3. Phía sau những cuộc Nam chinh - Bắc chiến	118
4. Luật bất thành văn	118
5. Tiết kiệm vật chất nhưng phung phí xương máu	119
6. Thực và giả	120
7. Đời sống của người làm quan	121
2. DƯƠNG QUẢNG - TUỲ DẠNG ĐẾ	122
1. Giết cha và giết anh	122
2. Dời đô đến Lạc Dương	123
3. Xây dựng Tây Uyển	123
4. Đẳng cấp người đẹp	124
5. Những cuộc tuần du	124
6. Chiến tranh với Cao Li	129
7. Cái chết của Tuỳ Dạng Đế	131

Chương sáu : NHÀ ĐƯỜNG - NỮ BẠO CHÚA	132
VÕ TẮC THIÊN - THÁNH THẦN HOÀNG ĐẾ	132
1. Con đường đi đến ngôi Hoàng hậu	132
2. Từ Hoàng hậu đến Nhị thánh	135
3. Từ Nhị thánh đến Hoàng đế	135
4. Tay chân Võ Tắc Thiên	137
5. Tàn sát tôn thất họ Lý	140
6. Ai thuận thì sống, ai nghịch thì chết	141
7. Vắt chanh bỏ vỏ	141
8. Thời Trinh quán chi trị	141
9. Xây cung thất, chùa chiền	142
10. Lúc về chiều	142
11. Tấm bia không chữ	143
Chương bảy : NGŨ ĐẠI THẬP QUỐC -TÀN BẠO CHẲNG BẾN BỜ	144
1. CHU ÔN - LƯƠNG THÁI TỔ NHÀ HẬU LƯƠNG	145
1. Những nấc thang băng máu	145
2. Giết luôn hai vua	146
3. Giết người diệt khẩu	146
4. Cha chồng và con dâu	147
5. Cha con cãi vã	147
2. LÝ TỔN HÚC - NHÀ HẬU ĐƯỜNG	148
1. Con đường quyền lực	148
2. Tin dùng linh nhân	149
3. Săn lùng người đẹp	150
4. Giết công thần	150
5. Chết vì chén sữa	150
3. NHỮNG HOÀNG ĐẾ NƯỚC MÂN	151
1. Vương Diên Hàn và Thuỷ Tinh Cung	151
2. Vương Diên Quân và Trường Xuân cung	151
3. Vương Kế Bằng và cung Tử Vi	152
4. Hết thuốc chữa	153
4. NHỮNG HOÀNG ĐẾ NHÀ HẬU HÁN	154
1. Lưu Nham	154
2. Khi vua làm xiếc	156

<i>Chương tám : TỔNG - LIÊU - HẠ - KIM - NGUYÊN KHÚC BI CA CỦA NGƯỜI HÁN</i>	157
1. TRIỆU KHUÔNG DẬN - BẮC TỔNG	158
1. Trần Kiều binh biến	158
2. Chén rượu giải binh quyền	160
3. Bữa tiệc hoa viên	162
4. Tập trung quyền lực	163
5. Một võ tướng yêu văn và giỏi kinh tế	163
6. Võ về biên giới - thôn tính các nước	163
7. Hoàng đế và con cáo	164
2. TRIỆU CÁT - TỔNG HUY TỔNG	164
1. Cựu và tân đảng	164
2. Hoàng đế nghệ sĩ	165
3. Hoàng đế trở thành giáo chủ	165
4. Xây dựng các công trình	167
5. Cách chi tiêu của bậc Đế Vương	168
6. Tài sản của Sái Kinh, Chu Miễn	169
7. Nước Kim đánh Bắc Tống	170
8. Từ giáo chủ đến tù nhân	171
3. GIA LUẬT CẢNH - NHÀ LIÊU	171
1. Săn thiên nga và hươu	172
2. Vua ma men	172
3. Vua ngủ	172
4. Quý hươu hơn mạng người	172
5. Thuốc gan người mong trường thọ	173
6. Gây nhiều thù oán	173
4. GIA LUẬT HỒNG CƠ - NHÀ LIÊU	174
1. Tin dùng tay chân	174
2. Tay chân phản bội	176
5. LÝ NGUYÊN HẠO - TÂY HẠ	176
6. HOÀN NHAN LƯỢNG - NHÀ KIM	178
1. Cướp lại sợ cướp	178
2. Những cải cách ban đầu	179
3. Hết những phút ban đầu	179

4. Thích gây chiến	180
5. Khi hổ lia rừng	180
7. THÀNH CÁT TƯ HÃN - NHÀ NGUYÊN	181
1. Đánh bại từng kẻ thù	181
2. Cách tổ chức quân đội	182
3. Tạc Gô Đài - cái bình đựng rượu	184
4. Bai Bu Ka và cái thớt thịt cừu	185
5. Dòm ngó các nước chung quanh	189
6. Cuộc tranh hùng giữa Thành Cát Tư Hãn với "Cái bóng của Allah" trên mặt đất	192
7. Thành Cát Tư Hãn về đỉnh núi thiêng	202
8. HỐT TẤT LIỆT - NGUYÊN THẾ TỔ	204
1. Thống nhất đất nước	204
2. Tổ thuật biến thông	205
3. Chế độ nô lệ	206
4. Đầu người Hán và đầu con lừa	207
5. Lưu đày trên quê hương	208
6. Nhà Nho và ăn mày	209
7. Gây cuộc binh đao	210
<i>Chương chín : NHÀ MINH - BÓC LỘT TRIỆT ĐỂ</i>	211
1. CHU NGUYÊN CHƯƠNG - MINH THÁI TỔ	211
1. Thống nhất Trung Quốc	211
2. Cải cách và chính sách quý dân	212
3. Diệt trừ tham ô, bớt xén và báo cáo láo	213
4. Văn tự ngực	215
5. Đánh dòn các quan chức	222
6. Những vụ án các đại thần	223
7. Việc phế lập và lo xa	225
8. Cẩm y vệ	225
2. CHU ĐỆ - MINH THÀNH TỔ	226
1. Thanh trừng nội cung	226
3. Giết các đại thần tay chân của Hiến Văn Đế	227
4. Vụ án Phương Hiếu Nhị	229
5. Cách giết một nhà văn	231
6. Giết ni cô, nữ đạo sĩ	232

7. Tu sửa cung điện, xây thành Bắc Kinh	232
8. Về già đổi tính	232
9. Bắc phạt	233
3. CHU HẬU CHIẾU - MINH VŨ TÔNG	233
1. Tám con cọp dữ	233
2. Từ Bát hổ đến Báo phòng	237
3. Vung tay quá trán	238
4. Tu sửa cung điện	239
5. Những cuộc du ngoạn	240
6. Sắp chết mới ngán	242
4. CHU HẬU THÔNG - MINH THẾ TÔNG	243
1. Tướng là minh quân	243
2. Nội các, sáu bộ và các quan chức	244
3. Chuyện ngàn năm mới có	245
4. Ba bà Hoàng hậu	247
5. Chiếm đất đai	248
6. Tu sửa, xây cất	248
7. Diệt trừ Phật giáo	249
8. Thần tiên và thuật trường sinh	250
9. Mua quan tài trước, can gián sau	251
5. CHU DỤC QUÂN - MINH THẦN TÔNG	252
1. Thầy dạy bậc Đế Vương	252
2. Tài năng vị thầy	252
3. Trò trả ơn thầy	253
4. Ba mươi năm một lần lâm triều chớp nhoáng	254
5. Quốc loạn và vụ án Đinh kích	256
6. Chính quyền không có quan lại	256
7. Thuế khoáng	257
8. Biên cương không còn an toàn	259
9. Những căn bệnh của Đế Vương	260
6. CHU DO KIỂM - MINH TƯ TÔNG	261
1. Cái chết của một tướng tài	263
2. Cái chết của gia đình Đế Vương	264

<i>Chương mười : NHÀ THANH -</i>	
<i>TIÊU DIỆT TỪ THỂ XÁC ĐẾN TINH THẦN</i>	265
1. NHĨ NỔ HỢP XÍCH - THANH THÁI TỔ	266
1. Con đường tranh giành quyền lực	268
2. Chinh phục các dân tộc	269
3. Chiêu hàng tướng nhà Minh - Lý Vĩnh Phương	270
4. Trận chiến Tác Nhĩ Hử	270
5. Xâm chiếm nhà Minh	273
6. Cái chết của Nhĩ Nổ Hợp Xích	276
2. DẬN CHÂN - THANH THẾ TÔNG	276
1. Mười tội trạng	277
2. Sự thật của mười tội trạng	277
3. Coi các em là chó, là heo	278
4. Trừng trị con trai trưởng	279
5. Giết Niên Canh Nghiêu và Long Khoa Đa	279
6. Văn tự ngục	281
7. Vụ án Lữ Lưu Lang, Tăng Tĩnh, Trương Hi	284
8. Ung Chính băng hà	286
3. CÀN LONG - THANH CAO TÔNG	286
1. Hoang dâm háo sắc	287
2. Những cuộc tuần du	287
3. Quá nhiều lỗ lược	289
4. Xây dựng các công trình	292
5. Những vụ án văn tự	295
6. Thiêu huỷ, cải biên sách vở	299
7. Tập đoàn tham ô Hoà Thân	299
8. Chiến tranh liên miên	301
9. Kho tàng cạn kiệt	303
10. Đời sống dân chúng	303
11. Càn Long nhường ngôi	304
SÁCH THAM KHẢO	305

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :

Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh
VŨ BÁ HOÀ

Biên tập nội dung :

NGUYỄN VĂN HÂN

Biên tập mĩ thuật :

XUÂN VINH

Trình bày bìa :

HÀ TUỆ HƯƠNG

BẠO CHÚA TRUNG HOA

Mã số: PNK03b8-TTS

In 3.000 cuốn (QĐ 38TK) khổ 14,3 x 20,3cm, tại Công ty TNHH In Thanh Bình.

Số in: 11-2008. Số xuất bản: 11-2008/CXB/824-2097/GD

In xong và nộp lưu chiểu tháng 8/2008.

CÙNG TÁC GIẢ
Nhà xuất bản Giáo dục giới thiệu

- | | |
|---|-------------|
| 1. Mưu hay và kế lạ thời Đông Chu | ĐÔNG A SÁNG |
| 2. Bạo chúa Trung Hoa | ĐÔNG A SÁNG |
| 3. Thuật dùng người trong lịch sử Trung Hoa | ĐÔNG A SÁNG |
| 4. Thuật sống của người Trung Hoa | ĐÔNG A SÁNG |
| 5. Gian thần Trung Hoa - Hòa Thân | ĐÔNG A SÁNG |

